

Nobel Văn chương 2016



CÀNH CỬA MỞ RỘNG

TỦ SÁCH HỢP TÁC  
VỚI NHÀ TOÁN HỌC **NGÔ BẢO CHÂU**  
VÀ NHÀ VĂN **PHAN VIỆT**

# lũ mục đồng

tập truyện ngắn



**Ebolic**  
Nhà xuất bản trẻ



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Mondo et autres histoires

**J.M.G Le Clézio**

Hoàng Anh - Duy Anh - Thanh Thảo dịch

Tác phẩm: **Lũ mực đồng**  
Nguyên tác: **Mondo et autres histoires**  
Thể loại: **Tuyển tập truyện ngắn**  
Tác giả: **J. M. G. Le Clézio**  
Dịch giả: **Hoàng Anh, Quỳnh Anh & Thu Hồng**  
Nhà xuất bản: **Trẻ**  
Năm xuất bản: **2/2016**



**Dự án Ebolic #59**

Ngày hoàn thành: **31/3/2018**

# MỤC LỤC

MONDO

LULLABY

NÚI CỦA THÁNH SỐNG

BÁNH XE NƯỚC

CẬU BÉ CHƯA BAO GIỜ THẤY BIỂN

XỨ HAZARAN

NGƯỜI CỦA TRỜI

LỮ MỤC ĐỒNG

“Trang sách chính là cửa sổ mở sang những cuộc đời khác, những thế giới khác. Và cũng là chỗ để ánh sáng mặt trời rọi vào cuộc đời mình.”

Nhà toán học Ngô Bảo Châu

Đẹp đẽ và ám ảnh, những câu chuyện trong tập truyện ngắn này nói lên cái ham muốn của nhân loại hướng tới một cuộc sống vượt lên trên những kìm kẹp và cạm bẫy của sự sinh tồn hiện đại. Những đứa trẻ trong mỗi câu chuyện có thể thấy và trân quý những tạo hóa của tự nhiên với sự ngưỡng mộ và lòng ham hiểu biết. Mondo là một cậu bé có liên hệ với vẻ đẹp trong vạn vật liên kết cái thị trấn nhỏ miền biển. Cô bé Petite Croix “*biết rõ một chuyện gì đó sẽ xảy ra. Mỗi ngày chờ đợi nó, ở cùng chỗ, ngồi trên mặt đất cứng, chỉ dành cho nó thôi*” lúc nào cũng hỏi một câu: “Xanh là gì vậy?” Daniel trốn học để đi tìm biển cả. Tất cả những đứa trẻ này, giống như con dê trong câu chuyện cuối cùng, đều biết “rất rất, nhiều thứ, không phải những thứ ta tìm thấy trong sách vở, những thứ mà con người thường hay nhắc tới, đó là những thứ dịu dàng mà mạnh mẽ, chứa đầy vẻ đẹp và sự huyền bí.” Và cuối cùng, có lẽ chúng ta cũng sẽ hiểu những thứ ấy.

Khi trao giải Nobel Văn chương năm 2008, Viện Hàn lâm Thụy Điển đã ca ngợi J. M. G. Le Clézio là “tác giả của những hành trình mới, của những chuyến phiêu lưu đầy chất thơ và khoái cảm trần tục, người khai phá cái nhân văn bên dưới và vượt ra ngoài nền văn minh thống trị.” Cái nhân văn được Le Clézio khai phá trong tập truyện ngắn này được biểu hiện qua con mắt của những đứa trẻ. Thế giới trong Lũ mục đồng là thế giới tự nhiên bị đẩy đến tận cùng giới hạn bởi cái hiện đại tự mãn và vô cảm.

# MONDO

Không ai có thể khẳng định được Mondo đến từ đâu. Một ngày nọ thằng bé bỗng xuất hiện ngay ở đây, trong thành phố của chúng tôi, mà chẳng ai nhận ra. Thế rồi chúng tôi quen dần với nó. Đó là một thằng bé chừng mười tuổi, có khuôn mặt tròn quay và bình thản, đôi mắt đen hơi xếch. Nhưng chính mái tóc của nó mới là thứ khiến người ta chú ý. Mái tóc màu nâu xám đổi màu tùy theo ánh sáng và gần như xám hẳn khi trời tối.

Người ta chẳng biết gì về gia đình hay nhà cửa của thằng bé. Hình như nó không nhà không cửa. Bao giờ cũng vậy, khi người ta không hề mong đợi và nghĩ đến thằng bé, thì nó lù lù xuất hiện nơi góc đường, gần bãi biển hoặc trên quảng trường nơi họp chợ. Nó đi một mình, vẻ quả quyết, vừa đi vừa quan sát xung quanh. Mondo luôn bận đồ theo cùng một kiểu, quần jean xanh, giày tennis và chiếc áo thun rộng thùng thình.

Khi thằng bé đi đến chỗ bạn, nó sẽ nhìn thẳng vào bạn, đôi mắt hí của nó sẽ trở thành hai cái khe lấp lánh. Đó là cách nó chào người khác. Khi nó thấy ưa ai đó, nó sẽ chặn người ta lại rồi hỏi thẳng:

— Bác có muốn nuôi cháu không?

Và trước khi người ta kịp định thần thì nó đã đi rất xa.

Thằng bé đến đây làm gì, trong thành phố này? Có lẽ nó đến đây sau khi đã chu du rất lâu trong khoang của một con tàu chở hàng, hoặc trong toa của một chuyến tàu chợ rong ruổi chạy từ nước này qua nước khác, hết ngày này sang đêm nọ. Có lẽ thằng bé đã quyết định dừng lại khi nhìn thấy mặt trời và mặt biển, những ngôi nhà màu trắng và các khu vườn cọ. Chỉ chắc chắn một điều là nó đến từ một nơi rất xa, ở bên kia núi, bên kia biển. Chỉ cần nhìn thôi người ta đã biết nó không phải người ở đây và nó đã đi qua nhiều đất nước. Nó có ánh mắt đen láy, nước da màu đồng, bước đi nhẹ nhàng êm ru và hơi ngang, giống như mấy con chó. Nhưng trên hết nó có

một sự tao nhã và tự tin mà những đứa trẻ bình thường ở tuổi của nó không có được, nó thích đặt những câu hỏi lạ lùng giống như những câu đố. Tuy vậy nó không biết đọc cũng chẳng biết viết.

Thằng bé đến thành phố của chúng tôi hồi trước hè. Trời lúc đó đã nóng dữ lắm, đêm nào cũng có mấy vụ hỏa hoạn trên các ngọn đồi. Vào buổi sáng, bầu trời xanh ngắt một màu, đều đặn, láng căng, không một gợn mây. Gió thổi vào từ ngoài biển, một thứ gió vừa khô vừa nóng làm đất ráo hoảnh và lửa bùng lên. Hôm đó là ngày họp chợ. Mondo đến ngay chỗ đó và bắt đầu đi vòng quanh mấy chiếc xe tải màu xanh của những người bán rau. Thằng bé lập tức tìm được việc làm, vì họ luôn cần người phụ bưng bê các thùng rau củ.

Mondo phụ việc cho một chiếc xe tải nhẹ, sau đó khi đã xong việc, người ta cho thằng bé vài đồng và nó đi sang một chiếc xe tải khác. Các tiểu thương ở chợ biết thằng bé rất rõ. Nó đến chợ đúng giờ để bảo đảm có việc, rồi khi mấy chiếc xe tải xanh bắt đầu xuất hiện, người ta trông thấy và gọi tên nó:

— Mondo! Mondo ơi!

Khi chợ đã dẹp, Mondo hay đi lượm đồ. Nó len lỏi qua các sạp hàng, nhặt nhanh những thứ rơi vãi dưới đất: táo, cam, chà là. Cũng có những đứa trẻ đi kiếm đồ và cả những người lớn tuổi đi nhặt xà lách, khoai tây thừa. Các tiểu thương rất thích Mondo, nhưng họ không bao giờ nói với thằng bé. Thành thạo, bà bán trái cây mập mập tên Rosa còn cho nó táo hoặc chuối đang bày trên sạp của mình. Khu chợ rất ồn ào, lũ ong bay vù vù trên những đồng chà là và nho khô.

Mondo ở lại chợ cho đến khi những chiếc xe tải nhẹ màu xanh đã ra đi. Thằng bé chờ người rửa đường, vốn là bạn nó. Đó là một người đàn ông cao gầy, mặc bộ đồ bảo hộ màu xanh dương. Mondo rất thích nhìn chú ấy điều khiển vòi tưới nước, nhưng nó không bao giờ nói chuyện với chú. Người rửa đường chĩa tia nước vào rác rưởi, khiến chúng chạy trước chú như lũ gia súc và làm bốc lên không trung một đám mây bụi nước. Âm thanh phát ra tựa

như tiếng giông bão sấm sét, còn nước thì chảy lênh láng trên mặt đường, và người ta có thể thấy cầu vồng lơ mờ ẩn hiện phía trên những chiếc xe hơi đang đậu. Chính vì vậy mà Mondo là bạn của người rửa đường. Thăng bé thích những giọt nước li ti bay lên rồi lại rơi xuống các thùng xe và kính chắn gió. Người rửa đường cũng rất thích Mondo, nhưng chú không bao giờ nói với nó. Hơn nữa, hai người cũng chẳng thể nói gì nhiều với nhau do tiếng ồn của vòi nước. Mondo nhìn đoạn ống nước dài màu đen ngoằn ngoèo như con rắn. Nó rất muốn phun nước thử, nhưng nó không dám xin người rửa đường đưa vòi nước cho mình. Ngoài ra, có lẽ nó sẽ không đủ sức để đứng vững, vì dòng nước phun rất mạnh.

Mondo đứng nguyên tại chỗ cho đến khi người rửa đường đã kết thúc công việc. Những giọt nước li ti rơi xuống khuôn mặt chú, làm ướt tóc chú, giống như một làn hơi ẩm dễ chịu. Khi đã xong việc, chú tháo ống nước và đi sang chỗ khác. Thế là luôn có những người mới đến trông thấy mặt đường ướt nhẹp và tự hỏi:

— Ủa? Trời mới mưa sao?

Sau đó, Mondo đi ngắm biển, những ngọn đồi bốc cháy, hoặc đi tìm những người bạn khác.

Vào những ngày ấy, thực sự thăng bé không sống ở nơi nào cả. Nó ngủ trong những cái hốc trú ẩn ở cạnh bãi biển hoặc thậm chí xa hơn, trong những mòm đá trắng cạnh lối ra của thành phố. Đó là những chỗ nấp lý tưởng mà không ai có thể tìm thấy nó. Cảnh sát và các nhân viên bảo trợ xã hội không thích những đứa trẻ sống như thế, tự do thoải mái, ăn bất cứ thứ gì và ngủ bất cứ nơi đâu. Nhưng Mondo rất khôn lanh, nó biết khi nào người ta đi tìm mình và không xuất đầu lộ diện.

Khi không có nguy hiểm, thăng bé dạo chơi cả ngày trong thành phố, vừa đi vừa nhìn những người qua lại. Nó thích lang thang vô định, vòng qua một góc đường, rồi một góc nữa, chọn đường tắt, dừng chân ít lâu trong một công viên, rồi lại lên đường. Khi nhìn thấy ai đó mà nó ưa, nó sẽ tiến về phía người đó và bình thản nói:

— Cháu chào bác. Bác không muốn nhận nuôi cháu ạ?

Cũng có những người muốn làm thế, vì Mondo có vẻ rất ngoan, với cái đầu tròn và đôi mắt sáng. Nhưng chuyện đâu có dễ vậy. Người ta không thể cứ thế mà nhận con nuôi ngay được. Đầu tiên người ta phải hỏi thẳng bé về tên, tuổi, địa chỉ nhà, rồi bố mẹ ở đâu, mà Mondo thì không thích lắm những câu hỏi đó. Nó đáp:

— Cháu không biết, cháu không biết.

Rồi nó chạy đi.

Chỉ cần đi qua các đường phố, Mondo cũng tìm được khá nhiều bạn bè. Nhưng nó không nói chuyện với tất cả mọi người. Đó không phải là những người bạn để trò chuyện, hoặc để chơi cùng. Đó là những người bạn để chào hỏi khi đi ngang qua, thật nhanh, với một cái nháy mắt hoặc một cái vẫy tay từ xa, từ bên kia đường. Đó cũng là những người bạn để có cái ăn, giống như bà bán bánh mì ngày nào cũng cho nó một mẫu bánh mì. Bà có khuôn mặt đứng tuổi hồng hào, rất cân đối và nhẵn mịn như một bức tượng Ý. Bà cũng có một cái tên Ý là Ida, và Mondo rất thích bước vào trong hiệu bánh của bà. Thỉnh thoảng nó phụ bà giao bánh mì cho các tiểu thương buôn bán gần đó. Khi thẳng bé quay lại, bà cắt cho nó một khoanh bánh mì tròn lớn, bọc giấy sáp hần hoi. Mondo không bao giờ hỏi xem bà có muốn nhận nuôi mình không, có lẽ vì nó thực sự rất thích bà và điều đó làm nó e ngại.

Mondo đi chậm rãi ra biển, vừa đi vừa nhai mẫu bánh mì. Nó bẻ từng miếng nhỏ để được lâu hơn, bước đi và ăn không gấp gáp. Hình như trong những ngày ấy thẳng bé sống chủ yếu bằng bánh mì. Nhưng nó vẫn chưa một ít vụn cho đám mòng biển bạn mình.

Phải qua nhiều con đường, quảng trường, công viên, trước khi người thấy được mùi biển. Thật đột ngột, nó xuất hiện trong gió, cùng với âm thanh đơn điệu của những con sóng.

Ở cuối công viên có một quầy bán báo. Mondo dừng chân và chọn một cuốn họa báo. Nó lưỡng lự giữa nhiều câu chuyện về Akim, nhưng cuối cùng nó mua một truyện Kit Carson. Mondo chọn Kit Carson vì hình vẽ thể

hiện anh ta trong chiếc áo khóa tua rua nổi tiếng. Sau đó, thằng bé tìm một băng ghế để đọc. Việc này không dễ dàng, vì trên băng ghế đó phải có một ai đó có thể đọc phần lời của mẫu truyện tranh về Kit Carson. Đã gần mười hai giờ trưa, đây là lúc thích hợp vì luôn có vài bác hưu trí ngành Bưu điện đang ngồi hút thuốc và chán đời. Khi Mondo tìm được một bác, nó ngồi xuống cạnh người đó trên băng ghế, rồi xem tranh trong khi nghe đọc truyện. Một người da đỏ đứng khoanh tay nói trước mặt Kit Carson:

“Đã qua mười con trắng, bộ tộc của tôi chịu hết nổi rồi. Chúng tôi sẽ đào lưỡi rìu của Tiên nhân lên!”

Kit Carson giơ tay lên.

“Đừng nghe lời cơn giận dữ của mình, Ngựa điên à. Không lâu nữa chúng tôi sẽ trả lại công lý cho ông.”

“Muộn rồi,” Ngựa điên đáp. “Nhìn đi!”

Ông ta chỉ vào các chiến binh đang tập hợp dưới chân đồi.

“Bộ tộc của tôi đã nghe đủ rồi. Chiến tranh sẽ bắt đầu, các anh sẽ chết, và cả anh cũng sẽ chết, Kit Carson!”

Các chiến binh làm theo lệnh của Ngựa điên, nhưng Kit Carson hất ngã bọn họ chỉ bằng một cú đấm và tẩu thoát bằng con ngựa của mình. Anh ta còn quay lại và thét bảo Ngựa điên:

“Tôi sẽ quay lại, và chúng tôi sẽ trả lại công lý cho ông!”

Khi Mondo đã nghe xong câu chuyện về Kit Carson, nó nhận lại tờ báo và cảm ơn bác hưu trí.

— Tạm biệt cháu! – Bác hưu trí nói.

— Tạm biệt bác! – Mondo đáp.

Mondo đi nhanh đến tận doi đất vươn ra giữa biển. Thằng bé nhìn mặt biển một lúc, mắt nhắm lại để không bị chói nắng. Bầu trời rất xanh, không một gợn mây, những con sóng nhỏ sáng lấp lánh.

Mondo bước xuống cầu thang nhỏ dẫn tới bãi bê tông chắn sóng. Nó rất thích địa điểm này. Con đê chắn sóng rất dài và đầy ắp những tảng bê tông chữ nhật. Ở cuối con đê là một ngọn hải đăng. Bầy chim biển lướt đi trong gió, chao liệng, chậm chạp đổi hướng và phát ra những tiếng ré như lũ trẻ con. Chúng bay phía trên Mondo, lướt qua đầu thằng bé và cất tiếng gọi nó. Mondo tung chỗ vụn bánh mì lên cao nhất có thể, trong khi những con chim biển vừa bay vừa chụp lấy.

Mondo thích đi dạo ở đây, trên đê chắn sóng. Thằng bé vừa nhảy từ tảng bê tông này sang tảng bê tông khác vừa đưa mắt nhìn biển. Nó cảm nhận làn gió mơn man trên má phải, thổi tung món tóc mai. Mặt trời rất nóng dù có gió thổi. Sóng biển vỗ vào chân những tảng bê tông làm bụi nước bắn tung lên trong nắng.

Thình thoảng, Mondo dừng lại để ngắm nhìn bờ biển. Lúc này nó đã ở khá xa, một dải băng nâu rải rác những hình hộp nhỏ màu trắng. Bên trên các ngôi nhà là những ngọn đồi màu xanh xám. Khói từ các đám cháy bốc lên ở vài nơi tạo thành một mảng kỳ dị trên trời. Nhưng nhìn từ đây thì không thấy ngọn lửa.

— Mình phải tới đó để coi mới được. — Mondo nói.

Nó hình dung những ngọn lửa đỏ khổng lồ nuốt lấy các bụi cây và cánh rừng sồi, bần. Nó cũng hình dung ra những chiếc xe chữa cháy dừng trên đường, vì nó rất thích những chiếc xe màu đỏ.

Ở phía tây, cũng có một thứ giống như đám cháy trên biển, nhưng đó chỉ là hình ảnh phản chiếu của mặt trời. Mondo đứng yên, cảm nhận những tia lửa nhỏ nhảy nhót trên mí mắt, sau đó tiếp tục nhảy trên con đường bê tông chắn sóng.

Mondo biết rất rõ mọi tảng bê tông, chúng giống như những con thú lớn đang ngủ, nằm chìm một nửa trong nước và sưởi ấm bản lưng rộng dưới ánh nắng. Chúng có những dấu hiệu tức cười khắc trên lưng, các vết màu nâu, đỏ, những vỏ ốc vỡ sò khảm trong lớp xi măng. Dưới chân đê, nơi sóng biển đập vào, tảo lục tạo thành một tấm thảm, và có những cộng đồng động

vật thân mềm vỏ trắng. Mondo biết đặc biệt rõ một tảng bê tông ở phía gần cuối đê. Đó là nơi nó luôn ngồi lại, nơi mà nó thích nhất. Đó là một tảng bê tông hơi nghiêng nhưng không quá dốc, lớp xi măng đã mòn, rất êm. Mondo ngồi trên đó, vắt chéo chân, rồi cất tiếng thật khẽ, để chào nó. Thịnh thoảng Mondo còn kể chuyện cho nó nghe để giải khuây, vì chắc chắn tảng bê tông rất chán do cứ phải ở lì một chỗ hoài mà không thể đi đâu được. Thế nên thằng bé kể cho nó nghe về những chuyến đi, về những chiếc thuyền và biển cả, về những con cá voi đồ sộ dưới biển cứ chậm rãi đi từ cực này sang cực kia trái đất. Tảng bê tông không nói gì, cũng không nhúc nhích, nhưng rất thích những câu chuyện mà Mondo kể. Chắc chắn vì vậy nên nó mới êm đến thế.

Mondo ngồi thật lâu trên tảng bê tông của mình để nhìn mặt biển lấp lánh và lắng nghe tiếng của những con sóng. Khi mặt trời nóng hơn vào lúc cuối chiều, nó nằm cuộn mình, má tựa vào lớp xi măng ấm, và chợp mắt một chút.

Vào một trong những buổi chiều ấy, thằng bé đã làm quen với lão ngư Giordan. Mondo nghe thấy qua lớp xi măng tiếng bước chân của ai đó trên những tảng bê tông. Nó ngồi dậy, tỉnh trở đi, nhưng rồi trông thấy người đàn ông chừng năm mươi tuổi vác chiếc cần câu dài trên vai, và nó không thấy sợ ông ta. Người đàn ông đi đến tảng bê tông kế cận và phác một cử chỉ thân thiện.

— Cháu làm gì ở đây thế?

Ông ngồi xuống tảng bê tông chắn sóng, rút từ trong chiếc túi vải đầu các loại dây câu và lưỡi câu. Khi ông già bắt đầu câu cá, Mondo đến bên cạnh ông, trên tảng bê tông, và nhìn ông chuẩn bị lưỡi câu. Lão ngư dân chỉ cho thằng bé cách thức gắn mồi, rồi cách vung câu, lúc đầu chậm rãi, sau đó càng lúc càng mạnh khi sợi dây câu nhả ra. Ông cho Mondo mượn cái cần để nó học cách quay ống cuộn dây câu với một thao tác liên tục, vừa làm vừa đưa cần nhẹ nhàng sang trái rồi sang phải.

Mondo rất thích lão ngư Giordan, vì ông chẳng bao giờ hỏi nó gì hết. Ông có khuôn mặt đỏ đần vì nắng, hằn sâu nhiều nếp nhăn, và hai con mắt nhỏ xíu với màu xanh lục đậm đến ngạc nhiên.

Ông già câu cá rất lâu trên con đê chắn sóng, cho đến khi mặt trời xuống gần đường chân trời. Ông Giordan không nói nhiều, chắc là để không làm lũ cá hoảng sợ, nhưng ông cười vang mỗi khi câu được cá. Ông tháo lưỡi câu khỏi hàm cá với những thao tác gọn gàng chính xác, rồi cho chiến lợi phẩm vào chiếc túi vải dầu. Thịnh thoảng Mondo đi tìm những con cua xám để ông làm mồi. Thằng bé trèo xuống chân đê và rình giữa những cụm tảo. Khi sóng biển rút, những con cua nhỏ màu xám chui ra, và nó dùng tay chộp lấy. Ông Giordan đập bọn cua vào tảng bê tông rồi cắt nhỏ chúng bằng một con dao nhíp han gỉ.

Một hôm, hai người trông thấy một con tàu chở hàng màu đen đang lướt đi êm ái trên mặt biển, cách đó không xa lắm.

— Nó tên gì vậy ông? – Mondo hỏi.

Lão ngư Giordan khum tay, nheo mắt quan sát.

— Eritrea. – Ông đáp, và ngạc nhiên nói tiếp. – Mắt cháu kém nhỉ.

— Không phải thế đâu ông ời. – Mondo nói. – Cháu không biết đọc.

— Vậy sao?

Hai người quan sát chiếc tàu hàng đang di chuyển một hồi lâu.

— Nó có nghĩa là gì ạ? Tên của con tàu ấy. – Mondo hỏi.

— Eritrea hả? Đó là tên của một đất nước nằm ở Châu Phi, bên bờ biển Đỏ.

— Cái tên dễ thương ghê. – Mondo nói. – Chắc đó là một đất nước rất đẹp.

Thằng bé ngẫm nghĩ một lúc.

— Mà cái biển ở đó tên là biển Đỏ hả ông?

Lão ngư Giordan bật cười:

— Cháu tin là biển ở đó thật sự có màu đỏ à?

— Cháu không biết. – Mondo đáp.

— Khi mặt trời lặn, nước biển chuyển sang màu đỏ, đúng vậy. Nhưng nó có cái tên như vậy là do những người sống ở đó trước đây.

Mondo nhìn chiếc tàu hàng đang đi xa dần.

— Chắc chắn nó đi tới đó, tới Châu Phi.

— Xa đấy. – Lão ngư Giordan nói. – Ở đó nóng lắm, nắng rất gắt, bờ biển giống như sa mạc vậy.

— Ở đó có cây cọ không ông?

— Có chứ, có cả những bãi cát dài thật dài nữa. Vào ban ngày, nước biển xanh ngắt, có rất nhiều con thuyền đánh cá nhỏ có găng buồm dạng cánh. Chúng đi dọc theo bờ biển, từ làng này qua làng khác.

— Vậy là người ta có thể ngồi trên bờ biển và ngắm những chiếc thuyền chạy qua? Người ta ngồi trong bóng mát, kể chuyện cho nhau nghe trong khi quan sát tàu thuyền trên biển hả ông?

— Người ta phải làm việc, họ vá lưới, đóng những cái bảng kẽm lên vỏ của các con tàu nằm trên bờ. Bọn trẻ con đi tìm củi và nhóm lửa trên bãi biển để làm nóng thứ nhựa dính được dùng để trét vào các vết nứt trên thân thuyền.

Lúc này lão ngư Giordan không quan sát sợi dây câu của mình nữa. Ông nhìn ra xa, về phía chân trời, như thể đang tìm cách để nhìn thấy tất cả những cảnh đó.

— Ở biển Đỏ có cá mập không ông?

— Có chứ, luôn có một hoặc hai con cá mập bám theo tàu bè, nhưng người ta đã quen với chuyện đó, họ không để ý tới chúng.

— Chúng có hung dữ không ạ?

— Cá mập cũng giống như lũ cáo, cháu biết đấy. Chúng luôn đi tìm những thứ rác rưởi rơi xuống nước, hoặc thứ gì đó để chồm chìa. Nhưng

chúng không ác.

— Chắc nó phải lớn lắm, biển Đỏ ấy. – Mondo nói.

— Ờ, nó lớn lắm... Có rất nhiều thành phố bên bờ biển, những hải cảng với nhiều cái tên như Balluh, Barasal, Debba,... Massawa là một thành phố lớn tuyền màu trắng. Những chiếc thuyền chạy dọc bờ biển ở khoảng cách xa, chúng đi suốt ngày suốt đêm, ngược lên phía bắc, đến tận Ras Kasar, hoặc tiến về phía những hòn đảo, đến Dahlak Kebir thuộc quần đảo Nora, thậm chí đôi khi chúng đi đến tận đảo Farasan ở phía bên kia biển.

Mondo rất thích những hòn đảo.

— Đúng rồi, ở đó có rất nhiều đảo, những hòn đảo có núi đá màu đỏ và bãi cát, trên đảo có cây cọ!

— Vào mùa mưa sẽ có bão, gió mạnh tới nỗi thổi bật gốc những cây cọ và tốc mái nhà cửa.

— Thế tàu bè có bị chìm không ạ?

— Không, người dân trú bão ở nhà, không ai ra biển hết.

— Nhưng chuyện đó không kéo dài.

— Trên một hòn đảo nhỏ, có một người ngư dân sống cùng với gia đình mình. Họ ở trong một ngôi nhà lợp lá cọ, bên bờ biển. Con trai cả của người ngư dân đã lớn, cậu bé chắc là trạc tuổi cháu. Cậu theo tàu đi cùng với cha và buông lưới đánh cá ngoài biển. Khi cậu kéo lưới, trong đó đầy cá. Cậu rất thích đi biển cùng với cha mình, cậu khỏe mạnh, và đã biết điều khiển buồm để hứng gió. Khi trời êm biển lặng, người ngư dân đưa cả gia đình mình đi thăm họ hàng và bạn bè ở trên các hòn đảo lân cận, đến chập tối mới quay về.

— Con thuyền cứ thế lướt đi, không một tiếng động, biển Đỏ tuyền một màu đỏ vì mặt trời đang lặn.

Trong khi hai ông cháu nói chuyện, con tàu *Eritrea* đã vạch một vòng cung lớn trên biển. Chiếc tàu hoa tiêu quay vào bờ, dập dềnh trên đường rẽ nước, và con tàu chở hàng phát đúng một hồi còi ngắn để nói lời tạm biệt.

— Khi nào thì ông đi tới đó vậy? – Mondo hỏi.

— Châu Phi và biển Đỏ á? – Lão ngư Giordan cười vang. – Ta không thể đi tới đó được, ta phải ở lại đây, trên con đê này.

— Tại sao?

Giordan tìm kiếm một câu trả lời.

— Tại vì... tại vì ta là một ngư dân không có thuyền.

Nói rồi ông lại bắt đầu quan sát chiếc cần câu của mình.

Khi mặt trời đã xuống rất gần chân trời, lão ngư Giordan đặt cần câu nằm xuống tảng bê tông, rồi rút từ trong túi áo khoác ra một cái bánh mì kẹp thịt. Ông chia cho Mondo một nửa, rồi hai ông cháu cùng ăn trong khi nhìn những ánh phản chiếu của mặt trời trên mặt biển.

Mondo ra về trước khi đêm xuống để tìm một hốc kín đáo nằm ngủ.

— Tạm biệt ông! – Thắng bé nói.

— Tạm biệt cháu! – Giordan đáp lại. Khi thắng bé đã đi khá xa, ông gọi với theo. – Quay lại tìm ta nhé! Ta sẽ dạy cho cháu học đọc. Không khó đâu.

Ông tiếp tục câu cá cho đến khi trời tối hẳn và ngọn hải đăng bắt đầu phát những tín hiệu đều đặn của nó, mỗi bốn giây một lần.

Tất cả mọi chuyện đều rất ổn, nhưng cần phải coi chừng đội bắt chó. Mỗi sáng, khi mặt trời mọc, chiếc xe tải nhẹ màu xám với cửa sổ lắp lưới sắt chạy rề rà qua các con đường trong thành phố, cặp sát vỉa hè, êm ru. Nó rà soát các con phố mơ màng ngái ngủ để tìm kiếm chó chạy rong và trẻ đi lạc.

Một hôm Mondo đã nhìn thấy chiếc xe khi nó vừa rời khỏi nơi trú ẩn bên bờ biển và đang băng qua một công viên. Chiếc xe dừng lại trước Mondo vài mét và thằng bé chỉ kịp rúc vào một bụi cây. Nó nhìn thấy cửa sau xe mở ra, hai người đàn ông mặc đồ bảo hộ màu xám bước xuống. Mang theo hai cái bao tải lớn và dây thừng, họ bắt đầu lùng sục trong các lối đi của công viên. Mondo nghe thấy tiếng họ nói chuyện khi đi qua gần bụi cây nó nấp:

— Nó biến vô đây chứ đâu.

— Anh thấy nó hả?

— Ờ, nó không thể đi đâu xa được.

Hai người mặc đồ xám đi xa dần, mỗi người theo một hướng, trong khi Mondo ngồi yên sau bụi cây, gần như nín thở. Một lát sau, một tiếng tru khàn khàn tắc nghẹn vang lên, rồi im lặng như tờ. Hai người đàn ông quay lại, thằng bé nhìn thấy họ vác theo gì đó đựng trong một cái bao tải, rồi quăng vào xe. Mondo nghe thấy những tiếng rít xé tai. Trong bao tải là một con chó vừa bị bắt. Chiếc xe tải màu xám thông thả lên đường rồi biến mất sau những hàng cây của khu vườn. Một người qua đường đã nói với Mondo đó là chiếc xe bắt chó đi thu gom những con chó vô chủ. Ông ta nhìn thằng bé một cách tò mò, rồi hù thêm là chiếc xe thỉnh thoảng cũng bắt những đứa trẻ cúp học rong chơi. Kể từ hôm đó, Mondo luôn dè chừng hai bên, thậm chí cả phía sau để bảo đảm phát hiện được chiếc xe tải màu xám khi nó vừa mới lộ dạng.

Vào giờ bọn trẻ tan trường hoặc những ngày nghỉ lễ, Mondo biết nó không có gì phải sợ. Chính trong những thời điểm đường phố vắng người, vào buổi sáng sớm hoặc buổi tối, mới là lúc nó phải chú ý. Có lẽ cũng chính vì lý do này mà thằng bé đi hơi ngang như lũ chó.

Trong những ngày ấy thằng bé đã làm quen với người Gitan, người Cosaque và ông bạn già Dadi. Đó là những cái tên mà chúng tôi đã đặt cho họ. Người Gitan không phải là dân di-gan, nhưng được đặt tên như thế vì nước da bánh mật, mái tóc đen nhánh và khuôn mặt nhìn nghiêng như điêu hâu. Nguyên nhân có biệt danh này trước hết là do anh ta ở trong một chiếc Hotchkiss cũ mèm màu đen đậu trên quảng trường, và kiếm sống bằng cách biểu diễn ảo thuật. Còn người Cosaque, anh ta là một người ngoại quốc, diện mạo như người Mông Cổ, lúc nào cũng trùm lên đầu một cái mũ lông lùm xùm khiến anh ta trông như con gấu. Người Cosaque chơi đàn xếp ở trước các quán cà phê, thường là vào buổi tối, vì vào ban ngày thì anh ta xin quắc cần câu.

Nhưng người mà Mondo thích hơn cả là ông già Dadi. Vào một hôm, khi thằng bé đi dọc theo bãi biển, nó nhìn thấy ông ngồi bệt dưới đất, trên một tờ giấy báo. Ông già sưỡi nắng mà không buồn chú ý đến người qua lại. Mondo thấy tò mò vì chiếc va li nhỏ bằng các-tông màu vàng có đục lỗ mà ông già đặt dưới đất, bên cạnh mình, trên một tờ giấy báo khác. Ông Dadi có vẻ dễ mến và trầm tĩnh, nên Mondo không cảm thấy sợ. Nó lân la lại gần để nhìn chiếc va li màu vàng, rồi hỏi ông già:

— Trong va li của ông có gì thế ạ?

Ông già hơi mở mắt. Không nói không rằng, ông đặt cái va li lên đầu gối và mở he hé nắp. Ông nở một nụ cười bí ẩn trong lúc luồn tay vào bên dưới nắp va li, rồi lôi ra một cặp chim bồ câu.

— Chúng đẹp quá. – Mondo nói. – Chúng tên gì vậy ông?

Già Dadi vuốt ve lớp lông của hai con chim, rồi đưa chúng sát lại gần má mình.

— Thằng nhóc này là Pilou, còn con bé này là Zoé.

Ông già giữ hai con chim trong tay, và dịu dàng áp chúng vào mặt mình. Ông nhìn xa xăm với đôi mắt long lanh nhạt màu đã không còn tinh anh.

Mondo nhẹ nhàng vuốt đầu hai con bồ câu. Ánh sáng mặt trời làm chúng chói mắt, nên chúng chỉ muốn chui trở vào trong va li. Già Dadi rù rì trò chuyện với chúng để trấn an, trước khi đưa chúng trở vào bên dưới nắp va li.

— Chúng đẹp quá. – Mondo lặp lại.

Nói rồi nó bỏ đi, trong lúc ông già nhắm mắt và tiếp tục ngủ ngời trên tờ giấy báo.

Khi đêm xuống, Mondo đi gặp già Dadi ở quảng trường. Ông làm việc với người Gitan và người Cosaque trong màn biểu diễn, nói thế nghĩa là ông ngồi hơi tách ra xa một chút, cùng với chiếc va li của mình, trong khi người Gitan chơi đàn banjo và người Cosaque oang oang đứng rao để thu hút những người hiếu kỳ. Người Gitan chơi đàn rất nhanh, vừa nhìn ngón tay mình chuyển động anh vừa hát lầm rầm. Khuôn mặt ủ dột của anh rực sáng dưới ánh đèn đường.

Mondo chen lên hàng khán giả đầu tiên, rồi chào già Dadi. Lúc này, người Gitan đã bắt đầu biểu diễn. Đứng trước khán giả, anh rút ra những chiếc khăn tay đủ màu sắc từ trong nắm tay của mình, với một tốc độ nhanh không tin nổi. Những chiếc khăn nhẹ nhàng rơi xuống đất, Mondo lần lượt nhặt chúng. Đó là công việc của nó. Tiếp đến người Gitan lôi ra đủ thứ đồ vật lạ lùng từ trong tay mình, những chiếc khóa, nhẫn, bút chì, tranh ảnh, quả bóng bàn, thậm chí cả những điều thuốc cháy dở, rồi phân phát cho mọi người. Anh làm chuyện đó nhanh đến nỗi người ta không kịp nhìn chuyển động của đôi bàn tay anh. Mọi người cười vang và vỗ tay, những đồng tiền bắt đầu rơi xuống đất.

— Này nhóc, giúp tụi này nhặt tiền đi nào. – Người Cosque nói.

Người Gitan đưa tay cầm lấy một quả trứng, bọc nó trong một chiếc khăn tay đỏ rực, rồi ngừng lại trong một giây.

— Chú ý nhé!

Hai bàn tay đập vào nhau. Khi chúng mở chiếc khăn ra, quả trứng đã biến mất. Mọi người vỗ tay càng mạnh hơn, trong khi Mondo nhặt những

đồng tiền mới rơi xuống và nhét chúng vào một cái hộp sắt.

Khi đã nhặt hết tiền, nó ngồi xồm và lại nhìn đôi tay của người Gitan. Chúng chuyển động rất nhanh, như thể độc lập với nhau. Người Gitan rút ra những quả trứng khác từ nắm tay của mình, sau đó đột ngột làm chúng biến mất giữa hai bàn tay. Cứ mỗi lần một quả trứng biến mất, anh lại nhìn Mondo và nháy mắt.

— Hấp!... Hấp!

Nhưng trò hay nhất mà người Gitan biết làm là lấy ra hai quả trứng màu rất trắng từ trong tay của mình mà mọi người không hiểu bằng cách nào. Anh bọc chúng trong hai cái khăn tay màu đỏ và vàng, rồi giơ cánh tay lên cao và giữ nguyên ở đó một lúc. Mọi người nín thở nhìn anh.

— Chú ý nhé!

Người Gitan vừa hạ tay xuống vừa mở hai cái khăn tay và hai con bọ câu trắng bay ra, lượn trên đầu anh trước khi đến đậu trên vai già Dadi.

Mọi người ồ lên kinh ngạc và vỗ tay rào rào, đồng thời ném cả một cơn mưa tiền xu.

Khi màn trình diễn kết thúc, người Gitan đi mua bánh mì kẹp và bia, rồi cả nhóm ngồi vào bậc lên xuống của chiếc Hotchkiss đen cũ mèm.

— Nhóc giúp tụi này rất nhiều đó, nhóc à. – Người Gitan nói với Mondo.

Người Cosaque uống bia, rồi thốt lên:

— Nó là con trai anh hả Gitan?

— Không, đây là bạn Mondo của tôi.

— Vậy thì, chúc sức khỏe, bạn Mondo.

Anh ta đã hơi chệnh choáng.

— Nhóc có biết chơi nhạc không?

— Dạ không. – Mondo đáp.

Người Cosaque cười như nắc nẻ.

— Dạ không! Dạ không! – Anh ta nhại đi nhại lại mấy chữ đó, nhưng Mondo không hiểu cái gì làm anh ta cười.

Sau đó người Cosaque cầm lấy cây đàn xếp nhỏ và bắt đầu chơi. Nó không hẳn là âm nhạc, chỉ là một chuỗi âm thanh lạ lùng đơn điệu, lên bổng xuống trầm, lúc nhặt lúc khoan. Người Cosaque vừa chơi đàn vừa nhip chân dưới đất, và hát với chất giọng trầm, lặp đi lặp lại những âm tiết giống nhau.

— Ay, ay, yaya, yaya, ayaya, yaya, ayaya, yaya, ay, ay! – Anh ta hát và chơi đàn xếp, người lắc lư theo nhạc. Mondo thấy anh ta đúng là giống một con gấu lớn.

Người qua đường dừng lại một lúc để nhìn anh ta, cười một chút rồi đi tiếp.

Sau đó, khi trời đã tối hẳn, người Cosaque ngừng chơi đàn và ngồi xuống bậc cửa chiếc xe Hotchkiss bên cạnh người Gitan. Họ châm những điếu thuốc lá đen có mùi rất nặng, rồi vừa trò chuyện vừa tu các lon bia còn lại. Họ nói về những thứ xa xôi mà Mondo không hiểu lắm, những hồi ức chiến tranh và du lịch. Thịnh thoảng già Dadi cũng lên tiếng, và Mondo để ý lắng nghe, vì chủ yếu ông nói về chim chóc, bồ câu đưa thư. Với chất giọng êm ái, hơi đứt quãng, ông kể nhiều câu chuyện về những con chim bay rất lâu trên đồng ruộng, khi mặt đất trôi qua bên dưới chúng cùng với những dòng sông uốn khúc, những bụi cây nhỏ trồng ven những con đường giống dải ruy băng màu đen, những ngôi nhà mái đỏ mái xám, nông trại với các cánh đồng đủ màu sắc, rồi những thảo nguyên, đồi núi tựa như những đồng đá cuội. Ông già nhỏ thó còn kể về cách thức lũ chim luôn quay về nhà, bằng cách đọc địa hình như đọc một tấm bản đồ, hoặc dựa vào những ngôi sao, giống như các thủy thủ và phi công. Nhà của chim bồ câu giống như những cái tháp, nhưng không có cửa, chỉ có các cửa sổ hẹp nằm ngay bên dưới mái. Khi trời nóng, người ta nghe thấy tiếng gù gù cất lên từ những cái tháp đó, và biết lũ chim đã quay trở về.

Mondo lắng nghe giọng nói của già Dadi và nhìn đốm lửa của những điếu thuốc sáng lên trong đêm tối. Quanh quảng trường, những chiếc xe hơi chạy qua phát ra âm thanh êm êm như tiếng nước, ánh đèn của các ngôi nhà lần lượt tắt đi. Đêm đã khuya lắm rồi, Mondo thấy mắt mình mờ đi vì buồn ngủ. Rồi người Gitan cho thẳng bé vào nằm trên băng ghế sau của chiếc Hotchkiss, đó là nơi nó ngủ hết đêm. Già Dadi về chỗ của mình, còn người Gitan và người Cosaque không ngủ. Họ ngồi đến sáng ở bậc lên xuống của chiếc xe, để uống bia, hút thuốc và nói chuyện.

Mondo rất thích làm thế này : ngồi trên bãi biển, hai cánh tay bó lấy đầu gối, và nhìn mặt trời mọc. Vào lúc bốn giờ năm mươi phút, bầu trời trong vắt và có màu xám, loáng thoáng vài đám mây hơi nước phía bên trên mặt biển. Mặt trời không xuất hiện ngay, nhưng Mondo cảm nhận được sự di chuyển của nó ở phía bên kia đường chân trời, khi nó từ từ đi lên như một ngọn lửa bén dần. Đầu tiên, một vầng hào quang nhợt nhạt loang ra trên không trung, và người ta cảm thấy trong lòng mình thứ xung động kỳ lạ làm đường chân trời rùng rùng như thể có một ứng lực. Thế rồi cái đĩa trong xuất hiện, ném một luồng ánh sáng thẳng vào mắt, mặt biển và mặt đất dường như có cùng một màu. Giây lát sau, những màu sắc và bóng tối đầu tiên xuất hiện. Nhưng các ngọn đèn đường trong thành phố vẫn bật sáng, một thứ ánh sáng tai tái và mệt mỏi, như thể người ta còn chưa dám chắc một ngày mới đã bắt đầu.

Mondo nhìn mặt trời mọc lên trên mặt biển. Nó hát rì rầm một mình, vừa lắc lư cái đầu và phần trên của cơ thể, vừa lặp lại bài hát của người Cosaque.

— Ayaya, yaya, yayaya, yaya...

Trên bãi biển không có một ai, ngoài vài con mòng biển bay chấp chới. Nước biển rất trong, có màu xám, xanh và hồng, còn những hòn đá cuội thì rất trắng.

Mondo cảm thấy một ngày mới cũng đang bắt đầu trong lòng biển, đối với lũ cua và cá. Biết đâu ở dưới đáy nước, tất cả cũng nhuộm màu hồng và tươi sáng như trên mặt đất? Lũ cá thức giấc và chậm rãi di chuyển dưới bầu trời tựa mặt gương, chúng thật hạnh phúc giữa hàng nghìn mặt trời nhảy múa, còn những con cá ngựa thì leo dọc theo sợi rong để nhìn rõ hơn ánh sáng mới mẻ. Ngay cả những loài giáp xác cũng hé mở hai mảnh vỏ của chúng để cho ngày mới tràn vào. Mondo nghĩ nhiều đến chúng trong khi nhìn những con sóng chậm chạp đang đổ xuống những hòn đá cuội trên bờ biển, hắt ra những tia lấp lánh.

Khi mặt trời lên cao hơn một chút, Mondo đứng dậy, vì nó thấy lạnh. Nó cởi quần áo. Nước biển dễ chịu và ấm áp hơn không khí. Nó nhúng chìm người xuống cho đến khi nước ngang cổ. Nó cúi đầu, mở mắt trong nước để quan sát đáy biển. Tai nó nghe thấy tiếng sóng vỗ ầm ào, làm nên một thứ nhạc mà người ta không gặp trên đất liền.

Mondo ngâm mình thật lâu trong nước, cho đến khi những ngón tay của nó trở nên trắng bệch và chân nó bắt đầu run rẩy. Thế là nó quay vào ngồi trên bãi biển, lưng dựa vào tường bao của con đường, rồi nhắm mắt chờ cho sức nóng của mặt trời ôm lấy cơ thể mình.

Phía bên trên thành phố, những ngọn đồi dường như gần hơn. Ánh sáng đẹp dễ chiếu sáng cây cối và những mặt tiền màu trắng của các ngôi biệt thự. Mondo tự nhủ :

— Mình phải đi xem nó.

Nói đoạn thẳng bé mặc quần áo vào và rời khỏi bãi biển.

Hôm đó là ngày lễ nên nó không cần phải sợ xe bắt chó. Trong những ngày nghỉ lễ, lũ chó và bọn trẻ con có thể lang thang thỏa thích trên đường phố.

Điều phiền phức là mọi thứ đều đóng cửa. Các tiểu thương không đến bán rau quả, cửa của những tiệm bánh mì đều đóng. Mondo thấy đói bụng. Khi đi ngang qua cửa hiệu của một người bán kem, có tên là Hòn tuyết, thẳng bé mua một cây kem ốc quế mùi vani, rồi vừa đi vừa ăn trên phố.

Lúc này, mặt trời đã chiếu sáng các vỉa hè, nhưng mọi người vẫn chẳng thấy đâu. Chắc họ mệt. Thỉnh thoảng, khi có ai đó đi đến, Mondo lên tiếng chào, nhưng người ta nhìn nó một cách đầy ngạc nhiên, vì nó có mái tóc và lông mi trắng xóa muối biển và khuôn mặt rám nắng. Có lẽ người ta nhầm nó với một đứa ăn xin.

Mondo quan sát cửa kính của các cửa hiệu trong khi liếm cây kem. Ở trong cùng của một cửa hiệu, nơi ánh sáng đã được bật lên, có một cái giường lớn bằng gỗ đỏ, với vài giường và gối in hoa, như thể người nào đó sắp nằm xuống ngủ. Xa hơn một chút là một tủ kính đầy những đồ dùng nhà

bếp trắng muốt, và một cái lò nướng bên trong có một con gà bằng bìa quay chậm chậm. Tất cả chúng thật kỳ dị. Bên dưới cửa của một tiệm bán hàng, Mondo tìm thấy một tờ họa báo. Nó ngồi xuống một băng ghế để đọc.

Tờ báo kể một câu chuyện với những tấm hình màu chụp một phụ nữ tóc vàng xinh đẹp đang làm bếp hoặc chơi đùa với con cái. Đó là một câu chuyện dài. Mondo đọc thành tiếng, mắt ghé sát vào những tấm hình để các màu sắc hòa trộn với nhau.

— Cậu con trai tên là Jacques, còn cô con gái tên Camille. Mẹ bọn trẻ đang ở trong bếp để nấu nướng thật nhiều món ngon: bánh mì, gà quay, bánh ngọt. Bà hỏi hai đứa: hôm nay các con muốn ăn gì nào? Mẹ làm cho tụi con một cái bánh tart dâu đi, Jacques đáp. Nhưng mẹ bọn trẻ nói nhà hết dâu rồi, chỉ còn táo thôi. Thế là Camille và Jacques gọt táo rồi xắt thành miếng nhỏ, để mẹ chúng làm bánh tart. Bà nướng bánh trong lò. Cả ngôi nhà đượm một mùi thơm phức. Khi bánh đã chín, mẹ lấy bánh ra và đặt lên bàn, rồi cắt thành nhiều miếng. Jacques và Camille vừa ăn món bánh táo ngon lành vừa uống sô cô la nóng. Sau đó hai đứa nói: chưa bao giờ con được ăn một cái bánh táo ngon như vậy!

Khi Mondo đọc xong, nó nhét tờ báo vào một bụi cây trong vườn để sau này đọc lại. Nó muốn mua một cuốn họa báo khác, chẳng hạn như truyện Akim trong rừng rậm, nhưng quầy bán báo hôm nay đóng cửa.

Ở giữa công viên có một bác hưu trí ngành bưu điện đang ngủ trưa trên một băng ghế. Bên cạnh bác ta là một tờ báo đang mở và một cái mũ.

Khi mặt trời lên cao dần, ánh sáng cũng dịu. Xe cộ bắt đầu lưu thông trên đường và bóp còi inh ỏi. Ở đầu kia của công viên, gần lối ra, một thằng nhóc đang chơi với chiếc xe đạp ba bánh nhỏ. Mondo dừng chân bên cạnh thằng nhóc.

— Của em đấy à?

— Phải. – Thằng nhóc nói.

— Cho anh mượn nha?

Thằng nhóc giữ chặt ghi đông xe hết cỡ.

— Không! Không! Biến đi!

— Nó tên gì, cái xe của em ấy?

Thằng nhóc cúi đầu không trả lời, sau đó nó đáp nhanh :

— Mini.

— Xe đẹp lắm. – Mondo nói.

Nó vẫn nhìn thêm một chút chiếc xe đạp ba bánh có khung xe sơn đỏ, yên màu đen, ghi đông và vè xe mạ kền. Nó bóp cái kèn được một, hai lần nhưng thằng nhóc đã lảng ra và đạp đi mất.

Nơi họp chợ chưa có nhiều người. Người ta đi dự lễ nhà thờ theo từng nhóm nhỏ, hoặc đi dạo về phía bờ biển. Trong những ngày nghỉ lễ, Mondo rất muốn gặp một người nào đó để hỏi:

“Bác có muốn nhận nuôi cháu không ạ?”

Nhưng có lẽ trong những ngày ấy, không ai nghe thấy thằng bé.

Mondo đi vào sảnh của một tòa chung cư ngẫu nhiên. Nó dừng lại để nhìn những hộp thư trống và những bản sơ đồ thoát hiểm khi có hỏa hoạn. Nó ấn vào công tắc định giờ, nghe tiếng tích tắc trong một thoáng, cho đến khi ánh đèn tắt đi. Cuối sảnh là những bậc thang đầu tiên, tay vịn bằng gỗ đánh xi bóng, một cái gương to cũ xin đóng trong chiếc khung chạm trổ bằng thạch cao. Mondo muốn đi thử một vòng thang máy, nhưng nó không dám, vì người ta cấm trẻ con đùa nghịch với thang máy. Một phụ nữ trẻ đi vào chung cư. Cô thật đẹp với mái tóc màu hạt dẻ dợn sóng và một chiếc váy loạt xoạt. Cô cũng thơm nữa. Mondo bước ra khỏi hốc tường cạnh cửa, khiến cô giật mình.

— Cháu muốn gì?

— Cháu có thể đi vào thang máy cùng với cô được không?

Người phụ nữ nhả nhận mỉm cười.

— Tất nhiên rồi! Đi nào!

Sàn buồng thang máy dưới chân Mondo hơi chòng chành một chút, giống như một chiếc tàu.

— Cháu muốn lên tầng nào?

— Tầng trên cùng ạ.

— Tầng sáu à? Tôi cũng thế.

Thang máy nhẹ nhàng đi lên. Qua lớp kính cửa, Mondo nhìn thấy trần nhà trượt xuống. Cửa thang rung lên, và cứ đến mỗi tầng lầu nó lại nghe thấy tiếng lạch cạch kỳ lạ. Nó còn nghe thấy tiếng dây cáp rít lên trong đường ống thang máy.

— Cháu sống ở đây à?

Người phụ nữ nhìn Mondo một cách tò mò.

— Không thưa cô.

— Hay là cháu đến chơi nhà bạn bè?

— Không thưa cô, cháu chỉ đi dạo thôi.

— Thế à?

Người phụ nữ vẫn nhìn Mondo. Cô có đôi mắt to bình thản và dịu dàng, hơi long lanh. Rồi cô mở túi xách tay và đưa cho Mondo một cái kẹo bọc trong giấy kiếng. Thằng bé nhìn những tầng lầu chầm chậm trôi đi.

— Cao thật, như trên máy bay ấy. – Mondo nói.

— Cháu đã từng đi máy bay rồi à?

— Dạ, chưa, thưa cô chưa ạ. Chắc là nó hay ho lắm.

Người phụ nữ bật cười khe khẽ.

— Nó lên nhanh hơn thang máy, cháu ạ!

— Và lên cao hơn!

— Phải, cao hơn nhiều!

Buồng thang máy đã lên đến nơi với một tiếng xịch nhẹ, rồi một cú lắc mình. Người phụ nữ bước ra ngoài.

— Cậu không ra à?

— Dạ không. Mondo đáp. – Cháu đi xuống luôn.

— À thế à? Tùy cậu thôi. Để đi xuống, cậu nhấn cái nút áp chót, đây này. Chú ý đừng có chạm vào cái nút đỏ nhá, đó là nút báo động.

Trước khi khép cửa, cô mỉm cười lần nữa.

— Thượng lộ bình an nhé!

— Tạm biệt cô! – Mondo đáp.

Khi bước ra khỏi tòa nhà, Mondo nhận thấy mặt trời đã lên cao trên đầu, gần đạt đỉnh. Ngày trôi đi nhanh thật, sáng trưa chiều tối. Nếu người ta không để ý, nó trôi đi càng nhanh dữ. Chính vì thế mà mọi người lúc nào cũng vội vàng. Họ vội vã làm những việc cần làm trước khi mặt trời lặn.

Vào giữa trưa, người ta rải bước trên những con đường trong thành phố. Họ ra khỏi những ngôi nhà, trèo lên xe hơi, đập cửa lại. Mondo những muốn nói với họ: “Đợi với! Đợi cháu với!” Nhưng chẳng ai để ý đến thằng bé.

Vì tim nó đập quá nhanh và quá mạnh, Mondo dừng lại trong góc tường. Nó đứng yên, tay khoanh lại, nhìn dòng người hối hả trên đường. Họ không còn vẻ mệt mỏi như ban sáng. Họ bước đi nhanh, chân tạo ra những tiếng động ồn ào, miệng nói cười lớn tiếng. Giữa đám đông, có một bà lão bước đi chậm chạp trên vỉa hè, lưng còng xuống, mắt không nhìn ai cả. Cái giỏ đi chợ của bà chứa đầy thực phẩm và nặng đến nỗi quệt xuống đất theo mỗi bước chân của bà. Mondo tiến lại gần bà lão, giúp bà xách giỏ. Nó nghe thấy tiếng thở hổn hển của bà sau lưng mình.

Bà lão dừng chân trước cửa một tòa nhà màu xám. Mondo đi lên cầu thang cùng bà. Nó nghĩ bà lão có thể là bà ngoại, hoặc bà dì của mình, nhưng nó không nói gì với bà, vì bà hơi nặng tai. Bà lão mở một cánh cửa trên tầng bốn, rồi đi vào trong bếp để cắt một khoanh bánh mì gừng. Khi bà

đưa nó cho Mondo, thằng bé trông thấy tay bà run rẩy. Giọng bà cũng run rẩy khi nói:

— Chúa ban phước cho con.

Lúc đã ở ngoài đường, Mondo bỗng cảm thấy mình thật nhỏ bé. Nó đi men theo chân tường, những người quanh nó bỗng cao như những cái cây, với những khuôn mặt xa cách như ban công của những tòa nhà cao tầng. Mondo len lỏi giữa những người khổng lồ đó, những người sải chân thật dài. Nó tránh những người phụ nữ cao như tháp chuông nhà thờ mặc váy chấm bi khổng lồ, và những người đàn ông đồ sộ như vách đá đóng bộ com-lê xanh sơ-mi trắng. Có lẽ ánh sáng ban ngày đã làm cho tất cả lớn bổng lên và thu hẹp bóng của họ. Mondo luồn lách giữa họ nên chỉ những ai nhìn xuống mới có thể thấy nó. Nó không sợ, ngoại trừ những lúc băng qua đường. Nó đi tìm một ai đó trong thành phố, trong công viên, trên bãi biển. Nó không biết mình đi tìm ai, vì lý do gì, nhưng một ai đó để hỏi thật nhanh và đọc ngay câu trả lời trong mắt họ:

“Bác có muốn nhận nuôi cháu không?”

Vào khoảng thời gian ấy Mondo đã gặp Thị Chín. Lúc đó ngày thì nắng đẹp còn đêm thì dài và ấm áp. Thăng bé ra khỏi chỗ ngủ đêm, dưới chân đèn. Con gió nóng thổi từ đất liền ra, thứ gió làm tóc tai dựng ngược và những cánh rừng sồi, bầu bốc cháy. Trên những quả đồi phía trên thành phố, Mondo thấy một đám khói trắng lớn loang ra giữa trời.

Thăng bé nhìn những quả đồi được mặt trời chiếu sáng một lúc, rồi lần theo những con đường dẫn về phía chúng. Đó là một con đường quanh co, thỉnh thoảng có những bậc thang rộng bằng xi măng kẻ ô vuông. Hai bên đường là rãnh thoát nước vương vãi đầy lá khô và giấy vụn.

Mondo thích leo lên các bậc thang. Chúng chạy dích dắc trên ngọn đồi, không quá dồn dập, như thể chẳng đi đến đâu. Dọc theo con đường là những bờ tường cao bằng đá gấn miếng chai trên đỉnh, khiến người ta không biết mình đang ở chỗ nào. Mondo chậm rãi leo lên các bậc thang, vừa đi vừa quan sát coi có gì thú vị trong các rãnh nước hay không.

Có khi người ta tìm được một đồng tiền, một cái đinh rỉ sét, một tấm hình, hoặc một thứ trái cây lạ.

Càng lên cao, thành phố càng phẳng ra, với những tòa nhà hình chữ nhật và những con đường thẳng tưng, trên có những chiếc xe hơi xanh đỏ đang lưu thông. Dưới chân đồi, mặt biển cũng trở nên bằng phẳng, sáng rực như một tấm bảng bằng sắt tây. Mondo chốc chốc lại quay đầu để nhìn tất cả cảnh tượng đó qua khe hở giữa các đám cành lá và bên trên các tường rào biệt thự. Không có ai trên các bậc thang, ngoại trừ một con mèo vằn nấp dưới rãnh nước đang ăn chút thịt thừa trong một lon đồ hộp đã han rỉ. Con mèo dán mình xuống đất, tai cụp xuống, nó nhìn thăng bé với đồng tử giãn tròn giữa con mắt vàng.

Mondo đi qua con mèo nhưng không nói gì. Thăng bé cảm thấy hai đồng tử màu đen tiếp tục nhìn mình, cho đến khi nó đổi hướng.

Mondo đi không tiếng động. Nó đặt chân rất nhẹ nhàng, tránh các cành nhỏ và hạt cây, lướt đi khẽ khàng như một bóng ma.

Mà cái cầu thang này cũng không hợp lý cho lắm. Lúc thì nó dốc đứng, với những bậc thang vừa nhỏ vừa cao khiến người ta đứt hơi. Lúc nó lại lười biếng trải dài giữa những dinh thự và mảnh đất bỏ không. Đôi lúc thậm chí nó có vẻ như đi xuống.

Mondo không vội. Nó cứ dích dắc đi tới, hết bờ tường này đến bờ tường khác. Nó dừng lại để quan sát các rãnh thoát nước, hoặc để bứt lá trên cây. Nó ngắt một lá hồ tiêu rồi dùng ngón tay vò nát để ngửi thứ mùi làm cay mũi và mắt. Nó hái những bông hoa kim ngân và mút giọt mật nhỏ nằm ở gốc đài hoa. Hoặc nó dùng một cái lá áp vào môi để thổi kèn.

Mondo thích đi bộ ở đây, một mình, băng qua ngọn đồi. Càng lên cao, ánh mặt trời càng nhuộm màu vàng và dịu đi, như thể phát ra từ những chiếc lá trên cây và những hòn đá trên các bờ tường cũ kỹ. Ánh sáng đã thấm vào đất cả ngày, giờ đây nó thoát ra, tỏa hơi nóng, làm phồng các đám mây.

Trên đồi không có ai. Chắc chắn là vì đã cuối giờ chiều, và khu vực này cũng hơi hoang vắng. Các ngôi biệt thự vùi mình giữa đám cây cối có vẻ không buồn bã, mà buồn ngủ thì đúng hơn, với cánh cổng rỉ sét và các cửa chớp xộc xệch.

Mondo lắng nghe những âm thanh của lũ chim trên cây, tiếng lao xao khe khẽ của cành lá trong gió. Lại có cả tiếng một con dế, tiếng ri ri đĩnh tai di chuyển không ngừng và dường như tiến tới đồng thời với Mondo. Có lúc nó lảng ra xa một chút, rồi quay trở lại, gần đến mức thẳng bé quay lại để cố quan sát con côn trùng. Nhưng âm thanh đó lại biến đi, rồi tái xuất hiện phía trước Mondo, hoặc trên đầu nó, ở trên đỉnh một bờ tường. Đến lượt mình Mondo cũng thử gọi con côn trùng, bằng cách thổi chiếc kèn lá. Nhưng con dế không lộ diện. Nó thích ẩn mình.

Ở trên đỉnh đồi, do độ nóng, những đám mây xuất hiện. Chúng trôi lững lờ về phía bắc, và khi chúng đi ngang qua mặt trời, Mondo cảm thấy bóng của chúng trên mặt mình. Các sắc màu thay đổi, chuyển động, ánh sáng vàng lúc sáng lúc tắt.

Đã lâu thằng bé mong muốn trèo lên trên đỉnh đồi. Từ chỗ nấp ngủ của mình ở trên bờ biển, nó thường xuyên nhìn cái đỉnh này, nơi có nhiều cây cối và ánh sáng phản chiếu trên bề mặt những ngôi biệt thự và tỏa lên bầu trời như một vầng hào quang. Cũng chính vì thế mà nó muốn trèo lên đồi, vì con đường với những bậc thang tựa như dẫn lên trời, về phía ánh sáng. Đây là một ngọn đồi rất đẹp, ngay phía trên bờ biển, thật gần những đám mây, và Mondo đã quan sát nó rất lâu vào những buổi sáng, khi nó vẫn còn xám xịt và xa xăm, vào buổi tối, thậm chí cả vào ban đêm khi nó sáng lấp lánh nhờ những ánh đèn điện. Lúc này thằng bé rất biết hài lòng vì đã leo lên đồi.

Trong đồng lá mục dọc theo các bờ tường, những con kỳ nhông thoát ẩn thoát hiện. Mondo cố gắng làm chúng bất ngờ, bằng cách rón rén lại gần, nhưng chúng vẫn nghe thấy thằng bé và chạy vội vào nấp trong những khe tường.

Mondo gọi đám kỳ nhông một chút, bằng cách huýt sáo. Thằng bé rất muốn có một con kỳ nhông. Nó nghĩ mình có thể bắt lấy một con nhét túi quần đi chơi long nhong. Nó sẽ bắt ruồi cho kỳ nhông ăn, và khi nó ngồi sưởi nắng trên bãi biển, hoặc trong những khe đá của con đê biển, kỳ nhông sẽ bò ra khỏi túi quần, leo lên vai nó. Kỳ nhông sẽ ở yên đó không nhúc nhích, chỉ phập phồng cái cổ, vì tụi kỳ nhông phát ra tiếng kêu bằng cách đó.

Tiếp đến Mondo đi tới trước cửa Ngôi nhà Ánh vàng. Nó gọi ngôi nhà bằng cái tên này khi lần đầu tiên đi vào bên trong, và từ đó nó giữ nguyên cái tên gọi như vậy. Đó là một ngôi nhà cổ khá đẹp kiểu Ý, được trát một lớp thạch cao màu vàng cam, với những khuôn cửa sổ cao có cánh cửa đã long và một dàn nho dại, mọc tràn trên thềm nhà. Xung quanh nhà có một khu vườn không quá lớn, nhưng bị cây ngầy và cỏ dại mọc um tùm tới mức người ta không nhìn thấy đâu là ranh giới nữa. Mondo đẩy cánh cổng sắt màu vàng được xây đơn giản, không có chạm trổ đắp nổi cầu kỳ, nhưng thằng bé vẫn cho rằng nó chưa bao giờ nhìn thấy một ngôi nhà đẹp đến thế.

Trong khu vườn lộn xộn trước nhà, có hai cây cọ rất đẹp vươn lên trên tất cả. Khi gió hiu hiu thổi, đám lá cọ cào cào vào mái ngói và máng xối.

Xung quanh hai cây cọ, các bụi rậm thật dày và thật tối, với những nhánh cây ngầy màu tím búa vây và bò trên mặt đất như lũ rắn.

Thứ đẹp nhất là ánh sáng bao bọc căn nhà. Chính vì thứ ánh sáng này mà Mondo đã đặt ngay cho ngôi nhà cái tên Ngôi nhà Ánh vàng. Ánh nắng cuối chiều có một sắc màu rất dịu ngọt và êm ả, thứ sắc màu ấm áp giống như màu của những chiếc lá thu hoặc của bãi cát quăn lầy bạn, làm bạn ngây ngất. Trong lúc bước trên con đường rải sỏi, Mondo cảm nhận ánh sáng vượt ve khuôn mặt mình. Nó cảm thấy buồn ngủ, tim nó đập chậm lại. Hơi thở nó nhẹ bỗng.

Tiếng đế lại vang lên mạnh mẽ, hình như phát ra từ những bụi rậm trong vườn. Mondo dừng bước để lắng nghe âm thanh đó, rồi nó chậm rãi đi về phía ngôi nhà, sẵn sàng co giò bỏ chạy trong trường hợp một con chó xuất hiện. Nhưng trong nhà không có ai. Xung quanh nó, đám cây cối trong vườn nằm yên không nhúc nhích, những chiếc lá nặng trĩu vì cái nóng.

Thằng bé bước vào trong bụi rậm. Nó bò bốn chân dưới đám cành lá và cây non, tránh xa những cây ngầy. Sau khi rúc vào một cái hốc dưới vòm cây bụi, nó nhìn ngắm ngôi nhà màu vàng từ chỗ nấp của mình. Ánh sáng lụi dần một cách gần như không nhận thấy được trên mặt ngoài của ngôi nhà. Không có một âm thanh nào ngoại trừ tiếng đế và tiếng vo ve của đàn muỗi đang đảo quanh mái tóc của Mondo. Thằng bé ngồi dưới đất, trên những chiếc lá của một cây nguyệt quế, mắt nhìn chăm chú cổng ngôi nhà và những bậc thềm hình bán nguyệt dẫn lên hiên nhà. Cỏ dại mọc len lỏi giữa chúng. Một lát sau, Mondo nghiêng người nằm xuống đất, đầu gác lên khuỷu tay.

Thật thích khi được nằm ngủ như thế này, dưới gốc một cái cây rất thơm, không xa Ngôi nhà Ánh vàng, trong bầu không khí ấm áp và yên bình, với tiếng đế thoát ẩn thoát hiện. Khi cậu ngủ, Mondo à, cậu không ở đây. Cậu đi đâu đó xa, xa khỏi thể xác cậu. Cậu để lại cơ thể mình nằm ngủ dưới đất, cách con đường rải sỏi vài mét, và rong chơi nơi khác. Chuyện đó thật kỳ lạ. Cơ thể cậu nằm lại trên mặt đất, khe khẽ hít thở, gió đưa đẩy những bóng mây che khuôn mặt đang nhắm mắt ngủ của cậu. Những con

muỗi vắn vo ve quanh má cậu, bầy kiến đen thám hiểm bộ quần áo và đôi tay cậu. Mái tóc cậu khẽ lay động trong làn gió buổi tối. Nhưng cậu không hiện diện ở đây. Cậu ở nơi khác, cậu ra đi trong quầng ánh sáng vàng ấm áp của ngôi nhà, trong mùi lá nguyệt quế và hơi ẩm của đất. Những con nhện đóng đưa trên sợi tơ của mình, vì đã đến giờ chúng thức giấc. Đám kỳ nhông già màu nửa vàng nửa đen lấp ló nơi những khe nứt của chúng trên tường nhà, chúng quan sát cậu trong lúc bám vào tường bằng những cái chân có ngón xòe ra. Vạn vật nhìn cậu, vì cậu nhắm mắt. Ở đầu kia của khu vườn, giữa một đám cây ngấy và một bụi cây nhựa ruồi, gần một cây bách khô quéo, con côn trùng dẫn đường không ngừng phát ra tiếng động như tiếng cửa để gọi cậu, trò chuyện với cậu. Nhưng cậu không nghe thấy nó, cậu đã đi xa rồi.

— Cháu là ai? – Một giọng nói thanh thanh cất lên.

Lúc này, trước mắt Mondo là một người phụ nữ, nhưng bà nhỏ nhắn đến nỗi trong một thoáng nó đã tưởng bà là một đứa bé. Mái tóc đen của bà được cắt ôm theo khuôn mặt, trên người bà là một chiếc tạp dề dài màu xanh xám.

Bà mỉm cười.

— Cháu là ai?

Khi Mondo đứng lên, nó chỉ thấp hơn bà một chút. Nó ngáp.

— Cháu đang ngủ hả?

— Cháu xin lỗi. – Mondo nói. Cháu đã vào trong vườn chơi, vì hơi mệt nên cháu đã ngủ một chút. Bây giờ cháu sẽ đi ngay ạ.

— Sao cháu lại muốn đi ngay? Cháu không thích khu vườn sao?

— Có chứ, nó rất đẹp. – Mondo đáp. Nó tìm kiếm trên khuôn mặt người phụ nữ nhỏ nhắn một biểu hiện giận dữ. Nhưng bà tiếp tục cười xòa. Đôi mắt nhỏ của bà có nét rất ngộ, giống như của loài mèo. Quanh mắt và miệng bà có những nếp nhăn sâu, nên Mondo nghĩ bà đã già.

— Cháu đi xem nhà nữa nhé. – Nói đoạn bà leo lên bậc thềm hình bán nguyệt và mở cửa nhà. – Vào đi cháu!

Mondo vào nhà theo bà. Đó là một gian phòng lớn gần như trống trải, được chiếu sáng tứ phía bởi các cửa sổ cao. Ở giữa phòng có một cái bàn bằng gỗ và vài chiếc ghế, trên bàn là một cái khay sơn mài đựng một bình trà màu đen cùng với mấy cái chén. Mondo đứng im trên ngưỡng cửa, đưa mắt nhìn căn phòng và cửa sổ. Những ô cửa sổ được làm kính mờ, khiến cho ánh sáng xuyên qua càng ấm và vàng hơn. Thằng bé chưa bao giờ thấy một thứ ánh sáng đẹp như thế.

Người phụ nữ đang đứng trước cái bàn và rót trà vào mấy cái chén.

— Cháu có thích uống trà không?

— Dạ có. – Mondo đáp.

— Vậy thì lại ngồi xuống đây.

Mondo từ từ ngồi xuống mép một chiếc ghế rồi uống. Món nước cũng có màu vàng, nó làm nóng môi và họng của thằng bé.

— Nóng thật. – Mondo nói.

Người phụ nữ nhỏ nhắn khẽ uống một ngụm trà.

— Cháu chưa nói với bác cháu là ai. – Bà nói với chất giọng như một thứ âm nhạc êm ái.

— Cháu là Mondo.

Người phụ nữ nhìn nó mỉm cười. Nhìn bà càng nhỏ bé hơn trên chiếc ghế của mình.

— Còn bác là Thị Chín.

— Bác là người Trung Quốc à? – Thằng bé hỏi.

Người phụ nữ lắc đầu.

— Bác là người Việt Nam, không phải người Trung Quốc.

— Đất nước của bác có xa không?

— Có chứ, xa lắm lắm luôn.

Mondo uống trà, cơn mệt mỏi của nó biến mất.

— Còn cháu, cháu từ đâu đến? Cháu không phải người vùng này, đúng không?

Mondo không biết phải nói thế nào.

— Dạ không, cháu không phải người ở đây. – Thằng bé đáp. Nó đưa tay vén tóc và cúi mặt xuống. Người phụ nữ nhỏ nhắn vẫn tiếp tục mỉm cười, nhưng đôi mắt nhỏ của bà bỗng thoáng chút lo lắng.

— Cháu cứ ở đây thêm một chút đã. – Bà nói. – Cháu đâu có muốn đi ngay đúng không?

— Đáng lẽ cháu không nên vào trong vườn nhà bác. – Mondo nói. – Nhưng cổng đang mở, mà cháu thì hơi mệt.

— Cháu vào là đúng. – Bà Thị Chín nói. – Cháu thấy đấy, bác đã để cổng mở cho cháu.

— Vậy là bác biết cháu sẽ tới? – Mondo hỏi. Ý nghĩ này làm nó yên tâm.

Bà Thị Chín gật đầu, rồi đưa cho Mondo một cái hộp sắt tây đựng đầy bánh macaron.

— Cháu có đói không?

— Dạ có. – Mondo đáp.

Nó vừa nhai bánh macaron vừa nhìn những khung cửa sổ lớn đang để cho ánh sáng tràn vào.

— Đẹp quá. – Nó nói. – Cái gì đã làm ra tất cả chỗ vàng này thế ạ?

— Ánh nắng đấy. – Bà Thị Chín đáp.

— Vậy là bác giàu lắm phải không ạ?

Bà mỉm cười.

— Chỗ vàng này chẳng thuộc về ai cả.

Hai người nhìn ánh sáng đẹp dễ như trong một giấc mơ.

— Ở đất nước bác cũng vậy. – Bà Thị Chín trầm giọng nói. – Khi mặt trời lặn, bầu trời trở nên giống như thế này, vàng rực, với những cụm mây đen nhỏ rất nhẹ, giống như những cái lông chim, có thể nói như vậy.

Ánh sáng tràn ngập căn phòng. Mondo cảm thấy bình tĩnh và mạnh mẽ hơn, giống như sau khi uống nước trà nóng.

— Cháu có thích nhà của bác không? – Bà Thị Chín hỏi.

— Dạ thưa bác, có ạ. – Mondo đáp. Đôi mắt thẳng bé lấp lánh màu của mặt trời.

— Vậy thì nó cũng là nhà của cháu, khi cháu muốn.

Mondo đã làm quen với bà Thị Chín và Ngôi nhà Ánh vàng như thế đấy. Nó đã ngồi lại thật lâu trong gian phòng lớn để nhìn các khung cửa sổ. Ánh sáng lưu lại cho đến khi mặt trời biến mất hoàn toàn sau những quả đồi. Ngay cả vào lúc đó, các vách tường của gian phòng hình như đã ngấm nhiều ánh sáng đến nỗi không thể tắt đi. Sau đó bóng tối xuất hiện, và tất cả biến thành màu xám, các vách tường, những ô cửa sổ, mái tóc của Mondo. Cái lạnh cũng kéo đến. Người phụ nữ nhỏ nhắn đứng dậy bật một ngọn đèn, sau đó bà dẫn Mondo ra vườn để ngắm cảnh đêm. Bên trên đám cây cối, những ngôi sao lấp lánh cùng với một mảnh trăng lưỡi liềm mỏng.

Đêm hôm đó, Mondo ngủ trên những cái gối tựa ở cuối gian phòng lớn. Nó cũng đã ngủ ở đó nhiều đêm vì nó rất thích ngôi nhà này. Thỉnh thoảng, khi trời đêm nóng nực, nó ngủ ngoài vườn, dưới cây nguyệt quế, hoặc trên thềm nhà trước cửa. Bà Thị Chín là người ít nói, có lẽ vì vậy mà nó yêu quý bà. Kể từ lúc hỏi tên và xuất xứ của thằng bé, bà không hỏi thêm gì nữa. Bà chỉ cầm tay nó và chỉ cho xem những thứ hay ho trong vườn, hoặc trong nhà. Bà cho Mondo xem những hòn sỏi có hình thù khác thường, những bức tranh kỳ lạ, những cái lá cây có gân nhụy, những cái hạt cọ màu đỏ, những bông hoa nhỏ màu trắng và vàng mọc lên từ kẽ đá. Bà đặt vào tay nó những con bọ hung đen, con cuốn chiếu, đổi lại Mondo đưa cho bà những cái vỏ sò và lông chim mòng biển mà nó đã nhặt được.

Bà Thị Chín cho nó ăn cơm cùng với một chén rau trộn sơ màu đỏ và xanh, đồng thời luôn kèm theo món trà nóng đựng trong những cái chén nhỏ màu trắng. Thỉnh thoảng, khi trời đêm rất tối, bà lấy một cuốn sách tranh và kể cho nó nghe một câu chuyện cổ. Đó là một câu chuyện dài, diễn ra ở một đất nước xa lạ, nơi có những ngôi nhà mái nhọn, những con rồng và các loài động vật biết nói như người. Câu chuyện hay đến nỗi Mondo không thể nghe đến hết. Nó ngủ thiếp đi, và người phụ nữ nhỏ nhắn ra khỏi phòng êm ru không một tiếng động, sau khi đã tắt đèn. Bà ngủ ở tầng trên, trong một căn phòng nhỏ. Buổi sáng khi bà thức dậy thì Mondo đã đi rồi.

Hỏa hoạn xảy ra trên hầu hết các quả đồi, vì mùa hè đang đến gần. Vào ban ngày, người ta nhìn thấy những cột khói trắng lớn bốc lên trời, còn ban đêm là những đốm lửa đỏ đáng lo ngại, giống như những đầu điều thuốc lá cháy dở. Mondo thường xuyên quan sát những đám cháy lúc ở trên bãi biển, hoặc trong khi trèo lên con đường dốc dẫn tới nhà bà Thị Chín. Vào một buổi chiều, nó về nhà sớm hơn thường lệ để nhổ cỏ dại mọc xung quanh nhà. Khi bà hỏi nó đang làm gì, nó trả lời:

— Để cho lửa không lan đến đây được.

Lúc này Mondo ngủ gần như hàng đêm tại Ngôi nhà Ánh vàng, hoặc trong khu vườn, nó đỡ sợ chiếc xe tải màu xám của đội bắt chó hơn. Nó không tìm đến các hốc trú ẩn gần con đê biển nữa. Ngay khi mặt trời mọc, nó rời nhà xuống biển tắm. Nó thích nước biển trong vắt buổi sáng, âm thanh kỳ lạ của những con sóng khi người ta nhúng đầu dưới nước, và tiếng kêu của lũ mòng biển trên trời. Sau đó nó đi ra chợ để phụ bê vài thùng hàng và lượm lật rau củ trái cây thừa. Nó đem các thứ về cho bà Thị Chín để bà chuẩn bị bữa tối.

Vào buổi chiều, nó đi gặp người Gitan một chút. Anh ngồi mơ màng ở bậc cửa chiếc xe của mình. Hai người không nói gì nhiều, nhưng người Gitan có vẻ hài lòng khi gặp Mondo. Sau đó người Cosaque cũng đến, mang theo một chai rượu. Anh ta lúc nào cũng hơi say xỉn. Nhìn thấy thằng bé, anh ta reo lên với chất giọng oang oang của mình:

— Ê! Bạn Mondo của tôi!

Thình thoảng một phụ nữ cũng đến, bà ta mập mạp, có khuôn mặt đỏ đần và đôi mắt sáng quắc, biết đọc tương lai qua bàn tay của khách qua đường. Nhưng Mondo bỏ đi trước khi bà ta xuất hiện, vì nó không thích bà ta.

Nó đi tìm già Dadi. Thật không dễ để tìm thấy ông, vì ông già thường xuyên dời chỗ. Ông đang ngồi trên một tờ báo, bên cạnh là chiếc va li nhỏ màu vàng có đục lỗ. Người qua đường cứ tưởng ông đang xin tiền. Thường thì Mondo bắt gặp ông trên sân trước nhà thờ và ngồi xuống cạnh ông. Nó rất thích nghe ông nói, vì ông biết nhiều câu chuyện về lũ bồ câu và bồ câu đưa thư. Ông kể về đất nước của chúng, một nơi có rất nhiều cây cối, những dòng sông yên bình, ruộng đồng xanh biếc và bầu trời êm ả. Bên cạnh những ngôi nhà là những cái tháp nhọn lợp mái ngói xanh đỏ, nơi những con bồ câu cư ngụ. Già Dadi kể với giọng chậm rãi, tựa như cách bay của lũ chim trời, ngập ngừng rồi đảo vòng quanh những ngôi làng. Nhưng ông không kể như vậy với bất kỳ ai khác.

Khi Mondo ngồi với ông già Dadi trên sân nhà thờ, mọi người hơi ngạc nhiên một chút. Họ dừng lại để nhìn cậu bé con cùng với ông già bên những con bồ câu, và cho thêm tiền vì hai ông cháu khiến họ xúc động. Nhưng Mondo không ngồi lại lâu để xin tiền, vì luôn có một hoặc hai người phụ nữ không thích nhìn cảnh đó và bắt đầu hỏi này nọ. Hơn nữa nó cũng phải dè chừng đội bắt chó. Nếu chiếc xe tải màu xám đi ngang qua vào lúc ấy, bảo đảm các nhân viên mặc đồng phục sẽ bước xuống để đưa nó đi ngay. Có khi họ còn đưa cả già Dadi và mấy con bồ câu đi luôn nữa ấy chứ.

Một hôm, trời nổi trận gió to, và người Gitan nói với Mondo:

— Mình đi xem đấu diều đi.

Chỉ trong những ngày Chủ nhật lộng gió, các trận đấu diều mới diễn ra. Họ xuống bãi biển vừa đúng lúc, bọn trẻ con đã ở đó cùng với các con diều của chúng. Diều có rất nhiều loại và đủ màu sắc, hình thoi cũng có, vuông cũng có, một lớp hoặc hai lớp, trên có vẽ đầu các con thú. Nhưng con diều

đẹp nhất thuộc về một người đàn ông chừng năm chục tuổi đứng ở tít cuối bãi biển. Nó giống như một con bướm không lông màu vàng và đen, với đôi cánh vĩ đại. Khi người đàn ông thả con diều, mọi người nhất loạt dừng lại quan sát. Con bướm lớn hai màu vàng đen chao liệng một chút ở khoảng cách vài mét so với mặt biển, sau đó người đàn ông giật dây làm nó hếch mũi lên. Gió thổi căng đôi cánh của con bướm, và nó bắt đầu bốc lên cao. Con diều bay lên trời, cao thật cao trên mặt biển. Gió làm lớp vải ở cánh nó kêu phành phạch. Người đàn ông đứng trên bãi biển, gần như không di chuyển. Ông nhả cuộn dây diều, ánh mắt tập trung vào con bướm vàng đen đang đu đưa trên biển. Thỉnh thoảng ông kéo sợi dây cuộn vào cái lõi quấn, và con diều lên càng cao thêm trên bầu trời. Lúc này nó đang bay cao hơn tất cả những con diều khác, chao liệng trên bãi biển với đôi cánh trải rộng. Nó giữ nguyên vị trí đó và bay lượn nhẹ nhàng trong cơn gió mạnh, xa mặt đất đến nỗi người ta không nhìn thấy được sợi dây níu giữ nó nữa.

Khi Mondo và người Gitan tiến lại gần, người đàn ông đưa cuộn dây diều cho Mondo.

— Giữ chắc nhé! – Ông ta nói, đoạn ngồi xuống bãi biển và châm một điếu thuốc.

Mondo cố gắng cưỡng lại cơn gió.

— Nếu dây căng quá, cháu nhả ra một chút, rồi thu lại sau.

Lần lượt Mondo, người Gitan và ông chủ diều thay nhau điều khiển con diều, cho đến khi tất cả những con diều khác hụt hơi rớt xuống biển. Mọi người ngửa cổ lên trời nhìn con bướm vàng đen không lông tiếp tục bay lượn. Đây thực sự là nhà vô địch của những con diều, không có con diều nào có thể bay cao và lâu đến vậy. Thế rồi, thật từ tốn người đàn ông hạ con bướm xuống, từng mét một. Con diều chao đảo trong gió, người ta nghe thấy những tiếng lụp bụp đôi cánh của nó và tiếng rít lạnh lạnh từ sợi dây. Đó là khoảnh khắc nguy hiểm nhất, vì dây diều có thể bị đứt do sức căng. Người đàn ông vừa cuộn dây vừa tiến lên một chút. Khi con diều đã xuống

rất gần mặt đất ông né sang một bên và giật một cú duy nhất, rồi nhả dây, thế là con diều đáp xuống bãi đá cuội, chậm rãi như một chiếc máy bay.

Sau đó, do đã thấm mệt, họ ngồi lại trên bãi biển. Người Gitan đã mua mấy chiếc bánh mì kẹp xúc xích, họ vừa ăn vừa ngắm biển. Người đàn ông kể cho Mondo nghe về những trận đấu diều trên các bãi biển Thổ Nhĩ Kỳ, nơi người ta gắn dao lam vào đuôi những con diều. Khi diều đã bay rất cao trên trời, họ lao chúng vào nhau để triệt hạ lẫn nhau. Các lưỡi lam sẽ rạch vào những đôi cánh. Có một lần, đã lâu lắm rồi, ông thậm chí còn cắt được dây của một con diều làm nó bị gió cuốn phăng đi mất, như một chiếc lá vàng. Vào những ngày nhiều gió, bọn trẻ thả đến hàng trăm con diều, bầu trời xanh được che phủ bởi những vệt màu đủ sắc.

— Chắc là đẹp lắm. – Mondo lên tiếng.

— Ờ, đẹp lắm. Nhưng bây giờ người ta không biết chơi diều nữa. – Người đàn ông đáp. Ông đứng dậy và bọc con bướm lớn màu vàng đen trong một tấm nhựa. – Lần sau, ta sẽ dạy cháu cách làm một con diều thực thụ. Vào tháng chín, đúng thời điểm, cháu sẽ thả con diều của mình bay như chim mà gần như không phải chạm vào nó.

Mondo tự nhủ nó sẽ làm một con diều trắng tinh, giống như con chim mòng biển.

Có một nhân vật mà Mondo cũng rất thích thỉnh thoảng đến thăm. Đó là một con thuyền mang tên *Oxyton*. Lần đầu tiên thằng bé nhìn thấy con thuyền là một buổi chiều, khoảng hai giờ, khi ánh nắng mặt trời chiếu gay gắt xuống mặt nước của bến tàu. Con thuyền được buộc vào bến, giữa những chiếc thuyền khác, và dập dềnh trên sóng nước. Nó hoàn toàn không phải là một con thuyền lớn, như những chiếc có mũi giống mũi cá mập và trang bị những cánh buồm trắng lớn. Không, *Oxyton* chỉ là một chiếc thuyền có bụng to và một cột buồm ngắn ở phía trước, nhưng Mondo lại thấy nó dễ thương. Thằng bé đã hỏi tên chiếc thuyền từ một người làm công trên bến, và cái tên cũng làm nó hài lòng.

Thế là Mondo đi thăm chiếc thuyền thường xuyên, khi nó ở gần đấy. Nó dừng lại trên bến, lặp lại tên chiếc thuyền thành tiếng, hơi ngân nga một chút:

— Oxyton à! Oxyton ơi!

Con thuyền hết kéo căng sợi dây buộc lại đập vào bến, rồi lại rời ra xa. Thân thuyền sơn màu xanh và đỏ, viền trắng. Mondo ngồi trên bờ, cạnh cái vòng để neo thuyền, và vừa ngắm *Oxyton* vừa ăn một quả cam. Nó cũng nhìn ánh nắng phản chiếu trên mặt nước, những con sóng nhẹ làm thân thuyền di chuyển. *Oxyton* có vẻ chán chường, vì chẳng có ai cho nó ra khơi bao giờ. Thế là Mondo nhảy lên thuyền. Nó ngồi xuống băng ghế gỗ ở đuôi thuyền và chờ đợi, cảm nhận những chuyển động của sóng biển. Con thuyền dong đưa nhẹ nhàng, hơi xoay vòng một chút và dịch ra xa bến, làm sợi dây buộc kêu kêu kẹt. Mondo rất muốn ra khơi cùng với con thuyền, phó mặc cho may rủi. Khi đi ngang qua con đê, nó sẽ bảo lão ngư Giordan trèo lên thuyền, và hai người sẽ cùng nhau đi tới biển Đỏ.

Mondo ngồi rất lâu ở đuôi thuyền, ngắm nhìn những tia nắng phản chiếu và những đàn cá nhỏ rùng rùng di chuyển. Thỉnh thoảng nó hát một bài cho con thuyền nghe, bài hát mà nó đã sáng tác tặng con thuyền:

— Oxyton à, Oxyton ơi,

Ta sẽ cùng nhau ra khơi

Ta sẽ cùng đi đánh cá

Ta sẽ cùng đi đánh cá

Cá ngừ, tôm và cá mòi!

Sau đó Mondo đi lại một chút trên bờ kè, cạnh những con tàu chở hàng, vì thằng bé cũng làm bạn với một chiếc cần câu.

Có rất nhiều thứ để thăm thú ở khắp nơi, trên đường phố, trên bãi biển, trên những bãi đất trống. Mondo không thích những nơi đông người cho lắm. Nó thích những không gian mở, nơi người ta có thể nhìn thật xa, những

quảng trường, những doi đất vươn dài ra biển, những đại lộ thẳng tắp nơi có xe bồn chạy qua. Ở những nơi đó nó mới có thể tìm thấy người để nói chuyện và để hỏi:

“Bác có muốn nhận nuôi cháu không?”

Đó là những người hơi mơ mộng một chút, họ bước đi với hai bàn tay chắp sau lưng, vừa đi vừa nghĩ đến chuyện khác. Có những nhà thiên văn học, giáo sư sử học, nhạc công, nhân viên hải quan. Có lần, một người họa sĩ ngày Chủ nhật ngồi trên ghế gấp và vẽ những con tàu, cây cối, hoặc cảnh mặt trời lặn. Mondo dừng lại một lúc bên cạnh anh ta để nhìn bức tranh. Người họa sĩ quay lại và nói:

— Em thích không?

Mondo gật đầu. Nó chỉ một người đàn ông dắt chó đang đi trên bờ kè, ở phía xa.

— Thế còn họ, anh cũng vẽ họ luôn chứ?

— Nếu em muốn.

Dùng chiếc cọ mảnh nhất, người họa sĩ vẽ một bóng người nhỏ trên tấm vải vẽ. Nom nó giống một con côn trùng thì đúng hơn. Mondo ngẫm nghĩ một chút, rồi lên tiếng:

— Anh biết vẽ bầu trời chứ?

Người họa sĩ dừng tay và ngạc nhiên nhìn thẳng bé.

— Bầu trời á?

— Vâng ạ, bầu trời, với những đám mây, ông mặt trời. Sẽ đẹp lắm đó.

Người họa sĩ chưa bao giờ nghĩ tới điều đó. Anh nhìn bầu trời trên đầu, rồi bật cười.

— Em có lý, bức tranh sắp tới anh vẽ, sẽ chỉ có bầu trời trên đó thôi.

— Cùng với mây và mặt trời nữa chứ?

— Ừ, với nhiều đám mây, và mặt trời rực sáng.

— Sẽ đẹp lắm. – Mondo gật gù. – Em muốn ngắm nó luôn.

Người họa sĩ ngược nhìn trời.

— Sáng mai anh sẽ bắt đầu vẽ. Anh hi vọng trời sẽ đẹp.

— Hẳn rồi, ngày mai trời sẽ đẹp, và bầu trời sẽ càng đẹp hơn hôm nay.

– Mondo đáp, vì nó biết dự đoán thời tiết chút đỉnh.

Ngoài ra còn có người nhồi rơm ghế. Mondo thường xuyên trông thấy người nhồi rơm ghế vào buổi chiều. Ông làm việc trong sân của một tòa nhà cũ, cùng với người cháu tên Pipò mặc chiếc áo vest rộng ngồi bên cạnh. Mondo thích nhìn người nhồi rơm ghế làm việc, vì đó là một người đã có tuổi, nhưng vẫn biết làm những ngón tay mình cử động rất nhanh để quấn và buộc các cọng rơm. Đứa cháu của ông ngồi yên bên cạnh, với chiếc áo vest rộng như áo khoác phủ trên người. Mondo chơi đùa một chút với thằng nhỏ. Nó mang cho thằng nhỏ những thứ tìm được trong khi đi bộ: những hòn đá cuội kỳ dị trên bãi biển, những khóm tảo, mảnh vỏ vẹm, hoặc những năm mảnh chai màu xanh lục và xanh lam đã bị nước biển bào mòn. Pipò cầm lấy chỗ đá cuội và nhìn ngắm hồi lâu, rồi cho chúng vào trong túi áo vest. Thằng nhỏ không biết nói, nhưng Mondo rất thích nó, vì nó ngồi im không nhúc nhích bên cạnh ông mình, quấn người trong một chiếc áo vest xám dài đến tận bàn chân và che hết cả hai bàn tay, như những bộ trang phục Trung Hoa. Mondo rất thích những người biết ngồi yên không nhúc nhích dưới ánh mặt trời, không nói không rằng, và có đôi mắt hơi mơ màng một chút.

Mondo biết nhiều người ở đây, trong thành phố này, nhưng nó không có nhiều bạn. Những người mà nó thích gặp là những người có một ánh mắt lấp lánh thật đẹp và mỉm cười khi nhìn thấy bạn, như thế họ hạnh phúc khi gặp bạn. Thế là Mondo dừng lại, trò chuyện với họ một lúc, hỏi han họ vài câu về trời, biển hoặc chim chóc, và khi họ ra đi, họ hoàn toàn đổi khác. Mondo không hỏi họ chuyện gì khó thật khó, chẳng qua là những chuyện mà người ta đã quên mất, những chuyện mà người ta đã thôi không nghĩ đến từ nhiều năm, chẳng hạn như tại sao chai lọ lại có màu xanh ve, tại sao lại có

sao băng. Như thế từ lâu họ đã nghe một giọng nói, chỉ vài từ như vậy thôi, nơi góc đường, và Mondo đã biết nói ra những từ đó.

Mà cũng vì câu hỏi nữa. Hầu hết người ta không biết đặt câu hỏi. Mondo biết cách đặt câu hỏi ngay lúc phải hỏi, khi người ta không ngờ đến. Người ta dừng lại vài giây, thôi không nghĩ đến bản thân và công việc của mình nữa. Họ suy nghĩ, mắt họ thoáng bối rối, vì họ nhớ mình đã từng hỏi như thế trước kia.

Có một người mà Mondo rất thích gặp. Đó là một người thanh niên trẻ, khá cao to mạnh mẽ, với khuôn mặt hồng hào và đôi mắt xanh. Anh mặc một bộ đồng phục màu xanh sẫm và quàng xéo trên vai một chiếc túi lớn bằng da đựng đầy các lá thư. Mondo gặp anh thường xuyên vào các buổi sáng, trên con đường dốc dẫn qua đồi. Lần đầu gặp mặt, nó đã hỏi anh:

— Anh có thư cho em không?

Người thanh niên cao lớn đã cười vang. Nhưng Mondo gặp anh hàng ngày, và ngày nào nó cũng tiến lại gần để hỏi anh cùng một câu:

— Hôm nay thì sao? Anh có thư cho em không?

Thế là người thanh niên mở túi và lục tìm.

— Xem nào, xem nào... Tên em là gì nhỉ?

— Mondo.

— Mondo... Mondo... Không, hôm nay không có thư nhé.

Tuy vậy cũng có lần anh rút từ trong túi ra một tờ báo in mỏng, hoặc một tờ quảng cáo, và đưa cho thằng bé.

— Xem này, hôm nay có cái này cho em đấy.

Anh nháy mắt với Mondo rồi đi tiếp.

Một hôm, Mondo rất muốn viết thư, nên nó quyết định đi tìm ai đó để học đọc và học viết. Nó đã đi qua các con đường trong thành phố, khu vực gần công viên nhưng trời rất nóng, các bác hưu trí ngành bưu điện không xuất hiện. Nó đi tìm ở nơi khác và ra biển. Nắng rất gắt, trên những hòn đá

ngoài bãi biển có một lớp muối mịn lấp lánh. Mondo nhìn lũ trẻ con chơi đùa gần mép nước. Chúng mặc những bộ đồ bơi có màu sắc kỳ quặc màu đỏ cà chua hoặc xanh táo, và có vẻ vì vậy mà chúng hò hét rất lớn trong khi chơi đùa. Nhưng Mondo không muốn đến gần bọn trẻ.

Gần ngôi nhà gỗ của bãi biển tư nhân, Mondo trông thấy người đàn ông làm công việc dùng cây cào dài san phẳng bãi biển. Đó là một người rất già, mặc chiếc quần cụt màu xanh đã phai màu và lấm bẩn. Thân hình ông có màu bánh mì cháy, da ông nhăn nheo mốc thối như da một con voi già. Ông già chậm chạp kéo cây cào dài trên bãi đá cuội, từ dưới lên trên, không bận tâm đến bọn trẻ con và những người tắm biển. Ánh mặt trời loang loáng trên lưng và chân ông, mồ hôi chảy ròng ròng trên mặt ông. Chốc chốc ông già lại ngừng tay, lôi từ trong túi quần ra chiếc khăn để lau mặt và tay. Mondo ngồi dựa lưng vào tường, trước mặt ông già. Nó chờ thật lâu, cho đến khi ông già cào xong phần bãi biển của mình. Sau khi ngồi xuống cạnh bức tường, ông nhìn Mondo. Đôi mắt ông có màu xám rất nhạt, tựa như hai cái lỗ trên làn da nâu của khuôn mặt. Trông ông hơi giống một người Ấn Độ.

Ông già nhìn Mondo như thể đã hiểu sự thắc mắc của nó. Ông nói gọn lỏn:

— Chào cháu!

— Cháu muốn ông dạy cháu đọc viết, nếu ông không phiền. – Mondo đáp.

Ông già ngồi im, nhưng không tỏ ra ngạc nhiên.

— Cháu không đi học sao?

— Dạ không ạ.

Ông già ngồi trên bãi biển, lưng dựa vào tường, nét mặt rất bình thản và trù mến, bất chấp cái mũi khoằm và những nếp nhăn chẳng chịt trên má. Khi ông nhìn Mondo, dường như ông nhìn xuyên qua nó, vì hai tròng mắt của ông có màu rất nhạt. Ngoài ra, có một tia thích thú trong ánh mắt của ông. Ông nói:

— Ta rất muốn dạy cháu đọc viết, nếu đó là điều cháu muốn.

Chất giọng của ông già cũng giống như đôi mắt ông, rất bình thản và xa xôi, như thể ông sợ gây ra quá nhiều tiếng ồn khi nói chuyện.

— Thật sự cháu hoàn toàn không biết gì hết sao?

— Dạ. – Mondo đáp.

Ông già lấy trong túi ra một con dao nhíp có cán màu đỏ, rồi bắt đầu khắc các chữ cái lên một phiến đá phẳng. Cùng lúc đó, ông giới thiệu cho Mondo mọi thứ về các chữ cái, tất cả những gì người ta có thể nhìn thấy khi đọc và khi nghe các chữ cái. Để cho dễ nhớ, ông bảo chữ A giống như một con ruồi lớn, với hai cái cánh gập về phía sau, chữ B thật tức cười với hai cái bụng, chữ C và D giống vầng trăng khuyết và nửa vầng trăng, trong khi chữ O giống mặt trăng tròn vành vạnh trên bầu trời đêm. Chữ H cao lắm, nó là cái thang để leo lên cây, hoặc lên mái nhà, chữ E và F giống cái bồ cào và cái xẻng, còn chữ G, một ông béo ngồi trên ghế bành. Chữ I nhảy múa trên mũi chân, mỗi lần bật lên là cái đầu lại rời ra, trong khi chữ J lập cập giữ thăng bằng. Chữ K lụ khụ như một ông già, chữ R bước đi với sỏi chân dài như một người lính, còn chữ Y thì đứng giơ hai tay lên trời kêu to: cứu tôi với! Chữ L là một cái cây bên dòng sông, chữ M là dãy núi. Chữ N dành cho các nhân vật tên tuổi, được người ta bắt tay, chữ P ngủ trên một chân và chữ Q ngồi trên cái đuôi của mình. Chữ S, nó luôn là một chú rắn, trong khi chữ Z luôn là tia chớp. Chữ T đẹp lắm, giống như cột buồm của một chiếc thuyền, chữ U thì lại giống cái bình. Các chữ V, W là những con chim, đội hình bay của lũ chim. Còn chữ X là một dấu thập.

Bằng đầu mũi dao, ông già vạch các chữ cái lên các hòn đá và đặt nó trước mặt Mondo.

— Tên cháu là gì?

— Mondo.

Ông già chọn vài hòn đá, rồi thêm một hòn đá nữa.

— Nhìn đây. Tên cháu viết như thế này này

— Đẹp quá ông ơi! – Mondo thốt lên. – Có một dãy núi, mặt trăng, một người đang bắt tay, nửa vàng trắng, và một mặt trăng nữa. Sao lại có nhiều mặt trăng thế ạ?

— Chúng nằm trong tên của cháu, thế thôi. – Ông già đáp. – Tên cháu là như thế.

Ông thu lại các hòn đá.

— Thế còn ông? Trong tên của ông có gì ạ?

Ông già đưa ra các hòn đá, từng hòn một, và Mondo nhặt chúng, xếp thành hàng trước mặt mình.

— Có một dãy núi.

— Phải, đó là nơi ta chào đời.

— Có một con ruồi.

— Có thể ta từng là một con ruồi, lâu lắm rồi, trước khi là một con người.

— Có một người đang bước đi, một người lính.

— Ta từng đi lính.

— Có vàng trắng khuyết.

— Ta được sinh ra vào một đêm trăng khuyết.

— Một cái cào!

— Nó đây! – Ông già chỉ chiếc cào đặt trên bãi biển.

— Một cái cây bên dòng sông.

— Phải, có lẽ ta sẽ trở lại thành như thế sau khi chết đi, một cái cây bất động trước một dòng sông đẹp đẽ.

— Học đọc thích thật ông ạ. – Mondo nói. – Cháu muốn biết tất cả các chữ cái.

— Cháu sẽ viết nữa, cháu à. – Ông già nói.

Ông đưa con dao cho Mondo, và thằng bé ngồi rất lâu để khắc hình các con chữ lên những hòn đá cuội. Sau đó nó đặt chúng sang một bên, để nhìn xem chúng tạo thành những chữ gì. Luôn có rất nhiều chữ O và chữ I, vì đó là những chữ nó thích nhất. Nó cũng thích chữ T, chữ Z, và những con chim V, W. Ông già đọc:

— OVO OWO OTTO IZTI

Và cả hai ông cháu cùng cười.

Ông già cũng biết nhiều chuyện lạ lùng khác. Vừa nhìn ra biển, ông vừa kể bằng giọng nói êm tai của mình. Ông kể về một đất nước ở rất xa bên kia biển, một đất nước rộng lớn nơi con người ta vừa đẹp vừa hiền hòa, nơi không có chiến tranh, nơi chẳng ai sợ chết. Tại đất nước đó, có một dòng sông rộng như biển cả, và người ta xuống tắm ở đó mỗi tối, lúc mặt trời lặn. Khi kể về đất nước ấy, giọng ông càng êm ái và chậm rãi hơn, còn đôi mắt xám của ông nhìn càng xa xăm hơn, như thể ông đang ở đó, bên dòng sông rộng lớn.

— Thế cháu có đi cùng ông được không ạ? – Mondo hỏi.

Ông già đặt tay mình lên vai thằng bé.

— Được chứ, ta sẽ dẫn cháu đi.

— Bao giờ thì ông lên đường?

— Ta không biết nữa. Khi ta có đủ tiền. Chắc là một năm nữa. Nhưng ta sẽ đưa cháu đi cùng.

Sau đó, ông già lại cầm lấy chiếc cào và tiếp tục công việc của mình ở đoạn bãi biển xa hơn một chút. Mondo nhét những hòn đá cuội khắc tên mình vào trong túi, rồi giơ tay chào người bạn của mình và ra về.

Giờ đây thằng bé thấy có rất nhiều chữ viết, ở khắp nơi, trên tường, trên cửa, hoặc trên những tấm biển bằng sắt. Mondo trông thấy chúng khi đi trên những con đường trong thành phố, và nó nhận ra vài chữ trong đó.

Trên lớp xi măng vỉa hè, có những chữ cái được khắc như thế này:

D

E

NADINE

E

Nhưng không dễ để hiểu được chúng.

Khi trời tối, Mondo quay lại Ngôi nhà Ánh vàng. Nó ăn cơm với rau trong gian phòng lớn, cùng với bà Thị Chín, sau đó nó ra ngoài vườn. Nó đợi bà ra cùng với mình, rồi hai bác cháu đi bộ lững thững trên lối đi rải sỏi, cho đến khi bị bủa vây hoàn toàn bởi cây cối và bụi rậm. Bà Thị Chín cầm lấy bàn tay của Mondo và siết mạnh đến nỗi làm nó thấy đau. Nhưng dù sao cũng rất thú vị khi bước đi như thế, trong đêm tối mù mịt, vừa đi vừa dò dẫm bằng mũi chân để khỏi té, thứ dẫn lối duy nhất là tiếng sỏi nghiêng dưới gót giày. Mondo nghe thấy tiếng kêu đinh tai của con dế giấu mặt, ngửi thấy mùi của những bụi cây đang mở lá trong đêm tối. Nó làm Mondo hơi quay cuồng, và chính vì thế mà bà Thị Chín nắm tay thẳng bé rất chặt, để không bị chóng mặt.

— Trong đêm tối, cái gì cũng thơm. – Mondo lên tiếng.

— Tại vì người ta không nhìn được. – Bà đáp. – Người ta ngửi và nghe tốt hơn khi không nhìn được.

Bà dừng bước trên đường.

— Nhìn kìa cháu, bây giờ chúng ta sẽ trông thấy các vì sao.

Tiếng kêu của con dế vang lên rất gần hai bác cháu. Rồi những ngôi sao xuất hiện, lần lượt từng ngôi sao một. Chúng hơi nhấp nháy trong hơi ẩm của màn đêm. Mondo ngửa đầu, nín thở nhìn chúng.

— Sao đẹp quá. Chúng có nói gì không vậy bác?

— Có, chúng kể nhiều chuyện lắm, nhưng chúng ta không hiểu được những gì chúng nói.

— Cho dù có đọc được chữ, chúng ta cũng không hiểu được chúng sao?

— Không được đâu, cháu à. Con người không thể hiểu được các ngôi sao nói gì.

— Có lẽ là vì chúng nói về những chuyện còn rất lâu mới xảy ra.

— Phải, hoặc là những chuyện trong quá khứ.

Bà Thị Chín cũng đứng yên ngắm sao, tay bà siết chặt tay Mondo.

— Có lẽ chúng chỉ ra con đường ta phải đi, đất nước ta phải đến.

Mondo ngắm nghĩ một lát.

— Bây giờ chúng sáng hơn rồi. Có lẽ chúng là những linh hồn.

Bà Thị Chín muốn nhìn khuôn mặt của Mondo, nhưng trời rất tối. Thế rồi đột nhiên bà run lấy bầy, như thể sợ hãi gì đó. Bà ghì chặt tay thằng bé vào ngực, áp má vào vai nó. Giọng bà lạ lắm, buồn bã giống như có điều gì đó làm bà đau lòng.

— Mondo, Mondo à...

Bà lặp lại tên của thằng bé bằng giọng nghèn nghẹn, người vẫn run lấy bầy.

— Bác bị sao vậy? – Mondo hỏi. Nó cố gắng dùng lời nói để trấn an bà. – Có cháu đây mà, cháu sẽ không đi đâu, cháu đâu có muốn đi.

Mondo không nhìn rõ khuôn mặt bà, nhưng nó đoán bà đang khóc, vậy nên người bà mới rung lên. Bà dịch người ra một chút, để Mondo không cảm thấy nước mắt mình đang chảy.

— Bác xin lỗi, bác thật là... – Bà không nói nổi nên lời.

— Bác đừng buồn. – Mondo nói. Nó kéo bà về phía đầu kia của khu vườn. – Bác lại đây, mình đi xem ánh đèn thành phố đi.

Hai bác cháu đi đến chỗ mà từ đó có thể nhìn thấy quảng sáng hồng hình cây nấm, bên trên đám cây cối. Thậm chí còn có một chiếc máy bay nháy đèn lao vút qua. Hai bác cháu cùng cười.

Sau đó họ ngồi xuống trên con đường rải sỏi, không rời tay nhau. Người phụ nữ nhỏ nhắn đã vơi bớt nỗi buồn, bà lại bắt đầu nói chuyện khe khẽ, không bận tâm tới những gì mình nói. Mondo cũng trò chuyện, con đế cũng cất tiếng kêu đình tai từ trong đám lá nó đang nấp. Hai bác cháu cứ ngồi như thế thật lâu, cho đến khi mí mắt nặng trĩu. Thế là cả hai ngủ thiếp đi trên mặt đất, và khu vườn chuyển động nhẹ nhẹ, nhẹ nhẹ như một cái boong tàu.

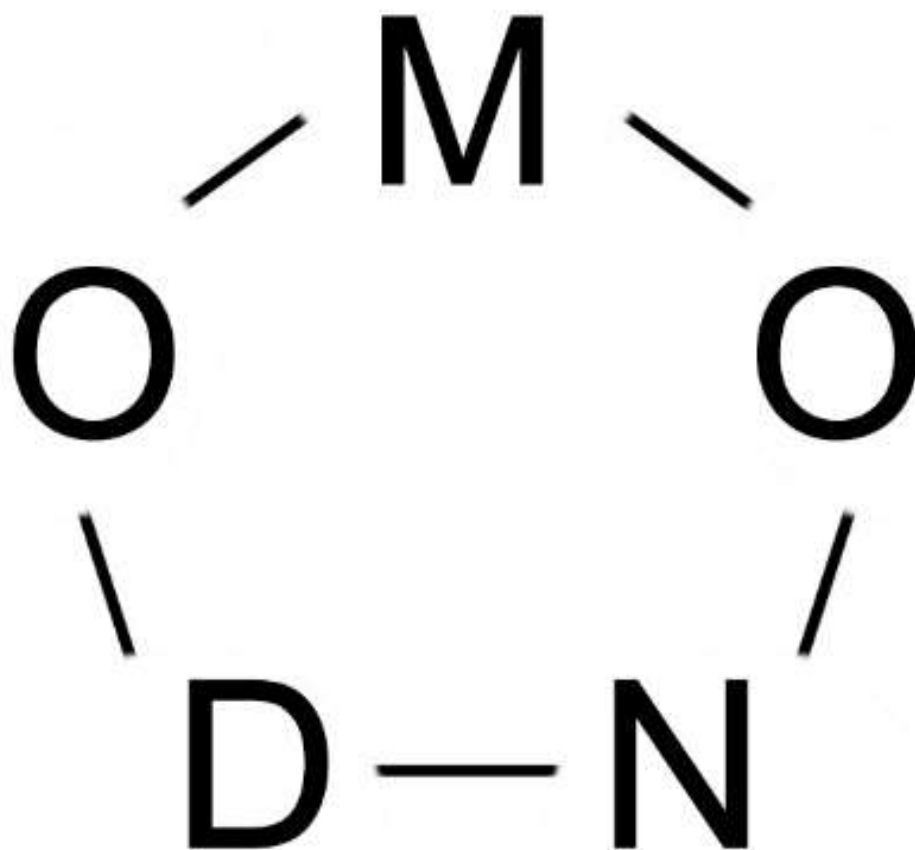
Lần cuối cùng, đó là vào lúc mùa hè bắt đầu. Mondo ra đi lúc mặt trời mọc, thật lặng lẽ. Nó đi xuống con đường dốc dẫn qua đồi một cách thong thả. Cây cỏ vẫn còn nhuộm màu phớt hồng và trên mặt biển có một lớp sương mù. Trong nhiều chiếc lá bìm bìm mọc leo trên các bờ tường cũ kỹ, một giọt nước đọng lại, long lanh như một viên kim cương. Mondo ghé miệng, nghiêng phiến lá và uống giọt nước mát lạnh. Chỉ là những giọt nước bé xíu, nhưng chúng lan ra trong miệng, trong cơ thể Mondo, làm dịu nhanh chóng cơn khát của nó. Ở hai bên đường, những bờ tường đá khô ráo đã ấm hẳn. Lũ kỳ nhông chui ra khỏi các khe nứt để ngắm nhìn ánh sáng ban ngày.

Mondo đi xuống đồi, ra bờ biển, rồi ngồi xuống chỗ quen thuộc của mình trên bãi biển hoang vắng. Vào giờ này chẳng có ai khác ngoài lũ mòng biển. Chúng dập dềnh trên sóng nước dọc theo bờ biển, hoặc đi lạch bạch trên những hòn đá cuội. Chúng há mỏ kêu rít lên, rồi bay lòng vòng, đáp xuống nghỉ ở chỗ xa hơn một chút. Lũ mòng biển luôn ồn ào vào buổi sáng, như thể chúc nhau trước khi bay đi.

Khi mặt trời nhô lên cao một chút trên bầu trời phớt hồng, những ngọn đèn đường vụt tắt, và người ta nghe thấy thành phố bắt đầu càu nhàu. Đó là một thứ tiếng xa xăm, đến từ những con đường giữa các tòa nhà cao một tiếng ồn ngấm ngấm rung động xuyên qua những hòn đá cuội trên bãi biển. Những chiếc xe gắn máy vừa chạy trên các đại lộ vừa phát ra tiếng rì rì của loài ong chơ theo những người đàn ông và phụ nữ mặc áo khoác, đầu giấu trong chiếc mũ trùm bằng len.

Mondo đứng im trên bãi biển, chờ mặt trời sưởi ấm không khí. Nó lắng nghe tiếng những con sóng dội vào bờ đá. Nó thích thời điểm này, vì trên bãi biển không có ai ngoài nó và lũ chim. Do đó nó có thể nghĩ đến mọi người trong thành phố, tất cả những người nó sẽ gặp. Nó nghĩ đến họ trong khi nhìn trời ngăm biển, như thể họ đang ngồi xung quanh nó, vừa rất xa vừa thật gần. Như thế chỉ cần nhìn là họ tồn tại ở đó, khi đưa mắt đi nơi khác họ sẽ không còn ở đó nữa.

Trên bãi biển hoang vắng, Mondo nói chuyện với mọi người. Nó trò chuyện với họ theo cách của mình, không phải bằng lời, mà bằng cách phát đi những xung động: chúng tiến về phía họ, nơi họ đang tồn tại, hòa trộn với âm thanh của sóng biển và ánh sáng, thế là mọi người tiếp nhận chúng mà không biết chúng từ đâu đến. Mondo nghĩ tới người Gitan, người Cosaque, người nhồi rơm ghế, bà bán bánh mì Ida, nhà vô địch thả diều và ông già đã dạy nó đọc chữ. Tất cả bọn họ đều nghe thấy nó như một tiếng rít trong tai, hay tiếng ồn của một chiếc máy bay, và họ lắc đầu một chút vì không biết đó là cái gì. Nhưng Mondo hài lòng khi có thể trò chuyện với họ như thế và gửi cho họ những xung động của biển cả, bầu trời, mặt trời. Sau đó thằng bé đi bộ dọc theo bãi biển đến ngôi nhà gỗ của bãi tắm tư nhân. Ở chân của bức tường bao, nó tìm những hòn đá cuội mà ông già đã khắc chữ. Đã nhiều ngày qua Mondo không quay trở lại đây, muối và ánh nắng đã làm phai nhạt những con chữ. Dùng một mảnh đá lửa sắc bén, Mondo vạch lại những nét chữ rồi sắp các hòn đá lên bờ tường thành tên mình, như thế này:



để ông già nhìn thấy khi quay lại và biết nó đã đến.

Ngày hôm đó không giống với những ngày khác, vì thành phố thiếu một người. Mondo đi tìm ông già hành khất có đôi bồ câu, tìm nó đập dồn vì nó đã biết sẽ không tìm thấy ông. Nó tìm ông khắp nơi, trên các đường phố, trong các ngõ hẻm, tại nơi họp chợ, trước cửa nhà thờ.

Mondo rất muốn nhìn thấy ông. Nhưng đêm qua chiếc tải màu xám đã xuất hiện và những người mặc đồng phục đã đưa già Dadi đi mất.

Mondo tiếp tục đi tìm già Dadi khắp nơi, không ngừng nghỉ. Tìm nó đập càng lúc càng mạnh trong lúc chạy từ chỗ trú này sang chỗ trú khác. Nó quan sát tất cả những chỗ mà ông già từng đến, các góc cổng cho xe ra vào, cầu thang, chỗ gần đài phun nước, công viên, lối vào của các chung cư cũ.

Thình thoảng nó nhìn thấy trên vỉa hè một mảnh báo và dừng lại để nhìn xung quanh mình, như thể già Dadi sắp quay lại chỗ ngồi dưới đất.

Cuối cùng, người Cossaque đã báo tin cho thằng bé. Mondo gặp anh ta trên đường, chỗ gần chợ. Anh ta đi đứng khá khó nhọc, vừa đi vừa tựa vào vách tường vì đang say túy lúy. Người đi đường dừng lại, vừa nhìn anh ta vừa cười. Thậm chí anh ta còn đánh mất cả chiếc đàn xếp màu đen. Ai đó đã ăn cắp nó trong khi anh ta nằm nghỉ cho tỉnh rượu. Khi Mondo hỏi người Cossaque về già Dadi và cặp bồ câu, anh ta nhìn nó ngơ ngẩn một hồi, mắt trống rỗng. Rồi anh ta làu bàu:

— Không biết... Họ đưa ông ta đi, đêm qua...

— Người ta đưa ông ấy đi đâu?

— Không biết... Tới bệnh viện.

Người Cossaque cố gắng gượng đi tiếp.

— Khoan đã! Còn cặp bồ câu? Họ có đưa chúng theo luôn không?

— Bồ câu? – Anh ta ngơ ngác không hiểu.

— Máy con chim trắng đó!

— À ờ há, không biết nữa... – Người Cossaque nhún vai. – Không biết họ đã làm gì với mấy con bồ câu của ông già... Chắc là làm thịt thôi...

Nói rồi anh ta tiếp tục lảo đảo đi dọc theo bức tường.

Đột nhiên Mondo cảm thấy mệt mỏi ghê gớm. Nó muốn quay lại ngồi bên bờ biển để ngủ. Nhưng như thế thì xa quá, nó kiệt sức rồi. Có lẽ đã quá lâu nó không ăn uống đầy đủ, hoặc là do nó sợ. Nó có cảm giác đủ thứ tiếng ồn vang vọng trong đầu mình và mặt đất chuyển động dưới chân.

Mondo đã đi tìm một chỗ trên vỉa hè, rồi ngồi xuống đó, lưng dựa vào tường. Giờ thì nó chờ đợi. Cách đó một quãng, có một cửa hàng bán đồ nội thất, với một cửa kính lớn phản chiếu ánh sáng. Mondo ngồi yên không nhúc nhích, nó thậm chí không nhìn thấy những đôi chân đi qua trước mặt mình và thình thoảng cũng dừng lại. Nó không nghe thấy những giọng nói

đang cất lên. Nó cảm thấy một sự dờ dẫm xâm chiếm cơ thể, dâng lên như một sự giá lạnh, khiến cho môi nó mất cảm giác và ngăn không cho mắt nó di chuyển.

Tim Mondo không còn đập dồn dập nữa, giờ đây nó xa xăm và yếu ớt, chậm chậm cựa quậy trong lồng ngực thẳng bé, như thể sắp sửa ngừng lại. Mondo nghĩ đến tất cả những chỗ ẩn nấp lý tưởng của mình, tất cả những nơi nó biết, bên bờ biển, trong mỏm đá trắng, giữa những tảng bê tông chắn sóng, hay trong khu vườn của Ngôi nhà Ánh vàng. Nó cũng nghĩ đến con thuyền *Oxyton* cứ cựa quậy tách mình ra khỏi bến, vì nó muốn đi tới biển Đỏ. Nhưng đồng thời, hình như nó không thể rời khỏi chỗ vĩa hè cạnh bức tường này, như thể đôi chân nó không thể bước đi thêm nữa.

Khi mọi người nói chuyện với nó, Mondo không ngẩng đầu lên. Nó thu mình bất động trên vĩa hè, trán úp vào cánh tay. Lúc này những đôi chân người qua đường đã dừng cả lại trước mặt thẳng bé, tạo thành một bức tường thành hình bán nguyệt, giống như mỗi khi người Gitan trình diễn. Mondo nghĩ những đôi chân kia tốt hơn nên bỏ đi, tiếp tục con đường của chúng. Nó nhìn tất cả những đôi bàn chân đã dừng bước, những đôi giày da lớn màu đen của các ông, giày cao gót của các bà. Nó nghe thấy những giọng nói lao xao phía trên đầu, nhưng không tài nào hiểu được chúng nói gì.

— ... điện thoại... – Ai đó nói.

Điện thoại cho ai? Mondo hình dung nó đã trở thành một con chó, một con chó già với bộ lông hung đang cuộn mình nằm ngủ trong một góc vĩa hè. Không ai muốn nhìn, không ai muốn chú ý đến một con chó vàng già yếu. Cái lạnh tiếp tục dâng lên trong cơ thể nó, chậm rãi, từ chân lên bụng, tới đầu.

Thế rồi chiếc xe tải màu xám của đội bắt chó chạy tới.

Mondo đã nghe thấy âm thanh của chiếc xe trong trạng thái lơ mơ, nó nghe thấy tiếng thẳng xe rít lên, tiếng cửa xe mở ra. Nhưng nó mặc kệ.

Những đôi chân người lui lại một chút, Mondo nhìn thấy hai ống quần màu xanh biển và đôi giày đen có đế dày tiến lại gần mình.

— Cháu bị bệnh hả?

Mondo nghe thấy giọng nói của những người mặc đồng phục. Chúng vang lên như thể từ cách đó hàng ngàn cây số.

— Cháu tên gì? Cháu ở đâu?

— Cháu sẽ đi với các chú, cháu đồng ý không?

Mondo nghĩ tới những quả đồi bốc cháy, khắp nơi, xung quanh thành phố. Như thể nó đang ngồi bên vệ đường và nhìn thấy những cánh đồng than hồng, những ngọn lửa đỏ rực, ngửi thấy mùi nhựa và mùi khói trắng đang bốc lên trời, thậm chí nó còn nhìn thấy những chiếc xe cứu hỏa dừng lại trong các bụi cây và những đoạn ống nước dài được tháo ra.

— Cháu bước đi được không?

Những bàn tay đàn ông xốc nách nâng Mondo đứng dậy, rồi đưa nó tới chiếc xe tải đang mở cửa hậu. Mondo cảm thấy đôi chân mình quệt xuống mặt đất, chạm vào bậc lên xuống, tựa như đôi chân của một con rối gỗ. Sau đó cửa xe đóng sầm lại, và chiếc xe tải nhẹ bắt đầu lăn bánh chạy qua thành phố.

Đó là lần cuối cùng.

Hai ngày sau, người phụ nữ Việt Nam nhỏ nhắn bước vào trụ sở cảnh sát. Bà xanh tái và có đôi mắt mệt mỏi mất ngủ. Bà đã đợi Mondo hai đêm liền, còn ban ngày thì đi tìm thằng bé khắp nơi trong thành phố. Viên thanh tra nhìn bà một cách thờ ơ.

— Bà là bà con hay sao?

— Không, không. – Bà Thị Chín đáp, cố tìm đúng từ – Tôi là một... một người bạn.

Nom bà càng nhỏ nhắn hơn, gần như một đứa trẻ, bất chấp những nếp nhăn trên gương mặt.

— Ông có biết thằng bé đang ở đâu không?

Viên thanh tra nhìn bà, không buồn trả lời ngay.

— Nó đang ở sở bảo trợ xã hội. – Cuối cùng ông ta đáp.

— Sở bảo trợ xã hội... – Người phụ nữ nhỏ nhắn lặp lại, như thể không hiểu, rồi gần như hét lên. – Không thể được!

— Chuyện gì không thể được? – Viên thanh tra hỏi.

— Nhưng tại sao? Thằng bé đã làm gì kia chứ?

— Nó đã nói với chúng tôi là nó không có gia đình, nên chúng tôi đã đưa nó tới đó.

— Không thể nào! – Bà Thị Chín lặp lại. – Các ông không hiểu...

Viên thanh tra nghiêm mặt nhìn bà.

— Bà mới là người không hiểu đây, thưa bà. – Ông nói. – Một đứa trẻ không gia đình, không nhà cửa, lang thang ngoài phố cùng với đám ăn mày vô gia cư, thậm chí còn tệ hơn! Một đứa trẻ sống như một kẻ mọi rợ, ăn bất kể cái gì, ngủ bất cứ nơi đâu! Ngoài ra, người ta đã báo với chúng tôi về trường hợp của nó, người ta phàn nàn và chúng tôi đã đi tìm nó được một thời gian, nhưng nó rất tinh ranh, nó trốn chúng tôi! Đã đến lúc tất cả chuyện này chấm dứt.

Người phụ nữ nhỏ nhắn nhìn sững trước mặt, người run rẩy. Viên thanh tra dịu giọng đi một chút.

— Bà... bà chăm sóc nó à?

Bà Thị Chín gật đầu.

— Bà nghe tôi nói đây, nếu bà muốn chăm sóc thằng bé. Nếu bà muốn chúng tôi giao nó cho bà chăm sóc, thì chuyện đó là có thể được.

— Nó phải được đưa ra khỏi...

— Nhưng vào lúc này, nó phải ở lại đó cho đến khi... cho đến khi tình trạng của nó khá hơn. Nếu bà muốn chăm sóc nó, bà phải nộp một lá đơn

yêu cầu, làm một bộ hồ sơ, và chuyện đó không thể ngày một ngày hai là xong đâu.

Bà Thị Chín tìm từ trong đầu, không nói nổi nên lời.

— Trong lúc này, phải để cho chính quyền làm việc. Đứa bé này... mà nó tên gì nhỉ?

— Mondo. – Bà Thị Chín đáp. – Tôi...

— Đứa bé này đang được theo dõi. Nó phải được chữa bệnh. Chúng tôi sẽ chăm lo cho nó, lập hồ sơ cho nó. Bà có biết từng tuổi này mà nó không biết đọc biết viết, cũng chưa bao giờ tới trường không?

Bà Thị Chín cố lên tiếng, nhưng cổ họng bà nghẹn lại.

— Tôi có thể đi thăm nó được không? – Cuối cùng bà hỏi.

— Được chứ, tất nhiên là được. – Viên thanh tra đứng lên. – Sau vài ngày nữa, khi tình trạng của nó đã ổn định, bà sẽ được vào thăm nó, nhưng bà phải xin phép giám đốc.

— Ngày hôm nay kia! – Bà Thị Chín thốt lên. Giọng bà khàn đi. – Ngày hôm nay, tôi phải gặp nó ngày hôm nay!

— Không, tuyệt đối không thể được. Bà sẽ chỉ có thể gặp nó sau bốn hoặc năm ngày nữa.

— Tôi xin ông! Chuyện đó rất quan trọng đối với thằng bé, vào lúc này!

Viên thanh tra đưa bà Thị Chín ra cửa.

— Sau bốn tới năm ngày nữa thì được.

Lúc mở cửa, ông ta đề nghị:

— Hãy cho tôi tên và địa chỉ của bà, để chúng tôi tiện liên lạc.

Rồi ông ta ghi lại vào một cuốn sổ cũ.

— Được rồi. Bà hãy gọi điện lại cho tôi sau hai ngày nữa, để chúng tôi mở hồ sơ.

Nhưng ngay ngày hôm sau, viên thanh tra đã đến nhà bà Thị Chín, ông ta mở cổng và lần theo lối đi rải sỏi vào tận cửa nhà.

Khi bà Thị Chín mở cửa, ông ta bước vào, gần như cưỡng bách, rồi quan sát bên trong gian phòng lớn.

— Mondo của bà. — Ông ta mở lời.

— Thăng bé đã gặp chuyện gì? — Bà Thị Chín hỏi. Trông bà còn tái xanh hơn ngày hôm trước, đôi mắt bà ngược lên nhìn mặt viên thanh tra đầy sợ hãi.

— Nó đi rồi.

— Đi rồi á?

— Phải, đi rồi, biến mất rồi. Bốc hơi rồi!

Nhìn qua đầu người phụ nữ nhỏ nhắn, viên cảnh sát dò xét ngôi nhà.

— Bà không nhìn thấy nó à? Nó không đến đây sao?

— Không! — Bà Thị Chín hét lên.

— Nó đã đốt cái nệm của mình trong bệnh xá, và lợi dụng lúc lộn xộn để trốn đi. Tôi nghĩ có thể bà đã gặp nó ghé qua đây?

— Không! Không! — Bà Thị Chín tiếp tục hét. Lúc này đôi mắt nhỏ của bà long lên vì tức giận. Viên thanh tra lùi lại.

— Nghe này, tôi đã đến đây ngay lập tức để cho bà hay tin. Cần phải tìm ra thằng bé trước khi nó làm những chuyện ngu ngốc khác.

Viên thanh tra bước trở xuống mấy bậc thềm hình bán nguyệt.

— Nếu nó quay lại nhà bà, hãy báo cho tôi!

Ông ta bước theo lối đi rải sỏi về phía cổng.

— Tôi đã nói với bà hôm trước rồi. Nó là một thằng mọi rợ!

Bà Thị Chín đứng im không nhúc nhích trên ngưỡng cửa. Đôi mắt bà đầy lệ, cổ họng bà co thắt đến mức không thở nổi.

— Ông chẳng hiểu cái quái gì hết! – Bà nói thầm, trong khi viên thanh tra đẩy cổng và sai bước trở xuống con đường dốc, về phía chiếc xe hơi màu đen của mình.

Thế rồi bà Thị Chín ngồi xuống bậc thềm nhà màu trắng, ngồi thật lâu, không buồn nhìn ánh sáng vàng đang đầy dần trong gian phòng trống trải, không buồn nghe tiếng kêu đình tai của con dế ẩn mặt. Bà khóc một chút, dù không nhận ra, nước mắt lăn từng giọt xuống chóp mũi của bà rồi rơi xuống chiếc tạp dề màu xanh. Bà biết đứa bé có mái tóc màu tro sẽ không quay trở lại, bất kể là ngày mai hay những ngày tiếp theo. Lúc này mùa hè đã bắt đầu, nhưng trời dường như vẫn lạnh. Tất cả, ở đây, trong thành phố này, tất cả chúng tôi đều cảm thấy như vậy. Mọi người tiếp tục đến rồi đi, bán rồi mua, những chiếc xe hơi tiếp tục lăn bánh trên các con phố và đại lộ, vừa đi vừa gây ồn ào với tiếng động cơ và tiếng kèn xe. Thành thoáng, trên bầu trời xanh, một chiếc máy bay lướt qua, để lại phía sau một dải mây trắng dài. Những người hành khất tiếp tục xin tiền tại những góc tường, trước cổng tòa thị chính và các nhà thờ. Nhưng mọi thứ không còn như trước nữa. Nó giống như thể một đám mây vô hình đã bao trùm lên mặt đất, ngăn không cho ánh sáng lọt qua hoàn toàn.

Mọi thứ không còn như trước. Ngoài ra, sau đó ít lâu người Gitan đã bị cảnh sát bắt vào cái ngày anh ta trở tài ảo thuật trong túi người đi đường. Người Cosaque trở thành một kẻ nát rượu, anh ta thậm chí không phải là dân cô-dắc, vì anh ta sinh ra ở Auvergne. Lão ngư Giordan làm đứt các sợi dây câu trên những tảng bê tông chắn sóng, và không bao giờ đi tới Eritrea hay nơi nào khác. Già Dadi rốt cuộc đã rời bệnh viện, nhưng ông không bao giờ tìm lại được những con bồ câu của mình, và thay vào đó ông đã mua một con mèo. Người họa sĩ ngày Chủ nhật không thành công trong việc vẽ bầu trời, anh quay lại vẽ biển và tranh tĩnh vật, còn thằng nhóc trong công viên đã bị người ta trộm mất chiếc xe đạp ba bánh màu đỏ. Về phần ông già có khuôn mặt Ấn Độ, ông tiếp tục cào bằng khu vực bãi biển của mình mà không đi tới sông Hằng, ở cuối sợi dây buộc được gắn vào cái vòng han gỉ trên bến tàu, con thuyền *Oxyton* tiếp tục đơn độc dập dềnh trên mặt nước,

giữa lớp váng dầu, và chẳng có ai đến ngồi ở đuôi của nó để hát cho nó nghe.

Nhiều năm, nhiều tháng và nhiều ngày trôi qua không có Mondo, vì đó là khoảng thời gian vừa rất dài vừa quá ngắn, và ở đây, trong thành phố của chúng tôi, nhiều người vẫn đợi ai đó tuy không dám nói ra. Tuy không nhận ra, chúng tôi vẫn thường tìm kiếm người đó trong đám đông, nơi góc đường, trước một cánh cửa. Chúng tôi nhìn những hòn đá trắng trên bãi biển, và chúng tôi nhìn mặt biển bây giờ giống như một bức tường. Sau đó chúng tôi quên dần.

Một hôm, sau đó rất lâu, người phụ nữ Việt Nam nhỏ nhắn đi bộ trong khu vườn của mình, trên đồi cao. Bà ngồi xuống bụi nguyệt quế, nơi có rất nhiều muỗi vẫn đang vo ve trong không khí, và nhặt một hòn đá cuội lạ lùng bị nước biển bào mòn. Trên một mặt của hòn đá, bà nhìn thấy vết khắc của những chữ cái, đã bị bụi che mờ một phần. Thật cẩn trọng, tim đập dồn, bà dùng một góc tạp dề lau chỗ bụi và thấy ba từ được viết hoa với nét chữ vụng về:

LUÔN LUÔN NHIỀU

*Hoàng Anh dịch*

# LULLABY

Ngày mà Lullaby quyết định sẽ không đến trường nữa, trời hửng còn sớm, độ giữa tháng mười. Nó đã ra khỏi giường, đi chân trần băng ngang phòng, tách hai lá màn xếp nhìn ra bên ngoài. Ngoài kia trời ngập nắng, chỉ cần chồm tới trước một chút là thấy một màu trời xanh. Bên dưới có ba bốn chú bồ câu đang nhảy nhót trên vỉa hè, lông xù lên vì gió. Bên trên những chiếc xe hơi đang đỗ, biển xanh thẫm một màu, một chiếc thuyền buồm trắng đang tiến về trước một cách nhọc nhằn. Lullaby ngắm tất cả những điều này, và nó cảm thấy trong lòng thật nhẹ nhõm khi quyết định không đến trường nữa.

Nó quay vào giữa phòng, ngồi vào bàn, và bắt đầu biên một lá thư mà không thêm bật đèn lên.

Gửi ba yêu dấu,

Hôm nay trời đẹp lắm. Bầu trời xanh thật là xanh đúng như con thích ấy. Con ước gì ba ở đây để ngắm bầu trời này. Biển cũng xanh thật là xanh. Mùa đông sắp đến rồi. Và một năm thật dài nữa sẽ lại bắt đầu. Con hi vọng ba đến sớm, vì con không biết bầu trời này và biển này có đợi ba được không. Sáng nay khi thức dậy (cách đây hơn một tiếng) một lần nữa con lại tưởng mình đang ở Istanbul. Con muốn nhắm mắt lại để khi mở mắt ra con lại tưởng mình đang ở Istanbul. Ba nhớ không? Ba đã mua hai bó hoa, một cho con và một cho xơ Laurence. Những bông hoa to màu trắng thơm ngát (vì vậy mà người ta gọi chúng là hương thơm phải không?). Chúng thơm đến mức mình đã để chúng trong phòng tắm. Ba còn nói mình có thể uống nước ở trong đó, và con đi vào phòng tắm và con uống thật lâu, và mấy bông hoa của con héo hết. Ba có nhớ không?

Lullaby ngừng viết. Nó cẩn nhẹ lên đầu bút bi xanh, nhìn vào tờ giấy biên thư. Nhưng nó không đọc. Nó chỉ nhìn những chỗ giấy trắng. Nó nghĩ sẽ có gì đó hiện lên, chim bay trên bầu trời chằng hạn, hay một con tàu trắng chậm chậm lướt qua.

Nó nhìn lên đồng hồ báo thức trên bàn: tám giờ mười phút. Đó là một cái đồng hồ báo thức du lịch nhỏ bọc da tắc kè màu đen, cứ tám ngày phải lên dây một lần.

Lullaby viết vào tờ giấy biên thư.

Ba yêu dấu, con muốn ba đến lấy lại cái đồng hồ báo thức buổi sáng. Ba đã đưa nó cho con trước khi con đi Tehran và mẹ và xơ Laurence đều nói là nó rất đẹp. Con cũng thấy nó rất đẹp, nhưng con nghĩ là bây giờ con không cần đến nó nữa. Vậy nên con muốn ba đến đây để lấy nó về. Nó sẽ lại giúp ích cho ba. Nó chạy tốt lắm, không hề gây ra tiếng động nào trong đêm.

Nó đút lá thư vào một phong bì gửi máy bay. Trước khi dán lại, nó tìm thêm một thứ gì khác để luồn vào bên trong. Nhưng trên bàn chẳng có gì khác ngoài giấy, sách vở, và những mẫu bánh bít-cốt vụn. Thế là nó để địa chỉ trên phong bì.

Ông Paul Ferlande

P.R.O.C.O.M.

Số 84, đại lộ Ferdowsi

Tehran

Iran

Lullaby để lá thư trên mép bàn, rồi đi nhanh vào buồng tắm để đánh răng và rửa mặt. Nó muốn xối một miếng nước lạnh nhưng lại sợ tiếng ồn sẽ

đánh thức mẹ dậy. Nó lại qua về phòng, vẫn đi chân trần, rồi vội vàng thay đồ. Lullaby mặc một chiếc áo len trùm đầu màu xanh lá, một chiếc quần nhung màu nâu và áo khoác màu hạt dẻ. Rồi nó xỏ tất vào và mang một đôi giày cổ cao, đế kép. Nó chải mớ tóc vàng của mình mà không cần nhìn vào gương, rồi nhét trong túi xách tất cả những gì tìm thấy chung quanh, trên bàn và trên ghế: một thỏi son môi, khăn giấy, bút bi, chìa khóa, lọ Aspirin. Nó không biết chính xác mình sẽ cần gì, nên tổng một cách lộn xộn những gì nó thấy trong phòng vào đó: một cái khăn choàng cổ màu đỏ được cuộn tròn, một khung hình bọc vải giả da cũ kỹ, một con dao nhíp, một chú chó nhỏ bằng sứ. Trong tủ áo, nó mở một hộp giày và lôi ra xấp thư. Trong một hộp khác, nó tìm thấy một bức tranh lớn. Nó xếp bức tranh lại và bỏ vào trong túi xách cùng những lá thư.

Trong túi áo mưa, nó tìm thấy vài tờ tiền giấy và một năm tiền xu, liền bỏ vào trong túi xách. Trước khi đi, nó quay lại chỗ bàn ăn và lấy lá thư vừa viết ban nãy. Nó mở hộp bàn bên trái ra, lục lọi trong mớ đồ dùng và giấy má cho đến khi tìm được một cây kèn harmonica, trên đó có đề

**ECHO**

**Super  
Vamper**

**MADE IN  
GERMANY**

và chữ “david” được khắc bằng đầu dao nhọn.

Nó ngấm cây harmonica trong một giây, đoạn bỏ vào trong túi xách, khoác lên vai phải và bước ra.

Bên ngoài, trời nắng nóng, trời và biển sáng rực. Lullaby đưa mắt tìm mấy con bồ câu nhưng chúng đã biến mất. Xa xa, gần rất gần đường chân trời, chiếc thuyền buồm màu trắng đang từ từ di chuyển, hơi ngả xuống mặt nước.

Lullaby cảm thấy tim mình đang đập thật nhanh. Trái tim đang hưng phấn và kêu inh ỏi trong lồng ngực cô gái. Sao thế nhỉ? Có phải vì bầu trời cùng toàn bộ thứ ánh sáng ấy đã làm cho trái tim cô gái say mềm? Lullaby dừng lại trước lan can, đưa hai tay ôm chặt lồng ngực. Nó nói giữa các kẽ răng, có đôi chút giận dỗi:

— Cái thằng này, phiền thật!

Rồi lại lên đường, cố gắng không để ý tới trái tim mình nữa.

Mọi người đang trên đường đi làm. Họ ngồi trong ô-tô, phóng xe thật nhanh suốt con đường hướng về trung tâm thành phố. Mấy chiếc xe đạp máy thì nhau chạy trong tiếng quay của những ổ bi. Những người ngồi trong ấy, trong những chiếc ô-tô mới coóng, cửa kính đóng chặt, dường như đang rất vội. Khi lướt qua Lullaby, họ khẽ quay sang nhìn cô gái. Thậm chí vài gã còn bóp còi từng hồi liên tục, nhưng Lullaby không nhìn bọn họ.

Nó cũng thế, nó cũng bước nhanh dọc trên con lộ này, không tạo ra chút tiếng động nào dưới lớp đế kếp. Nó đi về hướng ngược lại, phía những ngọn đồi và những mỏm đá. Nó nhìn ra biển, mắt nheo lại, vì quên không mang theo kính mát. Chiếc thuyền buồm có vẻ như đang đi trên cùng một con đường với nó, cánh buồm lớn tam giác màu trắng căng phồng trong gió. Vừa đi, Lullaby vừa ngấm biển và bầu trời xanh, cánh buồm trắng, những mỏm đá nơi mũi đất, và cảm thấy vô cùng hài lòng khi quyết định không đến trường nữa. Mọi thứ ở đây đẹp đến nỗi trường học dường như chưa bao giờ tồn tại.

Gió thổi vào tóc khiến chúng rối bù, một cơn gió lạnh làm mắt cô gái cay cay, lớp da mỏng hai bên gò má và hai bàn tay đều đỏ ửng. Lullaby

ngiht, thật dễ chịu khi bước đi như thế này, trong nắng và trong gió, mà không biết mình đang đi đâu.

Vừa ra khỏi thành phố, nó gặp ngay con đường buôn lậu ngày xưa. Con đường bắt đầu từ một khóm thông dũ, men theo đường bờ biển dẫn xuống những mỏm đá bên dưới. Tại đây, biển còn đẹp hơn biết mấy, dữ dội hơn biết mấy, hứng trọn toàn bộ ánh sáng vào mình.

Lullaby tiếp tục đi về phía trước, trên con đường mòn đó. Nó thấy biển vỗ mạnh hơn. Những con sóng ngăn đập vào các phiến đá, sủi bọt, trôi đi, rồi lại quay trở về. Nó dừng lại trên những phiến đá để lắng nghe âm thanh của biển cả. Nó biết thừa âm thanh ấy chứ, cái tiếng nước vỗ bập bùng, xé toạc nhau ra, rồi quay về với nhau sau khi làm nổ tung không khí. Nó thích tất cả những thứ ấy, ấy thế mà hôm nay, cứ như thể lần đầu tiên nó được nghe thấy chúng. Không gì ngoài những phiến đá trắng, ngoài biển, ngoài gió, ngoài mặt trời. Như thể nó đang đứng trên một con tàu, xa tít ngoài khơi kia, nơi những đàn cá ngừ và những đàn cá heo đang sinh sống.

Lullaby thậm chí còn chẳng nhớ đến trường học nữa. Biển là thế đấy, biển xóa sạch mọi thứ trên đất liền vì biển là thứ quan trọng nhất trên thế giới này. Màu xanh ấy, ánh sáng ấy thật bao la, và gió, và âm thanh dữ dội và dịu dàng của những con sóng, biển giống như một con thú lớn đầu đung đưa và đuôi quất mạnh vào không khí.

Thế nên, Lullaby cảm thấy thật dễ chịu. Nó ngồi trên một phiến đá bằng phẳng, cạnh con đường mòn, và ngắm nhìn. Nó thấy rõ mòn một đường chân trời ngoài kia, một dải đen chia cách mặt biển ra khỏi bầu trời. Nó không còn nhớ gì về đường sá, về nhà cửa, về những chiếc xe hơi và những chiếc xe máy nữa.

Nó ngồi trên phiến đá khá lâu. Rồi lại tiếp tục con đường mòn ban nãy. Không còn nhà cửa gì nữa, những tòa biệt thự cuối cùng đều đã nằm ở phía sau. Lullaby quay lại nhìn, nó thấy chúng có vẻ gì đó thật buồn cười, những cánh cửa màu tím in trên tường trắng, tựa như đang say ngủ. Ở đây cũng chẳng còn vườn tược gì nữa. Len lỏi giữa đất và đá là những giống cây thân

trơn kỳ lạ, những bụi gai nhọn, những cây xương rồng vàng đầy sẹo, cây lô hội, cây ngấy và những dây leo. Chẳng còn ai sống ở đây. Chỉ những con thạch sùng bò giữa các khối đá, và hai ba con ong vò vẽ lượn trên những bãi cỏ thơm mùi mật ngọt.

Trời nắng như đốt. Những tảng đá trắng lấp lánh ánh sáng, bọt đá rục rờ chẳng khác nào những bông tuyết, ở đây thật hạnh phúc, như ở bên kia thế giới. Không phải chờ đợi điều gì, cũng chẳng cần đến ai. Lullaby nhìn mũi đất đang lớn dần trước mắt, vách cấm thẳng xuống biển. Con đường mòn dẫn đến một boong-ke kiểu Đức, phải chui qua một lối đi hẹp nằm dưới mặt đất. Trong hầm, khí lạnh khiến cô gái trẻ rùng mình. Không khí ẩm thấp và tối tăm như trong lòng hang. Các bức tường của pháo đài sặc mùi khai và ẩm mốc. Đầu còn lại của đường hầm thông ra một khoảnh đất xây bằng xi-măng, có một bức tường thấp bao quanh. Một ít cỏ mọc lên từ các vết nứt dưới sàn.

Lullaby nhắm mắt lại vì chói nắng. Giờ nó đã hoàn toàn đối diện với gió và biển.

Bỗng nhiên, nó bắt gặp những dấu hiệu đầu tiên, ngay trên bức tường. Một dòng chữ lớn được viết nguệch ngoạc bằng phấn, chỉ ghi gọn lỏn như sau:

“HÃY TÌM TÔI”

Lullaby nhìn quanh một lúc, rồi thấp giọng, nói:

— Vâng, nhưng là ai mới được?

Một con nhạn biển trắng bay qua, kêu oang oác.

Lullaby nhún vai, rồi lại đi. Khó hơn ban nãy, vì con đường mòn đã bị phá hủy, có lẽ là trong trận chiến cuối cùng, bởi những người đã dựng lên căn hầm này. Phải leo trèo, nhảy từ tảng đá này sang tảng đá kia, dùng cả tay để không bị trượt. Bờ biển mỗi lúc một dốc, và ở ngay bên dưới, Lullaby thấy mặt nước thăm thẳm, màu xanh ngọc, dội vào các bờ đá.

May mà nó biết quá cách đi giữa những tảng đá, thứ mà nó rành nhất là đăng khác. Phải tính toán thật nhanh bằng mắt, nhận ra những chỗ tốt, xem những tảng nào có thể làm bậc thang và bàn nhảy, đoán xem đường nào sẽ dẫn lên trên: phải tránh những ngỗ cụt, đá mùn, kẽ nứt, bụi gai.

Có thể xem đây như một bài tập toán. “Cho một tảng đá góc bốn mươi lăm độ và một tảng đá khác cách khóm đậu kim hai mét rưỡi, hỏi chúng sẽ giáp nhau ở đâu?” Những tảng đá trắng trông như bàn học, và Lullaby tưởng tượng ra cô Lorti, vẻ mặt nghiêm khắc, đang ngồi chễm chệ trên một tảng đá lớn hình thang, xây lưng ra biển. Mà đó có lẽ cũng không hẳn là một bài toán, ở đây, trước hết ta cần phải tính được trọng lực. “Các em hãy kẻ một đường vuông góc với mặt phẳng để xác định phương”, thầy Filippi nói. Thầy đứng đó, giữ thăng bằng trên một tảng đá nằm nghiêng và cười độ lượng. Những sợi tóc trắng của thầy tạo thành một vương miện trong ánh nắng, và phía sau cặp kính là đôi mắt sáng ngời một cách lạ lùng.

Lullaby mừng vì phát hiện ra cơ thể của nó có thể tìm ra lời giải cho những bài toán này một cách dễ dàng. Nó nghiêng người về phía trước, nghiêng người ra đằng sau, đong đưa trên một chân rồi nhảy một cách khéo léo đặt ngay vị trí mà nó muốn.

“Giỏi lắm, giỏi lắm, cô gái”, giọng nói của thầy Filippi vang lên bên tai. “Vật lý là một môn khoa học tự nhiên, đừng quên điều đó. Cứ tiếp tục như thế, con đang đi đúng đường đấy.”

— Vâng, mà đi đâu mới được ạ? – Lullaby thì thầm.

Quả thực, nó không rõ lắm những thứ này đang đưa mình đi đâu. Nó dừng lại lần nữa để lấy hơi và ngắm biển, nhưng cảnh tượng trước mặt lại đặt cho nó một bài toán khác, vì nó phải tính góc khúc xạ giữa ánh nắng và mặt nước. “Chịu, không bao giờ giải nổi”, nó nghĩ. “Xem nào, hãy áp dụng định luật Descartes”, giọng thầy Filippi lại vang lên bên tai. Lullaby cố gắng nhớ. “Tia khúc xạ...”

“Luôn nằm trong mặt phẳng tới”, Lullaby nói.

“Tốt. Còn định luật thứ hai?” thầy Filippi hỏi.

“Khi góc tới tăng, góc khúc xạ cũng tăng, và tỉ lệ giữa sin hai góc là một hằng số.”

“Hằng số”, vẫn giọng nói đó vang lên. “Nghĩa là?”

$$\frac{\sin i}{\sin r} = \text{Constante}$$

“Chỉ số khúc xạ giữa nước và không khí?”

“1,33.”

“Định luật Foucault?”

Chỉ số giữa môi trường này với môi trường kia bằng tỉ lệ vận tốc góc giữa chúng.”

“Suy ra?”

$$N_{2/1} = v_1/v_2$$

Nhưng nắng cứ chiếu liên hồi trên mặt biển, và chuyển từ khúc xạ sang trạng thái phản xạ nhanh đến nỗi Lullaby chẳng tính được nữa. Nó nghĩ, mình sẽ viết thư cho thầy Filippi để hỏi lại sau.

Trời thật nóng. Cô gái trẻ tìm một nơi để tắm. Đoạn nó tìm thấy một vịnh nước tí hon, cách đó một chút, trong vịnh có một bến tàu bị bỏ hoang. Lullaby bước tới sát mặt nước và cởi đồ ra.

Nước rất trong, và lạnh. Lullaby nhào xuống ngay, không một chút đắn đo, cảm nhận dòng nước siết trong từng lỗ chân lông trên da mình. Nó bơi một hồi lâu trong nước, hai mắt mở to. Xong, nó ngồi hong mình trên thềm xi-măng của bến tàu cũ. Bấy giờ, nắng đã đổ thẳng đứng, và ánh sáng không còn phản chiếu như trước đó nữa. Nắng lấp lánh, rực rỡ, ngay trong lòng những giọt nước li ti bám trên da bụng và những sợi lông tơ trên đùi cô gái.

Nước lạnh làm nó dễ chịu hẳn. Nước gội sạch những suy nghĩ trong đầu nó, và Lullaby không còn nghĩ tới những đường tiếp tuyến hay những

chỉ số tuyệt đối của mọi vật nữa. Nó muốn biên thêm một bức thư cho ba, bèn lục xấp giấy đang nằm trong túi, rồi viết bằng bút bi, bắt đầu từ cuối trang. Trang giấy lấm lem do tay nó còn ướt.

LLBY

hôn ba

ba mau đến chơi với con, ngay chỗ con đang ở nhé!

Rồi nó viết tiếp ngay giữa trang giấy:

Có lẽ con đang làm vài chuyện đại dột. Đừng giận con. Con thật sự cảm thấy mình như thể đang bị cầm tù vậy. Ba không thể hiểu đâu. Mà có khi ba đã biết tất cả, nhưng ba, ba đủ can đảm để ở lại, con thì không. Ba thử tưởng tượng mà xem, ở khắp mọi nơi toàn là tường, nhiều đến mức ba không tài nào đếm hết được, với nào là kẽm gai, là vỉ nướng, là khung sắt trên các ô cửa sổ! Rồi ba hãy tưởng tượng, một sân trường với toàn bộ các giống cây mà con ghét, nào là cây dẻ, cây đoạn, cây tiêu huyền. Mấy cây tiêu huyền trông tằm lấm, tróc hết vỏ, trông như đang bị bệnh ấy!

Trên đó một chút, nó viết:

Ba biết không, có rất nhiều thứ mà con muốn. Có rất nhiều, rất nhiều, rất rất nhiều thứ mà con muốn, không biết con có thể kể hết cho ba không. Đó là những thứ mà ở đây vô cùng thiếu, những thứ mà ngày xưa con thích ngắm nhìn, cỏ xanh, hoa lá, và chim chóc, những dòng sông. Nếu ba ở đây, ba có thể kể cho con nghe, và con sẽ thấy chúng lần lượt hiện ra chung quanh, nhưng ở trường chẳng có ai biết để mà nói về những thứ ấy. Bọn con

gái toàn khóc lóc vớ vẩn! Lũ con trai thì ngốc nghếch! Chúng chỉ quan tâm tới mấy chiếc mô-tô và mớ áo khoác của chúng!

Rồi nó viết ở tuốt đầu trang.

Chào ba, ba thân yêu. Con đang viết thư cho ba trên một bãi biển nhỏ xíu, thực sự rất là nhỏ, đến nỗi con nghĩ nó chỉ dành cho một người, với một bến tàu cũ nát mà con đang ngồi đây (con vừa tắm xong một trận đã đời). Biển đang muốn xơi tái bãi biển nhỏ bé này, nó cứ liếm vào sâu trong bờ, không tài nào khô được. Ba sẽ thấy những vệt nước biển đọng trên lá thư, con hy vọng ba sẽ thích chúng. Con ở đây có một mình thôi, nhưng con vui lắm. Từ bây giờ con sẽ không đến trường nữa, con đã quyết như thế, chấm dứt. Con sẽ không bao giờ tới đó nữa, cho dù người ta có tống con vào tù. Mà có như thế thì cũng chẳng tệ hơn đến trường là bao.

Không còn nhiều khoảng trắng trên tờ giấy nữa, nên Lullaby bắt đầu chơi trò điền vào chỗ trống, hết chỗ này sang chỗ kia, bằng cách ghi thêm những từ và những câu ngắn một cách ngẫu hứng:

Biển xanh

Nắng

Gửi cho con vài nhánh lan trắng

Chòi gỗ, tiếc là nó không có ở đây

Viết thư cho con nha

Có một con thuyền vừa lướt qua, nó đi đâu nhỉ?

Con muốn đứng trên một ngọn núi cao

Bây giờ nơi ba đang ở nắng trông như thế nào?

Kể con nghe chuyện mấy chú vớt san hô đi  
Sloughi sao rồi ạ?

Nó kết thúc những khoảng trắng cuối cùng bằng những từ như sau:

Rong  
Gương  
Xa  
Đom đóm  
Đua  
Con lắc  
Rau mùi  
Sao

Rồi nó gấp tờ giấy lại và bỏ vào bao thư, cùng một cọng cỏ thơm như mật.

Khi lội ngược về phía những tảng đá, nó bắt gặp, lần thứ hai trong ngày, những dấu hiệu kỳ lạ được viết bằng phấn, trên đá. Có cả những mũi tên để chỉ đường đi. Trên một tảng đá lớn bằng phẳng, nó đọc thấy:

“ĐỪNG NẢN CHÍ!”

Trên một tảng đá khác xa hơn:

“CHUYỆN NÀY CÓ THỂ CHẤM DỨT KHÔNG NHƯ TA MONG ĐỢI”

Lullaby nhìn quanh một lần nữa, nhưng chẳng thấy ai giữa những đá và đá, mặc cho nó nhìn ra xa nhất có thể. Vì vậy nó lại tiếp tục con đường của mình. Nó trèo lên, trèo xuống, nhảy qua các khe hở, và cuối cùng cũng đến

tận cùng của mũi đất. Có một khoảng đất bằng phẳng lát đá, và một căn nhà kiểu Hy Lạp.

Lullaby dừng lại, kinh ngạc. Chưa bao giờ nó thấy một ngôi nhà nào đẹp đến thế. Ngôi nhà được xây giữa những tảng đá và cây mọc nước, mặt trở ra biển, vuông vức và giản dị, hiên nhà có sáu trụ cột chống đỡ, trông như một ngôi đền thu nhỏ. Nhà sơn màu trắng sáng, lộng lẫy, thu mình giữa một vách đá thẳng đứng, che chắn nó khỏi những cơn gió và sự dòm ngó.

Lullaby bước chầm chậm về phía ngôi nhà, tim đập thình thịch. Không có ai, chắc nó đã bị bỏ hoang nhiều năm rồi, vì cỏ dại và dây leo đã phủ đầy hiên, những dây bìm bìm cũng bám quanh các cột nhà.

Khi đã tới sát ngôi nhà, Lullaby mới đọc thấy một dòng chữ được khắc trên cánh cửa, chỗ mái vòm làm bằng thạch cao:

## XAPIEMA

Lullaby đọc to thành tiếng và nghĩ, chẳng có ngôi nhà nào tên đẹp như thế.

Một hàng rào bằng sắt đã gỉ sét bao quanh nhà. Lullaby men theo hàng rào tìm lối vào. Nó tới một đoạn hàng rào đã bị bẻ cong, và bò qua từ đây. Nó chẳng sợ, mọi thứ đều yên tĩnh. Lullaby đi băng qua vườn tới thẳng mấy bậc thềm, rồi dừng ngay trước cửa. Nó dẫn đo một giây rồi đẩy cửa đi vào. Trong nhà tối như bưng, phải đợi một lúc cho tới khi mắt nó bắt đầu làm quen với bóng tối. Thế rồi nó thấy một căn phòng với bốn bức tường mục nát, sàn nhà chất đầy rác và giẻ rách, và mấy tờ báo cũ. Trong nhà, không khí thật lạnh lẽo. Cửa sổ có lẽ đã không mở từ nhiều năm nay. Lullaby thử kéo rèm sang một bên, nhưng chúng đã kẹt cứng. Khi mắt đã hoàn toàn quen thuộc với không gian tối tăm này, Lullaby nhận ra nó không phải là người duy nhất từng vào đây. Các bức tường chứa đầy những hình vẽ tục tĩu, khiến cô gái nổi giận, như thể ngôi nhà này thực sự thuộc về nó. Nó thử chúi

chúng bằng một mảnh giẻ. Rồi nó bước ra hiên nhà, kéo cửa mạnh tới nỗi gãy cả tay nắm, còn nó mém chút là bật ngửa.

Nhưng nhìn từ bên ngoài, ngôi nhà thật là đẹp. Lullaby ngồi xuống thềm, lưng dựa vào cột nhà, và ngắm biển đang trải rộng trước mắt nó. Như thế này thật là thích, chỉ có âm thanh của nước và gió thổi giữa những cây cột trắng. Giữa những thân cây thẳng đứng, trời và biển cả dường như vô hạn. Ta không còn đứng trên mặt đất nữa, ngay tại đây, không cội nguồn. Cô gái trẻ hít thở thật sâu, lưng duỗi thẳng và gáy tựa vào cột nhà ấm áp, và mỗi lần không khí được đưa vào phổi, nó lại tưởng như đang bay giữa bầu trời trong vắt, trên nền biển bao la. Đường chân trời như một sợi dây mỏng manh uốn thành vòng cung, nằng hắt những tia sáng thẳng tắp, và thế là con người ta rơi vào một thế giới khác, như đang đứng bên bờ lăng kính.

Lullaby nghe thấy một giọng nói cất lên bên tai, được ngọn gió đưa tới. Giờ thì đó không còn là giọng của thầy Filippi nữa, mà là một giọng nói rất đổi xa xưa, đã băng qua cả bầu trời và băng qua biển cả. Âm thanh dịu dàng và trầm tĩnh ấy vang lên quanh cô gái, trong ánh nắng ấm áp, và gọi tên nó trước đây, cái tên mà một ngày nọ, ba đã đặt cho nó, trước khi nó rơi vào giấc ngủ.

“Ariel ơi... Ariel ...”

Và Lullaby bắt đầu hát, rất khẽ, rồi mỗi lúc một cao dần, cái giai điệu mà nó chưa bao giờ quên sau chừng ấy năm tháng:

*Where the bee sucks, there sick I;  
In the cowslip's bell I lie:  
There I couch when the owls do cry.  
On the bat's back I do fly  
After summer merrily:  
Merrily, merrily shall I live now,*

*Under the blossom that hangs on the bough.*

Giọng hát trong trẻo lao vào khoảng không, mang cô gái ra biển cả. Từ đây nó nhìn thấy tất cả, bên trên những vách đá mù sương, bên trên thành phố và cả những ngọn núi cao. Nó nhìn thấy từng hàng sóng đua nhau bước đi trên đường biển thênh thang, kéo tới bên kia bờ, nơi dải đất dài màu xám mờ mịt cắt ngang những cánh rừng hương bách, và xa hơn nữa, tựa như một ảo ảnh, ngọn Kuhha-Ye Alborz phủ đầy tuyết trắng.

Lullaby cứ ngồi như thế thật lâu, tựa vào cột nhà, nhìn ra biển và hát cho chính nó nghe bài hát của Ariel và những bản khác do ba nó sáng tác. Nó cứ ngồi như thế cho tới khi mặt trời đã xuống rất gần đường chân trời và biển ngả sang màu tím. Vậy là nó rời khỏi ngôi nhà Hy Lạp ấy và trở lại con đường buôn lậu hướng về thành phố. Khi đến gần boong-ke, nó bắt gặp một cậu bé vừa đi câu trở về. Cậu bé quay người lại để đợi Lullaby.

—Chào buổi tối! Lullaby nói.

—Chào! – Cậu bé trả lời.

Cậu bé có gương mặt nghiêm nghị và đôi mắt xanh biếc giấu dưới hai tròng kính. Cậu mang theo một cần câu dài, một giỏ đánh cá, và vắt giày quanh cổ mà đi.

Chúng đi với nhau một quãng, thỉnh thoảng nói đôi ba câu. Tới đầu đường, vì chỉ còn ít phút nữa là trời tối, chúng ngồi trên những phiến đá để ngắm biển. Cậu bé mang giày vào. Cậu bảo, một ngày nọ, vài năm về trước, cậu muốn ngắm nhật thực và thế là từ đó, mặt trời đọng lại trong mắt cậu.

Lúc này, mặt trời đã lặn hẳn. Chúng ngắm những ngọn đèn pha đang bật sáng, rồi những ngọn đèn đường và đèn báo tín hiệu trên những chiếc phi cơ. Mặt nước đã chuyển sang màu đen. Bấy giờ, cậu bé đeo kính đứng dậy trước. Cậu lượm cần câu và giỏ đánh cá của mình lên, vẫy tay chào Lullaby trước khi bỏ đi.

Khi cậu bé đã đi được một đoạn khá xa, Lullaby hét lớn:

— Mai vẽ cho chị một bức, nhé!  
Cậu bé gật đầu ra hiệu đồng ý.

2.

Đã nhiều ngày trôi qua kể từ khi Lullaby dạo quanh ngôi nhà Hy Lạp. Nó thích lắm cái giây phút mà, sau khi đã nhảy qua ngấn ấy tảng đá, thở hỗn hển vì chạy, nhảy, và leo trèo khắp nơi, và chéch choáng say vì nắng và gió, cuối cùng nó cũng nhìn thấy, bên vách đá, cái dáng vẻ sáng ngời và huyền bí kia, tựa hồ một con tàu đang đỗ. Những ngày này trời rất đẹp, trời xanh và biển cũng xanh, và chân trời thuần khiết đến mức có thể thấy rõ cả những đỉnh sóng. Khi Lullaby đến trước ngôi nhà, nó dừng lại, tim đập còn nhanh và mạnh hơn nữa, và cảm thấy một hơi ấm kỳ lạ đang lan đi khắp các mạch máu trong cơ thể, bởi một bí mật nào đó hẳn là đang được che giấu nơi đây.

Gió đột nhiên sà xuống. Lullaby có cảm giác như ánh nắng đang nhẹ nhàng ôm lấy mình, khiến những sợi tóc và toàn bộ làn da đều bị kích động. Nó hít thở sâu hơn, như cách người ta vẫn làm khi lặn dưới nước.

Rồi, thật chậm, nó đi quanh hàng kềm gai, tới chỗ ra vào. Nó tiến lại gần ngôi nhà trong lúc ngắm sáu cây cột đều đặn và trắng như ánh sáng. Rồi nó đọc to cái tên màu nhiệm khắc trên vòm cửa kia, và có khi nào, chính cái tên ấy là khởi nguồn của nhường ấy bình yên và ánh sáng:

— Karisma...

Cái tên bừng sáng từ trong cơ thể cô gái, như thể cái tên ấy cũng được đặt cho nó, đang chờ đợi nó. Lullaby ngồi bệt xuống đất, chỗ hiên nhà, lưng dựa vào cây cột cuối cùng bên tay phải, và ngắm biển.

Nắng đốt cháy da mặt nó. Những tia sáng phát ra từ cơ thể nó, qua các ngón tay, mắt môi và từng sợi tóc, hoà cùng ánh sáng của những phiến đá và biển cả.

Trên tất cả là sự tĩnh mịch, một sự tĩnh mịch to lớn và nặng nề đến mức Lullaby có cảm giác rằng mình sẽ chết. Rất nhanh, sự sống tách khỏi cơ thể nó và thoát đi, bay cao lên bầu trời và bay ra biển cả. Thật khó mà giải thích, nhưng Lullaby đã chắc chắn rằng cái chết là như thế đó. Thân thể nó ở lại đây, nơi mà nó đang tồn tại, trong tư thế ngồi dựa lưng vào cây cột trắng, được bao bọc hoàn toàn trong hơi ấm và ánh sáng. Nhưng những cử động thì

ra đi, tan biến ngay trước mắt nó. Không thể giữ chúng lại. Lullaby cảm nhận được tất cả những gì đang bỏ nó lại, rời xa nó, nhanh như lũ chim sáo đá, nhanh như là những cơn lốc. Tất cả những cử động của chân và tay, những rung động từ trong cơ thể, những cơn giật bản mình. Chúng bỏ đi rất nhanh, tiến về phía trước, lao vào không trung, bay ra biển cả và hướng về phía ánh sáng. Vậy mà dễ chịu, Lullaby chẳng buồn chống cự. Cũng chẳng nhắm mắt. Nó mở to hai đồng tử, cứ nhìn chăm chăm như thế về phía trước, không chớp mắt, nhìn mãi một điểm duy nhất trên đường chân trời mỏng manh, nơi ta bắt gặp nếp gấp giữa trời và biển.

Hơi thở của nó mỗi lúc một chậm, và trong lồng ngực con tim cũng đập thưa dần, thật chậm, thật chậm. Gần như không còn chút cử động, không còn chút sự sống nào ở lại trong cô gái, chỉ có ánh mắt của nó là đang mở to, hòa vào không gian như một chùm sáng. Lullaby nghe cơ thể của nó mở ra, rất nhẹ nhàng, như một cánh cửa, chỉ chờ được về với biển. Nó biết mình rồi sẽ thấy điều đó, sớm thôi, thế là nó chẳng nghĩ ngợi gì nữa, chẳng còn muốn gì khác. Thân thể nó ở lại, rồi sẽ giống như những cây cột màu trắng và những bức tường trát thạch cao, bất động, lặng lẽ. Đây chính là bí mật của ngôi nhà. Là bến đỗ nằm trên mặt biển, nằm hoàn toàn trên bức tường lớn màu xanh thăm thẳm ấy, nơi cuối cùng con người cũng được nhìn thấy những gì đang được che giấu bên kia. Ánh mắt của Lullaby trải rộng, lượn trong không khí và ánh sáng, bên trên mặt nước.

Cơ thể nó không lạnh đi như những xác chết nằm trong phòng kín. Ánh sáng tiếp tục tràn vào các bộ phận bên trong cơ thể nó, vào tận xương tuỷ của nó, và cơ thể Lullaby giờ đây như loài tắc kè, mang cùng nhiệt độ với khí trời.

Lullaby tựa hồ một đám mây, tựa hồ một chất khí, nó hoà vào mọi thứ chung quanh. Nó như là hương thơm toát ra từ những hàng thông được mặt trời sưởi ấm, trên những ngọn đồi, như là hương cỏ thơm mùi mật ngọt. Nó chính là đám bụi nước của những con sóng lấp lánh ánh cầu vồng. Nó là gió, là làn gió lạnh thổi từ biển cả, hay làn gió ấm áp như hơi thở của mặt đất đang lên men dưới chân những bụi gai. Nó là muối, những hạt muối rục rở

như phấn trắng trên những tảng đá cũ xưa, hay như muối biển, muối nặng và chất trong các rãnh nước dưới lòng đại dương. Không chỉ có một Lullaby ngồi dưới hiên ngôi nhà Hy Lạp cũ kỹ và điêu tàn này nữa. Mà có biết bao nhiêu Lullaby, nhiều y như các đốm sáng trên những con sóng vậy.

Lullaby thấy bằng tất cả con mắt của mình, bằng tất cả bộ phận. Nó thấy những thứ mà mình không thể tưởng tượng ra trước kia. Những thứ thật bé, nơi ẩn náu của bọn côn trùng, hang ổ của lũ sâu bọ. Nó thấy lá của những cây mọc nước, và rễ cây. Nó thấy những thứ to lớn, bên kia những đám mây, những vì tinh tú sau bức màn của bầu trời, những chòm băng vùng cực, những thung lũng bao la, và những đỉnh núi vô tận dưới đáy đại dương. Nó thấy tất cả những thứ ấy cùng một lúc, và mỗi cái nhìn kéo dài hàng tháng và hàng năm trời. Có điều nó chỉ thấy nhưng không thấu đáo, là do những chuyển động của cơ thể nó, rời rạc, đi khắp không gian để gặp nó.

Như thế cuối cùng thì, sau khi chết đi, nó cũng có cơ hội để chiêm nghiệm những định luật hình thành nên thế giới này. Đó là những định luật lạ lùng không giống những gì được viết trong sách vở hay được dạy trong trường, mà ta đã thuộc nằm lòng. Chẳng hạn, định luật về đường chân trời hấp dẫn cơ thể, một quy luật rất dài và mỏng manh, một nét vẽ đứt khoát nối liền hai mặt cầu di động, một của trời và một của biển. Nơi đó, mọi thứ được sinh ra, nảy nở, tạo ra những chuyển bay của các con số và các ký hiệu, chúng che lấp mặt trời và bị đẩy tới một nơi xa lạ. Hay định luật về biển cả, không có điểm bắt đầu lẫn điểm kết thúc, nơi mà những tia nắng đều tan ra. Còn có định luật về bầu trời, định luật về gió, định luật mặt trời, mà ta không tài nào hiểu được, vì những ký hiệu của chúng không thuộc về con người.

Một lát sau, khi thức dậy, Lullaby cố gắng nhớ lại những điều đã thấy. Nó ước mình có thể viết lại mọi thứ cho thầy Filippi, bởi không chừng thầy sẽ hiểu tất cả những con số ấy và tất cả những ký hiệu ấy muốn nói gì. Nhưng nó chỉ tìm được vài mẫu câu, mà nó lặp đi lặp lại như:

“nơi ta uống nước biển”

“những điểm tựa của chân trời”

“những vòng xoay (hay những con đường) của biển”

rồi nó nhún vai, vì những thứ này chẳng nói lên được gì.

Rồi, Lullaby rời khỏi chỗ ngồi, rời khỏi khu vườn của ngôi nhà Hy Lạp và bước xuống biển. Gió bỗng trở lại, thổi mạnh vào tóc và quần áo trên người cô gái, như muốn sắp xếp lại mọi thứ.

Lullaby quý cơn gió này lắm. Nó muốn cho cơn gió cái gì đó, bởi gió lúc nào cũng cần được tiếp thức ăn, như lá cây, như là hạt bụi, những hạt nước li ti mà gió vớt từ biển cả hay các đám mây, và nón của những người bộ hành đang đi trên đường.

Lullaby ngồi vào một hốc đá, sát mặt nước, gần tới độ sóng cứ tới liếm vào đôi bàn chân cô gái. Năng cháy trên mặt biển, năng hắt ra từ hai bên con sóng khiến nó hoa cả mắt.

Nơi đây không có lấy một bóng người, chỉ có nắng, gió và biển cả, và Lullaby lôi xấp thư từ trong túi ra. Rồi nó rút ra từng lá một, tay khẽ nới sợi dây ràng bằng cao su, nó đọc một vài chữ này, một vài câu nọ, một cách ngẫu nhiên. Thỉnh thoảng nó không rõ lắm ý nghĩa của chúng, thế là nó đọc to thành tiếng, nghe có vẻ thực hơn.

— Máy miếng vải đỏ bay phấp phới như những lá cờ...

— Con có thấy chúng không, Ariel, những bông thủy tiên màu vàng, trên bàn làm việc của ba, ngay bên cửa sổ?

— Ariel ơi, gió của Ariel ơi...

—Cái này là để cho con, để con lúc nào cũng nhớ...

Lullaby tung những lá thư ấy vào trong gió. Chúng vội vàng bay đi. Chúng bay một lúc trên biển, chao đảo như một đàn bướm giữa cơn lốc. Đó là những tờ giấy biên thư màu xanh nhạt, rồi chúng bỗng mất hút giữa biển. Thật tốt biết mấy khi tung những lá thư này vào gió, rải những con chữ đi khắp nơi, và Lullaby nhìn cơn gió vui vẻ nuốt trọn lấy chúng.

Nó muốn đốt lửa. Nó tìm giữa những tảng đá chỗ nào đó có thể tránh những cơn gió lớn. Xa xa một chút, nó tìm thấy một vũng nước nhỏ có một bến tàu hoang, và dừng chân tại đó.

Chỗ này rất thích hợp để nhóm lửa. Mấy tảng đá trắng bao quanh bến tàu, những cơn gió mạnh không tài nào thổi tới. Bên dưới mỏm đá có một chỗ trũng hoàn toàn khô ráo và ấm áp, và ngay lập tức ngọn lửa nổi lên, nhẹ nhàng, nhột nhật, tạo ra một âm thanh bập bùng dễ chịu. Lullaby không ngừng đưa những tờ giấy mới vào. Chúng bắt lửa ngay lập tức, vì đã rất khô và mỏng manh, dễ bị thiêu huỷ.

Thật là dễ chịu khi nhìn thấy những trang giấy màu xanh biến dạng giữa ngọn lửa, và những con chữ bỏ chạy đằng sau, về đâu chẳng ai biết. Lullaby nghĩ ba nó sẽ thích ngồi đây, nhìn những lá thư của mình bốc cháy thế này, vì ông có viết những dòng chữ này để chúng lưu lại mãi đâu. Có một hôm, ông đã nói như thế với nó, và ông đặt một lá thư vào lọ thuỷ tinh màu xanh, để vớt nó đi thật xa, giữa biển khơi bao la. Những dòng chữ này, ông chỉ viết cho nó, để nó đọc và nghe được giọng nói của ông, và giờ đây, chúng có thể quay về nơi chúng đã ra đi, bằng cách này, chóng thôi, nương theo ánh sáng và hơi khói, bay trong gió, và trở nên vô hình. Có thể ai đó, bên kia bờ biển, sẽ nhìn thấy làn khói nhỏ và ngọn lửa sáng như mặt gương này và ai đó sẽ hiểu.

Lullaby châm vài khúc gỗ nhỏ vào lửa, rồi vài cành cây, rong biển khô, để những ngọn lửa kéo dài lâu hơn. Có đủ thứ mùi lan đi trong gió, mùi giấy nhẹ và ngòn ngọt, mùi đậm đà của than và gỗ, và mùi khói nồng nặc của đám rong biển.

Lullaby nhìn những con chữ biến đi thật nhanh, nhanh đến mức chúng chỉ lướt qua suy nghĩ của nó như những tia chớp. Thành thạo nó cũng nhận ra chúng, những con chữ bị biến dạng, kỳ dị, méo mó bởi ngọn lửa, và nó khẽ bật cười:

“mưaaaa”

“on tàu”

“Awiel, iel, eeel...”

Đột nhiên, nó cảm giác như ai đó đằng sau, và nó quay người lại. Cậu bé đeo kính đang đứng trên một tảng đá, nhìn nó, tay vẫn cầm cần câu và hai đôi giày vẫn được buộc quanh cổ.

— Sao chị lại đốt giấy? – Cậu bé hỏi.

Lullaby mỉm cười với cậu.

— Vì trò này rất vui – Nó bảo – Nhìn này!

Nó đốt một trang giấy lớn màu xanh, trên đó có vẽ một cảnh cây.

— Em thấy không, chúng thích được đốt như thế – Lullaby giải thích – Chúng chỉ đợi có thể, từ lâu rồi, chúng khô như đồng lá chết, thế nên chúng bắt lửa rất nhanh.

Cậu bé đeo kính đặt cần câu xuống và đi tìm vài cành cây để châm lửa. Chúng chơi như thế một lúc lâu, thích thú với việc đốt tất cả những gì có thể. Hai bàn tay Lullaby đã đen sạm vì khói, mắt cay xè. Cả hai đứa nó đều đã mệt đứt hơi vì hầu hạ ngọn lửa. Ngọn lửa cũng vậy, có vẻ như nó cũng đã thấm mệt. Những ngọn lửa yếu dần, mờ giấy và cành cây lần lượt tắt.

— Lửa sắp tắt rồi – Cậu bé vừa chùi kính, vừa nói.

— Là vì chẳng còn lá thư nào nữa. Đó là những gì mà ngọn lửa muốn.

Cậu bé rút từ trong túi áo một tờ giấy được gấp làm tư.

— Cái gì thế? – Lullaby hỏi. Nó cầm tờ giấy và mở ra. Đó là hình vẽ một người phụ nữ có gương mặt sạm màu. Lullaby nhận ra áo khoác len màu xanh của mình.

— Đây là hình chị phải không?

— Là em vẽ cho chị – Cậu bé nói – Nhưng mình đốt nó cũng được.

Nhưng Lullaby gấp bức tranh lại và ngọn lửa đang tắt dần.

— Chị không muốn đốt nó bây giờ sao? – Cậu bé hỏi.

— Không, không phải hôm nay – Lullaby nói.

Sau ngọn lửa, bây giờ tới lượt khói cũng bắt đầu tắt. Nó thổi trên đồng tro.

— Chị sẽ đốt khi nào chị thật thích – Lullaby nói.

Chúng ngồi thật lâu trên bến tàu, ngắm biển, hầu như không nói năng gì. Gió lướt trên mặt biển, đưa những hạt bụi nước lên cao, vẩy nhẹ vào mặt chúng. Cứ như đang ngồi bồng bênh trên mũi tàu vậy. Không nghe thấy gì ngoài âm thanh của những con sóng và tiếng gió rít từng hơi dài.

Khi mặt trời đứng bóng, cậu bé đeo kính đứng dậy, nhặt cần câu và giày của mình lên.

— Em đi đây – Cậu nói.

— Em không muốn ở lại sao?

— Em không thể, em phải về.

Lullaby cũng đứng dậy.

— Chị ở lại đây à? – Cậu bé hỏi.

— Không, chị sẽ đi qua đó xem thế nào, xa hơn một chút.

Nó chỉ những phiến đá ở đầu mũi đất.

— Đằng kia có một ngôi nhà nữa, nhưng to hơn nhiều, trông như nhà hát ấy – Cậu bé giải thích cho Lullaby – Phải trèo qua những tảng đá, rồi ta có thể chui vào, từ bên dưới.

— Em tới đó rồi sao?

— Vâng, thường xuyên. Đẹp lắm, nhưng để đi tới đó thì hơi cực.

Cậu bé đeo kính quàng giày quanh cổ, thoáng chốc đã đi xa.

— Tạm biệt – Lullaby nói.

Lullaby bước về phía mũi tàu, gần như là chạy. Nó nhảy từ phiến đá này sang phiến đá kia. Ở đây không còn đường sá gì nữa. Phải leo lên những tảng đá, tay bám vào rễ của mấy bụi thạch nam và cỏ. Bây giờ ta đang ở rất xa, lạc lõng giữa những viên đá trắng, lơ lửng giữa trời và biển. Mặc gió

lạnh, Lullaby vẫn cảm nhận được sức nóng của mặt trời. Dưới lớp áo, cả người nó ướt đầm mồ hôi. Cái túi khiến nó khó chịu làm sao, thế là nó quyết định sẽ giấu cái túi ở đâu đó và tìm lại sau. Nó nhét túi vào một hốc cây lô hội dưới mặt đất, và đặt ba hòn sỏi phía trước, che chỗ giấu lại.

Phía trên chỗ nó đang đứng, lúc này, có một ngôi nhà xi-măng kỳ lạ mà cậu bé đã kể ban nãy. Để tới đó, phải leo qua hết dãy đá lở. Ngôi nhà tàn tạ màu trắng rục rở trong ánh nắng. Lullaby đắn đo một lúc, mọi thứ ở đây lạ lùng và lặng lẽ làm sao. Những bức tường xi-măng dài, nằm ngay bên trên mặt biển, bám vào bờ đá, không có lấy một ô cửa sổ.

Một con chim biển lượn tròn trên đồng đồ nát, và bỗng dừng Lullaby ước gì mình đang ở trên đó. Nó bắt đầu leo lên dãy đá lở. Mấy hòn sỏi góc cạnh làm trầy tay và đầu gối của cô gái, đám đá lở trượt ở đằng sau. Khi đã tới tận bên trên, nó xoay người lại, nhìn ra biển. Nó phải nhắm cả hai mắt để tránh một cơn rùng mình. Phía dưới Lullaby, cho đến hết tầm mắt của nó, chỉ có một thứ duy nhất là biển mà thôi. Bao la, xanh thẳm, biển lấp đầy toàn bộ không gian, tới tận đường chân trời rộng lớn, trông như một mái ngói trải dài bất tận, một mái ngói khổng lồ làm từ kim loại sẫm màu, với những gợn sóng đang chuyển động. Đó đây, nắng chiếu trên mặt biển, và Lullaby nhìn thấy các vết đen, các con đường mờ ảo của những dòng chảy và những thảm tảo, hay dấu tích của đám bọt biển. Gió quét không ngừng trên biển, đánh bóng toàn bộ mặt nước.

Nó mở mắt ra và ngăm nhìn tất cả những thứ ấy, trong lúc các đầu ngón tay vẫn bấu chặt vào đá. Biển đẹp đến mức Lullaby ngỡ như biển đang kéo qua toàn bộ trí óc lẫn trái tim mình, rất nhanh, và cùng một lúc mà xô ngã hàng ngàn ý nghĩ bên trong cô gái.

Từ từ và cẩn thận, Lullaby tiến lại ngôi nhà tàn tạ. Đúng như lời cậu bé đeo kính đã nói, đó chắc chắn là một nhà hát, đại loại như thế, được dựng bằng bốn bức tường xi-măng cốt thép to lớn. Giữa những bức tường cao, đám thực vật sinh sôi nảy nở, mấy cây ngấy và dây leo đã che kín mặt đất. Trên các bức tường là một lớp sàn mái bê-tông, thủng lỗ chỗ. Gió biển lùa vào những chỗ hở nằm khắp bốn phía toà nhà, tạo thành những cơn lốc hung

hăng hắt tung những mảnh sắt vụn trên khung trần. Các bản sắt va vào nhau tạo nên một bản nhạc dị thường, và Lullaby đứng bất động một lúc để lắng nghe. Đó là một bản nhạc lạ lùng, nghe như thể tiếng kêu của bầy nhạn biển và lời thì thầm của những ngọn sóng, một bản nhạc siêu thực và chẳng có chút nhịp điệu gì, mà lại khiến ta phải rung mình. Lullaby bắt đầu bước. Dọc bờ tường bên ngoài có một con lộ nhỏ băng qua bụi rậm, dẫn tới một cầu thang đã hư hết một nửa. Nó leo lên mái bằng, nơi ta có thể nhìn thấy biển qua một lỗ hổng. Lullaby ngồi xuống, đối diện với đường chân trời, dưới ánh nắng, và ngắm biển cả. Rồi, nó nhắm mắt lại.

Lullaby bất giác rung mình. Hình như có ai đó đang tới. Không có âm thanh nào ngoài tiếng gió đập vào những tấm sắt trên trần nhà, nhưng nó vẫn cảm nhận được mối nguy hiểm. Quả nhiên, phía bên kia toà nhà, trên con đường nằm giữa những bụi cây ngầy, ai đó đang đi tới. Đó là một người đàn ông, bận quần vải xanh và khoác một chiếc áo gió, gương mặt đen sạm vì nắng, tóc tai rối bù. Lullaby tựa vào tường, bất động, tim đập thành thịch, hy vọng gã không nhìn thấy nó. Người đàn ông bước rất khẽ, thỉnh thoảng dừng lại như đang tìm một thứ gì đó. Rồi chẳng rõ vì sao, nó hiểu ngay là gã đang tìm mình, vậy là nó nín thở, để gã không nghe thấy. Nhưng đi được nửa đường thì gã bỗng ngược lên và nhìn cô gái trẻ. Đôi mắt màu xanh lục của gã sáng một cách kỳ lạ giữa gương mặt sẫm màu. Rồi, không vội vàng gì, gã bắt đầu bước về phía cầu thang. Đã quá muộn để Lullaby leo xuống; ngay lập tức, nó nhảy qua lỗ hổng và trèo lên mái nhà. Gió thổi mạnh đến nỗi suýt nữa thì nó ngã nhào ra sau. Rồi nó chạy, nhanh hết sức có thể, qua đầu bên kia của mái nhà, tim đập thành thịch trong lồng ngực. Nó nghe cả tiếng bước chân của mình đang vang khắp căn phòng lớn bên dưới. Khi tới được đầu bên kia, nó dừng lại: trước mặt là một hố lớn ngăn cách nó với thành vách đá. Nó lắng tai nghe ngóng chung quanh. Vẫn âm thanh của gió giữa các tấm sắt trên trần nhà, nhưng nó biết người đàn ông lạ mặt đang ở cách đó không xa; gã đang chạy trên con đường giữa những bụi cây, vòng quanh căn nhà để đón đầu nó. Lullaby liền nhảy xuống. Mắt cá chân bên trái của nó bị trượt khi rơi xuống mặt nghiêng của vách đá, và ngay lập tức nó cảm thấy một cơn đau nhói lên; nhưng nó chỉ hét: “A!”

Không hiểu từ đâu, người đàn ông xuất hiện ngay trước mặt nó. Hai bàn tay của gã bị đám bụi cây làm trầy xước, và gã cũng khá đau. Người đàn ông đứng im trước mặt nó, đôi mắt xanh cứng rắn như những mảnh thủy tinh nhỏ bé. Phải chăng gã là người để lại những lời nhắn bằng phấn trên các phiến đá dọc đường? Phải chăng gã chính là người đã đi vào ngôi nhà Hy Lạp xinh đẹp và đang ở gần Lullaby đến mức có thể ngửi thấy mùi mồ hôi trên người gã, một thứ mùi chua và nhạt nhẽo thấm trong quần áo và tóc tai của gã. Đột nhiên, người đàn ông tiến tới một bước, miệng há to và mắt khẽ nheo lại. Lullaby liền bật dậy, mặc cơn đau nơi cổ chân, và thả dốc giữa một giàn đá lở. Khi đã tới bên dưới vách đá, nó dừng lại và ngoảnh đầu ra sau. Người đàn ông đang đứng đó, trước bức tường trắng của ngôi nhà hoang, hai tay dang rộng như thể đang giữ thăng bằng.

Nắng hắt dữ dội trên mặt biển, và, may nhờ có cơn gió lạnh, Lullaby đã thấy khoẻ trở lại. Và nỗi sợ hãi dần dần được thay thế bởi cơn giận dữ và bất mãn. Và rồi, Lullaby đột nhiên hiểu ra, rằng chẳng có điều gì có thể xảy ra, sẽ chẳng có điều gì xảy ra cho nó. Bởi những ngọn gió và biển cả, và ánh nắng. Một ngày nọ, ba nó đã kể cho nó nghe về những ngọn gió, về biển cả và ánh mặt trời, ông đã nói một câu rất dài, về tự do và không gian, một điều gì tương tự như thế. Lullaby dừng lại trên một phiến đá hình sống mũi, ngay bên trên mặt biển, và ngửa đầu ra sau để cảm nhận hơi ấm của ánh sáng trên trán và đôi lông mày. Chính ba nó đã bảo nó làm thế này, để lấy lại sức mạnh của mình. Ông gọi đó là “uống nắng”.

Lullaby nhìn biển đông đưa bên dưới, đập vào chân tảng đá. Nó thả mình rơi xuống nước, trước hết là phần đầu, và chìm trong những con sóng. Nước lạnh chụp lấy cô gái, nước ép vào hai màng nhĩ và lỗ mũi của nó, và nó thấy một tia sáng rực rỡ trong đáy mắt. Khi trồi lên khỏi mặt nước, nó giữ tóc và buông một tiếng hét. Xa xa, sau lưng nó là mặt đất lắc lư như một thùng tàu chở hàng màu xám khổng lồ, chất đầy đá và cỏ cây, trên nóc là ngôi nhà hoang màu trắng tựa như một cầu tàu đang dẫn lên trời.

Lullaby thả mình giữa những con sóng đang chuyển động chậm chạp, cứ như thế một lúc lâu, bộ đồ trên người dính chặt vào da như đám rong

biển. Rồi nó bắt đầu bơi trườn dọc bờ biển, đến nơi mũi đất mở ra, để lộ dải nhà nhột nhạt của thành phố nằm thấp thoáng xa xa sau làn hơi nóng.

### 3.

Việc này không thể cứ kéo dài mãi như thế. Lullaby biết. Đầu tiên là tất cả những đám người ấy, ở trường, rồi ngoài đường. Bọn họ cứ kể cho nhau nghe chuyện này chuyện nọ, bọn họ nói nhiều khủng khiếp. Vài đứa con gái thậm chí còn chặn Lullaby lại, bảo nó đừng có mà phóng đại lên thế, rằng hiệu trưởng và mọi người ai cũng biết nó chẳng bệnh tật gì. Rồi thì tất cả những lá thư yêu cầu giải thích. Lullaby mở những lá thư ấy ra và giả chữ ký của mẹ để trả lời; nó thậm chí còn điện cho phòng giám thị, nhái giọng mẹ để giải thích rằng nó đang bệnh rất, rất nặng như thế nào, và không thể trở lại trường ra làm sao.

Nhưng việc này không thể cứ tiếp tục như thế, Lullaby nghĩ. Rồi còn thấy Filippi, thầy cũng biên cho nó một lá thư, không dài lắm, một lá thư lạ lùng hỏi xem chừng nào nó sẽ quay lại. Lullaby nhét lá thư ấy trong túi áo khoác, và lúc nào cũng mang theo bên người. Nó muốn trả lời thầy Filippi lắm, để giải thích cho thầy, nhưng lại sợ bà hiệu trưởng sẽ đọc và phát hiện ra Lullaby thật ra chẳng bệnh tật gì mà chỉ là đang đi dạo mà thôi.

Sáng, khi Lullaby ra khỏi nhà, trời đẹp tuyệt. Mẹ nó còn say ngủ do mấy viên thuốc bà vẫn uống mỗi tối, kể từ khi gặp tai nạn. Lullaby bước xuống đường, ngất ngây vì ánh sáng.

Bầu trời gần như trắng xóa, và biển thì lấp lánh. Như mọi hôm, Lullaby tìm đến con đường buôn lậu. Những phiến đá trắng trông như những tảng băng trôi trên mặt nước. Lullaby đi dọc bờ biển một lúc, hơi cúi mình về trước vì ngược gió. Chỉ là, nó không dám đến gần khoảng đất trống lát xi-măng bên kia boong-ke nữa. Nó thêm gặp lại ngôi nhà Hy Lạp sáu cột xinh đẹp biết mấy, ngôi ở đây và thả hồn ra giữa biển cả. Nhưng nó sợ gặp phải người đàn ông tóc tai xồm xoàm kia, kẻ hay viết trên tường và những tảng đá. Thế nên nó chỉ ngồi trên một phiến đá nhỏ, bên vệ đường, cố gắng tưởng tượng ra ngôi nhà. Ngôi nhà nhỏ bé và khép nép bên vách núi, cửa sổ và cửa cái đều đóng kín. Có lẽ bây giờ chẳng còn ai vào đó nữa. Phía trên những

cây cột, trên mái vòm hình tam giác, tên ngôi nhà hiện ra, sáng ngời dưới ánh nắng:

## XAPIEMA

bởi đó là cái tên đẹp nhất thế gian này.

Tựa vào đá, Lullaby ngấm biển thêm một lần nữa, lâu thật lâu, như thể nó không nên gặp lại biển nữa. Những con sóng chen chúc nhau chuyển động, tới tận đường chân trời. Năng lấp lánh trên những ngọn sóng như những mảnh thủy tinh bị nghiền nát. Gió thổi, mặn mà. Biển gào thét giữa những tảng đá nhô lên khỏi mặt nước, và những nhánh cây con rít theo. Một lần nữa, Lullaby phải chào thua cơn say lạ lùng này, mà biển và bầu trời thoáng đặng kia đem lại. Rồi, độ giữa trưa, nó quay lưng với biển và trở lại con đường dẫn đến trung tâm thành phố.

Trên đường, gió chẳng còn là gió nữa. Gió cứ xoay quanh chính mình, biến thành những cơn lốc đập mạnh vào những cánh cửa và hất tung những màn bụi lên không trung. Ở đây, người ta không thích gió. Họ băng qua đường một cách vội vã, nấp giữa những góc tường.

Gió và sự khô cằn truyền điện vào mọi thứ. Người ta bồn chồn đứng ngời không yên, người ta chất vấn nhau, va chạm nhau, và thỉnh thoảng trên mặt đường bắn thiêu, hai chiếc xe đâm vào nhau, móp méo, tạo ra những tiếng kim loại ầm ỹ và tiếng còi xe đang bị kẹt đâu đấy.

Lullaby sải bước thật nhanh trên đường, mắt nhắm hờ vì bụi. Khi vừa tới trung tâm, đầu óc nó choáng váng như lá rụng mùa thu. Những nhóm đàn ông và những nhóm đàn bà cứ tụ lại rồi tan ra, rồi lại ngời với nhau đâu đó xa hơn, như những mặt sắt bỏ trong từ trường. Họ đi đâu? Họ muốn gì? Phải lâu lắm rồi Lullaby không nhìn thấy ngần ấy khuôn mặt, ngần ấy đôi mắt, ngần ấy bàn tay, lâu đến nỗi nó chẳng tài nào hiểu được. Hai bên lề, đám đông cứ lạng lẽ trôi đi, cuốn lấy nó, xô đẩy nó về phía trước, mà nó cũng chẳng biết mình đang đi về đâu. Người ta lướt qua nó, thật gần, nó nghe thấy hơi thở và những bàn tay sượt qua nhau. Một người đàn ông cúi xuống sát

mặt nó và thì thầm, nghe như thể gã đang nói bằng một ngôn ngữ xa lạ nào đó.

Lullaby bước vào một cửa hàng lúc nào không hay, sáng trưng và ồn ào. Như thể gió cũng tràn vào đây, men theo các lối đi, trong cầu thang, thổi tung những tấm biển lớn. Các nắm cửa phóng điện đi khắp nơi, mấy bóng nê-ông tỏa ra một thứ ánh sáng chẳng khác gì những tia chớp nhợt nhạt.

Lullaby vội đi tìm lối ra, gần như là bỏ chạy. Vừa tới trước cửa, nó va phải một người, bèn nói nhỏ: “Cháu xin lỗi”, nhưng hoá ra đó chỉ là một hình nộm bằng nhựa vận áo choàng đen. Hai cánh tay của hình nộm dang ra, rung nhẹ nhẹ, và gương mặt nhợt và trắng như sứ của nó giống hệt bà hiệu trưởng. Cú va chạm khiến bộ tóc giả màu đen tuột về phía trước, nằm vắt ngang lông mi, trông như đám cẳng chân của một loài côn trùng nào đó, khiến Lullaby vừa cười nắc nẻ, vừa rùng mình.

Ngay lúc này, cô gái bắt đầu cảm thấy mệt mỏi và trống rỗng. Có lẽ vì nó chưa ăn gì từ hôm qua. Vậy là Lullaby đi vào một quán cà phê. Nó ngồi ở cuối quán, có hơi tối tăm. Anh hầu bàn tới đứng trước mặt nó.

— Cho em một phần trứng rán – Lullaby gọi.

Anh ta nhìn nó một lúc, có vẻ như không hiểu nó đang nói gì. Đoạn, anh quay về phía quầy nước và hét lớn:

— Một trứng rán cho quý cô!

Rồi anh tiếp tục nhìn nó.

Lullaby lôi một mẫu giấy từ túi áo khoác ra và cố gắng viết vài chữ. Nó muốn biên một lá thư dài, nhưng chẳng biết gửi cho ai. Nó vừa muốn gửi cho ba, vừa muốn gửi cho xơ Laurence, cho thầy Filippi, và cả cậu bé đeo kính để cảm ơn về bức tranh. Nhưng nó không làm được. Vậy là nó vò nát tờ giấy, rồi lấy một tờ khác. Nó bắt đầu thế này:

Kính gửi bà hiệu trưởng,

Xin cô vui lòng thứ lỗi cho con gái tôi vì không thể đến trường thời gian này, tình trạng sức khỏe của con bé đòi hỏi.

Nó lại ngừng viết. Đòi hỏi gì nhỉ? Nó không thể nghĩ thêm được gì.

— Trứng rán của quý cô đây! – Anh hầu bàn nói. Anh đặt đĩa trứng lên bàn và nhìn Lullaby bằng một ánh mắt lạ lùng.

Lullaby vò tờ giấy thứ hai và bắt đầu ăn trứng, không hề ngẩng mặt lên. Thức ăn nóng thật tuyệt, giờ nó đã có thể đứng dậy và tiếp tục đi.

Khi tới trước cổng trường, nó phân vân vài giây.

Rồi nó bước vào. Tiếng ồn ào của đám trẻ con liền vây quanh nó. Nó liền nhận ra từng cây dẻ, từng cây tiêu huyền. Mấy cành cây khẳng khiu bị những cơn lốc lay thô bạo, và lá xoay tít trong sân trường. Nó cũng nhận ra từng ô cửa làm bằng thủy tinh mờ. Nó bước tới một băng ghế ở cuối sân và ngồi xuống đó để tránh lũ trẻ đang chạy giỡn. Nó chờ đợi. Hình như chẳng ai chú ý đến nó.

Rồi những tiếng ồn ào thưa dần. Từng nhóm học sinh kéo nhau vào lớp, các cánh cửa lần lượt đóng lại. Chốc lát, chẳng còn gì ngoài những cành cây đung đưa trong gió, và bụi bặm và những chiếc lá khô làm thành một vòng tròn, nhảy múa ngay giữa sân trường.

Lullaby bắt đầu thấy lạnh. Nó đứng dậy, và đi tìm thầy Filippi. Nó mở từng cánh cửa trong khu nhà bê-tông đúc sẵn, nơi dùng làm phòng thí nghiệm. Mỗi lần một cánh cửa mở ra là câu nói của ai đó lại bị cắt ngang, treo lơ lửng trong không khí, và chỉ được tiếp tục khi cánh cửa ấy khép lại.

Lullaby lại băng qua sân trường và gõ vào lớp cửa kính chỗ bác gác cổng đang ngồi.

— Cháu muốn tìm thầy Filippi – Nó nói.

Người đàn ông nhìn nó, ngạc nhiên.

— Thầy Filippi chưa đến – Bác nói, rồi nghĩ ngợi một lát – Nhưng hình như Hiệu trưởng muốn gặp cháu đấy. Theo ta nào.

Lullaby ngoan ngoãn đi theo người gác cổng. Bác dừng lại trước một cánh cửa đánh véc-ni và đưa tay gõ. Đoạn bác mở cửa ra và ra hiệu cho Lullaby bước vào.

Từ sau bàn làm việc, bà hiệu trưởng nhìn nó bằng ánh mắt soi mói.

— Vào đây, mời em ngồi. Kể cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra.

Lullaby ngồi xuống và nhìn vào bàn làm việc bóng loáng. Sự im lặng đáng sợ đến mức nó thấy mình buộc phải lên tiếng.

— Em muốn gặp thầy Filippi – Nó nói – Thầy đã viết thư cho em.

Bà hiệu trưởng ngắt lời, giọng nói lạnh lùng và cứng rắn, hệt như ánh mắt của bà.

— Tôi biết. Thầy đã viết thư cho em. Tôi cũng thế. Nhưng đấy không phải là vấn đề, mà là em. Em đã ở đâu? Em chắc phải có nhiều chuyện... thú vị để kể. Vậy thì, tôi nghe đây, thưa quý cô.

Lullaby tránh ánh mắt của bà.

— Mẹ em... - Nó bắt đầu.

Bà hiệu trưởng gần như gào lên.

— Mẹ của em rồi sẽ biết tất cả những chuyện này, và đương nhiên bố của em cũng sẽ biết.

Bà chỉ một tờ giấy mà Lullaby nhận ra tức thì.

— Và cả bức thư giả mạo này!

Lullaby không cãi lại. Thậm chí nó còn chẳng ngạc nhiên.

— Tôi nghe em nói đây – Bà hiệu trưởng lặp lại. Sự thờ ơ của Lullaby dường như quá sức chịu đựng của bà. Có khi đó cũng là lỗi của những cơn gió, chúng khiến mọi thứ đều nhiễm điện.

— Em đã ở đâu, suốt thời gian này?

Lullaby nói. Nói một cách chậm rãi, vừa nói vừa tìm những từ ngữ thích hợp, vì rằng dạo gần đây nó không quen nói chuyện lắm. Và trong lúc cô gái đang nói, hiện ra trước mắt nó không phải bà hiệu trưởng mà là ngôi nhà với những cây cột trắng, những phiến đá và cái tên Hy Lạp lấp lánh trong nắng. Đó là tất cả những gì mà nó muốn kể cho bà hiệu trưởng, mặt biển xanh thẳm phản chiếu ánh kim cương, âm thanh sâu lắng của những con sóng, đường chân trời như một sợi chỉ đen, những làn gió mặn mà và bầu chim nhạn chao liệng giữa bầu trời. Bà hiệu trưởng lắng nghe, và trong một khoảnh khắc, gương mặt bà kinh ngạc tột độ. Trông bà khi đó lại càng giống hình nộm với bộ tóc giả màu đen bị rớt về phía trước, Lullaby cố lắm để không mỉm cười. Khi nó ngừng nói, bà hiệu trưởng im lặng vài giây, rồi gương mặt bà lại biến dạng, như thể bà đang tìm lại giọng nói của mình. Lullaby ngạc nhiên vô cùng khi nghe thấy âm vực trong giọng nói ấy. Đó hoàn toàn không còn là giọng nói trước đây nữa, giọng bà bỗng trầm hơn và nhẹ nhàng hơn.

— Nghe ta nói đây, con gái. – Bà hiệu trưởng nói.

Bà cúi thấp xuống mặt bàn bóng loáng và nhìn Lullaby. Tay phải bà cầm một cây bút máy màu đen được viền bằng vàng.

— Con gái, ta sẵn sàng quên đi tất cả những chuyện này. Con có thể quay lại lớp học như trước đây. Nhưng con phải cho ta hay...

Bà ngập ngừng.

— Con hiểu không, ta chỉ muốn tốt cho con. Con phải kể cho ta nghe sự thật.

Lullaby không trả lời. Nó còn chẳng hiểu bà hiệu trưởng muốn nói gì.

— Con cứ kể cho ta nghe, đừng sợ, chuyện này chỉ có hai chúng ta biết mà thôi.

Nhưng vì Lullaby vẫn không trả lời, bà hiệu trưởng nói rất nhanh, giọng gần như thì thào:

— Con có bạn trai, đúng không?

Lullaby chưa kịp phản bác, bà hiệu trưởng đã ngăn không cho nó lên tiếng.

— Con có chối cũng vô ích, có vài... một vài người bạn cùng lớp của con đã bắt gặp con đi chung với một người con trai.

— Không, không đúng!

Lullaby nói, không hề lớn tiếng, nhưng bà hiệu trưởng làm như thể nó vừa hét lên, và bà nói rất to:

— Ta muốn biết tên cậu ta là gì!

— Em không có bạn trai – Lullaby đáp. Nó chợt hiểu ra lý do vì sao gương mặt bà hiệu trưởng lại thay đổi; đó là vì bà đã nói dối. Bây giờ, nó cảm tưởng như gương mặt của mình đang hoá đá, lạnh lùng và trơ nhẵn, và nó nhìn thẳng vào mắt bà hiệu trưởng, vì giờ đây nó không còn sợ nữa.

Bà hiệu trưởng bối rối, nhìn sang chỗ khác. Đầu tiên, bà nói, giọng nhẹ nhàng, gần như là dịu dàng.

— Con phải nói cho ta biết sự thật, con gái, vì con cả thôi.

Rồi bỗng dưng bà lấy lại vẻ cứng rắn và hung dữ.

— Tôi muốn biết tên của cậu con trai ấy là gì!

Lullaby thấy cơn giận bên trong mình mỗi lúc một lớn dần. Một cơn giận lạnh lẽo và nặng nề, hệt như một tảng đá nằm giữa các lá phổi và trong cổ họng nó; tim nó bắt đầu đập nhanh, như lúc nó nhìn thấy những hình vẽ thô tục trên các bức tường của ngôi nhà Hy Lạp.

— Không đúng, không đúng, em không quen ai cả! – Nó hét lên, rồi nhồm dậy định chạy đi. Nhưng bà hiệu trưởng đã làm một động tác để giữ nó lại.

— Ngồi lại, ngồi lại đây, em không được đi!

Giọng nói của bà lại trầm xuống, chực vỡ ra.

— Ta nói chuyện này không phải là vì con... là vì muốn tốt cho con, con gái à, chỉ vì ta muốn giúp con, con phải hiểu điều này... ta muốn nói...

Bà thả cây bút đen đầu mạ vàng xuống và đan những ngón tay gầy guộc lại với nhau, bồn chồn. Lullaby ngồi lại chỗ cũ và không cử động nữa. Nó thờ còn không nổi, và gương mặt đã hoàn toàn biến thành màu trắng, như một lớp mặt nạ được đúc bằng đá. Nó cảm thấy mệt mỏi, có lẽ vì nó ăn rất ít và ngủ rất ít, những ngày này, ở bên bờ biển.

— Ta có nghĩa vụ bảo vệ con khỏi những nguy hiểm trong cuộc sống – Bà hiệu trưởng nói – Con không thể biết hết được, con còn trẻ lắm. Thầy Filippi đã kể cho ta nghe về con, thầy khen con rất nhiều, con là một nhân tố tốt, và ta không muốn một... một tai nạn ngốc nghếch nào đó phá hỏng tất cả những điều này...

Lullaby cảm tưởng như giọng nói của bà vọng lại từ rất xa, như thể nó đang nằm trên một bức tường, bị những chuyển động của gió làm cho biến dạng. Nó muốn trả lời bà, nhưng không thành công lắm trong việc nhúc nhích đôi môi.

— Con đã trải qua một thời kỳ khó khăn, kể từ khi... từ ngày xảy ra chuyện với mẹ con, từ ngày bà nhập viện. Con thấy không, ta biết tất cả, và điều này giúp ta hiểu con, nhưng con cũng phải giúp ta, con phải cố gắng...

— Em muốn gặp... Thầy Filippi... – Cuối cùng Lullaby cũng nói.

— Chốc nữa con sẽ được gặp thầy, con sẽ gặp – Bà hiệu trưởng nói – Nhưng trước hết con phải nói cho ta biết sự thật, rằng con đã ở đâu.

— Em đã nói với cô, em ngấm biển, em nấp trong những tảng đá và em ngấm biển.

— Với ai?

— Em ở một mình, em đã nói rồi, một mình.

— Không đúng!

Bà hiệu trưởng hét lớn, rồi lập tức lấy lại bình tĩnh.

— Nếu em không nói cho tôi biết em đã ở với ai, tôi buộc lòng phải viết thư cho phụ huynh em. Bố em...

Tim Lullaby lại bắt đầu đập mạnh.

— Nếu cô làm thế, em sẽ không bao giờ quay lại đây.

Nó cảm nhận được sức mạnh trong những lời nói đó, và nó lặp lại, chậm rãi, mắt không rời khỏi chỗ cũ.

— Nếu cô viết thư cho ba của em, em sẽ không quay lại đây nữa, cũng không quay lại bất kỳ ngôi trường nào nữa.

Bà hiệu trưởng im lặng một lúc, và sự im lặng lấp đầy căn phòng rộng lớn, như một làn gió lạnh. Rồi bà hiệu trưởng đứng dậy. Bà nhìn cô gái trẻ, một cách chăm chú.

— Em không nên tự đặt mình trong tình trạng này – Bà nói – Trông em xanh xao lắm, em mệt rồi. Chúng ta sẽ nói chuyện này vào lúc khác.

Và bà xem đồng hồ.

— Tiết học của thầy Filippi bắt đầu trong ít phút nữa. Em có thể đi.

Lullaby từ từ đứng dậy. Nó đi về phía cánh cửa lớn, và quay lại lần cuối trước khi bước ra.

— Cảm ơn cô.

Sân trường lại đầy ắp học sinh. Gió rung nhẹ mấy cành tiêu huyền và mấy cành dẻ, giọng nói của lũ trẻ hợp thành một thứ âm thanh ồn ào dễ khiến người ta say sưa. Lullaby chậm rãi băng qua sân trường, cố tránh những nhóm học sinh và bọn trẻ con đang chạy giỡn. Vài đứa con gái ra hiệu cho nó, từ xa, nhưng không dám lại gần, và Lullaby đáp lại bằng một nụ cười nhẹ. Khi tới trước khu nhà bê-tông đúc sẵn, nó thấy dáng thầy Filippi ở gần khu B. Thầy vẫn khoác bộ com-lê màu xám, và đang nhìn về phía trước trong khi hút một điếu thuốc. Lullaby dừng lại. Thầy đã nhận ra nó, và bước lại để gặp nó, vẫy tay vui vẻ.

— Sao rồi? Sao rồi? – Thầy hỏi. Thầy chỉ biết nói có bấy nhiêu.

— Em muốn hỏi thầy... -Lullaby bắt đầu nói.

— Gì cơ?

— Về biển, ánh sáng, em có rất nhiều thứ muốn hỏi thầy.

Nhưng Lullaby chợt nhận ra nó đã quên sạch những câu mà nó định hỏi. Thầy Filippi nhìn nó, thích thú.

— Em đã làm một chuyến du ngoạn, có phải không? – Thầy hỏi.

— Vâng... – Lullaby nói.

— Và... Có thích không?

— Ồ vâng! Thích lắm ạ.

Tiếng chuông vang lên khắp sân trường và trong các hành lang.

— Thầy rất vui... – Thầy Filippi nói. Thầy đập điều thuốc dưới gót giày của mình – Sau này, hãy kể lại cho thầy nghe tất cả, được không?

Vẻ thích thú sáng ngời trong đôi mắt xanh nằm sau cặp kính.

— Bây giờ em thôi không du ngoạn nữa sao?

— Không ạ – Lullaby nói.

— Thôi, chúng ta đi nào – Thầy Filippi nói. Rồi thầy lặp lại một lần nữa. – Thầy rất vui.

Thầy quay sang cô gái trẻ trước khi bước vào khu nhà bê-tông đúc sẵn.

— Và giờ em có thể hỏi thầy những gì em muốn, chốc nữa, sau giờ học. Thầy cũng vậy, thầy rất thích biển.

*Quỳnh Anh dịch.*

# NÚI CỦA THÁNH SỐNG

Ngon Reydarbarmur nằm bên phải con đường đất. Trong ánh sáng của ngày hăm mốt tháng sáu ngọn núi trông thật vĩ đại, thống trị cả vùng thảo nguyên và hồ lớn lạnh giá này, và Jon chỉ nhìn thấy mỗi ngọn núi ấy, dầu đây không phải là ngọn núi duy nhất. Xa hơn một chút là khối Kalfstindar, những thung lũng lớn đào ra biển cả, và phía bắc là khối núi tối tăm canh giữ những dải sông băng. Nhưng Reydarbarmur đẹp hơn tất cả, nó có vẻ to hơn và thuần khiết hơn, nhờ con dốc thoai thoải kéo dài từ chân núi lên đỉnh núi. Núi chạm tới bầu trời, và mây kéo qua đỉnh tựa như một làn khói nhả ra từ miệng núi lửa.

Bấy giờ, Jon đi tới ngọn Reydarbarmur. Nó để chiếc xe đạp còn mới tinh tựa vào sườn núi cạnh đường, rồi băng qua đồng cây ngầy và địa y. Vì sao lại đi tới ngọn Reydarbarmur, thực ra nó cũng chẳng rõ. Nó biết ngọn núi này đã lâu, từ khi còn bé nó đã nhìn thấy ngọn núi vào mỗi buổi sáng, ấy vậy mà, hôm nay, ngọn Reydarbarmur như thể hiện ra lần đầu tiên trước mắt nó. Nó cũng nhìn thấy ngọn núi khi thả bộ đến trường, trên con đường trải nhựa. Chẳng có nơi nào trong thung lũng này mà ta không thấy ngọn núi. Reydarbarmur như một toà lâu đài cao vút trời lên giữa những đồng rêu và địa y rộng lớn, giữa những bãi chăn cừu và những ngôi làng, ngắm nhìn toàn bộ xứ sở này.

Jon để xe đạp của mình tựa vào một sườn núi ướt đầm. Hôm nay là ngày đầu tiên cậu bé dùng chiếc xe đạp này, nó đã phải thở hổn hển sau nhiều phút chiến đấu với những ngọn gió suốt con dốc dẫn đến chân núi, hai bên gò má và vành tai đều đỏ ửng.

Hắn là ánh sáng đã nhóm lên trong lòng cậu bé ước muốn đi đến ngọn Reydarbarmur. Trong những tháng mùa đông, khi mây sà xuống sát mặt đất kéo theo những trận mưa đá nho nhỏ, núi trông rất đổi xa xôi, mà ta không bao giờ với tới, thỉnh thoảng trên bầu trời u ám lại xuất hiện những tia chớp

xanh rờn quanh ngọn núi ấy, nên người ta phải e dè, những người sống trong thung lũng này. Nhưng Jon thì không sợ. Cậu bé ngắm ngọn núi, và đường như ngọn núi cũng đang nhìn nó qua những đám mây lang thang trên vùng thảo nguyên âm u rộng lớn.

Có lẽ ánh sáng tháng sáu của ngày hôm nay đã dẫn nó đến đây. Một thứ ánh sáng xinh đẹp và hiền hòa, mặc những cơn gió lạnh. Trong lúc bước trên đám rêu ẩm ướt, Jon bắt gặp đám côn trùng đang cựa quậy dưới ánh sáng, lũ ruồi muỗi bé nhỏ bay trên cây cối. Mấy con ong đại lược lơ giữa những bông hoa trắng, và giữa bầu trời, bầy chim mảnh khảnh đập cánh thật nhanh, lơ lửng trên những vũng nước, rồi đột nhiên biến mất trong gió. Chúng là những sinh vật duy nhất ở nơi đây.

Jon dừng lại và lắng nghe tiếng gió. Tiếng gió tạo nên một giai điệu lạ lùng và đẹp đẽ trong những trũng đất và bụi cây. Có cả tiếng chim kêu giấu trong đám rong rêu; tiếng rúc rích chói tai lớn dần trong gió, rồi tắt ngúm.

Ánh sáng tươi đẹp của tháng sáu soi sáng cả ngọn núi. Càng tới gần, Jon càng nhận ra núi không cân đối như khi nhìn từ xa; toàn bộ ngọn núi mọc ra từ khối đồng bằng ba-zan, như một ngôi nhà đổ nát. Có những mặt rất cao, một số khác bị ngắt ở lưng chừng, và các vách núi bị chia cắt bởi những vết nứt màu đen tựa như những vết thương. Một dòng suối chảy dưới chân núi.

Jon chưa thấy dòng suối nào như thế. Một dòng suối trong vắt màu da trời, chảy chậm chậm khúc khuỷu giữa lớp rêu xanh. Dưới lòng suối trải đầy những hòn sỏi nhỏ. Jon nhúng tay xuống nước nhặt một hòn sỏi lên. Nước lạnh như băng và sâu hơn nó nghĩ, ngập đến tận nách. Nó chỉ đưa mấy ngón tay nhón lấy một hòn sỏi trắng hơi trong suốt có hình trái tim.

Bỗng nhiên, nó lại cảm giác như có ai đó đang nhìn. Jon đứng dậy, rùng mình, tay áo đầm nước và lạnh ngắt. Nó quay người lại và ngó quanh. Nhưng chẳng có gì trong tầm mắt của nó, ngoài thung lũng đang đổ dốc thoải thoải và đồng bằng phủ đầy rêu và địa y nơi ngọn gió kéo qua. Lúc này không có lấy cả một bóng chim.

Tít bên dưới chân dốc, Jon nhận ra chiếc xe đạp mới tinh của mình, giờ chỉ như một đốm đỏ, dựng bên sườn núi đầy rêu. Khi đó nó mới bình tâm trở lại.

Đó cũng không hẳn là một ánh mắt, hiện ra khi nó đang cúi xuống mặt suối. Cũng có chút gì đó giống như một giọng nói, gọi tên nó, rất đổi dịu dàng, thì thầm trong tai, một giọng nói nhẹ nhàng và êm ái không giống bất kỳ giọng nói nào Jon đã từng nghe. Hay có khi đó là một cơn sóng, vẩn quanh nó như ánh sáng, khiến nó phải rùng mình, như khi một đám mây tách ra để lộ ánh mặt trời.

Jon đi dọc con suối, tìm chỗ lội qua. Nó tìm thấy khúc sông cạn ở phía trên, khi qua khỏi một đoạn suối uốn khúc. Ở đây, nước chảy xiết trên những hòn sỏi bằng phẳng, từng cụm rêu bong ra từ hai bờ suối, lặn lẽ lướt đi, trôi về cuối dòng. Trước khi tiếp tục lên đường, Jon quỳ xuống bên cạnh dòng suối một lần nữa rồi uống từng ngụm nước đẹp đẽ và mát lạnh ấy.

Mây tan rồi lại hợp, ánh sáng không ngừng thay đổi. Đó là một thứ ánh sáng lạ lùng, dường như chưa từng đến từ mặt trời; ánh sáng trôi giữa không trung, quanh các vách núi. Một thứ ánh sáng khoan thai, và Jon biết rằng ánh sáng ấy sẽ còn kéo dài thêm nhiều tháng nữa mà vẫn không hề suy giảm, ngày này qua ngày nọ, nhất định không nhường chỗ cho đêm tối. Ngay lúc này đây, ánh sáng được sinh ra từ trong lòng đất, thấp giữa bầu trời và những đám mây, như thể nó phải tồn tại mãi mãi. Jon cảm tưởng như ánh sáng đang tràn vào người nó qua toàn bộ lớp da trên mặt và cơ thể của nó. Ánh sáng đang bùng cháy và xuyên qua những lỗ chân lông như một thứ chất lỏng ấm áp, thấm cả vào quần áo và từng sợi tóc của nó. Rồi nó bỗng muốn cởi trần một lúc. Nó chọn nơi mà đồng rêu tạo thành một vùng trũng khuất gió, mau chóng cởi bỏ toàn bộ quần áo trên người ra. Nó lăn trên mặt đất ẩm ướt, cạ tay và chân vào giữa lớp rêu. Dưới sức nặng của cơ thể, các khóm rêu mềm mại kêu xào xạc, dính những giọt nước mát lạnh trên khắp nơi trên người cậu bé. Rồi Jon nằm im, đặt lưng xuống mặt đất, dang rộng hai tay, ngắm bầu trời xanh và lắng nghe tiếng gió. Đúng lúc ấy, phía trên

ngọn Reydarbarmur, các đám mây tan ra và nắng bắt đầu đốt nóng da mặt, ngực và bụng cậu bé.

Sau đó, nó tròng quần áo vào và tiếp tục đi về phía vách núi, mặt nóng bừng, tai kêu ù ù như thể nó vừa hóp một chút bia. Hai bàn chân nó không ngừng bật trên lớp rêu đàn hồi, khó mà đi ngay ngắn. Khi đồng rêu dừng lại, Jon trèo lên những đồi thấp dưới chân núi. Đất đá ở đây đã bắt đầu hỗn độn, gồm những khối ba-zan sẫm màu và lớp đá bọt lạo xạo, không ngừng vỡ ra dưới đế giày.

Trước mặt cậu bé, vách núi dựng cao đến mức chẳng thấy đỉnh đâu. Không còn đường nào để tiếp tục trèo lên. Jon đánh một vòng quanh bức tường thành, hướng về phía bắc để tìm lối đi. Rồi đột nhiên nó tìm thấy. Ngọn gió mà bức tường thành của ngọn núi vẫn che chắn tới lúc này bất ngờ đập vào mặt cậu bé, khiến nó lao đảo lùi ra sau. Trước mắt nó là một vết nứt lớn tách đôi núi đá màu đen, tạo thành một cổng vào khổng lồ. Jon bước vào.

Những khối ba-zan to lớn đã sụp xuống đây, nằm lẫn lộn giữa hai vách của khe núi. Jon phải leo thật chậm, nhờ từng vết thung và kẽ nứt trên các khối đá ấy. Nó cứ leo một mạch như thế, không cần lấy hơi, hết khối đá này đến khối đá khác. Có một thứ hồi hả bên trong cơ thể nó đi thật nhanh, nhanh nhất có thể, đến cuối khe núi. Nhiều lần, nó bật té vì những khối đá ẩm ướt và phủ đầy địa y. Jon phải dùng cả hai tay để bám cho thật chặt, có lúc còn làm gãy cả móng tay trở mà chẳng cảm thấy gì. Hơi ấm được truyền đi trong các mạch máu, bất chấp cái lạnh của bóng râm.

Từ trên khe núi, nó xoay người lại. Thung lũng dung nham rong rêu to lớn trải dài đến hút tầm mắt, bầu trời bao la cuốn theo những đám mây xám. Jon chưa từng thấy gì đẹp hơn thế. Như thế mặt đất trở nên xa xăm và trống rỗng, không con người, không muông thú, cây cối, mặt đất rộng lớn hơn và đơn độc như một đại dương. Đó đây, bên trên thung lũng, một đám mây rã rời và Jon có thể nhìn thấy những đường mưa xiên xiên và những quãng sáng.

Jon đứng bất động ngắm đồng bằng trải dài trước mắt, lưng tựa vào tường đá. Nó đánh mắt tìm đốm đỏ của chiếc xe đạp và bóng dáng căn nhà của ba nằm bên kia thung lũng, nhưng chẳng thể nhìn ra. Những gì nó từng biết đều đã biến mất, như thể cánh đồng rêu xanh đã trở lên cao và che lấp tất cả. Duy chỉ có dòng suối bên dưới chân núi là sáng ngời như một con rắn chạm bằng thủy tinh. Nhưng rồi dòng suối cũng mất hút, như đang chảy vào một hang động.

Jon bỗng nhìn chăm chú và vết nứt tối tăm ngay dưới chân, và nó rung mình; nó đã không nhận ra trong lúc leo qua những khối đá, nhưng mỗi mảnh ba-zan chính là một bậc thang.

Vậy là, một lần nữa, Jon lại thấy ánh mắt kỳ lạ bủa quanh. Sự hiện diện bí ẩn ấy đè nặng lên đầu, hai vai và cơ thể cậu bé, một ánh mắt u ám và quyền uy bao trùm toàn bộ mặt đất. Jon ngẩng mặt lên. Trên kia là bầu trời ngập trong một thứ ánh sáng mãnh liệt, cùng một lúc mà soi sáng từ đường chân trời này tới đường chân trời khác. Jon nhắm hai mắt lại như đang đứng trước một tia chớp. Rồi những đám mây thấp to lớn tụ lại, tựa như một làn khói, phủ những bóng râm của mình lên mặt đất. Jon nhắm mắt như thể thật lâu để tránh cơn chóng mặt. Nó nghe tiếng gió lướt trên những phiến đá nhẵn nhụi, nhưng giọng nói lạ lùng và dịu dàng kia không gọi tên nó, chỉ thì thầm một cách khó hiểu trong khúc phong ca.

Đó có phải là gió? Jon nghe thấy những âm thanh xa lạ, tiếng lầm bầm của những người phụ nữ, tiếng đập cánh và tiếng sóng vỗ. Thỉnh thoảng, từ trong lòng thung lũng vọng ra tiếng ong bay vù vù, tiếng động cơ kêu ro ro. Những tiếng động hoà vào nhau, vang khắp các sườn núi, lướt đi như nước trong nguồn, đâm vào lớp địa y và trong mặt cát.

Jon mở mắt ra. Cậu bé đang dùng cả hai tay để bám vào vách đá, mặt lấm tấm mồ hôi dù trời đang lạnh. Lúc này, nó như thể đang trôi trên một dòng dung nham, xoay chậm chậm trong lúc lướt qua những làn mây. Một cách nhẹ nhàng, ngọn núi cao lớn trôi đi trên mặt đất và Jon cảm thấy mình đang lắc lư theo chuyển động con lắc của trục phi cơ. Trên trời, những đám

mây tách khỏi nhau, dạt đi như những con sóng khổng lồ, tạo thành những tia sáng nhấp nháy.

Khoảng khắc ấy kéo dài thật lâu, lâu như chuyến du hành tới một hòn đảo xa xôi. Rồi ánh mắt bắt đầu đi xa dần. Jon gỡ các ngón tay ra khỏi vách đá. Từ trên cao, đỉnh núi hiện ra, rõ mồn một, trông như một vòm đá to lớn màu đen, phình to như bong bóng, nhẵn nhụi và rực rỡ dưới ánh sáng của bầu trời.

Những dòng dung nham và ba-zan tạo thành một sườn dốc êm ả chung quanh vòm đá, và Jon chọn chỗ ấy mà tiếp tục trèo lên. Nó leo theo hình chữ chi, từng bước, từng bước nhỏ, như một chú dê, nửa thân người đổ về phía trước. Bây giờ gió đã được tự do, gió đập vào người cậu bé một cách thô bạo. Jon cắn môi, hai mắt mờ cảm vì nước mắt. Thế nhưng Jon không sợ, giờ nó đã không còn choáng váng nữa. Ánh mắt kỳ lạ kia cũng thôi không là gánh nặng, mà, ngược lại, còn nâng cơ thể cậu bé lên, dùng toàn bộ ánh sáng của mình mà đưa nó tiến xa hơn nữa.

Jon chưa bao giờ cảm thấy một sức mạnh nào như vậy. Dường như có ai đó đang sánh bước cùng nó, một kẻ yêu mến nó, từng bước đi và hơi thở đều nhịp nhàng với nó. Ánh mắt xa lạ kéo cậu bé lên cao trên những tảng đá và giúp nó leo trèo. Ai đó đến từ nơi thâm kín nhất của một giấc mơ, và quyền năng không ngừng lớn mạnh, mở rộng như một đám mây. Jon đặt chân lên một miếng dung nham, chính xác nơi mà nó cần, bởi nó có lẽ đang đi theo những dấu vết vô hình. Gió lạnh khiến nó thở hổn hển và che mất tầm nhìn, nhưng nó chẳng cần nhìn nữa. Cơ thể cậu bé tự điều khiển và định hướng; cứ thế, Jon tiến dần tới đỉnh cao, men theo đường cong của ngọn núi.

Jon đang đơn độc giữa bầu trời. Bốn phía bây giờ không còn mặt đất, không còn đường chân trời, chỉ còn không khí, ánh sáng và những đám mây xám. Giữa cơn say, nó tiến tới đỉnh núi, động tác trở nên chậm chạp như người chèo ghe. Thình thoảng nó đặt tay vào miếng đá lát trơn lạnh, bụng cọ trên mặt đá, cảm nhận những góc cạnh sắc bén của các kẽ nứt và những đường vân trên dung nham. Ánh sáng làm đá và bầu trời nở ra, chính ánh sáng cũng lớn dần trong cơ thể cậu bé, rung rinh trong các mạch máu. Giai

điệu của gió lấp đầy hai tai, vang khắp vòm họng. Jon thôi không ngắm nhìn và nghĩ ngợi nữa. Nó trèo lên một cách dễ dàng, toàn bộ cơ thể cậu bé đang trèo lên, không ngơi nghỉ, tới đỉnh cao của ngọn núi.

Từng chút một, Jon tiến lại gần đỉnh núi. Dốc ba-zan đã thoải thoải và dài hơn. Như thế lúc này nó đang đứng giữa thung lũng, bên dưới chân núi, nhưng là một thung lũng thênh thang mỹ miều, trải đầy sỏi đá, kéo tới nơi bắt đầu của những đám mây theo một đường cong dài.

Mưa gió đã mài mòn hòn đá lớn, đánh bóng nó như đánh một viên đá mài. Thấp thoáng đó đây lấp lánh những viên pha lê màu đỏ tươi, những vân đá lục, lam, và những đốm vàng nhấp nhô trong ánh sáng. Xa xa, thung lũng đá mất hút giữa những đám mây; chúng lướt qua thung lũng, kéo theo sau những vệt tóc dài, và khi chúng tan ra, Jon lại nhìn thấy đường viền thuần khiết bao quanh ngọn núi.

Sau đó, Jon đã hoàn toàn ở trên đỉnh ngọn núi. Nó đã không nhận ra ngay, bởi mọi thứ diễn ra thật chậm. Nhưng khi nhìn ra chung quanh, nó thấy một vùng trời màu đen rộng lớn mà nó chính là trung tâm, và cậu bé hiểu rằng mình đã tới. Đỉnh núi là một cao nguyên dung nham giáp với bầu trời. Ở đó, gió thổi không thổi xoáy từng cơn mà đều đặn và mãnh liệt, quất mạnh trên hòn đá lớn như một lưỡi dao. Jon đi vài bước, lão đảo, tim đập thật nhanh trong lồng ngực, bơm máu vào hai thái dương và nơi cổ họng. Trong một lúc, Jon bỗng thấy nghẹt thở, bởi gió cứ áp mạnh vào mũi và hai môi cậu bé.

Jon tìm một chỗ để nấp. Đỉnh núi thật trơn trượt, không một ngọn cỏ, chẳng có lấy một chỗ trũng nào. Dung nham toả sáng dữ dội, trông như nhựa đường, có vài chỗ bị rạn nứt, nơi những cơn mưa rào thành các rãnh nước. Gió cuốn phăng vài hạt bụi xám xịt bong ra khỏi vỏ núi, tạo thành những làn khói ngẩn ngui.

Đây là nơi ánh sáng ngự trị. Hẳn là ánh sáng đã réo gọi nó, khi nó còn ở dưới chân núi, bởi thế mà Jon đã bỏ lại chiếc xe đạp của mình, nơi đất dốc phủ đầy rêu, bên lề đường. Nơi đây, ánh sáng như đang quay cuồng, hoàn

toàn tự do và phóng túng. Ánh sáng không ngừng bắn ra từ không trung, tràn trề và mãnh liệt như biển mùa hè. Đó là thứ ánh sáng không nhiệt độ, đến từ nơi xa nhất của vũ trụ, ánh sáng của tất cả mặt trời và tất cả những vì tinh tú vô hình, nó nhóm lại những khúc than hồng xưa cũ, làm sống lại những ngọn lửa đã cháy trên trái đất từ triệu năm trước kia. Ngọn lửa cháy trong dung nham, trong lòng núi, lấp lánh dưới ngọn gió lạnh. Ngay bây giờ, Jon thấy tất cả những dòng chảy bí ẩn đang chuyển động trước mắt nó, dưới lớp đá cứng. Những mạch dung nham màu đỏ trườn đi như bầy rắn lửa; những bong nước cô đặc trong lòng chất lỏng trông như những cơ quan phát sáng của loài sinh vật biển.

Gió bỗng chốc ngừng thổi, như hơi thở đột nhiên bị nén lại. Thế là Jon có thể bước tới giữa đồng bằng dung nham. Nó dừng lại trước ba dấu vết lạ. Đó là ba trứng đất lọt thỏm trong đá. Một trong những trứng đất chứa đầy nước mưa, hai trứng còn lại làm nơi trú chân của đám rêu và một nhánh cây con. Quanh các trứng đất có vài hòn đá đen nằm rải rác, và bụi dung nham đỏ lẩn tẩn giữa những rãnh nước khô.

Đó là nơi duy nhất mà Jon có thể trú ẩn. Nó ngồi bên mép trứng đất chứa nhánh cây con. Ở đây, gió chừng như không bao giờ thổi thật mạnh. Lớp dung nham nhẵn nhụi và êm ái, nguội lại dưới ánh sáng của bầu trời. Jon chống hai khuỷu tay xuống đất, ngả người ra sau, ngắm mây trôi.

Nó chưa bao giờ ngắm mây gần đến vậy. Jon thích mây lắm. Ở dưới kia, trong thung lũng, nó vẫn thường nằm ngửa mặt lên trời ngắm mây trôi sau bức tường của trang trại. Hoặc, nó sẽ giấu mình trong một vũng nước ven hồ, nó ngồi như thế thật lâu, ngửa đầu ra sau cho tới khi gân cổ căng ra như sợi dây thừng. Nhưng tại nơi này, trên đỉnh núi, không có gì giống như trước kia. Mây tới rất nhanh, dang rộng đôi cánh khổng lồ của mình sà xuống mặt dung nham. Mây nuốt trọn khí trời và đất đá, lặng lẽ và nhẹ nhàng, giương màn nước ra hết cỡ. Khi mây kéo qua đỉnh núi, mọi thứ đều trắng xóa và lấp lánh, và hòn đá đen lại phủ đầy những viên ngọc. Mây lướt qua không để lại chút bóng râm nào. Trái lại, ánh sáng còn rực rỡ hơn, phát ra toàn bộ sắc màu của mây và những bọt nước. Jon nhìn hai bàn tay trắng

xoá của mình, các móng tay bây giờ trông như những miếng kim loại. Nó ngửa đầu ra sau, há miệng uống những giọt nước li ti hoà cùng ánh sáng rực rỡ ấy. Nó mở to hai mắt ngắm thứ ánh sáng bàng bạc đang choán đầy không gian lúc này. Bây giờ chẳng còn núi, chẳng còn thung lũng và làng mạc gì nữa, chẳng còn gì; không có gì ngoài thân thể của đám mây đang trôi về phía nam, lấp đầy từng lỗ trống và từng kẽ nứt. Hơi nước mát lạnh lảng vảng quanh đỉnh núi thật lâu, che mờ cả thế giới. Rồi, đám mây lớn ra đi rất nhanh, như lúc chúng kéo đến, trôi về phía bên kia bầu trời.

Jon cảm thấy thật hạnh phúc vì đã đến đây, bên những đám mây này. Nó yêu xứ sở này của chúng, cái xứ sở cao thật cao và cách xa thung lũng, cách xa đường sá của con người. Bầu trời biến hoá không ngừng quanh vùng dung nham, ánh sáng mặt trời không đều đặn, chuyển động như những chùm sáng phát ra từ ngọn hải đăng. Có lẽ chẳng có gì khác ở đây, thực sự không còn gì nữa. Có lẽ bây giờ mọi thứ đều chuyển động không ngừng và bốc hơi, những cơn lốc lớn, những nút dây thòng lọng, những tấm voan, những đôi cánh, những dòng sông nhọt nhọt. Lớp dung nham đen cũng đang trôi đi, lan ra khắp nơi và chảy về phía bên dưới, lớp dung nham mát lạnh chậm chậm tràn khỏi miệng núi lửa.

Khi các đám mây ra đi, Jon dõi theo tấm lưng tròn của chúng chạy giữa bầu trời. Bầu khí quyển lại hiện ra, xanh thật xanh, lung linh ánh sáng mặt trời và những khối dung nham lại đông cứng như trước.

Jon lật sấp người lại, chạm vào lớp dung nham. Nó bỗng thấy một hòn sỏi kỳ lạ, được đặt bên mép trũng đất có chứa nước mưa. Nó bò lại gần để xem. Đó là một viên đá dung nham màu đen, có lẽ đã bị tách khỏi khối dung nham khi phun trào. Jon muốn trả viên đá cho lớp dung nham nhưng viên đá dính chặt vào đất bởi một sức mạnh khủng khiếp hoàn toàn không tương xứng với hình dáng bé nhỏ của nó.

Và rồi, Jon lại cảm thấy cơn rùng mình ban nãy, khi nó vừa trèo qua những tảng đá nằm trong khe suối. Hòn sỏi giống hệt hình dáng của ngọn núi. Không nhầm vào đâu được: cũng thân dưới to lớn và góc cạnh ấy, và đỉnh hình bán cầu. Jon chồm gần hơn về phía hòn sỏi và nhận ra ngay khe

núi mà nó đã đi qua. Trên hòn sỏi, khe núi chỉ là một vết nứt nhỏ, nhưng có hình răng cưa hết như những bậc thang khổng lồ mà nó đã trèo lên.

Jon cúi mặt xuống sát viên đá cho tới khi mắt bắt đầu nhòe đi. Khối dung nham to dần, nở ra bốn hướng, che khuất tầm nhìn của cậu bé. Rồi, cơ thể nó dường như đang biến mất, và cả trọng lực cũng từ từ biến mất. Bấy giờ, nó đang trôi lơ lửng, cười trên lưng những đám mây, để toàn bộ ánh sáng xuyên qua. Bên dưới là những mảng dung nham lấp lánh nước và ánh nắng, những đốm địa y loang lổ, những mặt hồ màu xanh tròn trịa. Nó lướt đi thật chậm trên mặt đất, bởi giờ đây, nó đã là một đám mây, nhẹ tênh và biến hóa. Nó đã là một làn khói xám, một hơi nước, bám trên những phiến đá và để lại đó những hạt nước li ti.

Jon không rời mắt khỏi viên đá nữa. Như thế này, nó thấy thật hạnh phúc. Nó vuốt ve bề mặt trơn tru của viên đá thật lâu, bằng hai bàn tay rộng mở. Viên đá rung rinh dưới những ngón tay của cậu bé. Nó có thể cảm nhận từng chỗ u, từng vết nứt, từng dấu tích của thời gian và hơi ấm dịu dàng của ánh sáng kết thành một tấm thảm mong manh, tựa như một làn bụi.

Trong lúc đó, bầu trời quanh ngọn núi lần lượt mở ra và khép lại. Mây trôi trên cao nguyên dung nham, những hạt nước li ti chảy trên gương mặt của Jon, bám trên tóc cậu bé. Thình thoảng, mặt trời lại bùng cháy với khối ánh sáng khổng lồ nóng bỏng của mình. Làn gió lượn quanh ngọn núi thật lâu, khi hướng này, khi hướng nọ.

Rồi Jon nghe con tim mình lên tiếng, nhưng xa, rất xa, từ trong lòng trái đất, đến tận lớp dung nham cuối cùng, đến tận những mạch lửa và những nền sông băng. Những cú đập lay chuyển cả ngọn núi, rung khắp các mạch dung nham, trong thạch cao, trên các trụ ba-zan. Chúng vang trong các lòng hang và các khe núi, và âm thanh đều đặn này hẳn đã lan xuống tận thung lũng rêu, đến những ngôi nhà của con người.

“Bình bịch, bình bịch, bình bịch, bình bịch, bình bịch, bình bịch.” . .

Âm thanh nặng nề đưa Jon đến một thế giới khác, như ngày nó vừa ra đời, và nó thấy trước mắt mình là hòn đá đen to lớn phập phồng trong ánh

sáng. Mỗi khi hòn đá nổ ra toàn bộ ánh sáng của bầu trời lại bị chao đảo và dồn nén. Mây cũng nổ ra, căng đầy điện tích, lấp lánh như khi quần quýt quanh ánh trăng tròn.

Rồi nó nhận ra một tiếng động khác, tiếng biển sâu khò khè nặng nề, hay tiếng hơi nước loang trong không khí. Tiếng động này lại đưa nó đi xa hơn. Thật khó mà cưỡng lại giấc ngủ. Những âm thanh khác không ngừng kéo đến, những âm thanh mới, tiếng rung của động cơ, tiếng chim kêu, tiếng cọt két của những máy ép, và tiếng chất lỏng sôi sùng sục.

Tất cả những âm thanh ấy sinh ra, đến và đi, rồi lại quay về, cứ thế tạo nên một giai điệu đưa con người ta tới những nơi rất xa. Bây giờ, Jon thôi không cố quay về nữa. Nó đã hoàn toàn tê liệt, tưởng chừng như mình đang rơi xuống một nơi nào đó, có lẽ gần đỉnh của hòn sỏi đen, cạnh những vết thủng tí hon.

Khi mở mắt ra, nó thấy một đứa trẻ gương mặt sáng ngời đang đứng trên lớp dung nham, ướt trũng nước. Quanh đó, nắng cháy dữ dội, bởi trên trời đã không còn mây.

— Jon! – Đứa trẻ gọi, giọng dịu dàng và mong manh, những gương mặt sáng ngời kia đang mỉm cười.

— Làm thế nào em lại biết tên anh? – Jon hỏi.

Đứa trẻ không trả lời. Nó đứng bất động bên bờ trũng nước, hơi nghiêng người sang một bên như sẵn sàng bỏ chạy.

— Còn em, em tên gì? – Jon hỏi – Anh thì không quen em.

Jon cố gắng không nhúc nhích, để không làm đứa trẻ hoảng sợ.

— Vì sao anh đến đây? Chưa ai lên ngọn núi này trước đây.

— Anh muốn biết quang cảnh trông như thế nào khi nhìn từ trên đây – Jon nói – Anh nghĩ người ta có thể nhìn thấy mọi thứ khi ở trên cao, rất cao, như những con chim vậy.

Jon dẫn đo một đoạn, rồi hỏi:

— Em sống ở đây à?

Đứa trẻ vẫn cười. Ánh sáng quanh đây như đến từ đôi mắt và mái tóc của nó.

— Em là mục đồng có phải không? Trông em ăn bận như những người chăn cừu.

— Em sống ở đây – Đứa trẻ nói – Tất cả những gì anh thấy ở đây là của em.

Jon đưa mắt nhìn vùng dung nham rộng lớn và bầu trời.

— Không đâu – Jon nói – Chúng không thuộc về ai cả.

Jon làm một động tác để đứng dậy. Nhưng đứa trẻ liền xoay người như chuẩn bị bỏ đi.

— Anh sẽ đứng yên – Jon vội vàng trấn an đứa trẻ – Em ở lại đi, anh không đứng dậy nữa đâu.

— Anh không được đứng dậy bây giờ – Đứa trẻ nói.

— Vậy em hãy đến đây, ngồi cạnh anh này.

Đứa trẻ lưỡng lự. Nó nhìn Jon như cố đoán xem cậu bé đang nghĩ gì. Rồi nó tiến lại gần và ngồi bắt chéo chân bên cạnh Jon.

— Em chưa cho anh biết em tên gì? – Jon hỏi.

— Điều đó quan trọng gì, vì anh có quen em đâu – Đứa trẻ nói – Em, em có hỏi tên anh đâu.

— Ừ phải – Jon nói, cảm thấy lẽ ra mình nên ngạc nhiên mới phải.

— Vậy thì, nói anh nghe xem, em làm gì ở đây? Em sống ở đâu? Anh không nhìn thấy ngôi nhà nào trên đường đến đây.

— Tất cả đều là nhà của em – Đứa trẻ nói, hai bàn tay khẽ cử động, với những động tác duyên dáng nhất mà Jon chưa bao giờ thấy qua.

— Em sống ở đây thật ư? – Jon hỏi – Vậy ba em đâu, mẹ của em đâu? Họ ở đâu?

— Em không có.

— Anh chị của em thì sao?

— Em sống một mình, em vừa bảo còn gì.

— Em không sợ à? Em còn quá nhỏ để sống một mình.

Đứa trẻ lại cười.

— Sao em phải như thế? Anh có sợ không, khi anh đang sống ngay trong nhà mình?

— Không – Jon trả lời. Nhưng hai trường hợp này có giống nhau đâu, Jon thầm nghĩ, không dám nói ra.

Chúng ngồi im lặng một lúc, rồi đứa trẻ nói:

— Em sống ở đây từ lâu rồi. Em thuộc từng viên đá của ngọn núi này, như anh thuộc từng góc ngách trong phòng mình. Anh có biết vì sao em sống ở đây không?

— Không – Jon đáp.

— Chuyện dài lắm – Đứa trẻ bắt đầu kể – Trước kia lâu thật là lâu, nhiều người đã đến, họ dựng nhà dọc các bờ sông, trong thung lũng, và những ngôi nhà trở thành làng mạc, và làng mạc trở thành thành phố. Cả những con chim cũng bỏ trốn, và những con cá cũng hoảng sợ. Thế là em, em cũng rời khỏi những dòng sông, rời khỏi thung lũng, và em đến ngọn núi này. Giờ thì anh cũng vậy, anh cũng đã lên đến ngọn núi này, và những người khác rồi cùng sẽ đi theo.

— Em nói như thể mình đã già lắm – Jon nói – Nhưng em chỉ là một đứa trẻ thôi.

— Đúng thế – Đứa trẻ nói. Nó nhìn Jon chăm chăm, ánh mắt xanh biếc chứa đầy một thứ ánh sáng nào đó khiến Jon phải hạ mắt xuống.

Ánh sáng tháng sáu bây giờ còn đẹp hơn nữa. Jon nghĩ ánh sáng ấy đến từ đôi mắt của người mục đồng kỳ lạ này. Phía trên ngọn núi, bầu trời không còn một bóng mây, và hòn đá màu đen lúc này vô cùng dịu êm và mát mẻ.

Jon không buồn ngủ nữa. Nó nhìn đứa trẻ đang ngồi bên cạnh. Nhưng đứa trẻ lại ngó sang chỗ khác. Một sự im lặng ngọt ngào. Không có ngọn gió nào lướt qua.

Đứa trẻ lại quay sang Jon.

— Anh có biết chơi nhạc không? – Nó hỏi – Em rất thích những điệu nhạc.

Jon lắc đầu, rồi sực nhớ mình có mang theo một cây đàn môi nho nhỏ, bèn lôi ra và chỉ cho đứa trẻ.

— Anh có thể chơi nhạc với cái này ư? – Đứa trẻ hỏi, Jon đưa cây đàn cho đứa trẻ xem và nó bắt đầu ngắm nhìn món đồ.

— Em muốn anh chơi bản gì? – Jon hỏi.

— Gì cũng được, bản nào mà anh biết chơi ấy. Em thích tất cả.

Jon đưa cây đàn lên môi và rung lưỡi kim loại nhỏ bằng ngón tay trỏ. Nó chơi bản *Draumkvaedi*, một điệu nhạc mà nó rất thích, một điệu nhạc xa xưa mà trước kia, ba đã dạy cho nó.

Tiếng đàn môi vang xa trên đồng bằng dung nham. Đứa trẻ lắng nghe, đầu nghiêng nhẹ sang một bên.

— Dễ thương quá – Nó nói khi Jon kết thúc bản nhạc – Anh chơi thêm một bản nữa cho em, nhé?

Không rõ vì sao, nhưng Jon cảm thấy hạnh phúc vô cùng khi điệu nhạc của mình làm vui lòng người mục đồng.

— Anh cũng biết chơi bản *Manstu ekki Vina* – Jon nói – Đó là một bài hát xứ khác.

Vừa chơi, Jon vừa dùng chân để gõ nhịp.

Đứa trẻ lắng nghe, mắt sáng rực vì thích thú.

— Em thích những bản nhạc của anh – Cuối cùng, nó nói – Anh có biết chơi thứ gì khác không?

Jon suy nghĩ.

— Thịnh thoảng anh trai anh cho anh mượn một cây sáo. Một cây sáo đẹp, được làm hoàn toàn bằng bạc. Thịnh thoảng anh lại mượn để thổi.

— Ước gì em cũng được nghe những điệu nhạc đó.

— Lần tới anh sẽ hỏi mượn cây sáo – Jon nói – Có thể anh trai anh cũng muốn đến đây, để thổi cho em nghe.

— Được thế thì thích quá – Đứa trẻ nói.

Rồi Jon lại chơi nhạc với cây đàn môi của mình. Miếng kim loại rung dữ dội giữa sự im lặng của ngọn núi. Jon nghĩ, có lẽ những người khác cũng nghe thấy tiếng nhạc, những người ở cuối thung lũng, và cả trang trại cũng đều nghe thấy. Đứa trẻ nhích lại gần hơn, tay đung đưa theo nhịp điệu của bản nhạc, đầu khẽ cúi xuống. Nó bật cười khi những nốt nhạc lên rất cao, đôi mắt sáng ngời. Rồi Jon chơi chậm lại, ngân những nốt dài rung rinh trong không khí, thế là gương mặt của đứa trẻ trở nên nặng nề, đôi mắt mang màu biển sâu.

Cuối cùng, Jon dừng lại, gần như đứt hơi. Hai hàm răng và môi của nó đều ê ẩm.

Đứa trẻ vỗ tay, reo lên:

— Hay quá! Anh toàn chơi những bản nhạc hay!

— Anh còn biết dùng cây đàn để nói chuyện – Jon nói.

Đứa trẻ ngạc nhiên.

— Nói ư? Làm sao anh có thể nói với thứ này?

Jon lại đưa cây đàn môi lên và, thật chậm, nó phát âm từng chữ một trong lúc đưa tay rung miếng kim loại.

— Em hiểu không?

— Không – Đứa trẻ trả lời.

— Nghe kỹ nhé.

Jon lại bắt đầu nói, lần này còn chậm hơn nữa. Gương mặt đứa trẻ bỗng sáng ra.

— Anh nói: xin chào, bạn của tôi!

— Đúng vậy.

Jon giải thích:

— Ở nơi anh sống dưới kia, trong thung lũng, bọn con trai đứa nào cũng biết làm thế này. Khi hè về, bọn anh vào những cánh đồng, sau những trang trại, và bọn anh trò chuyện với bọn con gái bằng những cây đàn môi. Khi bọn anh tìm được người con gái mình thích, bọn anh sẽ tới sau nhà cô ấy, và bọn anh lại trò chuyện theo cách ấy, để ba mẹ cô gái không hiểu. Bọn con gái thích lắm.

Chúng thò đầu ra cửa sổ và nghe xem bọn anh nói gì với điệu nhạc.

Jon chỉ đứa trẻ làm thế nào để nói “anh yêu em, anh yêu em, anh yêu em” mà chỉ cần khảy mảnh kim loại của cây đàn và đưa lưỡi trong miệng.

— Dễ lắm – Jon nói, đưa nhạc cụ cho đứa trẻ để nó thử nói bằng cách khảy mảnh kim loại. Nhưng âm thanh phát ra không giống bất kỳ ngôn ngữ nào và cả hai bật cười thật lớn.

Lúc này, đứa trẻ hoàn toàn không còn dè chừng nữa. Jon chỉ cho nó cách chơi vài điệu nhạc, và những âm thanh cao vút vang thật lâu trong núi.

Rồi ánh sáng đã bắt đầu ngả màu. Mặt trời xuống sát đường chân trời, trong làn sương ửng đỏ. Bầu trời được thắp sáng kỳ lạ, như thể có một đám cháy đang diễn ra. Jon nhìn gương mặt người bạn đồng hành của mình, gương mặt ấy dường như cũng đã đổi màu. Nước da và mái tóc của đứa trẻ đã chuyển sang màu xám, còn đôi mắt thì mang màu của bầu trời. Hơi ẩm dịu dàng bắt đầu yếu dần. Gió lạnh kéo đến như một cơn rét. Đúng lúc ấy, Jon nhòe dậy định ra về, nhưng đứa trẻ đã đặt tay lên vai nó.

— Anh đừng đi – Đứa trẻ chỉ nói như thế.

— Anh phải xuống núi ngay, giờ đã trễ lắm rồi.

— Đừng đi mà. Đêm sẽ rất sáng, anh có thể ở lại đây đến sáng mai.

Jon lưỡng lự.

— Ba mẹ anh đang đợi dưới kia – Rồi nó nói.

Đứa trẻ suy nghĩ, rồi đôi mắt màu xám của nó bỗng nhiên sáng rỡ.

— Họ sẽ ngủ quên ấy mà – Nó nói – Họ sẽ không tỉnh dậy trước sáng mai đâu, nên anh có thể ở lại đây.

— Làm sao em biết họ sẽ ngủ quên? – Jon hỏi, nhưng nó hiểu ngay đó là sự thật. Đứa trẻ mỉm cười.

— Anh biết chơi nhạc và nói chuyện bằng cây đàn. Còn em, em biết những thứ khác.

Jon nắm tay đứa trẻ và siết chặt. Không rõ vì sao, nhưng nó chưa bao giờ cảm thấy hạnh phúc như thế này.

— Vậy hãy chỉ cho anh những thứ khác – Jon nói – Em biết nhiều thế cơ mà.

Đứa trẻ bật dậy và chạy thẳng về phía vũng nước thay vì trả lời Jon. Nó hứng một ít nước trong hai lòng bàn tay, đem đến cho Jon. Nó đưa tay lên miệng Jon.

— Anh uống đi – Nó nói.

Jon nghe theo, để cho đứa trẻ từ từ trút nước vào miệng. Nó chưa bao giờ uống thứ gì như vậy. Nước mát và ngọt lịm, nhưng nặng và cô đặc. Nước dường như đang lan đi khắp cơ thể nó như một dòng suối. Một thứ nước đặc biệt, có thể thỏa mãn mọi cơn đói và mọi cơn khát, di chuyển trong từng huyết mạch như là ánh sáng.

— Ngon thật – Jon nói – Nước này là nước gì?

— Đó là nước đến từ những đám mây – Đứa trẻ nói – Chưa một ai từng nhìn thấy.

Đứa trẻ đứng trước mặt Jon, trên lớp dung nham.

— Lại đây giờ em sẽ chỉ cho anh xem bầu trời.

Jon đặt tay mình trong tay đứa trẻ, và chúng cùng nhau bước đi trên ngọn núi. Đứa trẻ đi rất nhẹ, hơi chồm người về phía trước, chân hầu như

không chạm vào mặt đất. Chúng bước đi như thế đến tận cao nguyên dung nham, nơi ngọn núi thống trị mặt đất.

Jon nhìn bầu trời mở ra trước mắt chúng. Mặt trời đã hoàn toàn khuất dạng dưới đường chân trời, nhưng ánh sáng vẫn tiếp tục rọi lên những đám mây. Bên dưới, xa hơn một chút, trên thung lũng, bóng tối phủ lên mọi vật. Chẳng thấy hồ và những ngọn đồi đâu nữa, và Jon không cách nào nhận ra mảnh đất của mình. Nhưng trên bầu trời bao la vẫn còn rất nhiều ánh sáng, Jon có thể thấy toàn bộ mây ở đây, những đám mây dài màu khói trải giữa không gian đã nhuộm vàng và hồng. Phía trên cao hơn nữa, màu xanh bắt đầu xuất hiện, một màu xanh thẫm, cũng sáng lung linh, và Jon nhận ra đốm trắng của sao Hôm, một mình chiếu sáng cả bầu trời như ngọn hải đăng.

Hai đứa trẻ ngồi bên nhau bên mép núi, ngắm nhìn bầu trời. Không có lấy một ngọn gió, một âm thanh, một chuyển động nào. Jon tưởng chừng như không gian đang ứa vào người, thổi căng toàn bộ cơ thể của nó. Đứa trẻ không nói gì. Nó ngồi yên, lưng dựng thẳng, đầu hơi ngả ra sau, và cứ thế nhìn giữa bầu trời.

Những vì sao bắt đầu được thắp lên, hết vì sao này đến vì sao kia, toả ra tám tia sáng nhọn. Jon lại cảm thấy được những xung động đều đặn trong lồng ngực và những động mạch cổ, chúng đến từ chính trái tim của bầu trời, đi qua cơ thể nó và vang khắp ngọn núi. Ánh sáng ban ngày vẫn đang gõ nhịp ngay đường chân trời, đáp lại tiếng trống ngực của trời đêm. Hai sắc màu, một tối, một sáng ấm áp, cùng đung đưa theo nhịp quả lắc, giao nhau ở điểm tận cùng.

Jon lùi vào bên trong, nằm ngửa mặt lên trời, hai mắt mở to. Lúc này, nó nghe thấy rất rõ tiếng động ấy, tiếng động lớn đến từ mọi góc ngách của không gian, hòa vào nhau ngay phía trên nơi cậu bé đang nằm. Đó không phải là những lời nói, không phải là một giai điệu, nhưng dường như nó vẫn hiểu, như là những câu hát, những ca từ trong một bản nhạc. Biển cả, bầu trời, ánh nắng, thung lũng, nó nghe thấy chúng đang kêu gào như một bày thú hoang. Nó nghe thấy những âm thanh nặng nề tù túng của vực thẳm, những tiếng thì thầm than vãn ẩn sâu trong lòng giếng hay tận cùng của các

kẽ nứt. Một phần nào đó của tiếng động đến từ phương bắc, âm thanh liên mạch và trơn tru của những dòng sông băng. Hơi nước cùng đám khí bốc ra từ miệng núi lửa tạo thành những âm thanh chói tai, và những ngọn lửa cao nhất của mặt trời kêu ro ro như đến từ một lò rèn. Nước chảy đi khắp nơi, những đám bọt bị bùn làm vỡ tung, hạt nứt ra, gieo mầm vào lòng đất. Và nó nghe những rễ cây đang rung rinh, nghe nhựa nhỏ từng giọt trong thân cây, và khúc phong ca của những ngọn cỏ sắc bén. Rồi những tiếng động khác kéo đến, những tiếng động mà Jon biết rất rõ như tiếng máy bơm và tiếng xe tải con nổ máy, tiếng dây xích kêu lách cách, tiếng máy cưa, tiếng pít-tông đang nện thô bạo, và tiếng tàu hụ còi ra khơi. Một chiếc phi cơ xé toạc cả khoảng trời phía trên đại dương với bốn tua-bin phản lực của mình. Một giọng nói cất lên, giọng con người, đâu đó trong một lớp học, mà giọng con người thật chẳng? Âm thanh ấy nghe như tiếng kêu của một loài côn trùng đang bị biến dạng, trở thành một tiếng xuýt kéo dài lê thê, hay bị ngắt thành những tiếng rít chói tai. Bầy chim biển đập cánh vù vù trên những vách đá. Lũ mòng biển kêu liếp chớp. Jon bị tất cả những tiếng động ấy cuốn theo. Cơ thể nó lúc này đang lơ lửng phía trên lớp dung nham, trôi đi như những mảnh rêu, xoay điên cuồng trong các xoáy nước vô hình, trong lúc những vì sao chiếu rực rỡ cả bầu trời ở ranh giới giữa ngày và đêm.

Jon nằm như thế một lúc lâu, nhìn và lắng nghe. Rồi những tiếng động xa dần, yếu ớt, tiếng này ra đi sau tiếng kia. Con tim của nó cũng dịu lại, đập đều đặn hơn, và ánh sáng khoác lên mình một lớp áo xám.

Jon lật sang một bên để nhìn người bạn của mình. Trên lớp đá đen, đứa trẻ nằm co chân lại, tựa đầu vào cánh tay. Lồng ngực của nó khê nhô lên, và Jon biết cậu bé đã ngủ. Thế là nó cũng nhắm mắt lại, chờ đợi giấc ngủ của mình.

Jon tỉnh giấc khi mặt trời đã hiện ra trên đường chân trời. Nó ngồi dậy và nhìn ra xung quanh, ngơ ngác. Đứa trẻ đã không còn ở đó. Chỉ có vùng dung nham màu đen rộng lớn, và, ở xa tít tắp kia là thung lũng, nơi những bóng hình đầu tiên bắt đầu được tô điểm. Gió lại thổi, phui sạch không gian. Jon đứng dậy, đi tìm người bạn của mình. Nó men theo sườn dung nham để

tới tận trung đất. Nước trong vũng ánh màu kim loại, nhấp nhô bởi những cơn gió. Trong hố rêu và địa y, nhành cây khô rung rinh, run rẩy. Trên nền đá, hòn sỏi mang hình ngọn núi vẫn nằm yên ở vị trí cũ. Thế là Jon đứng một lúc trên đỉnh núi, cất tiếng gọi nhiều lần, nhưng chẳng có lấy một lời đáp, cả một tiếng vọng cũng không:

— Này!

— Này!

Khi hiểu rằng có lẽ nó sẽ không bao giờ gặp lại người bạn của mình nữa, Jon bắt gặp trong lòng nỗi cô đơn lớn đến mức như thể ai đó vừa đâm ngang sườn cậu bé. Nó bắt đầu leo xuống núi, nhanh nhất mà nó có thể. Nó phóng qua những tảng đá, vội vàng tìm lại khe núi với các bậc thang khổng lồ. Nó trượt trên những tảng đá ẩm ướt, đi một mạch về phía thung, không quay đầu lại. Ánh sáng mờ miều kia bắt đầu lan khắp bầu trời, và khi Jon đến bên dưới, mặt trời đã lên cao.

Rồi nó bắt đầu chạy trên lớp rêu, hai bàn chân lại không ngừng bật lên và đẩy nó về phía trước còn nhanh hơn nữa. Nó nhảy qua con suối màu xanh da trời chỉ với một bước chân, chẳng màng tới những mảng rêu đang trôi về bên dưới theo dòng nước xoáy. Cách đó không xa lắm nó thấy một đàn cừu đang bỏ chạy kêu be be, và cậu bé nhận ra mình đã trở về xứ con người. Cạnh con đường làng, chiếc xe đạp mới tinh xinh đẹp đang đợi, bộ ghi-đông mạ crôm lấp lăm lấp những giọt nước. Suốt đường về nhà, nó chẳng nghĩ ngợi được gì, chỉ cảm thấy một nỗi trống vắng và cô đơn vô hạn. Khi đến trang trại, Jon dựng xe vào tường và lặng lẽ bước vào để không đánh thức ba mẹ nó dậy, trong lúc họ vẫn còn ngủ say.

*Quỳnh Anh dịch*

# BÁNH XE NƯỚC

Mặt trời còn chưa mọc trên dòng sông. Qua khuôn cửa hẹp của ngôi nhà, Juba nhìn mặt nước đã loang loáng như mặt gương ở phía bên kia những cánh đồng xám xịt. Cậu nhóm dậy, hất cái mền đang đắp ra. Không khí lạnh buổi sáng làm Juba rùng mình. Trong ngôi nhà mờ tối, những bóng người còn lại đang quẩn mình trong mền nằm ngủ. Juba nhận ra ba cậu nằm phía bên kia cửa, anh cậu, và tuốt phía cuối là mẹ và hai người chị của cậu đang co ro đắp chung một tấm mền. Đầu đó có một con chó sữa hồi lâu, tiếng sữa lạ lùng, hơi tru lên một chút rồi tắc nghẹn. Nhưng trên bờ lẩn dưới sông đều không có động tĩnh gì, vì mặt trời còn chưa mọc. Màn đêm xám xịt, lạnh lẽo với không khí của núi và sa mạc và ánh sáng tai tái của mặt trăng.

Nằm yên tại chỗ, Juba rùng mình quan sát màn đêm. Qua lớp chiếu cói, hơi lạnh dưới đất thấm lên, những giọt sương mai hình thành trên lớp bụi. Ở bên ngoài, đám cỏ loang loáng như những lưỡi kiếm ẩm ướt. Những cây keo cao và ốm màu đen đứng bất động trên mặt đất nứt nẻ. Juba nhẹ nhàng đứng lên. Cậu gập mền, cuốn chiếu, rồi bước xuống con đường mòn đi xuyên qua những cánh đồng hoang vắng. Cậu nhìn bầu trời phía đông và phỏng đoán một ngày mới sắp sửa bắt đầu. Sâu trong con người mình Juba cảm thấy ánh sáng đã xuất hiện. Đất cũng biết điều đó, dù là lớp đất đã cày trên các cánh đồng hay khoảng đất bụi bặm giữa các bụi gai và cây keo. Cảm giác đó giống như một nỗi lo, một sự hoài nghi từ trên trời rơi xuống, băng qua dòng sông lững lờ rồi loang ra trên mặt đất. Những cái mạng nhện rung lên, đám cỏ lao xao, lũ mòng bay trên các vũng nước. Bầu trời trống vắng vì bấy dơi không còn và những con chim chưa xuất hiện. Dưới đôi chân trần của Juba, con đường mòn thật cứng. Xung động xa xăm đi theo cùng cậu, những con cào cào lớn màu xám bắt đầu nhảy qua đám cỏ. Trong khi Juba đi xa dần ngôi nhà, bầu trời từ từ sáng lên ở phía thượng nguồn dòng sông. Sương mù buông xuống giữa hai bờ sông, và trải các tấm màn màu trắng của nó ra với

vận tốc của một chiếc bè. Juba dừng lại trên đường. Cậu nhìn dòng sông một lúc. Trên bãi cát sông, những cây sậy ẩm ướt nghiêng ngả. Một thân cây đổ khá lớn màu đen dật dờ trên dòng nước, các cành nhánh của nó hết chìm xuống rồi lại nổi lên như cổ của một con rắn đang bơi. Dòng sông vẫn đang chìm trong bóng tối, nước sông nặng nề và đặc sệt, vừa chảy vừa tạo thành những gợn sóng chậm rãi, còn ở phía bên kia sông, mặt đất khô cằn đã xuất hiện. Bàn chân Juba đạp trên lớp bụi đất cứng, thứ đất đỏ nứt nẻ như những cái bình cổ với các rãnh nứt ngoằn ngoèo tựa các vết rạn.

Màn đêm mở ra trên bầu trời và dưới mặt đất. Juba băng qua những cánh đồng hoang vắng, đi xa dần những ngôi nhà cuối cùng. Cậu không còn nhìn thấy dòng sông nữa. Cậu leo lên một cái gò đất khô cằn, nơi có vài cây keo mọc túm tụm vào nhau. Juba nhặt vài bông hoa keo dưới đất, rồi vừa nhai vừa leo lên gò. Mật hoa lan ra trong miệng cậu làm tan biến sự uể oải do buồn ngủ. Ở phía bên kia dốc, lũ bò đang chờ đợi. Khi Juba đến gần, hai con vật to lớn khập khiễng giậm chân, một con trong số chúng ngửa đầu rống lên.

— Chậc, chậc! Ngoan nào! – Juba cất tiếng, và lũ bò nhận ra cậu ngay.

Tiếp tục tặc lưỡi, Juba tháo xích cho bò rồi đưa chúng lên quả đồi đá. Hai con bò khó nhọc tiến bước, khập khiễng vì những cái xích đã làm chân sau của chúng bị tê mỏi. Hơi nước phụt ra từ các lỗ mũi của chúng.

Khi đã đến guồng nước, lũ bò đứng lại. Chúng thở phì phò, giật sợi dây buộc, phát ra những âm thanh từ trong họng, gõ móng xuống đất làm đá sỏi văng ra. Juba buộc lũ bò vào một đầu của thanh gỗ dài. Trong khi đeo ách cho bò, cậu không ngừng tặc lưỡi. Đám ruồi rừng bắt đầu bay lòng vòng quanh mắt và mũi của lũ bò. Juba xua đuổi những con ruồi đậu vào mặt hoặc vào tay mình.

Đàn bò chờ đợi phía trước giếng nước. Bánh xe bằng gỗ nặng nề kêu kẻo kệt khi chúng bước lên trước một bước. Juba kéo sợi dây buộc gắn vào cái ách, và bánh xe nước bắt đầu rền rĩ như một con tàu chuyển động. Hai chú bò xám nặng nề bước đi trên con đường hình tròn. Móng của chúng đặt

xuống những vết tích của ngày hôm trước, đào thêm những cái lỗ mới trong lớp đất đỏ, giữa những hòn đá cuội. Ở một đầu của thanh gỗ dài, có một bánh xe nước lớn bằng gỗ quay đồng thời với hai con bò, trục của nó dẫn động tới một bánh xe quay theo thẳng đứng. Sợi dây dài bằng da cứng hạ xuống đáy giếng, đưa mấy cái xô xuống nước.

Juba thúc lũ bò bằng cách tặc lưỡi không ngừng. Cậu còn nói chuyện rì rầm với chúng vì bóng tối vẫn còn vây bủa ruộng đồng và dòng sông. Cấu trúc nặng nề bằng gỗ kê cột kẹt và răng rắc, trì hoãn rồi lại chạy tiếp. Thình thoảng lũ bò dừng lại, khiến Juba phải chạy ra phía sau, quất chúng bằng một cây roi, đồng thời đẩy cái bánh xe gỗ. Những con bò chậm rãi bước đi vòng tròn, đầu cúi thấp, mũi thở phì phò.

Mặt trời xuất hiện và đột ngột chiếu sáng các cánh đồng. Lớp đất đỏ chẳng chịt các khe rãnh, lổn nhổn các cục đất sét khô và những hòn đá nhọn sáng bóng. Ở phía trên dòng sông, bên kia các cánh đồng, màn sương tan dần và mặt nước sáng lên. Một đàn chim thình lình bay lên từ bờ sông, giữa hai bãi sậy. Chúng tản ra trên bầu trời hừng sáng và kêu chí chöhe. Đó là những con gà cát, tiếng kêu chói tai của chúng làm Juba giật mình. Đứng trên thành giếng đá, cậu dỗi mắt nhìn đàn gà một lúc. Chúng bay lên cao, ngang qua mặt trời rồi lại chao xuống rồi mất hút trong đám cỏ ven sông. Ở đầu kia của những cánh đồng, cánh phụ nữ bước ra khỏi nhà. Họ nhóm lò than nhưng ánh sáng của mặt trời yếu đến nỗi không thể át đi đốm lửa hồng của những hòn than đang cháy. Juba nghe thấy tiếng khóc trẻ con và những giọng nói đàn ông. Ai đó cất tiếng gọi, chất giọng lạnh lạnh vang lên thật lâu trong không trung:

— Ju-uuu-baa!

Lúc này lũ bò đi nhanh hơn. Mặt trời sưởi ấm cơ thể và tiếp thêm sức mạnh cho chúng. Bánh xe nước kêu kéo kẹt, các bánh răng của nó nghiêng vào nhau, sợi dây cu-roa bằng da căng thẳng dưới sức nặng của các xô nước cứ rung lên liên hồi. Những cái xô được nâng lên tới miệng giếng, trút nước vào cái máng bằng tôn, rồi lại đi xuống và đập vào thành giếng. Juba nhìn dòng nước chảy dọc theo máng, đổ xuống kênh dẫn, chảy theo đợt về phía

những cánh đồng đất đỏ. Dòng nước chảy chậm rãi từng ngum một, để mặt đất khô cằn uống ừng ực. Đáy kênh bắt đầu trở thành một lớp bùn nhão, rồi làn nước đều đặn tiến lên, từng mét một. Juba ngồi trên một hòn đá của thành giếng, nhìn chăm chăm dòng nước. Bên cạnh cậu, bánh xe gỗ quay rất chậm, vừa quay vừa kêu cọt kẹt, sợi dây cu-roa phát ra tiếng rì rì, những xô nước tuần tự đập vào máng tôn và đổ nước cái ào. Đó là thứ âm nhạc chậm rãi, rền rĩ như một giọng nói. Nó lấp đầy bầu trời trống trải và các cánh đồng. Juba đã quen với thứ âm nhạc đó, hết ngày này qua ngày khác. Mặt trời chậm rãi lên cao khỏi đường chân trời, ánh nắng ban mai rung rinh trên những hòn đá, thân cây và mặt nước dưới kênh. Xa xa, những người đàn ông đi trên bờ ruộng tạo thành các bóng đen trên nền trời nhợt nhạt. Không khí ẩm dần từng chút một, những hòn đá dường như nở ra, lớp đất đỏ bóng lên như vỏ quả táo. Có những tiếng la vọng từ bên này sang bên kia, tiếng những người đàn ông và tiếng chó sủa. Tất cả vang vọng không dứt trên nền trời, trong khi bánh xe nước tiếp tục quay kéo kẹt. Juba không nhìn những con bò nữa. Cậu quay lưng về phía chúng, nhưng vẫn nghe thấy những tiếng thở phì phò trong họng, lúc xa lúc gần. Những cái móng bò luôn đập lên cùng những hòn đá cuội trên con đường hình tròn và ấn xuống cùng những cái lỗ.

Thế rồi Juba quấn một miếng vải trắng lên đầu và không nhúc nhích nữa. Cậu nhìn ra xa, tít bên kia của những cánh đồng đất đỏ, bên kia dòng sông lấp lánh ánh kim. Cậu không nghe thấy tiếng bánh xe quay, không nghe thấy tiếng cái cần đẩy bằng gỗ quay quanh trục nữa.

— Ê ô! – Juba ngân nga trong họng, mắt nhắm hờ. – Ê ôôôô, ô-ồồồ!

Bàn tay và khuôn mặt giấu dưới lớp vải trắng, thân mình bất động, cậu ngân nga đồng thời với nhịp quay của bánh xe. Juba chỉ hơi mở miệng, điệu hát chậm rãi thoát ra khỏi họng giống như hơi thở của lũ bò, như tiếng rì rì tiếp diễn của sợi dây cu-roa bằng da.

— Ê-ê-ê-à-ô!

Tiếng thờ của lũ bò lúc xa, lúc gần, quay vòng mãi miết trên lộ trình hình tròn. Juba hát cho chính mình và không ai có thể nghe thấy cậu trong lúc nước vẫn chảy từng hồi dọc theo kênh dẫn. Cơn mưa, làn gió, thứ nước đặc sệt của dòng sông lớn đổ về phía biển, tất cả đều ở trong cổ họng, trong cơ thể bất động của Juba. Mặt trời đứng đỉnh lên cao dần, hơi nóng làm những bánh xe gỗ và cần đẩy rung lên. Có lẽ cũng chuyển động đó đang đưa mặt trời lên tới đỉnh trời, trong khi lũ bò bước chầm chậm trên lộ trình hình tròn.

— Ê-à-ô, ê-à-ô, ô-ồ-ô!

Juba nghe thấy tiếng hát dâng lên trong lòng mình, xuyên qua bụng và ngực, tiếng hát vang lên từ dưới giếng sâu. Nước chảy từng đợt, nhuộm màu của đất, xuôi dần về phía những cánh đồng trơ trụi. Thật chậm rãi, nước cũng làm quay những con sông, những bức tường và đám mây theo một đường tròn xung quanh một cái trục vô hình. Nước chảy róc rách, ồ ộc, chảy không ngừng về phía vực sâu hun hút của những cái giếng, nơi nó được những chiếc xô rồng mức lên.

Đó là một thứ âm nhạc không thể kết thúc, vì nó tồn tại trên khắp quả đất, kể cả trên bầu trời, nơi mặt trời đang chậm rãi lên cao theo lộ trình vòng cung của mình.

Âm thanh trầm, đều đặn, đơn điệu cất lên từ bánh xe lớn với các bánh răng rền rĩ, cái tời vừa quay quanh trục vừa phát ra tiếng rì rầm, những chiếc xô sắt đi xuống lòng giếng, sợi dây cu-roa rung động như giọng hát, và nước chảy liên tục trên máng, theo từng đợt, dâng đầy con kênh dẫn nước. Không ai nói chuyện, không ai nhúc nhích còn nước cứ đổ xuống, dâng lên như dòng thác, tràn ra các đường rãnh của những cánh đồng đất đỏ lổn nhổn đá sỏi.

Juba hơi ngửa đầu ra sau và quan sát bầu trời. Cậu trông thấy chuyển động vòng tròn chậm chạp vạch ra những lằn sáng lân tinh. Cậu cũng trông thấy những khối cầu trong suốt, những bánh răng ánh sáng trong không gian. Tiếng ồn của bánh xe nước vang lên đầy trong không gian, quay hoài

không dứt cùng với mặt trời. Hai con bò đi theo cùng nhịp điệu, trán cúi xuống, cổ cứng lại dưới sức nặng của cái ách. Juba nghe thấy âm thanh trầm đục do móng chúng tạo ra, tiếng hơi thở của chúng lúc xa lúc gần. Cậu nói chuyện với chúng, miệng ngân dài những từ nghiêm túc, lời cậu hòa lẫn với tiếng kéo kẹt của cần đẩy, tiếng gằn của bánh răng, và tiếng loảng xoảng của những chiếc xô không ngừng đi lên rồi đổ nước.

— Ê-à-a, ê-à-ô! Ê-à-ô!

Sau đó, trong khi mặt trời từ từ lên cao dần, được kéo bởi bánh xe nước và bước chân của những con bò, Juba nhắm mắt lại. Sức nóng và ánh sáng tạo thành một vòng xoáy nhẹ nhàng, cuốn cậu theo một đường vòng rộng đến nỗi tưởng như không bao giờ khép kín. Juba đang ở trên đôi cánh của một con kền kền trắng, bay rất cao trên bầu trời không mây. Cậu lướt đi, xuyên qua những lớp không khí, mặt đất đỏ chằm chằm chao nghiêng dưới đôi cánh chim. Những cánh đồng trơ trọi, những con đường, những căn nhà mái lá, con sông lấp lánh ánh kim, tất cả xoay quanh một cái giếng, tạo ra tiếng lanh canh cọt két. Âm thanh đơn điệu của bánh xe nước, tiếng thở của lũ bò, tiếng nước òng ọc chảy dưới kên, tất cả quay cuồng, cuốn theo Juba, nhắc nhở cậu lên. Ánh sáng rực rỡ, bầu trời rộng mở. Lúc này con người không còn tồn tại nữa, họ đã biến mất. Không còn nước, đất, trời, những mặt phẳng di động lướt qua, giao nhau, mỗi thành phần lại giống với một bánh xe có răng khớp vào một bánh răng khác.

Juba không ngủ. Cậu lại mở mắt ra và nhìn thẳng trước mặt, phía bên kia những cánh đồng. Cậu không nhúc nhích. Giữ tấm vải trắng che phủ đầu và thân mình, cậu thở nhẹ nhàng.

Khi đó Yol xuất hiện. Thành Yol thật là kỳ lạ, nó có màu sắc rất trắng, nằm giữa mặt đất hoang vu và những tảng đá màu đỏ. Những công trình cao vút của nó vẫn đang chuyển động, mờ ảo, phi thực tế, như thể chúng chưa hoàn thành. Chúng giống như những tia nắng mặt trời phản chiếu trên các hồ muối lớn.

Juba biết thành Yol khá rõ. Cậu thường xuyên trông thấy nó từ xa, khi ánh nắng rất mạnh và đôi mắt hơi mờ đi vì mệt mỏi. Cậu rất hay thấy nó, nhưng chưa ai từng tiếp cận nó, vì linh hồn của những người đã chết. Một hôm, Juba hỏi ba mình về tên của thành trì rất đẹp và rất trắng kia. Ba nói nó tên là Yol, và đó không phải là một nơi cho người sống, mà chỉ dành cho linh hồn của người chết. Ba của Juba cũng kể về người trị vì thành phố này từ rất lâu, một vị vua trẻ đến từ bên kia biển và trùng tên với cậu.

Lúc này, trong thứ âm nhạc chậm rãi của các bánh xe, trong ánh sáng chói mắt khi mặt trời đã lên đến vị trí cao nhất, Yol xuất hiện một lần nữa. Nó lớn dần trước mắt Juba, và cậu nhìn thấy rõ ràng những công trình đồ sộ của nó đang rung rinh trong luồng không khí nóng. Ở đó có những ngọn tháp cao không cửa sổ, những tòa biệt thự trắng nằm giữa các vườn cọ, những đền đài cung điện. Những khối đá cẩm thạch sáng bóng như thể vừa mới được mài cắt. Thành Yol xoay chậm chậm quanh Juba, âm thanh đơn điệu của bánh xe nước bằng giống như tiếng rì rào của biển cả. Thành Yol trôi nổi trên những cánh đồng hoang vu, nhẹ như những tia nắng mặt trời phản chiếu trên các hồ muối lớn, với dòng sông Azan phía trước tựa như một con đường ánh sáng. Juba lắng nghe tiếng biển rì rào từ phía bên kia thành. Đó là một âm thanh rất trầm, hòa lẫn với hồi trống dồn dập, tiếng kèn tuba và tiếng tù và trầm hùng. Người Himyar đổ dồn ra những con đường trong thành phố. Trong số họ có những người nô lệ da đen tới từ Nubia, những đoàn chiến binh, các kỵ sĩ khoác áo choàng đỏ đội mũ đồng, những đứa trẻ tóc vàng của dân miền núi. Bụi bay lên trong không khí, phía trên những con đường và các ngôi nhà, tạo thành một đám mây xám xoáy cuộn trước các cổng thành.

— Ê-à! Ê-à! – Đám đông kêu lên, trong khi Juba bước tới trên con đường màu trắng.

Người dân Himyar đang gọi Juba và chìa tay về phía cậu. Nhưng Juba bước đi mà không nhìn họ, trên con đường hoàng gia. Vượt lên trên thành phố, cao hơn các dinh thự và cây cối, ngôi đền thờ thần Diane kỳ vĩ có các cột trụ bằng cẩm thạch giống như những thân người hóa đá. Ánh nắng mặt

trời chiếu sáng cơ thể Juba làm cậu ngây ngất, tai cậu nghe thấy tiếng rì rào không dứt của biển cả. Kinh thành xung quanh Juba rất nhẹ, nó dao động và gợn sóng như những tia nắng mặt trời phản chiếu trên các hồ muối lớn. Juba tiến bước, đôi chân không chạm đất như thể được một đám mây đưa đi. Những người đàn ông và phụ nữ Himyar bước đi cùng cậu, âm nhạc huyền bí vang lên trên các con đường và quảng trường, thỉnh thoảng tiếng rì rào của biển lại bị che lấp bởi tiếng hô của đám đông đang gọi:

— Juba! Ê-à! Ju-uuu-baa!

Khi Juba đi tới đỉnh của ngôi đền, ánh sáng đột ngột bùng lên. Biển cả bao la xanh biếc trải dài tới chân trời. Chuyển động vòng tròn chậm rãi vạch ra đường chân trời rõ rệt, âm thanh đơn điệu của những con sóng vang dội trên các vách đá.

— Juba! Juba!

Tiếng những người Himyar hô vang, tên của cậu vang vọng khắp thành Yol, bên trên các tường thành màu đất, giữa những hàng cột trụ của đền đài, trong sân của những tòa cung điện trắng. Tên của cậu tràn đầy những cánh đồng đất đỏ cho đến tận bờ sông Azan.

Juba bước lên những bậc cuối cùng của đền thờ Diane. Cậu mặc áo trắng, mái tóc đen được cài một dải băng làm bằng sợi vàng. Khuôn mặt đẹp với làn da màu đồng của cậu hướng về phía thành phố. Đôi mắt sẫm màu của cậu dường như đang nhìn xuyên qua cơ thể những người đàn ông và phụ nữ, xuyên qua những bức tường trắng của các dinh thự.

Cái nhìn của Juba băng qua các tường thành của Yol, lần theo những chỗ uốn khúc của dòng Azan, băng qua những cánh đồng mênh mông hoang vu cho đến tận núi Amour, tận nguồn suối Sebgag. Cậu nhìn dòng nước trong vắt tuôn ra từ những khe đá, thứ nước quý báu và mát lạnh vừa chảy vừa phát ra âm thanh đều đặn.

Đám đông im lặng trong khi Juba quan sát bằng đôi mắt đen của mình. Khuôn mặt của cậu giống với một vị thần trẻ tuổi, ánh nắng mặt trời dường

như càng rực rỡ hơn trên bộ trang phục màu trắng và nước da màu đồng của cậu.

Âm nhạc lại trỗi lên, tựa như tiếng kêu của lũ chim bị kẹt lại giữa các bức tường của thành Yol. Nó thổi căng bầu trời và biển cả, dao động của nó ngày càng rộng dần.

Mình là Juba, nhà vua trẻ ngỗ nghịch, rồi đồng dục nói thành tiếng:

— Ta là Juba, con trai của Juba, cháu nội của Hiempsal!

— Juba! Juba! Ê-à-ô! – Đám đông hô vang.

— Ta là Juba, vua của các người!

— Juba! Ju-uuu-baa!

— Hôm nay ta đã quay lại đây, và Yol là kinh đô của vương quốc ta!

Tiếng rì rào của biển cả lớn thêm. Lúc này, một cô gái trẻ bước lên các bậc thang của ngôi đền. Cô gái thật đẹp, mái tóc sáng màu lấp lánh kim sa. Juba cầm lấy tay nàng và bước cùng nàng đến rìa của ngôi đền.

— Cléopâtre Séléné, con gái của Antoine và Cléopâtre, nữ hoàng của các người! – Juba tuyên bố.

Tiếng ồn ào của đám đông vang lên khắp nơi trong thành.

Cô gái trẻ đứng yên nhìn những dinh thự trắng, các bức tường thành, và miền đất đỏ mênh mông. Nàng chỉ hơi mỉm cười.

Chuyển động chậm rãi của những cái bánh xe vẫn tiếp tục, tiếng rì rào của biển cả lúc này lớn hơn cả tiếng của đám đông. Trên bầu trời, mặt trời từ từ hạ xuống theo lộ trình vòng cung của mình. Ánh sáng của nó đổi màu trên những vách tường cẩm thạch, kéo dài bóng của các cây cột trụ. Dường như lúc này chỉ còn lại hai người với nhau trên đỉnh các bậc thềm của ngôi đền, bên cạnh các cột đá cẩm thạch. Cléopâtre Séléné quan sát khuôn mặt của Juba. Nàng ngắm nhìn khuôn mặt của vị vua trẻ tuổi, cái trán cao, chiếc mũi gồ lên, đôi mắt dài viền đen. Nàng nghiêng người tựa vào Juba và dịu dàng nói chuyện với cậu bằng một thứ ngôn ngữ mà cậu không hiểu. Giọng nói

của nàng thật êm tai, hơi thở nàng có mùi thơm. Đến lượt mình, Juba quan sát nàng, rồi nói:

— Ở đây mọi thứ đều rất đẹp, ta đã ao ước được quay về đây từ lâu. Ngày nào cũng vậy, từ khi còn nhỏ, ta đã luôn nghĩ đến thời điểm được nhìn lại tất cả những thứ này. Ta muốn được bắt tử để không bao giờ phải từ bỏ kinh thành và lãnh thổ này, để luôn được nhìn thấy chúng.

Đôi mắt đen của Juba lấp lánh phản chiếu quang cảnh xung quanh cậu. Juba nhìn không dứt những ngôi nhà trắng, những khoảng sân thượng, những khu vườn cọ. Thành Yol lộng lẫy trong ánh nắng chiều, nhẹ nhàng và siêu thực như những tia nắng mặt trời phản chiếu trên các hồ muối lớn. Cơn gió làm lay động mái tóc đính vàng của Cléopâtre Séléné. Âm thanh đơn điệu của biển cả được gió đưa lên tận đỉnh của ngôi đền.

Giọng nói của cô gái trẻ đầy thắc mắc khi cô gọi tên cậu:

— Juba... Juba?

— Cha ta đã chết trận cũng chính tại nơi này. – Juba nói. – Người ta đã bắt ta làm nô lệ và đem tới La Mã. Nhưng hôm nay kinh thành này rất đẹp, và ta muốn nó phải đẹp hơn nữa. Ta muốn trên khắp mặt đất này không còn thành quách nào đẹp hơn nó. Ở đây chúng ta sẽ dạy triết học, cách xem các vì tinh tú, nghiên cứu các chữ số, và người ta sẽ từ khắp năm châu bốn bể kéo đến đây để học hỏi.

Cléopâtre Séléné lắng nghe những lời của vị vua trẻ tuổi mà không hiểu gì. Nhưng nàng cũng quan sát kinh thành, lắng nghe tiếng nhạc rì rầm cất lên gần đường chân trời. Nàng hơi ngân nga một chút khi gọi cậu:

— Juba! Ê-à-ô!

— Trên quảng trường trung tâm của kinh thành, các thầy sẽ giảng dạy thứ ngôn ngữ của thánh thần. Những đứa trẻ sẽ học cách tôn trọng sự hiểu biết, các nhà thơ sẽ đọc các tác phẩm của mình, các chiêm tinh gia sẽ dự báo tương lai. Sẽ không có miếng đất nào thịnh vượng hơn, dân chúng nào thái bình hơn. Kinh thành sẽ lấp lánh những kho tàng trí tuệ, và lấp lánh thứ ánh sáng này.

Khuôn mặt đẹp đẽ của vị vua trẻ sáng bừng lên trong miền ánh sáng đang bao trùm ngôi đền thờ thần Diane. Đôi mắt cậu nhìn xa xăm, vượt qua các tường thành, những ngọn đồi, ra tận giữa biển.

— Những người thông thái nhất của đất nước ta sẽ đến đây, trong ngôi đền này, cùng với những người chép sử, vì ta sẽ cùng họ viết nên lịch sử của lãnh thổ này, của những con người, những cuộc chiến, những kỳ tích của nền văn minh, cũng như lịch sử của các thành quách, con sông, dãy núi, bờ biển, từ Ai Cập cho đến đất nước Cerné.

Juba nhìn những người dân Himyar đang dồn lại trong các con đường của thành Yol, xung quanh ngôi đền, nhưng cậu không nghe thấy giọng nói của họ, cậu chỉ nghe thấy tiếng rì rào đơn điệu của biển.

— Ta không đến để trả thù. – Juba nói, mắt nhìn nữ hoàng trẻ tuổi ngồi bên cạnh mình. – Con trai Ptolémée của nàng sẽ chào đời. Thằng bé sẽ trị vì ở đây, tại thành Yol này, con cháu của nó cùng sẽ kế tục trị vì, để mọi thứ kéo dài mãi.

Sau đó Juba đứng dậy trên sân đền, đối diện với biển cả. Ánh sáng chói lọi chiếu vào cậu, thứ ánh sáng đến từ bầu trời, rực rỡ trên những vách tường cẩm thạch, những ngôi nhà, đồng ruộng và những ngọn đồi. Ánh sáng đến từ trung tâm của bầu trời, bất động phía bên trên mặt biển.

Juba không nói nữa. Khuôn mặt cậu giống như một chiếc mặt nạ đồng, ánh nắng lấp lánh trên trán, trên sống mũi, trên gò má cậu. Đôi mắt đen của cậu trông thấy những thứ ở bên kia biển. Quanh cậu, những bức tường màu trắng và các tấm bia bằng đá vôi run run xao động tựa như những tia nắng mặt trời phản chiếu trên các hồ muối lớn. Khuôn mặt của Cléopâtre Séléné cũng bất động, sáng rực và hiền hòa như mặt tượng.

Nhà vua trẻ cùng người hiền thê của cậu đứng bên nhau trên sân đền, cả kinh thành chậm chậm quay quanh họ. Tiếng nhạc đơn điệu của những cái bánh xe lớn huyền bí vang đầy trong tai họ, hòa lẫn với tiếng những con sóng dội vào bờ đá. Nó giống như một khúc hát, một giọng người vắng vắng gọi từ rất xa:

— Juba! Ju-uuu-baa!

Những cái bóng đổ dài thêm trên mặt đất trong khi mặt trời xuống dần về phía tây, ở bên trái của ngôi đền. Juba nhìn những tòa dinh thự rung chuyển và tách rời ra. Chúng trượt lên nhau như những đám mây, âm thanh của những cái bánh xe trên trời dưới biển trở nên trầm hơn, rền rĩ hơn. Trên bầu trời xuất hiện những vòng tròn khổng lồ màu trắng tựa như những gợn sóng lớn đang truyền đi. Tiếng nói của mọi người nhỏ đi, trở nên xa xăm rồi biến mất. Thảng hoặc, người ta vẫn còn nghe được vài đoạn nhạc nhấn nhá, tiếng kèn tuba, tiếng sáo cao vút, tiếng trống, hoặc tiếng những con lạc đà kêu rống gần các cổng thành. Bóng đổ màu xám tím trải dài dưới chân các ngọn đồi, trong thung lũng của dòng sông. Chỉ còn ngôi đền được chiếu sáng bởi mặt trời, nó vươn lên trên kinh thành như một con tàu bằng đá.

Lúc này chỉ còn Juba giữa những tàn tích của Yol. Nhưng xung động chậm chạy qua lớp đá cẩm thạch vỡ, làm rung chuyển mặt biển. Các cột trụ nằm dưới đáy nước, những thân cây hóa thạch lớn bị rong tảo chôn vùi, những bậc cầu thang bị nhấn chìm. Nơi đây không còn đàn ông, đàn bà hay trẻ con nữa. Kinh thành giống như một nghĩa địa rung rinh dưới đáy biển, và các con sóng đập vào những bậc thang cuối cùng của đền thờ thánh Diane như đập vào đá ngầm. Vẫn còn thứ âm thanh đơn điệu, tiếng rì rào của biển cả. Đó là chuyển động của những bánh xe lớn có khớp răng, cột kẹt, rền rĩ, trong khi đôi bò mắc vào cần đẩy bước đi chậm lại. Trên bầu trời xanh sẫm, mặt trăng lưỡi liềm đã xuất hiện, tỏa ra thứ ánh sáng mát dịu của mình.

Juba vén tấm vải trắng trùm đầu ra. Cậu rung mình, vì cái lạnh của đêm tối kéo đến khá nhanh. Tay chân cậu tê cóng, miệng khô khốc. Dùng lòng bàn tay của mình, cậu vốc một chút nước trong một cái xô bất động. Khuôn mặt xinh trai của cậu sẫm màu, gần như đen, do bị hun dưới sức nóng của mặt trời. Đôi mắt cậu nhìn những cánh đồng đất đỏ mênh mông, lúc này đã vắng bóng người. Hai con bò đã dừng lại trên lộ trình vòng tròn của chúng. Các bánh xe gỗ không quay nữa, nhưng chúng kêu răng rắc và nghiêng cột kẹt, sợi dây cu-roa bằng da cứng vẫn còn rung lên.

Không vội vàng, Juba tháo dây cho lũ bò, gỡ thanh gỗ nặng ra. Đêm đang kéo đến ở đầu kia của mặt đất, phía thượng nguồn sông Azan. Gần các ngôi nhà, những đồng lửa than đã được châm lên, và cánh phụ nữ đang đứng ngoài nhà, trước cái lò than của mình.

— Ju-uuu-baa! Ju-uuu-baa!

Vẫn giọng nói ấy cất tiếng gọi, lạnh lạnh và ngân nga, từ đâu đó ở bên kia các cánh đồng hoang vắng. Juba quay lại và quan sát một lúc, rồi cậu đi xuống đồi, dắt theo mấy con bò. Khi xuống đến nơi, cậu cột xích vào khoeo chân của chúng. Sự im lặng trong thung lũng của dòng sông thật kỳ vĩ, nó trùm lên đất và trời như một lớp nước tĩnh không có chút sóng gợn nào. Sự im lặng của đá.

Juba nhìn quanh mình hồi lâu. Tai cậu lắng nghe tiếng thở của lũ bò. Nước đã thôi chảy trong kênh dẫn, những giọt nước cuối cùng đã hóa bùn, đọng lại trong các khe nứt của lớp đất ruộng. Bóng tối đã bao trùm kinh thành màu trắng với các ngôi đền giản dị, thành lũy và vườn cọ. Biết đâu ở nơi nào đó vẫn còn lại một công trình dạng lăng mộ, một vòm đá đổ nát mọc đầy cỏ dại, không xa biển là mấy? Và ngày mai, khi những bánh xe lớn bằng gỗ quay tiếp, khi lũ bò lại thở phì phò, chậm rãi bước đi trên lộ trình vòng tròn của chúng, biết đâu kinh thành ấy lại xuất hiện, trắng muốt, lung linh và siêu thực như những tia nắng mặt trời phản chiếu? Juba hơi quay người, nhìn ruộng đồng mênh mông đang nằm nghỉ dưới ánh trăng và chìm trong hơi nước của dòng sông. Sau đó cậu bỏ đi, bước thật nhanh trên con đường đất, về phía ngôi nhà nơi những người sống đang chờ.

*Hoàng Anh dịch*

# CẬU BÉ CHƯA BAO GIỜ THẤY BIỂN

Tên nó là Daniel, nhưng nó thích được gọi là Sindbad hơn, vì rằng nó đã đọc tất cả những câu chuyện phiêu lưu của chàng ta trong một quyển sách dày cộm đóng bìa màu đỏ mà lúc nào nó cũng mang theo bên mình, trong lớp học và trong ký túc xá. Thực ra, tôi nghĩ nó chưa đọc qua một quyển nào khác ngoài quyển sách này. Thường nó cũng chẳng kể cho ai, nếu không ai hỏi. Khi nói về chuyện đó, đôi mắt đen của nó sáng ngời hơn bao giờ hết, và gương mặt hình lưỡi cày sinh động hẳn lên. Nhưng Daniel là một cậu bé ít nói. Nó không tham gia vào những câu chuyện của người khác, trừ khi chúng xoay quanh biển cả hay những chuyến đi dài. Phần đông con người ta là những kẻ sống trên cạn, thế thôi. Con người sinh ra trên mặt đất; đất liền và những gì thuộc về đất liền luôn hấp dẫn họ. Ngay cả các thủy thủ, các thủy thủ cũng thường đến từ đất liền; họ say mê nhà cửa và phụ nữ, họ bàn về chính trị và xe cộ. Còn Daniel, Daniel, làm như nó thuộc về một giống nòi khác. Nó chán tất tậ mọi thứ trên đất liền này, cửa hàng, xe cộ, âm nhạc, phim ảnh, và lẽ tất nhiên là những buổi học ở trường phổ thông. Nó không nói ra, mà cũng chẳng buồn ngáp để bày tỏ nỗi chán chường của mình. Nhưng nó cứ ở lì một chỗ, ngồi trên một băng ghế, hay trên những bậc thang, trước sân trường, nhìn vào khoảng không. Đó là một học sinh chẳng có gì đặc biệt, mỗi kỳ học chỉ tích vừa đủ số điểm để tiếp tục tồn tại. Khi một giáo viên gọi tên, nó đứng dậy và trả bài, rồi lại ngồi xuống, thế thôi. Chẳng khác nào một kẻ mộng du không nhắm mắt.

Thậm chí, khi người ta nói về biển cả, điều đó chẳng khiến nó quan tâm bao lâu. Daniel lắng nghe một lúc, hỏi đôi ba câu, rồi nhận ra cái mà họ đang nói đến không phải là biển cả, mà là những bãi tắm, những mẻ cá và những cơn cảm nắng. Thế là nó lại bỏ đi, trở lại băng ghế của mình, hay ngồi trên những bậc thang, nhìn vào hư vô. Không phải thứ biển đó, cái mà nó muốn nghe là một thứ biển khác, không rõ là gì, nhưng chắc chắn là một thứ biển khác.

Đó là trước khi nó biến mất, trước khi nó bỏ đi. Không ai tưởng tượng rằng một ngày nào đó nó sẽ ra đi, ý tôi là ra đi thực sự, ra đi mà không quay về. Nhà nó rất nghèo, ông bố có một mảnh đất nhỏ để trồng trọt, cách thành phố độ vài cây, và Daniel luôn khoác tấm áo choàng nội trú, vì rằng gia đình nó sống quá xa để nó có thể về nhà mỗi tối. Nó còn ba bốn người anh mà chẳng ai biết mặt.

Cậu bé không có bạn bè, không quen biết ai và cũng chẳng ai biết nó. Có lẽ vì nó muốn thế, để không bị ràng buộc. Nó có một gương mặt nhọn kỳ khôi hình lưỡi cày, và đôi mắt tuyệt đẹp màu đen hờ hững.

Trước đó, nó chẳng nói gì với ai. Nhưng nó đã chuẩn bị tất cả cho thời điểm này, hẳn là như thế. Nó đã chuẩn bị trong tư tưởng, bằng cách ghi nhớ những con đường và những bản đồ, và tên những thành phố mà nó sẽ đi qua. Có lẽ nó đã mơ về nhiều thứ, ngày qua ngày, và mỗi đêm, khi nằm trên giường trong phòng nội trú, trong lúc những đứa trẻ khác đang đùa giỡn và lén lút rít vài mẫu thuốc. Nó đã mơ về những dòng sông lặng lẽ trôi ra cửa biển, về tiếng còi tàu dẫn đường, tiếng kêu của bầy mòng biển, về ngọn gió, và những cơn giông rít lên giữa các cột buồm.

Đó là vào những ngày đầu đông, khi nó ra đi, độ giữa tháng chín. Khi những học sinh nội trú ngủ dậy trong căn phòng lớn xám xịt, nó đã biến mất. Chúng tôi nhận ra ngay, bởi lẽ trên giường của nó mọi thứ đều gọn gàng, chăn nệm được sắp xếp ngay ngắn. Thế là chúng tôi chỉ nói: “Ồ, Daniel đã ra đi!”, không mấy ngạc nhiên, vì rằng chúng tôi cũng đã lờ mờ đoán được chuyện sẽ xảy ra. Nhưng không ai nói thêm tiếng nào nữa, chẳng gì thì chúng tôi cũng không muốn người ta nhận lại nó.

Đến những đứa học trò ưa buôn chuyện nhất cũng không nói gì. Chẳng nào thì, chúng tôi có thể nói gì được đây? Có ai biết gì đâu. Trong một khoảng thời gian dài, chúng tôi cứ thì thầm như thế, trong sân trường, hay trong những giờ văn, nhưng cũng chỉ là những mẫu câu mà chỉ chúng tôi mới hiểu được ý nghĩa.

— Cậu nghĩ bây giờ nó đã đến chưa?

— Cậu nghĩ vậy à? Chưa đâu, còn lâu, cậu biết đấy...

— Thế ngày mai?

— Ừ, có thể...

Những kẻ táo tợn hơn thì bảo nhau:

— Có lẽ cậu ấy đã ở Mỹ rồi...

Còn những kẻ bi quan thì:

— Biết đâu hôm nay nó sẽ trở lại.

Nhưng cơ mà chúng tôi, chúng tôi có ngậm miệng lại, thì ở trên kia, trái lại, sự việc đang trở nên ồn ào. Giáo viên và giám thị thường xuyên bị triệu tập vào phòng hiệu trưởng, và thậm chí trong sở cảnh sát. Thành thạo mấy thanh tra lại đến và họ hỏi từng học sinh một, cố moi móc thông tin từ chúng.

Lẽ dĩ nhiên, chúng tôi, chúng tôi kể tất cả trừ điều mà chúng tôi, ai cũng biết: biển. Chúng tôi nói về núi non, về thành thị, về lũ con gái và những kho báu, kể cả những kẻ lang thang bắt cóc trẻ nhỏ và đội lính lê dương. Chúng tôi nói như thế để tung hỏa mù, thế là các giáo viên và giám thị càng bức bối hơn nữa, và đâm ra hung dữ.

Cơn chấn động kéo dài suốt nhiều tuần lễ, nhiều tháng trời. Có hai ba mẫu thông báo tìm kiếm được đăng trên báo kèm vài dấu hiệu nhận dạng Daniel và một bức ảnh chẳng hề giống nó. Rồi mọi thứ đột nhiên lắng xuống, vì chúng tôi ai cũng mệt mỏi vì chuyện này. Có lẽ vì chúng tôi thừa hiểu rằng nó sẽ không quay lại, không bao giờ quay lại.

Bố mẹ của Daniel được an ủi, vì rằng họ rất nghèo và không thể làm gì khác. Cảnh sát đóng hồ sơ, đó là họ tự nói thế, và họ còn nói thêm một điều mà sau đó các giáo viên và giám thị không ngừng lặp lại, như thể đó là lẽ thường tình, nhưng đối với chúng tôi, điều đó thật phi thường biết bao. Họ bảo, năm nào chẳng có vài chục ngàn người biến mất như thế, không để lại dấu vết gì, và người ta không bao giờ tìm ra. Các giáo viên và giám thị vừa nhún vai vừa lặp lại câu nói ấy, như thể đó là chuyện thường tình nhất trên

trái đất này, nhưng còn chúng tôi, sau khi nghe xong, chuyện đó bắt đầu làm chúng tôi mơ mộng, nó làm dấy lên từ trong sâu thẳm tâm hồn mỗi đứa trẻ một ước mơ thầm kín và mê hoặc đang còn dang dở.

Khi Daniel đến nơi, trời chắc hẳn đã về đêm, trên một con tàu chở hàng dài chạy miệt mài trong nhiều ngày liền. Các tàu chở hàng thường lăn bánh vào đêm, vì chúng rất dài và di chuyển rất chậm, từ trạm này sang trạm khác. Daniel đã nằm trên sàn cứng, cuộn mình trong một tấm vải bố cũ kỹ. Nó nhìn qua lớp cửa lưới khi tàu bắt đầu đi chậm lại và dừng bánh, nghiêng ken két dọc nhà ga. Daniel mở cửa, nhảy lên bến tàu và chạy suốt con dốc cho tới khi tìm được một lối đi. Nó không mang theo hành lý, chỉ duy nhất một túi xách đi biển màu xanh mà nó luôn mang theo, và nó cất quyển sách cũ kỹ màu đỏ của mình trong đó.

Giờ, nó đã được tự do. Nó cảm thấy hơi lạnh, hai chân nhức mỏi sau chừng ấy giờ nằm trong toa tàu. Trời đã tối hẳn và đang đổ mưa. Daniel bước thật nhanh, nhanh nhất mà nó có thể, để tránh xa khỏi thành phố. Nó không biết mình đang đi đâu. Nó cứ nhắm thẳng phía trước mà đi, giữa những bức tường của các kho hàng, trên con đường được thắp sáng ánh đèn vàng. Chẳng có ai sống ở đây, không một cái tên nào được khắc trên những bức tường. Nhưng biển không còn xa lắm. Daniel đoán nó đang nằm đâu đó bên phải, nấp sau những tòa nhà xi-măng to lớn, bên kia bờ tường. Biển đang nằm gọn trong đêm.

Đi được một lúc, Daniel đã cảm thấy mệt. Lúc này nó đã ra tới vùng quê, và bỏ xa thành phố đang sáng lấp lánh phía sau. Đêm tối mịt mùng, đất và biển đều vô hình. Daniel tìm một nơi nào đó để trú mưa và gió. Vậy là nó chui vào một túp lều lợp ván bên đường. Nó ngủ lại nơi đó đến sáng hôm sau. Nó không ngủ đã nhiều ngày rồi, thế cũng có nghĩa là nó chưa ăn gì, bởi nó phải liên tục canh chừng, qua khe cửa của toa tàu. Nó không thể để cảnh sát bắt gặp, nó biết như thế. Thế nên nó giấu mình thật kỹ bên trong túp lều. Nó gặm một ít bánh mì và chìm vào giấc ngủ.

Khi cậu bé tỉnh dậy, mặt trời đã lên cao. Daniel ra khỏi lều, vừa đi vài bước vừa nheo mắt. Có một con đường dẫn tới cồn cát, và Daniel bắt đầu

thả bộ từ đó. Tim nó đập nhanh hơn, vì nó biết nơi ấy đang nằm bên kia cồn cát không đầy hai trăm thước. Nó chạy suốt con đường, leo lên những cồn cát, và gió thổi mỗi lúc một mạnh, mang theo những âm thanh xa lạ, và những mùi vị xa lạ. Và, vừa lên đến đỉnh cồn, Daniel liền nhìn thấy.

Nó ở đó, ở khắp mọi nơi, trước mắt Daniel, mênh mông và rộng lớn, tựa hồ một sườn núi, nó khoác lên người chiếc áo màu xanh rực rỡ của chính mình, sâu thẳm, nằm ngay bên cạnh Daniel, cùng những con sóng cao đang kéo nhau về phía cậu bé.

“Biển! Biển đây rồi!” Daniel thầm nghĩ, nhưng không dám nói to điều gì. Nó đứng đó, bất động, các ngón tay khê dạng ra, và, đến tận bây giờ, nó vẫn chưa thể tin được mình đã ngủ bên cạnh biển. Daniel nghe tiếng sóng chậm chạp chuyển động trên bãi biển. Gió bỗng ngừng thổi, và mặt trời tỏa sáng trên mặt biển, thắp lửa trên mỗi ngọn sóng. Cát trên bờ biển mang màu tro, mịn màng, có những con suối nhỏ chảy qua, và được lấp đầy bằng những vũng nước lớn phản chiếu cả bầu trời.

Daniel không ngừng lặp lại trong lòng cái tên tuyệt đẹp ấy, như thế này: “Biển, biển, biển...”, đầu óc ngập trong những tiếng động, choáng váng. Nó muốn nói, muốn được hét lên thật to, nhưng giọng nói bị nghẹn lại đâu đó trong cổ họng. Thế cho nên, nó phải bỏ chạy, bỏ chạy đặng mà gào thét, túi vút ra xa, lăn tròn trên bãi cát, bỏ chạy trong lúc chân tay bồng chồm như người băng qua xa lộ, nhảy tung tăng giữa những dải rong biển, lão đảo trên bãi cát khô gần bờ. Nó cời giày ra, chạy còn nhanh hơn lúc trước, với đôi chân trần của mình, chẳng màng tới đám cúc gai đâm bên dưới.

Biển còn cách đó khá xa, nằm tận bên kia đồng bằng cát. Biển lấp lánh trong ánh nắng, biển không ngừng thay màu và đổi dạng, sóng nước biếc chốc chốc lại ngả sang màu xám, màu điệp lục, chừng như đen, những bãi cát vàng nâu, những viền sóng trắng xóa. Nó không ngờ biển xa đến như vậy. Daniel cứ thế mà chạy, hai tay ôm chặt lấy cơ thể và tim đập như muốn vỡ tung lồng ngực. Lúc này, nó cảm nhận được lớp cát cứng như nhựa đường, ẩm ướt và mát lạnh dưới chân mình. Càng đến gần, tiếng sóng càng to, choán đầy không gian như hơi nước hụ còi. Một âm thanh thật nhẹ nhàng

và chậm rãi, rồi dữ dội và bất an như những đoàn tàu chạy trên cầu sắt, không thì lặng lẽ trôi đi như nước chảy dưới sông. Nhưng Daniel không sợ. Nó cứ cắm đầu chạy thật nhanh, trong gió lạnh, chẳng nhìn đi đâu. Khi chỉ còn cách mép bọt biển vài thước, nó dừng lại, cậu bé đã ngửi thấy mùi biển sâu. Một bên ben của nó đau như đốt, và mùi vị nồng nàn của nước biển ngăn không để nó lấy lại hơi thở của mình.

Nó ngồi trên bãi cát ướt, ngắm biển dâng cao trước mắt, chỉ chút nữa là tới giữa bầu trời. Nó đã mơ tới khoảnh khắc này biết bao, nó đã hình dung ra ngày này biết bao, ngày mà, cuối cùng nó cũng được nhìn thấy biển, thấy thực sự, không phải trên những tấm hình hay qua phim ảnh, mà thực sự, biển trọn vẹn, phơi bày chung quanh nó, căng phồng, với những lưng sóng lớn vội vã và dồn dập, đám bọt biển và vô số bụi nước trong ánh nắng và trên hết thấy mọi thứ là đường chân trời xa xa uốn cong như một bức tường chắn ngang bầu trời! Nó đã ước ao khoảnh khắc này đến kiệt sức, chẳng khác nào một kẻ sắp chết, hay một người đang ngủ mê.

Biển thật tuyệt, biển của nó, chỉ dành cho nó mà thôi, ngay lúc này, và nó biết rằng mình sẽ không thể rời khỏi đây, chẳng bao giờ. Daniel nằm như thế thật lâu, duỗi người trên bờ cát cứng, nó chờ thật lâu cho tới khi biển bắt đầu dâng lên, men theo con dốc, và đến chạm vào đôi chân trần của mình.

Thủy triều lên. Daniel nhảy trên hai chân, toàn bộ cơ bắp căng ra để bỏ chạy. Từ xa, trên những tảng đá ngầm màu đen, sóng vỗ dồn dập như sấm rền. Nhưng nước vẫn còn yếu. Nước vỡ ra, sôi sục dưới chân bờ cát, nước chỉ có thể bò lên. Bọt vẫn quanh chân Daniel, hời hợt, đào những giếng nước ngay bên dưới gót chân cậu bé. Nước lạnh táp vào cổ chân và các ngón chân, làm tê liệt chúng.

Gió kéo đến cùng lúc với thủy triều. Gió thổi từ lòng chân trời, và mây phủ kín bầu trời. Những đám mây xa lạ trông như những bọt nước, và giữa ngọn gió, muối đang dạo chơi như những hạt cát. Daniel không nghĩ đến việc bỏ chạy nữa. Nó bắt đầu thả bộ dọc bờ, giữa dải bọt biển. Mỗi đợt sóng vỗ vào bờ, nó lại thấy cát trôi đi giữa các ngón chân của mình rồi lại quay

về. Xa xa, đường chân trời không ngừng phồng lên rồi xẹp xuống, tựa như hơi thở, thối xuống mặt đất.

Daniel bắt đầu thấy khát. Nó hứng một ít nước biển trong lòng bàn tay, uống một ngụm. Muối làm bỏng miệng và lưỡi của nó, nhưng Daniel vẫn tiếp tục uống, bởi nó yêu vô cùng cái hương vị ấy, hương vị của biển cả. Đã từ lâu nó đã suy nghĩ rất nhiều về toàn bộ thứ nước này, tự do, vô bờ bến, toàn bộ thứ nước này, mà ta có thể uống suốt cả cuộc đời! Trên bờ biển, đợt thủy triều cuối cùng đã đẩy lùi các mảnh gỗ và đám rế cây chẳng khác nào những mẫu xương lớn. Lúc này nước lại tóm lấy chúng và đặt chúng lên cao hơn, trộn cùng đám rong lớn màu đen.

Daniel đi dọc bờ biển, ngắm mọi thứ một cách ngẫu nhiên như trong một lúc mà muốn ghi lại toàn bộ những gì biển đang phơi bày trước mắt nó. Nó cầm trên tay mớ rong nhờn nhớt và mấy vỏ sò, vừa đi vừa đưa mắt khắp nơi để tìm chúng, thỉnh thoảng bò trên lớp cát ẩm ướt. Biển không ngừng gầm gừ dưới ánh nắng gay gắt trên bầu trời.

Thỉnh thoảng, Daniel dừng lại, hướng về phía đường chân trời và ngắm những ngọn sóng cao đang tìm cách vượt qua rặng đá ngầm. Nó hít thở thật sâu để cảm nhận toàn bộ làn gió, biển cả, và chân trời, chúng dường như đang thổi căng các lá phổi, đầu và bụng Daniel, biến nó thành một giống khổng lồ nào đó. Nó nhìn mặt nước xanh thẳm, ngoài kia, nơi đó không còn bóng dáng của mặt đất và đám bọt biển nào nữa, chỉ có bầu trời tự do, và rồi nó nói, thì thầm, như thể biển có thể nghe thấy; nó nói:

— Biển ơi, hãy lại đây! Dâng lên! Đến đây! Đến đây nào!

— Cậu đẹp lắm! Hãy đến đây, phủ kín mặt đất này! Và lấp đầy tất cả thành phố! Hãy dâng lên, dâng lên những đỉnh núi cao!

— Hãy lại đây, cùng những ngọn sóng của mình, dâng lên, dâng lên! Ở đây, tại chỗ này đây!

Rồi từng bước một, nó lùi vào bờ.

Bằng cách ấy, nó biết được con đường mà biển dâng lên và nở ra, biến như những bàn tay tỏa đi khắp nơi, men theo những thung lũng cát bé nhỏ.

Lũ cua xám chạy qua trước mắt nó, đưa hai càng lên cao, lướt đi nhẹ nhàng như những con côn trùng. Nước biển trắng tràn vào các lỗ nhỏ bí ẩn, nhấn chìm các mật đạo nằm trong lòng cát. Biển dâng lên, mỗi lúc một cao hơn với từng đợt sóng, kéo dài tấm thảm di động của mình. Daniel nhảy múa trước biển như lũ cua xám, nó vừa chạy, hơi ngả người sang một bên, vừa giơ cả hai tay lên trời, và nước kéo đến tấp vào gót chân nó. Rồi nó lại chạy xuống, đào những rãnh cát và hát lâm râm những từ sau, để biển dâng lên.

— Mau lên, dâng lên! Mau lên, sóng ơi! Dâng lên cao hơn! Đến đây cao hơn! Mau lên, mau lên!

Lúc này nó đã đắm mình trong nước, nước đã dâng lên đến tận thắt lưng, nhưng Daniel không cảm thấy lạnh, cũng chẳng sợ hãi. Quần áo trên người nó đã ướt đầm và bám chặt vào da, tóc tai rũ xuống trước mắt nó như một chùm rong biển. Biển sôi sục quanh cậu bé, nước rút mạnh đến mức nó phải bấu chặt vào cát để không phải ngã ra sau, rồi lại tràn lên và đẩy nó vào bờ.

Đám rong khô quất mạnh vào hai chân nó, quăn chặt các mắt cá. Daniel gỡ chúng ra, như cách người ta vẫn gỡ những con răn, rồi, vừa ném chúng vào biển vừa hét thật to: “Arrr! Arrr!”

Nó thôi không nhìn ánh nắng và bầu trời, cũng chẳng thấy dải đất xa xăm và bóng dáng cây cối đâu nữa. Chẳng có ai ở đây, không ai khác ngoài biển, và Daniel hoàn toàn tự do.

Rồi đột nhiên, biển bắt đầu dâng lên nhanh hơn. Biển phình to trên những tảng đá ngầm, bấy giờ sóng kéo đến từng hàng mà chẳng gì có thể ngăn lại. Sóng cao và dài, khễ chúi mình về phía trước, những ngọn sóng tỏa khỏi trên cao, bụng sóng xanh thẫm khoét sâu bên dưới, và các mép sóng được viền trắng bởi bọt nước. Chúng kéo đến nhanh đến nỗi Daniel chẳng còn thời gian tìm chỗ trốn. Nó quay người lại, chuẩn bị bỏ chạy, nhưng sóng đã đến vỗ vào hai vai và tràn qua khỏi đầu cậu bé. Theo bản năng nó bấu các ngón chân của mình vào cát và nín thở. Nước đổ lên người Daniel, ầm ầm

như tiếng sấm rền, nước xoáy mạnh, thấm vào hai tai, mắt, mũi và miệng của nó.

Daniel cố hết sức để trèo lên bãi cát khô, choáng váng đến mức phải nằm dài một lúc trên dải bọt biển, chẳng thể nhúc nhích. Nhưng rồi những đợt sóng khác lại kéo đến, gầm gừ như những đợt sóng trước đó. Chúng đưa những ngọn sóng lên cao hơn và những bụng sóng khoét sâu bên dưới như hang động. Daniel liền bỏ chạy vào bờ, ngồi trên những cồn cát, bên kia lớp rong biển. Suốt mẫu ngày còn lại, nó không lại gần biển nữa mà vẫn chưa hết run rẩy, Daniel nghe vị muối nồng nàn còn đọng lại trên da, và những đốm sóng nhòe nhoẹt dưới đáy mắt.

Cuối vịnh có một mũi đất đen đã bị đục khoét bởi vô số hang động. Đó là nơi Daniel sống những ngày đầu tiên cậu bé đến đây, với biển. Hang động của nó là một hốc đá nhỏ xíu và ngoằn ngoèo, nằm giữa những tảng đá đen, bên dưới trái đầy đá cuội và cát xám. Đó là nơi mà Daniel sống suốt những ngày này và, nói một cách nào đó, không bao giờ rời mắt khỏi biển.

Khi ánh mặt trời xuất hiện, còn nhợt nhạt và xám ngắt, và đường chân trời gần như vô hình, như một sợi chỉ nằm giữa hỗn hợp màu sắc của trời và biển, Daniel ngồi dậy và ra khỏi hang. Nó leo lên những tảng đá màu đen để uống chút nước mưa còn đọng lại trong những vũng nước. Đàn chim biển to lớn cũng đến đây, chúng bay quanh cậu bé vừa bay vừa rít dài, và Daniel huýt sáo đón chào chúng. Sáng, biển xuống thấp, phô bày lớp đáy bí ẩn của mình. Nơi đó, có những vũng nước lớn sẫm màu, những dòng thác chảy giữa các khe đá, những con đường trơn trượt, và những đồi rong tươi mát. Bây giờ Daniel rời khỏi mũi đất và leo xuống, men theo những tảng đá, đến giữa một mòm đất được nước biển bao quanh. Nó cảm tưởng như mình đang đứng ở giữa biển, trong một đất nước xa lạ chỉ tồn tại vài giờ.

Nó phải nhanh chân hơn. Dải đá ngầm màu đen đang ở rất gần, và Daniel nghe thấy tiếng sóng khê gầm gừ, và tiếng thì thầm của những dòng nước ngầm. Nơi đây, nắng không thể ở lâu. Chẳng mấy chốc biển sẽ bao trùm mọi thứ bằng bóng dáng to lớn của mình, và nắng chiếu dữ dội trên mọi vật mà chẳng thể hâm nóng chúng. Biển cho ta thấy một vài bí mật, mà

ta phải học thật nhanh trước khi chúng biến mất. Daniel chạy trên những tảng đá dưới lòng biển, giữa những đám rong dày đặc. Từ những vũng nước và những thung lũng đen tỏa ra một hương vị nồng nàn con người không hề biết đến, chuốc say họ.

Trong những vũng nước lớn cạnh bờ biển, Daniel tìm bắt vài con tôm, cá và sò. Nó thọc cả hai tay xuống nước, giữa những khóm tảo, chờ lũ cua đến chạm vào các đầu ngón tay; rồi tóm lấy chúng. Đám hải quỳ tím, xám và đỏ bầm thi nhau xòe những tràng hoa của mình ra, rồi lại khép vào.

Daniel bắt sò để ăn. Nó lại gần lũ sò, cố không gây ra tiếng động nào, bởi chúng sẽ bám chặt vào đá, rồi tách chúng ra bằng một cái búng chân. Thường thì chúng nghe thấy tiếng chân của Daniel, khi cậu bé bước tới, hoặc hơi thở của nó, và bám thật chặt vào mặt đá phẳng lì, tạo ra một chuỗi âm thanh lách cách. Khi Daniel đã bắt khá nhiều tôm và sò, nó bỏ mẻ câu của mình vào một vũng nước nhỏ trong hốc đá. Nó sẽ nhóm một ngọn lửa bằng rong khô, và nấu thức ăn trong một hộp thiếc. Nhưng lúc này, nó chỉ để chúng trong vũng nước nhỏ, rồi bỏ đi, đến tận bên kia thềm biển ven bờ, nơi những con sóng đang vỗ dồn dập. Nơi con bạch tuộc đang sinh sống.

Con bạch tuộc là thứ mà Daniel nhận ra ngay ngày đầu tiên đến đây và đứng trước biển, trước cả khi thấy bầy chim biển và đám hải quỳ. Cậu bé đã đến đây, đứng trước bờ sóng đang vỗ tới tấp và ngã nhào tại chỗ, lúc mặt biển và đường chân trời không còn chuyển động, không còn nở ra như mọi khi, và trong một khoảnh khắc, những cuộn nước lớn sẫm màu dường như chững lại một nhịp trước khi vọt lên cao. Có lẽ đây là nơi kín đáo nhất thế gian này, có lẽ, nơi mà ánh sáng ban ngày chỉ kịp động trong ít phút. Daniel bước tới, rất nhẹ nhàng, trong lúc bám vào thành đá trơn, như thể đang đi vào lòng đất. Nó đã thấy vũng nước lớn sóng sánh có đám rong dài chậm chạp chuyển động, và nó đứng đó, bất động, mặt gần như chạm vào mặt nước. Bây giờ nó đã nhìn thấy mấy xúc tu đung đưa bên thành vũng nước. Chúng tỏa ra từ một kẽ nứt sát đáy nước, tựa như những làn khói, nhẹ nhàng trôi trên khóm rong biển. Daniel nín thở, nhìn các xúc tu hầu như không chuyển động, trà trộn giữa đám rong.

Con bạch tuộc cuối cùng cũng chui ra, từ từ di chuyển tấm thân dài hình trụ của mình, xúc tu uốn éo phía trước. Trong ánh nắng yếu ớt và ngăn ngùi ấy, đôi mắt vàng vọt của nó sáng rực như ánh kim loại dưới cặp mày lồi. Nó thả các xúc tu dài với những giác hút màu tím hoa cà trôi trong làn nước như đang tìm kiếm điều gì. Rồi, khi thấy bóng Daniel chồm trên mặt nước, nó liền nhảy ra sau, ghì chặt các xúc tu của mình và nhả ra một làn khói kỳ lạ màu xanh xám.

Lúc bấy giờ, Daniel bước tới mép vũng nước, như mọi khi, cạnh những con sóng. Nó cúi xuống mặt nước trong suốt và khẽ gọi tên con bạch tuộc. Cậu bé ngồi trên mặt đá, thả hai chân xuống nước, trước khi nức mà con bạch tuộc đang ẩn nấp, rồi ngồi im, chờ đợi. Một lúc sau, nó bắt đầu cảm thấy các xúc tu khẽ chạm vào da và quần quanh cổ chân mình. Con bạch tuộc vuốt ve một cách dè dặt, thỉnh thoảng luồn các xúc tu của mình giữa các ngón chân, hoặc cạ vào lòng bàn chân cậu bé. Daniel bật cười.

“Chào Wiatt”, cậu bé nói. Đó là tên con bạch tuộc, nhưng tất nhiên, nó không biết tên mình. Daniel nói khẽ để không làm nó hoảng sợ. Cậu bé hỏi rất nhiều, về những gì xảy ra dưới đáy biển, hay những gì mà ta sẽ nhìn thấy khi nằm dưới những con sóng. Wiatt không trả lời, nhưng tiếp tục vuốt ve bàn chân và cổ chân của Daniel, rất dịu dàng, như cách người ta vẫn làm với mái tóc của mình.

Daniel rất mến chàng bạch tuộc ấy. Nhưng cậu bé không bao giờ được ngắm anh bạn nhỏ của mình thật lâu, vì chẳng mấy chốc biển sẽ dâng lên. Khi câu được một mẻ ngon lành, Daniel sẽ đem cho con bạch tuộc một con cua hoặc vài con tép. Cậu bé thả chúng xuống vũng nước và ngay lập tức các xúc tu bắn ra như những sợi roi, tóm lấy con mồi và lôi chúng lại gần bờ đá. Daniel không thấy con bạch tuộc ăn bao giờ. Hầu như lúc nào nó cũng giấu mình trong kẽ đá đen ngòm, bất động, các xúc tu dài trôi phía trước. Có lẽ nó cũng giống như Daniel, có lẽ nó đã đi rất xa để tìm được tổ ấm của mình, trong vũng nước này, và ngày ngày ngắm bầu trời xanh qua mặt nước trong vắt.

Khi biển đã rút hẳn, có gì như một tia sáng lóe lên. Daniel bước trên thảm tảo, giữa những tảng đá, nâng bắt đầu hắt trên mặt nước và các phiến đá, thấp những ngọn lửa mãnh liệt. Lúc này trời đã đứng gió, không có lấy một ngọn gió nào. Trên thềm biển cạn, bầu trời xanh bao la tỏa một thứ ánh sáng kỳ diệu. Daniel cảm nhận hơi nóng trên mặt và hai vai mình, nó nhắm mắt lại để không bị thứ ánh sáng chói chang khủng khiếp ấy làm lóa mắt.

Bấy giờ chẳng còn lại gì, chẳng còn gì: chỉ có bầu trời và ánh nắng, và những hạt muối bắt đầu nhảy múa trên các phiến đá.

Một ngày nọ, khi mà biển đã ra xa, xa tới mức ta chỉ thấy một đường viền mỏng manh màu xanh phía chân trời, khi ấy, Daniel băng qua các phiến đá nằm khắp nơi trên thềm biển ven bờ. Bỗng dừng mà nó chệnh choáng, như cơn say của những người lần đầu đặt chân lên vùng đất hoang sơ và hiểu rằng, có lẽ mình sẽ không bao giờ quay về chốn cũ. Chẳng có gì giống như ngày hôm ấy; mọi thứ đều xa lạ và mới mẻ. Daniel ngoảnh đầu lại và thấy mặt đất rắn đã bị bỏ lại rất xa sau lưng nó, lúc này trông như một vũng bùn. Nó cũng cảm nhận được sự cô đơn và lạnh lẽo đến từ các tảng đá trần trụi mà biển không ngừng mài mòn, hay nổi day dứt toát ra từ mọi vết nứt, từ các hố sâu bí ẩn, và nó bắt đầu đi nhanh hơn trước khi vùng chạy, tim đập nhanh trong lồng ngực như ngày đầu tiên đứng trước biển. Daniel cầm đầu chạy, chẳng kịp lấy hơi, nó men theo những cạnh đá, phóng qua những vũng nước và những đồng tảo trũng, hai tay dang rộng để giữ thăng bằng.

Thình thoảng có những tấm đá rộng mà đám tảo bé li ti bám đầy trên mặt, những chòm đá nhọn như mũi dao, những tảng đá kỳ lạ, trông như da cá nhám. Khắp nơi đều có những vũng nước lấp lánh và run rẩy. Có những vỏ sò khảm trong đá nổ lộp độp dưới ánh nắng, và những cuộn tảo phát ra tiếng hơi nước kỳ khôi.

Daniel cứ chạy mãi như thế giữa đồng bằng đáy biển mà chẳng biết mình đang đi về đâu, cũng không dừng lại để trông thấy mép sóng. Lúc này biển đã biến mất, biển thu mình về phía chân trời như đang trôi vào một hố sâu vô hình dẫn xuống giữa lòng đất.

Daniel không sợ, nhưng nó chẳng còn là chính mình nữa. Nó không gọi, không trò chuyện cùng biển như trước đây. Ánh nắng nhấp nháy trên mặt nước như đang phản chiếu từ những mặt gương, vỡ ra trên các chỏm đá, không ngừng nhảy nhót và nhân đôi các tia sáng của mình. Ánh nắng cùng lúc mà trải khắp mọi nơi, rất gần và rất xa, gần đến độ Daniel có thể cảm nhận đường đi của các tia sáng chói chang vẽ trên mặt mình, và khi nắng ở xa, nó chỉ còn là một đốm trắng lạnh lẽo, lấp lánh như vì tinh tú. Bởi ánh sáng ấy mà Daniel đã chạy thành hình zic zac qua bãi đá. Ánh sáng ấy đã phóng thích nó, bởi ánh sáng ấy mà cậu bé như phát cuồng, và nó cũng chạy nhảy khắp nơi như ánh sáng, chẳng nhìn đi đâu. Ánh sáng không dịu dàng và lặng lẽ như ánh sáng trên bãi biển và những cồn cát. Bây giờ, ánh sáng như một cơn lốc dữ dội bắn tung tóe khắp nơi, bật liên tục giữa hai mặt gương, một của bầu trời và một của những phiến đá.

Và trên hết thấy mọi thứ, đó là muối. Đã nhiều ngày nay, muối tích tụ khắp nơi, muối đọng trên những tảng đá lớn màu đen và những viên đá cuội, trên những vỏ sò và các phiến lá nhỏ bé, nhọt nhạt của đám cây mọc nước nằm dưới vách đá. Muối thấm vào da Daniel, bám vào lông mày, những sợi mi dài, tóc tai và quần áo của cậu bé, muối bây giờ biến thành một lớp vỏ cứng cháy bỏng. Muối thấm vào cơ thể Daniel, vào bụng, cổ họng, đến từng mấu xương, từng khúc ruột, mặc sức gặm nhấm và nghiền ken kết như bụi thủy tinh, thắp những ngọn lửa trên hai vông mạc nhức nhối của nó. Nắng đốt cháy những hạt muối, và lúc này từng lăng kính quanh Daniel và trong cơ thể nó tỏa sáng lấp lánh. Và thế là, có gì như thể một cơn say, như thể một dòng điện rung động dữ dội, bởi lẽ muối và ánh sáng chẳng để con người ta ngồi yên chúng muốn ta phải nhảy múa, phóng từ tảng đá này sang hòn đá kia, và chạy băng băng trên thềm biển ven bờ.

Daniel chưa thấy nơi nào nhiều ánh sáng như thế. Đến những vũng nước và bầu trời màu xanh lúc này cũng trắng sáng. Hai vông mạc của cậu bé cũng bị ánh mặt trời đốt nóng. Nó nhắm mắt thật chặt, dừng lại và lắng tai nghe tất cả những âm thanh ấy: âm thanh của ánh sáng dội trên những tảng đá, những tiếng gầy khô khan, những tiếng xì xào, những tiếng va đập,

và những tiếng thì thầm cao vút như khúc hát của một bầy ong vang lên bên tai nó. Nó khát khô cả họng, nhưng dường như không có thứ nước nào có thể khiến nó thỏa thuê. Ánh sáng tiếp tục đốt cháy da mặt, hai tay và hai vai Daniel như đang châm hàng vạn mũi kim. Hai hàng nước mắt bắt đầu tuôn ra từ đôi mắt vẫn đang khép chặt ấy, từ từ lăn xuống hai gò má để lại những vệt nóng hổi. Nó banh hai mi mắt ra một cách nặng nề, nhìn đồng bằng đá trắng, sa mạc rộng lớn lấp lánh những vũng nước chói chang. Các sinh vật biển và nghêu sò đều đã biến mất, chúng nấp trong những khe đá, dưới màn rong biển.

Daniel ngả người về trước, trên một phiến đá. Nó vén sơ-mi qua khỏi đầu để không phải nhìn thấy ánh sáng và các hạt muối kia. Nó ngồi bất động thật lâu, đầu kẹp giữa hai gối, trong lúc điệu múa nóng bỏng cứ lướt qua, lướt lại trên thềm biển.

Rồi gió kéo tới, lúc đầu còn yếu ớt, bước đi nặng nề trong không khí dày đặc. Gió lớn dần, gió lạnh ùa ra từ chân trời, và các vũng nước biển run rẩy, đổi màu. Trên trời xuất hiện vài đám mây, ánh sáng lại trở nên chan hòa. Daniel nghe thấy tiếng gầm gừ của biển đang ở rất gần, những bụng sóng lớn đập vào đá, bắn nước tung tóe khắp nơi, làm ướt sũng quần áo của nó. Cậu bé choàng tỉnh.

Biển đã ở đây. Biển tràn về thật nhanh, trong chớp mắt đã bao vây những tảng đá đầu tiên bấy giờ trông như những hòn đảo, lấp đầy tất cả những kẽ nứt và lướt đi trong âm thanh của một con nước lớn. Mỗi lần biển nuốt chửng một mẫu đá, ta lại nghe thấy một tiếng ùng đục làm rung chuyển cả mặt đất, và tiếng gào thét vang lên trong gió.

Daniel liền bật dậy. Nó bắt đầu chạy một mạch lên bờ. Bấy giờ nó không còn buồn ngủ, cũng chẳng lo lắng gì về ánh sáng hay những hạt muối nữa. Có một thứ gì rất gần với cơn thịnh nộ đang dâng lên trong lòng nó, một uy lực mà nó không thể lý giải được. Nó cảm giác như mình chỉ cần dùng tới gót chân là có thể khoét được những rãnh dài trên các tảng đá hay đập vỡ chúng. Nó chạy phía trước, những ngọn sóng không ngừng gầm gừ

sau lưng. Thình thoảng, Daniel cũng gào lên như thế, nhại theo tiếng sóng: “Ầm ầm! Ầm ầm!” vì hơn ai hết, nó phải là người chỉ huy của biển.

Giờ nó phải chạy thật nhanh! Biển muốn ôm lấy tất cả, những tảng đá, những dải rong biển, và cả những sinh vật đang chạy trước mắt nó. Thình thoảng biển lại hất một cánh tay sang phải, rồi sang trái, cánh tay dài màu xám li ti bọt nước, để cắt ngang đường Daniel. Nó phải nhảy qua một bên, tìm cách đi trên những mòm đá, và khi sóng rút xuống, nước lại liếm lên các vết nứt.

Daniel băng qua nhiều hồ nước đã đục ngầu. Nó không còn thấy mặt nữa. Ngược lại, có gì như là niềm vui trong lòng nó, như thể biển, gió và mặt trời đã làm tan hết những hạt muối và giải phóng chúng.

Biển thật đẹp! Những tia nước trắng xóa hòa cùng ánh sáng, cao và thẳng tắp, trước khi rớt xuống và biến thành những đám hơi nước bị gió cuốn đi. Đợt nước mới lại lấp đầy các khe đá, lau sạch lớp vỏ trắng và nhỏ từng cụm rong biển. Xa xa, gần các vách đá, đường bãi biển sáng ngời. Daniel nhớ lại một vụ đắm tàu của Sindbad, khi anh được những con sóng đưa đến hòn đảo của vua Mihrage và lúc này mọi thứ giống hệt như thế. Nó chạy nhanh trên các tảng đá, chân lựa những vị trí tốt nhất trong khi nó còn chưa kịp nghĩ đến. Hẳn nó đã từng sống ở đây từ trước đến nay, trên thềm biển gần bờ này, giữa những cơn giông và con tàu đắm.

Daniel chạy song song với biển, nó cứ chạy miệt mài như thế trong lúc lắng nghe tiếng sóng, những con sóng to đến từ đầu bên kia thế giới, bao giờ cũng ngả người về phía trước và mang đám bọt biển theo bên mình, chúng lướt qua những tảng đá nhẵn nhụi và vỡ ra trong các kẽ nứt.

Nắng đốt liên tục ngay trên đường chân trời, nguồn cơn của toàn bộ uy lực này. Ánh mặt trời xô đẩy những con sóng vào đất liền. Một vũ điệu không hồi kết, điệu vũ của những hạt muối khi nước biển xuống thấp, vũ điệu của sóng và những ngọn gió lúc triều lên.

Daniel về hang khi nước biển vừa kéo tới bờ rong khô. Nó ngồi trên bãi đá cuội, ngắm biển và bầu trời. Nhưng những cơn sóng thình thoảng lại vượt

qua dải rong khô, nên nó rút sâu vào trong hang. Biển tiếp tục vỗ về, trái lớp chần trắng toát không ngừng rung rinh của mình lên những hòn sỏi, tựa như mặt nước đang sục sôi. Sóng cứ thế tiếp tục dâng cao, hết ngọn này đến ngọn khác, kéo đến tận bờ rào cuối cùng được kết bằng rong khô và những cành cây con trắng xóa vì muối. Ở đó, biển tìm thấy tất cả những gì được tích lũy trước miệng hang từ nhiều tháng nay. Nước biển vấp phải bãi rác, tách chúng ra và mang theo cùng những cơn sóng dồi. Lúc này Daniel đang đứng trong lòng hang, lưng tựa vào vách. Không thể lùi thêm được nữa, cậu bé bèn trừng mắt nhìn biển hòng ngăn biển tiếp tục dâng lên. Daniel tập trung toàn bộ sức mạnh của mình để nhìn như thế, không nói tiếng nào cuối cùng cũng đã đẩy lùi những con sóng, tạo thành những con sóng ngược dòng ngăn biển tiến tới.

Thình thoảng, sóng cũng nhảy qua hàng rong biển và bãi rác, bắn tung tóe vào lòng hang và quấn quanh chân cậu bé. Rồi đột nhiên, biển thôi không dâng lên nữa. Bấy giờ tiếng ồn dịu đi, sóng lại hiền hòa và chậm chạp, như không thể chịu nổi sức nặng của đám bọt biển. Daniel liền hiểu ngay rằng mọi chuyện đã kết thúc.

Nó nằm dài trên bãi sỏi trước miệng hang, quay đầu ra biển, run rẩy vì lạnh và mệt lả người, thế mà cậu bé chưa bao giờ thấy hạnh phúc như lúc này. Nó cứ nằm như thế, từ từ thiếp đi trong sự yên bình mong manh, và năng nhát dần như ngọn lửa sắp lụi tàn.

Rồi sau đó cậu bé ra sao? Nó đã làm gì trong suốt những ngày này, suốt những tháng này, trong hang động của nó, trước biển cả? Có lẽ nó đã thực sự cập bến ở châu Mỹ, hay đến tận Trung Quốc, trên những chuyến tàu chở hàng chậm chạp, từ bến này sang bến nọ, từ hòn đảo này đến hòn đảo kia. Những giấc mơ đã bắt đầu cách ấy thì không nên dừng lại. Ở đây, mọi việc đều bất khả và dễ dàng với chúng tôi, những kẻ sống xa biển cả. Nhưng có một việc kỳ lạ đã xảy ra, đó là tất cả những gì mà chúng tôi biết.

Đó quả là một việc kỳ lạ, bởi lẽ, nó mang một phương diện phi lý đến mức phủ nhận mọi điều mà những con người nghiêm túc đã nói. Họ đã rất kích động vì muốn tìm ra dấu vết của Daniel Sindbad, tất cả bọn họ, giáo

viên, giám thị và cảnh sát, họ đã đặt ra biết bao nhiêu là câu hỏi, và rồi một ngày đẹp trời nọ, kể từ một thời điểm nào đó, họ làm như thể Daniel chưa bao giờ tồn tại. Họ không nhắc đến nó nữa. Họ gửi toàn bộ kết quả, kể cả những bài tập cũ kỹ về cho gia đình cậu bé, và trong trường học không còn gì thuộc về Daniel, ngoại trừ những ký ức về nó. Nhưng ngay cả cái đó, người ta cũng chẳng tha thiết nữa. Họ lại bắt đầu nói về điều này, điều nọ, về phụ nữ và những căn nhà, về xe cộ và những cuộc bầu cử, hết như trước đây, như chưa từng xảy ra điều gì.

Có lẽ người ta không cố tình làm thế. Có lẽ họ đã thực sự quên Daniel, bởi lẽ, họ đã nghĩ quá nhiều về nó suốt nhiều tháng trời. Có lẽ khi nó quay trở lại, khi nó xuất hiện trước cổng trường, người ta sẽ không nhận ra nó, và có lẽ họ sẽ hỏi: “Cậu là ai? Cậu muốn gì?” Nhưng chúng tôi, chúng tôi thì không. Không một ai trong ký túc xá, trong lớp học và trong sân trường có thể quên Daniel, kể cả những đứa chưa bao giờ gặp nó. Chúng tôi nói về trường lớp, về những bài văn và những bài toán nhưng chúng tôi luôn nghĩ về nó, như thể nó thực sự là một Sindbad đang ngao du khắp thế giới. Thình thoảng, chúng tôi lại ngừng nói, và ai đó sẽ hỏi một câu, bao giờ cũng thế:

— Cậu có nghĩ nó đang ở đó không?

Không ai biết chính xác nơi đó là nơi nào, nhưng dường như chúng tôi có thể nhìn thấy nơi đó, với biển cả mênh mông, bầu trời, những đám mây, những dải đá ngầm hoang vu, những cuộn sóng lớn, và những cánh chim trắng lượn lờ trong làn gió.

Khi một cơn gió nhẹ khẽ lung lay cành dẻ, chúng tôi ngó lên trời và nói, với một chút lo lắng, kiểu những người thủy thủ vẫn thường bảo nhau:

— Trời sẽ bão đây.

Và khi ánh nắng mùa đông chiếu rực rỡ trên bầu trời xanh, chúng tôi lại bình luận:

— Thằng này hôm nay may thế.

Nhưng chúng tôi không bao giờ nói nhiều hơn, như thể đó là một quy ước mà chúng tôi đã ngầm thỏa thuận với Daniel lúc nào không hay, như thể

chúng tôi đã kết giao với nó, vào một ngày nọ, để tạo thành một liên minh bí mật và lặng lẽ. Hay có lẽ đó đơn giản chỉ là một giấc mơ mà chúng tôi đã nhen nhóm vào một buổi sáng nọ, khi mở mắt ra và bắt gặp trong khung cảnh tù mù của ký túc xá chiếc giường trống trải của Daniel, chiếc giường mà nó đã sửa soạn cho cả phần đời còn lại của mình, như thế nó sẽ không bao giờ ngủ lại nữa.

*Quỳnh Anh dịch*

# XỨ HAZARAN

Bờ Ê Nước Pháp không hẳn là một thành phố, vì nơi này không nhà cửa, không đường sá, chỉ có những túp lều lợp bằng ván hoặc giấy dầu và lớp đất mỏng. Nó được gọi như vậy, có lẽ vì đây là nơi sinh sống của người Ý, người Nam Tư, người Thổ Nhĩ Kỳ, người Bồ Đào Nha, người Algeria, người châu Phi, những người thợ hồ và thợ lắp đất, và những nông dân không chắc tìm được việc làm, cũng không rõ mình sẽ ở lại một năm hay chỉ đôi ba bữa. Họ đến đây, tại Bờ Ê này, gần những đầm lầy quanh cửa sông, họ dừng lại nơi mà họ có thể sinh sống, và dựng lều ở đó chỉ trong vài giờ. Họ mua ván từ những người đã bỏ đi, mấy tấm ván cũ nát và thùng lỗ chỗ đến độ ta có thể nhìn thấu cả bầu trời. Để lợp mái, họ cũng lại dùng ván, hoặc những tấm giấy dầu lớn, hoặc những mảnh tôn uốn lượn, nếu may mắn tìm ra, được giữ chặt bằng những cọc sắt và vài viên sỏi nhỏ. Mấy lỗ hổng được lấp bằng những khúc vải vụn.

Đó là nơi Alia sống, phía tây Bờ Ê, cách nhà Martin không xa lắm. Nó đến đây cùng lúc với chú, từ những ngày đầu tiên, khi chỉ có hơn chục căn lều thưa thớt và mặt đất vẫn còn mềm với những đồng cỏ rộng lớn và các hàng sậy nằm bên bờ lầy. Ba mẹ nó đột ngột qua đời trong lúc nó chẳng biết làm gì ngoài việc chơi đùa cùng những đứa trẻ khác, và dì của Alia đã đem nó về sống với bà. Bây giờ, sau bốn năm, Bờ Ê đã được mở rộng, lấn qua tả ngạn cửa sông, trải từ dốc đường lớn ra tận biển, với hàng trăm con phố nhỏ đắp bằng đất nện và nhiều túp lều đến nỗi không tài nào đếm xuể. Mỗi tuần lại có nhiều chuyến xe tải đến dừng trước lối vào Bờ Ê, thả những gia đình mới và đưa những gia đình khác rời khỏi đây. Trên đường đi gánh nước, hay mua gạo và cá mòi ở hợp tác xã, Alia dừng lại để quan sát những người mới tới lục đục dựng lều trên những chỗ đất còn trống. Đôi khi cảnh sát cũng tới trước cổng Bờ Ê để kiểm tra và ghi tên những người mới đến và những người rời đi trong một quyển sổ.

Alia nhớ rất rõ cái ngày đẹp trời mà Martin đến đây. Lần đầu nó nhìn thấy chú, là khi chú bước xuống xe tải cùng những người khác. Gương mặt và bộ đồ trên người chú đã bạc trắng vì bụi, nhưng nó nhận ra ngay. Đó là một người đàn ông kỳ lạ, cao và gầy, gương mặt sạm nắng, trông giống như một thủy thủ. Người ta có thể tin rằng chú đã già, do những nếp nhăn trên trán và hai bên má, nhưng chú có một mái tóc dày và đen tuyền, và đôi mắt còn sáng hơn cả mặt gương. Alia nghĩ chú có đôi mắt hay nhất Bờ Đê này, thậm chí là hay nhất đất nước này, biết đâu đấy, vì lẽ đó mà nó đã để ý ngay đến chú.

Nó ngồi yên khi chú đi qua. Chú bước đi chậm chạp nhìn quanh như thể chỉ đến đây để tham quan và chiếc xe tải sẽ lại đưa chú ra đi trong vài khắc nữa. Nhưng chú đã ở lại.

Martin không sống ngay trung tâm Bờ Đê. Chú sống ở cuối đầm lầy, nơi ta bắt gặp những viên sỏi đầu tiên của bờ biển. Đó là nơi mà chú dựng lều của mình, một mình trên mảnh đất ấy, cái mảnh đất mà trước đây chẳng ai thèm đoái hoài tới, vì nằm quá xa con lộ chính và những trạm nước ngọt. Nhà của chú quả thực là ngôi nhà cuối cùng của thị trấn.

Martin tự mình dựng nhà, chẳng cần ai giúp đỡ, và theo Alia nghĩ thì đó cũng là ngôi nhà thú vị nhất vùng này, theo cách riêng của nó. Đó là một túp lều tròn, không có một lỗ thông nào ngoài cánh cửa chính thấp bé, mà chính Martin cũng không thể đứng thẳng người mà chui lọt. Mái nhà lợp bằng giấy dầu, như những căn khác, nhưng dưới dạng nắp vung. Khi nhà của Martin hiện ra, từ xa, trong màn sương sớm, hoàn toàn đơn độc giữa khoảng đất rộng lớn, nằm ở lưng chừng đầm lầy và bờ biển, nó dường như to hơn và cao hơn, hết như một tòa tháp trong các lâu đài.

Đó cũng là cái tên mà Alia gán cho nhà của chú, ngay từ những ngày đầu tiên: lâu đài. Người dân ở đây không thích Martin lắm và có hơi chế giễu chú ấy, như bác quản lý hợp tác xã chẳng hạn, họ cứ bảo nhà chú trông như một ổ chó, nhưng là vì họ ganh tị đấy thôi. Cái đó mới thật là lạ, bởi vì Martin rất nghèo, nghèo hơn bất kỳ ai trong thị trấn này, nhưng ngôi nhà vắng cửa sổ ấy mang vẻ huyền bí nào đó, gần như là uy nghi, khiến những

người chung quanh không tài nào hiểu nổi, trông nó thậm chí còn có phần đe dọa.

Martin sống một mình ở đó, xa cách. Quanh nhà luôn luôn im ắng, nhất là khi đêm về, một sự im ắng khiến mọi thứ trở nên xa xăm và huyền ảo. Khi nắng chiếu trên thung lũng đầy bụi mù và trên đầm lầy, Martin ngồi trên một thùng gỗ, trước cửa nhà. Người ta không thường đi về phía ấy, có lẽ vì sự im ắng thực sự đe dọa họ, hay có lẽ vì họ không muốn quấy rầy Martin. Thành thạo, vào buổi sáng, hoặc khi trời vừa về đêm, có vài phụ nữ đi tìm cây khô, và những đứa trẻ trở về từ trường học. Martin rất thích lũ trẻ. Chúng trò chuyện với chúng thật dịu dàng, và chúng là những người duy nhất mà chú thực sự cười tươi. Lúc ấy, đôi mắt của chú đẹp tuyệt vời, sáng như mặt gương mài từ đá, chan chứa một thứ ánh sáng trong vắt mà Alia chưa nhìn thấy bao giờ. Mấy đứa trẻ cũng rất mến chú, vì chú biết kể chuyện và còn đặt nhiều câu đố. Thời gian còn lại, Martin không thực sự làm gì, nhưng chú biết sửa những món đồ bé: bánh xe đồng hồ, đài phát thanh, hay mấy trục pit-tông trong bếp dầu. Chú làm thế, chẳng vì mục đích gì, chú không muốn động đến tiền bạc.

Thế là, từ khi chú đến đây, mỗi ngày người ta đều sai lũ trẻ đem ít thức ăn đến cho chú, bày trong đĩa, nào là khoai tây, cá mòi, cơm trắng, bánh mì, hay một ít cà phê nóng đựng trong ly. Vài người phụ nữ thành thạo cùng đến đây đem thức ăn cho chú, và Martin nói vài lời để cảm ơn. Rồi chú trả đĩa lại cho những đứa trẻ, sau khi ăn xong. Chú thích người ta trả công cho mình bằng cách ấy.

Alia rất thích sang thăm Martin, để nghe chú kể chuyện và ngắm màu mắt của chú. Nó lấy một mẫu bánh mì trong kho trữ lương thực, và băng ngang Bờ Đê, đến lâu đài của Martin. Khi đến nơi, nó thấy người đàn ông đang ngồi trên thùng gỗ trước nhà và loay hoay sửa một cây đèn dầu. Nó bèn ngồi xuống đất, trước mặt Martin, và nhìn chú.

Đây là lần đầu nó đem bánh mì cho Martin. Chú nhìn nó với đôi mắt lấp lánh ánh sáng và nói:

“Xin chào con, mặt trăng.”

“Sao chú lại gọi con là mặt trăng?” Alia hỏi.

Martin cười với nó, và đôi mắt chú còn lấp lánh hơn nữa.

“Bởi vì đó là một cái tên mà ta rất thích. Con không muốn ta gọi là mặt trăng sao?”

“Con không biết. Con chưa bao giờ nghĩ rằng đó là một cái tên.”

“Đó là một cái tên rất dễ thương”, Martin nói. Con có bao giờ ngắm trăng khi bầu trời thật trong và đen chưa, vào những đêm thật lạnh? Trăng khi đó rất tròn lại dịu dàng, và ta thấy con cũng như thế.”

Và kể từ ngày hôm đó, Martin luôn gọi nó là mặt trăng, mặt trăng bé nhỏ. Và chú đặt cho mỗi đứa trẻ một cái tên khi chúng đến thăm mình, khi thì là tên của một loài cây, khi là hoa quả hay một con thú, khiến chúng cười vang. Martin không nói gì về mình, và không ai dám hỏi chú. Về căn bản, mọi thứ diễn ra như thể chú đã luôn sống ở đây từ trước đến nay, tại Bờ Đê này, trước tất cả những người khác, trước cả khi người ta làm đường, xây cầu và bãi đáp cho máy bay. Hẳn là chú biết rất nhiều thứ mà những người ở đây không ai biết, những thứ xa xưa và đẹp đẽ mà chú cất giữ trong lòng, những thứ đã thắp sáng đôi mắt chú.

Đó mới là điều lạ lùng nhất, vì chú không có gì cả, thậm chí chú còn không có bàn ghế hay giường ngủ. Trong nhà Martin, chẳng có gì khác ngoài một tấm chiếu để ngủ dưới đất và một hũ nước đặt trên thùng gỗ. Alia cũng không hiểu vì sao, nhưng nó cảm giác như thể đó là mong muốn của chú, như thể chú không muốn giữ lại bất cứ điều gì. Lạ lùng thay, bởi có chút gì như ánh sáng trong vắt luôn lấp lánh trong mắt chú, như một vũng nước luôn trong trẻo và đẹp hơn bao giờ hết khi không chứa gì dưới đáy.

Vừa xong việc là Alia ra khỏi nhà dì, ôm một mẫu bánh mì dưới lớp áo, và nó đến ngồi trước mặt Martin. Nó cũng thích nhìn hai bàn tay của chú, khi chú đang sửa chữa các vật dụng. Chú có đôi bàn tay to và đen vì nắng các móng tay đều cùn, như bàn tay những người thợ hồ và thợ làm đường, nhưng nhẹ nhàng và khéo léo hơn, biết thắt nút với những sợi dây bé tí và

vận những con ốc mà ta gần như không thể thấy được. Hai bàn tay làm việc cho chú, mà không cần chú phải bận tâm, phải ngó ngang tới vì hai mắt chú bận nhìn vào một nơi xa xăm nào đó, như thể chú đang nghĩ về một thứ khác.

— Chú đang nghĩ gì vậy? – Alia hỏi.

Người đàn ông nhìn nó, mỉm cười.

— Tại sao con lại hỏi chú như thế, mặt trăng bé nhỏ? Còn con thì sao, con đang nghĩ gì?

Alia ngẫm nghĩ một lúc, trông rất tập trung.

— Con đang nghĩ nơi đó hẳn là đẹp lắm, nơi mà chú từng ở trước đây.

— Sao con lại nghĩ vậy?

— Bởi vì...

Không tìm được câu trả lời, mặt cô bé ửng đỏ.

— Đúng vậy – Rồi Martin nói – Nơi đó rất đẹp.

— Bởi vì ở đây chẳng có gì cả, thứ gì cũng bẩn thỉu, ta phải đi lấy nước ở trạm máy bơm, lại còn có muỗi và lũ chuột cống, và tất cả mọi người đều thật là nghèo.

— Chú cũng nghèo đấy thôi – Martin nói – Nhưng chú không cho rằng đó là lý do để ta buồn phiền.

Alia lại suy nghĩ.

— Nếu nơi đó đẹp như vậy, nơi mà chú từng ở ấy... Vậy tại sao chú lại ra đi, sao chú lại đến đây, nơi mọi thứ đều hết sức... hết sức bẩn thỉu và xấu xí này?

Martin nhìn nó chăm chú, còn Alia thì tìm trong ánh sáng của đôi mắt ấy toàn bộ vẻ đẹp mà người đàn ông đã ngẫm nhìn trước đây, một xứ sở rộng lớn được phản chiếu óng ánh và sâu thẳm trong màu mắt của chú, đến giờ hãy còn sống động. Giọng nói của Martin trở nên dịu dàng hơn, như những lúc chú kể chuyện cho lũ trẻ.

— Vậy con có hạnh phúc không, mặt trăng bé nhỏ, khi con được ăn no, được ăn tất cả những món mà con thích nhất, khi biết rằng bên cạnh con có một gia đình đã hai ngày rồi chưa được ăn?

Alia lắc đầu.

— Con có hạnh phúc không, nếu con đang ngắm biển cả, đất trời và hoa lá, lại còn được nghe tiếng chim hót, khi con biết rằng gần đó có một đứa trẻ đang bị nhốt một cách vô cớ, rằng đứa trẻ ấy không được như con, có thể nghe, nhìn và cảm nhận mọi thứ chung quanh?

— Không đời nào – Alia nói – Trước tiên con sẽ đến đó và mở cửa ra, và đứa trẻ ấy có thể ra ngoài.

Trong lúc nói câu ấy, Alia nhận ra mình đã tìm được lời giải đáp cho câu hỏi của mình. Martin lại nhìn nó, mỉm cười, rồi chú tiếp tục sửa món đồ đang dở dang, với một chút lơ đãng, chẳng thèm nhìn xuống hai bàn tay đang cử động của mình.

Alia không chắc câu trả lời có hoàn toàn thuyết phục không. Nó lại nói:

— Dù sao thì, nơi đó chắc phải đẹp lắm, nhà của chú ấy.

Khi đã xong công việc của mình, Martin đứng dậy và nhắc Alia lên bằng hai tay, rồi từ từ đưa nó đến mũi đất trước đầm lầy.

— Con nhìn xem – Bây giờ chú mới nói, chỉ lên bầu trời, rồi tới nền đất phẳng và cửa sông mở ra biển cả – Đó, đó chính là nơi ta đã ở, tất cả chốn này.

— Tất cả ư?

— Phải, tất cả, tất cả những gì con đang thấy.

Alia đứng im lặng một hồi lâu, bất động, để ngắm tất cả những gì mà nó có thể nhìn thấy, đến khi hai mắt bắt đầu mệt mỏi. Nó nhìn kỹ như thể bầu trời cuối cùng rồi sẽ mở ra, bày ra trước mắt nó tất cả cung điện và lâu đài, tất cả những khu vườn đầy hoa, trái và chim chóc ấy. Nó chỉ thôi không nhìn nữa khi bắt đầu cảm thấy choáng váng.

Khi nó quay lại, Martin đã đi khỏi đây. Chiếc bóng cao và gầy đi giữa những túp lều, hướng về phía bên kia thị trấn.

Kể từ ngày hôm đó, Alia bắt đầu ngắm bầu trời, ngắm thực sự, như thể trước giờ nó chưa bao giờ được ngắm bầu trời. Những lúc làm việc trong nhà dì, chốc chốc con bé lại chạy ra ngoài chỉ để ngửa mặt lên trời. Khi trở vào, có cái gì đó vẫn rung rinh trong mắt và cơ thể của nó. Nó va phải vài thứ, bởi các vòng mạc đã bị lóa.

Khi những đứa trẻ khác biết Martin từ đâu đến, chúng ngạc nhiên vô cùng. Thế là từ dạo đó, có rất nhiều đứa trẻ ở đây trong Bờ Đê này, vừa đi vừa ngửa mặt lên cao để ngắm bầu trời, và không ngừng va phải cột, và người ta cứ tự hỏi chuyện gì đang xảy ra với chúng. Chắc người ta đã nghĩ rằng đó là một trò nghịch ngợm mà chúng vừa bày ra.

Thỉnh thoảng, chẳng ai hiểu vì sao mà Martin không ăn uống gì cả. Những đứa trẻ đem thức ăn tới cho chú, như mọi hôm, và chú từ chối một cách nhã nhặn, chú nói:

— Không, cảm ơn con, không phải hôm nay.

Thậm chí ngay cả Alia, khi Alia tới, với mẩu bánh mì ôm chặt trong áo, chú cười tử tế và lắc đầu. Alia không hiểu tại sao người đàn ông này từ chối thức ăn, bởi vì, quanh nhà chú, dưới mặt đất và trên bầu trời, mọi thứ đều diễn ra như bình thường. Năng chiếu trên bầu trời xanh, có một hai đám mây trắng, thỉnh thoảng một chiếc máy bay phản lực đáp xuống rồi lại bay lên. Trên những con lộ nhỏ của Bờ Đê, lũ trẻ chơi đùa và hò hét, những người phụ nữ cất tiếng gọi chúng, và sai bảo chúng bằng đủ thứ ngôn ngữ. Alia chẳng thấy có gì thay đổi. Nhưng nó vẫn ngồi trước mặt Martin, với hai hoặc ba đứa trẻ khác, và chúng chờ chú lên tiếng.

Martin không còn như mọi hôm. Khi Martin không ăn, gương mặt chú trông già hơn, và đôi mắt của chú – sáng bất thường, mang dáng vẻ lo lắng của những người đang sốt. Chú nhìn xa xăm, phía trên đầu lũ trẻ ánh mắt chú dường như vượt qua khỏi mảnh đất trước mặt, qua khỏi đầm lầy, đến tận

bên kia bờ sông và những ngọn đồi, xa đến độ phải mất nhiều tháng trời để đi đến đó.

Những ngày này, chú hầu như không nói năng gì và Alia cũng thôi không đặt câu hỏi cho chú. Người ta đến như mọi khi, nhờ chú dán một đôi giày, chỉnh lại quả lắc hay chỉ đơn giản là viết một lá thư. Nhưng Martin hầu như không trả lời, chú lắc đầu và nói rất khẽ, môi gần như không nhúc nhích:

— Không phải hôm nay, không phải hôm nay...

Alia đã hiểu ra, nó biết những ngày này chú không ở đây, rằng chú đang ở một nơi rất xa, kể cả khi cơ thể chú đang bất động, nằm yên trên tấm chiếu giữa nhà. Có lẽ chú đã về quê hương của mình, nơi mọi thứ đều đẹp đẽ, nơi mà mỗi người đều là hoàng tử và công chúa, xứ sở mà chú đã chỉ cho lũ trẻ lối vào trên bầu trời xanh.

Mỗi ngày, Alia lại đến với một mẫu bánh mới, chờ chú trở lại. Đôi khi nó phải chờ rất lâu, những lúc ấy nó hơi hoảng sợ khi nhìn gương mặt chú hõm sâu và biến thành màu xám, như thể ánh sáng đã ngừng cháy và chú chỉ còn là tro bụi. Rồi, một buổi sáng nọ, chú trở về, yếu đến nỗi hầu như không thể bước từ chỗ nằm của mình ra khoảng đất rộng trước nhà. Khi thấy Alia – cuối cùng thì chú cũng nhìn nó – chú mỉm cười yếu ớt, đôi mắt mờ cảm vì mệt mỏi.

— Chú khát – Chú nói thật chậm, giọng khàn đục.

Alia đặt mẫu bánh mì xuống đất và chạy băng qua thị trấn để tìm một xô nước. Khi nó quay lại, không thở ra hơi, Martin từ từ uống nước. Chú uống ngay trong xô. Rồi chú lau mặt và hai tay, ngồi lên thùng gỗ, dưới ánh nắng và bắt đầu ăn mẫu bánh mì của Alia. Chú đi vài bước quanh nhà, đưa mắt nhìn khắp nơi. Ánh mặt trời sưởi ấm gương mặt và hai tay của chú và đôi mắt chú lại bừng sáng.

Alia ngăm nhìn người đàn ông một cách háo hức. Nó đánh bạo, hỏi:

— Trông nó như thế nào?

Có vẻ như chú không hiểu con bé nói gì.

— Cái gì trông như thế nào?

— Trông như thế nào, nơi mà chú vừa đến ấy?

Martin không trả lời. Có thể chú chẳng còn nhớ gì, như thể chú chỉ đơn giản là trải qua một giấc mộng. Chú lại bắt đầu sống và nói chuyện như trước đây, ngồi dưới ánh nắng ấm áp trước cửa nhà, sửa máy móc hư hỏng, hay lang thang trên những con phố nhỏ trong Bờ Đê và chào người qua kẻ lại.

Sau này, Alia mới hỏi:

— Vì sao thỉnh thoảng chú lại không ăn gì?

— Vì chú phải tuyệt thực – Martin nói.

Alia bắt đầu suy nghĩ.

— Tuyệt thực nghĩa là gì?

Rồi nó liền nói thêm:

— Có giống như khi ta đi chơi không?

Nhưng Martin cười lớn:

— Ý nghĩ ngộ nghĩnh làm sao! Không đâu, tuyệt thực tức là khi ta không muốn ăn gì cả.

Làm thế nào mà người ta lại không muốn ăn gì? Alia nghĩ. Chưa ai nói với nó điều gì lạ lùng như vậy. Dù không muốn, nhưng nó nghĩ tới tất cả những đứa trẻ sống tại Bờ Đê này, cả ngày tìm kiếm thứ gì để ăn, kể cả khi chúng không đói. Nó nghĩ tới những tên trộm đầy rẫy trong các cửa hàng, gần sân bay, hay những kẻ cắp trứng và trái cây trong các khu vườn lân cận.

Martin trả lời ngay sau đó, như thể chú đọc được suy nghĩ của Alia.

— Đã bao giờ con thật khát chưa, có hôm nào như thế không?

— Có ạ – Alia nói.

— Khi con đang thật khát, con có muốn ăn không?

Nó lắc đầu.

— Không, phải không? Lúc đó con chỉ thèm uống nước, rất thèm. Con cảm giác như mình có thể uống cạn nước trong giếng, nhưng ngay lúc đó, nếu người ta đưa một đĩa thức ăn lớn cho con, con sẽ từ chối, bởi vì nước mới là thứ mà con đang cần.

Martin ngừng nói một lúc. Chú mỉm cười.

— Và tương tự như vậy, khi con rất đói, con sẽ không muốn người ta cho con một ao nước. Con sẽ nói, không, không phải bây giờ, con muốn ăn trước, ăn tới chừng nào con còn ăn được, rồi sau đó, nếu còn một chỗ trống nho nhỏ trong bụng, con sẽ uống.

— Nhưng chú không ăn cũng không uống! – Alia kêu lên.

— Đó chính là điều ta đang muốn nói với con, mặt trăng bé nhỏ ạ – Martin nói – Khi người ta tuyệt thực, đó là khi họ không muốn thức ăn và cả thức uống, bởi vì khi đó họ đang khao khát một thứ khác, một thứ còn quan trọng hơn việc ăn uống.

— Vậy người ta muốn gì? – Alia hỏi.

— Thượng đế – Martin đáp.

Chú trả lời, đơn giản như thế đó là điều hiển nhiên, và Alia không dám đặt thêm câu hỏi nào nữa. Đó là lần đầu tiên Martin nói về Thượng đế, khiến con bé hơi sợ, mà cũng không hẳn là như thế, nhưng điều đó thành linh đẫy nó ra xa, rất xa, như thể toàn bộ Bờ Đê rộng lớn với những túp lều lợp ván và đầm lầy bên bờ sông tách nó ra khỏi Martin.

Có vẻ như người đàn ông không nhận ra điều đó. Bây giờ, chú đứng dậy, đưa mắt nhìn đầm lầy nơi những hàng lau đang đung đưa. Chú lùa tay trong mái tóc của Alia, rồi đi chậm chậm trên con đường bắc ngang thị trấn, trong lúc những đứa trẻ chạy đến hò hét mừng chú trở về.

Vào giai đoạn đó, Martin đã bắt đầu những bài học của mình, nhưng không ai hay biết. Thực ra, đó không hẳn là những bài học, ý tôi là những bài học của một giáo sĩ hay một giảng viên, vì chuyện đó diễn ra không theo

một nghi thức nào, và người ta học mà không biết là mình đang học. Lũ trẻ đã quen với việc lui tới lâu đài của chú Martin, ở cuối Bờ Đê, và chúng ngồi bệt dưới đất để trò chuyện và chơi đùa, hoặc để nghe chú kể chuyện. Còn Martin, chú vẫn ngồi đó, không rời khỏi thùng gỗ của mình, tiếp tục sửa những món đồ còn dở dang, một cái chảo, một van nồi áp suất, hay một ổ khóa, và thế là bài học bắt đầu. Thường thì những đứa nhỏ sẽ đến đây, sau bữa cơm trưa, hay sau khi tan trường. Nhưng đôi khi cũng có đàn ông và phụ nữ, khi công việc đã hoàn tất, và trời nóng bức đến nỗi không thể chớp mắt. Lũ trẻ thường ngồi phía trước, ngay bên cạnh Martin, và đó cũng là nơi mà Alia thích ngồi nhất. Chúng rất ồn ào, không ngồi yên một chỗ quá lâu, nhưng Martin rất vui khi gặp chúng. Chú trò chuyện với chúng, chú hỏi chúng đã làm gì và chúng đã thấy gì, trong Bờ Đê, hay ngoài bãi biển. Có những đứa rất thích nói, chúng có thể ngồi kể lể liên tục hàng giờ. Có những đứa lặng lẽ hơn, luôn che mặt khi Martin nói chuyện với chúng.

Sau đó, Martin kể một câu chuyện. Lũ trẻ rất thích nghe kể chuyện, vì thế mà chúng đến đây. Khi Martin bắt đầu câu chuyện, ngay cả những đứa hiếu động nhất cũng ngồi xuống và thôi không nói nữa.

Martin biết rất nhiều chuyện, những câu chuyện dài và hơi lạ lùng, xảy ra trong những vùng đất xa lạ mà chú chắc hẳn đã đi qua trước đây.

Có câu chuyện về những đứa trẻ kéo nhau xuống dòng sông, trên một chiếc bè kết bằng lau sậy, và cứ trôi đi như thế qua những vương quốc kỳ diệu, những khu rừng những ngọn núi, những thành phố bí ẩn và ra tới ngoài khơi. Có câu chuyện về người đàn ông đã khám phá ra một giếng nước dẫn xuống lòng đất, nơi trị vì của Hỏa quốc. Có câu chuyện về người thương gia nọ, những tưởng có thể làm giàu bằng cách bán tuyết, lão bèn lên núi gánh tuyết xuống, nhưng khi đến dưới chân núi, lão chẳng còn gì ngoài một xô nước. Có câu chuyện về cậu bé tìm đến lâu đài của nàng công chúa mộng mị, người đã gieo những giấc mơ và những cơn ác mộng đi khắp nơi trên thế giới, câu chuyện của gã khổng lồ đào núi, của đứa bé đánh bại với bầy cá heo, câu chuyện về thuyền trưởng Tecum đã cứu mạng một chú hải âu, và con chim đèn ơ bằng cách dạy ông biết bay. Chúng đều là những câu

chuyện hay, có vài lần, lũ trẻ nghe say sưa đến mức chìm vào giấc ngủ trước khi chú kể tới đoạn kết. Martin kể chuyện rất dịu dàng, vừa kể vừa làm vài động tác thỉnh thoảng dừng lại để chúng đặt câu hỏi. Khi chú nói ánh mắt chú lại rực sáng, dường như chú cũng rất thích kể chuyện cho chúng nghe.

Trong tất cả những câu chuyện mà Martin kể, lũ trẻ thích nhất câu chuyện về xứ Hazaran. Chúng không hiểu hết ý nghĩa của nó, nhưng tất cả chúng nó đều nín thở hồi hộp khi câu chuyện bắt đầu.

Trước tiên, có một cô gái nhỏ, tên là Cỏ Ba Lá. Đó là một cái tên buồn cười mà người ta đặt cho cô, có lẽ vì cô có một vết bớt trông như Cỏ Ba Lá ngay trên má, gần vành tai trái. Cô rất nghèo, rất rất nghèo, nghèo đến độ cô chẳng có gì khác để ăn ngoài một ít bánh mì và hoa quả mà cô hái từ những bụi cây. Cô sống một mình trong một túp lều của những người chăn cừu, lạc lõng giữa đất đá và những dòng nước, mà không có ai chăm sóc. Nhưng những con thú nhỏ sống trong cánh đồng, khi thấy cô thật cô độc và buồn bã, chúng đến làm bạn với cô. Chúng thường đến thăm cô vào buổi sớm mai hoặc khi đêm về, và chúng trò chuyện để giải sầu cho cô bé, chúng ngồi thành một vòng tròn quanh cô và kể chuyện cho cô nghe, vì Cỏ Ba Lá hiểu được tiếng của chúng. Có một chú kiến tên là Zoé, một chú tắc kè tên là Zoot, một chú mòng biển tên là Pipit, một nàng chuồn chuồn tên là Zelle, và còn biết bao là bướm, bướm vàng, bướm đỏ, bướm nâu, bướm xanh. Lại có anh bọ hung thông thái tên là Kepr, và một chị cào cào màu xanh cao lớn thích phơi nắng trên những phiến lá. Cỏ Ba Lá bé nhỏ rất tử tế với chúng, vì thế mà chúng cũng rất mến cô. Một ngày nọ, khi Cỏ Ba Lá còn buồn bã hơn mọi khi, vì cô không có gì để ăn, chị cào cào xanh gọi cô. Em có muốn thay đổi cuộc sống của mình bây giờ không? Chị vừa hỏi vừa huýt sáo. Làm thế nào mà em có thể thay đổi đời mình? Cô bé thắc mắc. Em còn không có gì để ăn, và em chỉ có một mình. Em sẽ làm được nếu như em muốn. Chị cào cào bảo. Chỉ cần em tới xứ Hazaran. Xứ gì cơ? Cỏ Ba Lá hỏi. Em chưa nghe ai nhắc tới nơi này bao giờ. Để vào đó, em phải trả lời được các câu hỏi mà người gác cổng Hazaran đặt ra. Nhưng trước hết, em phải thật giỏi, thật là giỏi, để có thể trả lời. Thế là Cỏ Ba Lá đi tìm bọ hung Kepr, anh sống trên

một nhánh hoa hồng, và cô bé nói: Kepr ơi, hãy dạy cho em những gì mà em cần biết, vì em sẽ tới xứ Hazaran. Anh bộ hung và chị cào cào xanh dạy cho cô gái nhỏ tất cả những gì mà chúng biết, trong một khoảng thời gian dài. Chúng chỉ cho cô cách dự đoán thời tiết, hay những gì người ta nghĩ thầm trong bụng, hay những cách hạ sốt và chữa bệnh. Chúng bảo cô đến hỏi chú bộ ngựa làm thế nào để dự đoán đứa trẻ sắp ra đời là trai hay gái, vì bộ ngựa biết được chuyện đó, và chú sẽ trả lời bằng cách giơ cả hai cẳng, nếu đó là con trai, và hạ cẳng xuống nếu là con gái. Cỏ Ba Lá bé nhỏ học tất cả những điều đó, và còn nhiều điều khác nữa, những bí mật và những điều huyền bí. Một ngày nọ, khi anh bộ hung và chị cào cào to lớn đã dạy hết những gì chúng biết, một người đàn ông đi vào làng, ông khoác trên người một bộ đồ sang trọng, trông chẳng khác nào một vị hoàng tử hay một sứ thần. Người đàn ông đi vào làng và nói: tôi muốn tìm một người. Nhưng người trong làng không ai hiểu chuyện gì đang diễn ra. Lúc này, Cỏ Ba Lá bước tới người đàn ông và nói: tôi là người mà ông cần tìm đây, tôi muốn tới xứ Hazaran. Người đàn ông thoáng ngạc nhiên, vì Cỏ Ba Lá bé nhỏ rất nghèo và trông như một kẻ dốt nát. Cô có biết trả lời những câu hỏi không? Vị sứ thần hỏi. Nếu cô không trả lời được, cô sẽ mãi mãi không thể tới Hazaran. Tôi sẽ trả lời, Cỏ Ba Lá bảo. Nhưng cô bé có hơi lo lắng, không chắc mình có trả lời được không. Nếu cô biết câu trả lời, cô sẽ là công chúa xứ Hazaran. Và đây là những câu hỏi, gồm có ba câu.

Martin nghỉ một chút, và lũ trẻ chờ đợi.

Đây là câu thứ nhất, vị sứ thần nói. Trong một buổi tiệc, cha tôi đem ra ba món rất ngon. Món nào tay tôi có thể cầm, thì miệng tôi không thể ăn. Món nào tay tôi có thể cầm, tay tôi không thể giữ. Món nào miệng tôi có thể ăn, miệng tôi không thể giữ. Cô gái nhỏ suy nghĩ, đoạn cô nói: tôi có thể trả lời câu hỏi này. Vị sứ thần nhìn cô kinh ngạc, vì trước giờ chưa ai giải được. Đây là câu thứ hai, vị sứ thần tiếp tục. Cha tôi mời tôi đến thăm bốn căn nhà của ông. Căn thứ nhất ở phía bắc, nghèo nát và buồn chán. Căn thứ hai ở phía đông, ngập tràn hoa lá. Căn thứ ba ở phía nam, là căn đẹp nhất. Căn thứ tư ở phía tây, khi tôi đi vào, tôi nhận được một món quà, nhưng tôi còn

nghèo hơn trước đó. Tôi có thể trả lời câu hỏi này. Cỏ Ba Lá lại nói. Vị sứ thần còn ngạc nhiên hơn nữa, vì cũng chưa một ai trả lời được câu hỏi này. Đây là câu thứ ba, vị sứ thần nói. Khuôn mặt cha tôi rất đẹp, nhưng tôi không thể thấy. Kẻ hầu của tôi lại nhảy múa cho ông xem mỗi ngày. Mẹ tôi còn đẹp hơn nữa, mái tóc bà đen tuyền, mặt bà trắng như tuyết. Bà mang trên người nhiều trang sức và luôn trông chừng tôi khi tôi ngủ. Cỏ Ba Lá lại suy nghĩ, rồi cô bé ra hiệu mình sẽ giải thích các câu đố. Đây là câu trả lời đầu tiên, nó nói: bữa tiệc mà tôi được mời tới là thế giới nơi tôi sinh ra. Ba món ăn tuyệt vời mà cha tôi đã cho tôi là đất, nước và không khí. Tay tôi có thể cầm đất, nhưng tôi không thể ăn. Tay tôi có thể cầm nước nhưng không thể giữ lại. Miệng tôi có thể ăn không khí nhưng tôi phải trả lại khi thở ra.

Martin lại dừng một chút, và mấy đứa trẻ bắt đầu thò tay vốc một nắm đất và làm nước chảy giữa những các ngón tay. Chúng thối không khí trước mặt chúng.

Đây là câu trả lời cho câu hỏi thứ hai: bốn căn nhà mà cha tôi mời tôi đến thăm là bốn mùa trong năm. Căn thứ nhất ở phía bắc, căn buồn bã và nghèo nàn nhất, là căn nhà mùa đông. Căn ở phía đông, nơi có rất nhiều hoa lá, là căn nhà mùa xuân. Căn ở phía nam, và là căn đẹp nhất, là căn nhà mùa hạ. Căn ở phía tây là căn nhà mùa thu, khi tôi bước vào, tôi được nhận một năm mới và vì thế mà nghèo hơn, bởi tôi già thêm một tuổi. Vị sứ thần gục gặc đầu ra chiều tán đồng, ngạc nhiên trước kiến thức rộng lớn của cô gái nhỏ. Câu trả lời cuối cùng đơn giản thôi, Cỏ Ba Lá nói. Người mà tôi gọi là cha là mặt trời, tôi không thể trực tiếp nhìn ông. Kẻ hầu cận nhảy múa cho ông xem là chiếc bóng của tôi. Người mà tôi gọi là mẹ chẳng ai khác ngoài đêm với mái tóc đen tuyền của mình và gương mặt sáng ngời của bà chính là mặt trăng. Những trang sức bà mang trên người là những vì sao lấp lánh. Đó chính là ý nghĩa của những câu đố. Khi vị sứ thần nghe xong những câu trả lời của Cỏ Ba Lá, ông ra lệnh cho đàn chim trên trời đưa cô gái trẻ bay tới xứ Hazaran. Đó là một xứ sở rất xa, rất xa, xa đến mức đàn chim bay trong nhiều ngày và nhiều đêm liền, nhưng khi Cỏ Ba Lá đến nơi, cô thật sự kinh

ngạc, vì trước giờ cô không thể tưởng tượng ra thứ gì đẹp hơn như thế, kể cả trong những giấc mơ của mình.

Đến đây Martin lại ngừng một chút, và lũ trẻ háo hức nói: Như thế nào? Xứ Hazaran trông như thế nào?

Thì ở đây, mọi thứ đều lớn và đẹp dễ hơn, có những khu vườn rợp hoa và bướm, có những dòng sông trong vắt mà ta có thể nhầm là bạc, những cây cao rất cao mọc đủ loại hoa quả. Đó là nơi sinh sống của chim chóc, tất cả mọi loài chim trên thế giới. Chúng chuyển từ cành cây này sang cành cây khác, lúc nào chúng cũng líu lo, và khi Cỏ Ba Lá tới, chúng vây quanh cô bé để chào đón cô, khoác những bộ cánh kết từ lông vũ sặc sỡ, và lại múa trước mặt cô, vì chúng rất hạnh phúc khi có được một nàng công chúa như thế. Rồi đàn chim sáo bay đến, trông như những sứ thần của vua các loài chim, và chúng dẫn cô đến cung điện Hazaran. Vua xứ Hazaran là một con họa mi có giọng hát hay đến độ, khi ngài cất tiếng, tất cả đều dừng nói và lắng nghe. Bây giờ, Cỏ Ba Lá sống trong cung điện của đức vua, và vì cô có thể nói ngôn ngữ của mọi loài, cô cũng bắt đầu tập hát, để trả lời ngài. Vậy là, cô bé ở lại xứ Hazaran, có lẽ bây giờ cô vẫn còn sống, và mỗi khi muốn xuống thăm mặt đất, cô hóa thành chim sẻ ngô, và bay đến thăm những người bạn của mình vẫn còn ở đây. Rồi cô lại quay về nhà, trong khu vườn rộng lớn mà cô đã trở thành một nàng công chúa.

Khi câu chuyện kết thúc, lũ trẻ nối đuôi nhau ra về, chúng quay về nhà mình. Alia luôn là đứa sau cùng còn nán lại trước nhà Martin. Nó chỉ rời khỏi đây khi Martin đã vào lầu đài và trải chiếu ra để ngủ. Nó đi chậm chậm trên những con đường nhỏ của Bờ Đê, trong lúc những ánh đèn ga lần lượt thấp lên trong những túp lều, và nó không còn buồn nữa. Nó nghĩ đến ngày mà người đàn ông ăn bận như sứ thần có lẽ sẽ đến, và nhìn quanh, cất tiếng:

— Tôi đến tìm một người.

Chính vào khoảng thời gian này, chính phủ bắt đầu lui tới nơi đây, tới Bờ Đê Xứ Pháp. Đó là những người kỳ lạ, mỗi tuần lại đến một hai lần, trong những chiếc xe hơi màu đen hay những chiếc xe tải nhỏ cam cam,

dừng lại trên con đường lớn, trước lối vào thị trấn một đoạn; họ làm mọi thứ mà không rõ vì lý do gì, như đo chiều rộng của những con phố và khoảng cách giữa những căn nhà, bỏ một ít đất trong những hộp sắt, một ít nước trong những tuýp thủy tinh, và một ít không khí vào một thứ gì đó trông như là những quả bóng nhỏ màu vàng. Họ cũng đặt rất nhiều câu hỏi, với tất cả những người mà họ gặp đặc biệt là đàn ông, vì những người phụ nữ ở đây không hiểu họ nói gì mấy và, chẳng nào đi nữa, cũng không dám trả lời.

Alia dừng lại trong lúc gánh nước, nhìn họ đi qua, nhưng nó biết họ không đến để tìm một người. Họ không đến đặt cho ta những câu hỏi để đưa ta đến xứ Hazaran. Mặt khác, họ không quan tâm đến bọn trẻ con, và không bao giờ hỏi chúng điều gì. Đó là những người đàn ông nét mặt nghiêm nghị, khoác com-lê xám và mang những chiếc va-li nhỏ bọc da, và một nhóm sinh viên, các chàng trai và các cô gái bận những chiếc áo thun dày cộm và trùm thêm một lớp áo gió. Những người này mới là kỳ lạ nhất, vì họ cứ hỏi những điều mà ai cũng biết, về thời tiết chẳng hạn, hay về những gia đình sinh sống ở đây, nhưng cái chính là người ta không thể hiểu nổi tại sao họ lại hỏi như vậy. Họ ghi lại những câu trả lời trong một quyển sổ như thể điều đó là rất quan trọng, và còn chụp rất nhiều hình về những ngôi nhà lợp ván như thể chúng rất đáng giá. Họ chụp cả bên trong từng căn nhà, nơi có treo một bóng đèn nhỏ sáng hơn ánh mặt trời.

Phải một thời gian sau người ta mới hiểu, khi người ta biết rằng các quý ông và sinh viên của chính phủ đến để đưa tất cả đi, thị trấn và những người dân ở đây, sang một nơi khác. Chính phủ quyết định rằng Bờ Đê không được tiếp tục tồn tại, vì nó nằm quá gần đường lớn và đường băng mà cũng có lẽ vì họ đang cần thêm đất để xây văn phòng và những tòa nhà lớn. Người ta biết điều đó vì họ phát cho mỗi gia đình vài tờ giấy, trong đó bảo rằng tất cả phải rời khỏi đây, và rằng thị trấn sẽ bị san bằng bởi những cỗ máy và xe tải. Lúc này các cô cậu sinh viên của chính phủ cho người ta xem bản vẽ thành phố mới mà họ sẽ xây dựng, ở khu vực thượng lưu. Những bức vẽ đó cũng kỳ lạ không kém, với những ngôi nhà chẳng có gì giống những thứ mà chúng tôi từng biết, những ngôi nhà bằng phẳng với những ô cửa

giống hệt nhau, trông như những lỗ gạch ngói. Giữa mỗi căn nhà có một sân lớn và vài cây xanh, và mấy con đường thẳng tắp như đường ray xe lửa. Các cô cậu sinh viên gọi đó là Thành Phố Tương Lai, và khi họ nhắc tới chuyện đó với người dân nơi đây, trông họ rất hài lòng, mắt sáng long lanh và tay không ngừng vung vẩy. Phải chăng vì họ đã vẽ những bức tranh ấy.

Khi chính phủ quyết định sẽ phá hủy Bờ Đê, và không ai được ở lại, họ cần được sự đồng ý của người phụ trách. Nhưng làm gì có ai phụ trách Bờ Đê; người ta cứ sống như thế từ bấy lâu nay, vì cho tới lúc này họ chẳng cần ai phụ trách. Chính phủ bèn tìm một ai đó để làm người phụ trách, và bác quản lý hợp tác xã được đề cử. Thế là chính phủ thường xuyên tới nhà bác để nói về Thành Phố Tương Lai, và thỉnh thoảng, họ cho bác ngồi trong chiếc xe hơi màu đen để đưa bác tới văn phòng ký giấy tờ và để mọi thứ đều hợp lệ. Chính phủ lẽ ra nên đến gặp Martin trong lâu đài của chú ấy, nhưng chẳng ai nhắc tới chú vì chú sống quá xa, ở tận cuối Bờ Đê, gần đầm lầy. Dầu sao đi nữa, chú có lẽ sẽ không muốn ký, và người ta có lẽ sẽ nghĩ rằng chú đã quá già.

Khi Martin biết tin, chú không nói gì, nhưng người ta có thể thấy rằng chú không thích. Chú đã dựng tòa lâu đài của mình tại nơi mà chú thích, và hoàn toàn không muốn sống ở nơi khác, nhất là khi đó là một trong những ngôi nhà của Thành Phố Tương Lai, trông chẳng khác gì một cục gạch.

Sau đó, chú bắt đầu tuyệt thực, nhưng lần này không chỉ kéo dài vài ngày, như trước đây chú thường làm. Đó là một đợt tuyệt thực đáng sợ, kéo dài hàng tuần liền, dường như sẽ không bao giờ kết thúc.

Mỗi ngày, Alia đến trước nhà Martin để mang cho chú bánh mì, và những đứa trẻ khác cũng đến với những đĩa thức ăn, hy vọng Martin sẽ ngồi dậy. Nhưng chú cứ nằm trên chiếu, quay mặt ra cửa, và nước da của chú trở nên nhợt nhạt vô cùng. Đôi mắt tối sầm phát ra một thứ ánh sáng xấu xí, chúng đã mệt mỏi và đau đớn vì phải nhìn liên tục. Tối, chú không ngủ. Chú cứ nằm như thế, không động đậy, nằm dài trên sàn nhà, quay mặt về phía lối vào, ngăm màn đêm tăm tối.

Alia ngồi bên cạnh chú, nó lau mặt cho chú bằng một khăn ướt để chùi sạch lớp bụi mà gió đã để lại trên mặt chú như phủ lên một hòn đá. Chú uống một ít nước trong ao, chỉ vài ngụm cho suốt một ngày dài. Alia nói:

— Chú không muốn ăn gì bây giờ sao? Con có đem bánh mì cho chú.

Martin cố nặn ra một nụ cười, nhưng miệng của chú cũng đã mệt, giờ chú chỉ có thể cười bằng ánh mắt. Alia cảm thấy trái tim mình se lại, vì nó nghĩ Martin không bao lâu nữa sẽ chết.

— Có phải vì chú không muốn rời khỏi đây nên chú không đói không?  
— Alia hỏi.

Martin không trả lời, nhưng đôi mắt của chú thì có, với thứ ánh sáng mới mẻ và đau đớn của chúng. Chúng nhìn ra ngoài, qua khung cửa thấp, chúng nhìn mặt đất, hàng lau và bầu trời xanh thẳm.

— Có lẽ chú không nên đến đó ở với bọn con, trong thành phố mới. Có lẽ chú nên quay về đất nước của mình, đất nước tươi đẹp mà mọi người đều là công chúa và hoàng tử.

Bây giờ, các sinh viên của chính phủ tới thưa thớt hơn. Rồi họ hoàn toàn không tới nữa. Alia theo dõi họ suốt, khi đang làm việc trong nhà dì, hay khi đi lấy nước ở các trạm bơm. Nó nhìn xem mấy chiếc xe hơi có đỗ trên đường ngay lối vào thị trấn hay không. Rồi nó chạy thẳng đến lâu đài của Martin.

— Hôm nay họ cũng không đến! – Nó nói không ra hơi

— Họ sẽ không đến đây nữa! Chú nghe thấy không? Hết rồi, họ sẽ không đến nữa, chúng ta sẽ ở lại đây!

Tim nó đập thật nhanh, vì nó nghĩ rằng Martin chỉ cần tuyệt thực là đã có thể đẩy lùi các sinh viên ấy.

— Con chắc chứ? – Martin hỏi. Giọng của chú vang lên rất chậm, và chú hơi nhồm dậm trên tấm chiếu.

— Đã ba ngày nay họ không đến!

— Ba ngày ư?

— Giờ họ sẽ không đến nữa đâu, con chắc chắn như thế!

Nó bẻ một mẫu bánh mì và đưa cho Martin.

— Không, không phải ngay bây giờ – Người đàn ông nói – Chú phải tắm trước.

Chú tựa vào vai Alia để đi ra ngoài, chân bước loạng choạng. Nó dẫn chú tới con sông, băng qua hàng lau. Martin quỳ xuống đất và chầm chậm lau mặt. Rồi, chú cạo râu và chải tóc, từ tốn, nhưng thể chú chỉ vừa mới thức dậy. Sau đó, chú ngồi trên thùng gỗ của mình, dưới ánh mặt trời, và chú ăn bánh mì của Alia. Bấy giờ, mấy đứa trẻ khác cũng lần lượt tới đem thức ăn cho chú, và Martin nhận tất cả những gì được cho và cảm ơn chúng. Khi vừa đủ no, chú quay vào nhà, và lại nằm dài trên chỗ cũ.

— Giờ ta sẽ ngủ một chút – Chú nói.

Nhưng lũ trẻ vẫn ngồi dưới đất quanh cửa ra vào để nhìn chú ngủ.

Trong lúc chú đang ngủ, mấy chiếc xe hơi mới tinh trở lại. Ban đầu chỉ có những người đàn ông khoác com-lê xám và mang những va-li bọc da. Họ đi thẳng tới nhà bác quản lý hợp tác xã. Rồi các sinh viên kéo tới, còn đông hơn lần đầu tiên.

Alia ngồi yên, lưng dựa vào tường, trong lúc họ lướt qua mặt cô bé và đi tới quảng trường có đặt một chiếc máy bơm. Họ tụ tập ở đó và hình như đang chờ đợi điều gì. Rồi những người đàn ông áo xám cũng tới đó, và bác quản lý bước nhanh cùng họ. Những ông áo xám nói chuyện với bác, nhưng bác lắc đầu, và cuối cùng, có một người, trong số những người làm việc cho chính phủ, đã thông báo cho tất cả cùng nghe, với một giọng rõ ràng và vang xa. Ông chỉ bảo ngắn gọn rằng mọi người sẽ bắt đầu xuất phát từ tám giờ sáng ngày mai. Các xe tải của chính phủ sẽ đến chở tất cả đến vùng đất mới, nơi rồi thì người ta sẽ xây Thành Phố Tương Lai. Ông còn nói rằng các sinh viên của chính phủ sẽ tình nguyện giúp đỡ dân cư chuyển vật dụng và của cải lên xe.

Alia không dám nhúc nhích, thậm chí sau khi những người đàn ông bận áo xám và các sinh viên đã rời khỏi đây cùng xe của họ. Nó nghĩ tới Martin lúc này chắc chắn sẽ chết, vì chú sẽ không đời nào muốn ăn lại.

Thế là nó bỏ đi, trốn ở nơi xa nhất mà nó tìm được, giữa mấy hàng lau gần dòng sông. Nó ngồi trên những hòn sỏi, và ngắm mặt trời lặn. Ngày mai khi mặt trời lại nằm ở vị trí này, sẽ chẳng còn ai ở đây, tại Bờ Đê này. Những chiếc xe ủi sẽ chạy qua chạy lại khắp thị trấn, húc những căn nhà về phía trước như thể chúng chỉ là những hộp diêm và rồi chỉ còn lại vết bánh xe và vài con sâu trên mặt đất đã bị chà nát.

Alia ngồi bất động thật lâu giữa những cây sậy gần dòng sông. Đêm đã về, một đêm lạnh được ánh trăng tròn và trắng soi sáng. Nhưng Ali không muốn quay về nhà đi. Nó bắt đầu bước giữa những hàng lau, dọc bờ nước, cho tới khi nó đứng trước đầm lầy. Nó đang hình dung dáng vẻ tròn tròn của lâu đài chú Martin, nằm chệch đó một chút. Nó lắng tai nghe bầy cóc kêu ộp oạp và tiếng nước sông chảy đều đều bên kia đầm.

Khi tới trước nhà Martin, nó thấy chú, chú đang đứng thẳng người, bất động. Gương mặt chú được ánh trăng soi sáng, và ánh mắt của chú như nước sông, u ám và rực rỡ. Martin nhìn về hướng đầm lầy, về cửa sông rộng lớn, nơi đồng sỏi màu dạ quang bắt đầu trải rộng.

Martin quay lại nhìn nó, ánh mắt tràn trề một thứ uy lực kỳ lạ, như thể chú thực sự tạo ra ánh sáng.

— Ta đang tìm con – Martin chỉ nói.

— Chú sẽ đi ư? – Alia thì thầm.

— Đúng vậy, ta sẽ đi ngay bây giờ.

Chú nhìn Alia như đang đùa với cô bé.

— Con có muốn đi cùng ta không?

Alia bất chợt cảm thấy niềm vui nở ra trong phổi và cổ họng. Nó nói, giọng gần như hét lên:

— Chờ con với! Chờ con với!

Rồi nó chạy thật nhanh, băng qua từng con phố trong thị trấn và gõ tất cả các cánh cửa trong lúc hét to:

— Mọi người ơi, mau đến đây! Hãy đến đây mau! Chúng ta sẽ đi ngay bây giờ!

Trẻ con và phụ nữ bước ra trước tiên, vì họ đã hiểu chuyện gì đang diễn ra. Rồi những người đàn ông cũng lần lượt kéo tới. Dưới phố, đám đông dân cư Bờ Đê không ngừng tăng. Họ mang theo những gì có thể, dưới ánh đèn điện, nào túi, nào thùng giấy, và một số dụng cụ làm bếp. Đám trẻ con hò hét và chạy qua chạy lại các con phố, lặp đi lặp lại cùng một câu:

— Nào chúng ta cùng đi! Nào chúng ta cùng đi!

Khi tất cả mọi người đến trước nhà Martin, có một khoảnh khắc im lặng, như một chút do dự. Ngay cả bác quản lý hợp tác xã cũng không dám nói gì, bởi lẽ đây là một điều bí ẩn mà tất cả đều cảm nhận được.

Còn chú, Martin, chú đứng bất động trước con đường mở ra giữa những hàng sậy. Rồi, chẳng nói tiếng nào với đám đông đang chờ đợi, chú bắt đầu bước vào con đường ấy, hướng về dòng sông. Thế là những người khác bắt đầu đi theo. Chú tiến lên từng bước đều đặn, không ngoảnh đầu ra sau, không do dự, như thể biết rõ mình đang đi đâu. Khi chú bắt đầu bước xuống sông, mé nước cạn, người ta liền hiểu ra chú muốn làm gì, và họ không còn sợ nữa. Mặt nước đen lung linh quanh cơ thể Martin. Những đứa trẻ nắm tay những người phụ nữ và đàn ông, và rất chậm, đám đông cũng tiến vào dòng nước lạnh ấy. Từ bên này dòng sông đen với hàng sỏi dài lấp lánh, Alia, trong lúc bước đi trên thềm nước trơn trượt, váy bám vào bụng và đùi, lặng lẽ ngấm dãi âm u bên kia bờ, nơi không một ánh sáng nào chiếu tới.

*Quỳnh Anh dịch*

# NGƯỜI CỦA TRỜI

Petite Croix thích nhất làm chuyện này: Con bé đi tới tận cuối làng và nó ngồi thẳng người thành một góc vuông với mặt đất cứng, khi mặt trời thiêu nóng thật dữ. Nó không nhúc nhích, hay gần như thế, suốt hàng giờ, người thẳng đứng, hai chân banh hản ra phía trước. Đôi khi hai bàn tay nó động đậy, tựa như chúng độc lập, kéo mấy sợi cỏ để đan giỏ hay bện dây. Nó làm như nó đang nhìn mặt đất dưới chân mình, không nghĩ gì cả và không chờ đợi, mà chỉ ngồi thành góc vuông trên đất cứng, tận cuối làng, nơi núi đột nhiên dừng lại và nhường chỗ cho trời.

Đây là một xứ sở không người, một xứ sở của cát và bụi, với giới hạn duy nhất là những núi mặt bàn hình chữ nhật, ở chân trời. Đất ở đây quá nghèo không nuôi ăn nổi con người, và mưa từ trên trời cũng không rơi xuống. Con đường trải nhựa xuyên cả nước từ bên này qua bên kia, nhưng đây là một con đường để đi không dừng chân lại được, không nhìn được những ngôi làng đầy bụi, ngay trước mặt ta giữa những ảo ảnh, trong thứ tiếng động nhào nhẹt của những lớp xe quá nóng.

Ở đây, mặt trời nóng gắt, nóng hơn đất rất nhiều. Petite Croix ngồi, và con bé cảm thấy sức nóng ấy của mặt trời trên mặt và trên thân thể nó. Nhưng nó không sợ mặt trời. Mặt trời đi theo con đường rất dài của nó xuyên qua bầu trời chẳng buồn để ý đến con bé. Nó đốt cháy những cục đá, nó vét khô những con suối và những giếng nước, nó làm những cây nhỏ và những bụi gai gãy kêu răng rắc. Ngay cả những con rắn, ngay cả những con bò cạp cũng sợ nó và trốn yên trong hang cho đến tối.

Thế nhưng con bé Petite Croix, nó không sợ. Gương mặt bất động của nó gần như ngả qua đen, và nó trù lên đầu một vạt chắn của mình. Nó rất thích chỗ này, nằm cao trên vách đá, nơi đá và đất đột nhiên nứt vỡ và chế gió lạnh như một mũi tàu. Thân thể nó biết rất rõ chỗ này, thân thể ấy làm ra là để dành cho chỗ này. Một chỗ nhỏ, vừa đúng kích thước của nó, trên chỗ

đất cứng, đào lún xuống theo hình dáng của hai bàn mông và hai chân nó. Cho nên nó có thể ở đấy lâu, ngồi vuông góc với mặt đất, cho đến khi nào mặt trời lạnh và ông già Bahti đến dắt nó về ăn tối.

Con bé lấy lòng bàn tay chạm vào đất, nó lấy đầu ngón tay chầm chầm lần theo những nếp nhăn nhỏ do gió và bụi, những luồng, những mô đất để lại. Bụi cát làm thành một lớp bột mịn giống như phấn tan luôn nhẹ dưới lòng bàn tay nó. Khi gió thổi, bụi từ giữa những ngón tay con bé thoát ra, nhưng nhẹ, giống như một làn khói, nó biến mất trong không trung. Mặt đất cứng nóng lên dưới ánh mặt trời. Petite Croix đến nơi này từ nhiều ngày, nhiều tháng nay. Chính nó cũng không còn nhớ rõ lắm làm sao nó đã tìm thấy chỗ này. Nó chỉ nhớ câu nó hỏi ông già Bahti, về bầu trời, và về màu của bầu trời.

“Xanh là gì vậy?”

Đó chính là câu con bé đã hỏi, lần đầu tiên, và sau đó nó đã tìm ra nơi này, với cái lỗ hổng kia nằm dưới đất cứng, sẵn sàng đón nó.

Những người dân sống trong thung lũng giờ đây đang ở xa. Họ đã ra đi như những con sâu khoác vải lên mình trên đường đi, giữa sa mạc, và người ta không còn nghe tiếng họ nữa. Hoặc họ đi trên những xe tải nhỏ vừa nghe thứ nhạc phát ra từ những đài phát thanh, tiếng nhạc vang và rít âm thanh kèn kẹt như những loài sâu bọ. Họ đi thẳng trên con đường tối đen, xuyên qua những cánh đồng khô và những hồ nước in đầy ảo ảnh, không buồn nhìn chung quanh. Họ ra đi như không bao giờ sẽ trở lại nữa.

Petite Croix rất thích những khi không có ai ở chung quanh nó. Sau lưng con bé, những con đường làng trống không, nhả đến độ ngọn gió lạnh im lặng kia không bao giờ có thể dừng lại. Vách tường của những ngôi nhà gần như đổ nát trông giống như những tảng đá, bất động và nặng nề, gió đã làm mòn đi, không tiếng động, không sinh khí.

Còn gió thì không nói, không bao giờ nói. Nó không giống như những người lớn và trẻ con, cũng không giống như loài vật. Nó chỉ đi qua, giữa những vách tường, trên những tảng đá, trên mặt đất cứng. Nó thổi đến tận

Petite Croix và ôm choàng con bé, nó lấy đi mất trong chốc lát cái cháy bỏng của mặt trời trên mặt con bé, nó làm những vật tẩm chăn kêu phần phật.

Nếu gió ngừng, thì có lẽ người ta sẽ nghe được giọng nói của các ông các bà trên những cánh đồng, tiếng kêu của cái ròng rọc gần hồ chứa nước, tiếng la của trẻ con trước toà nhà tiền chế của trường học, phía dưới kia, trong ngôi làng mái tôn. Có thể Petite Croix sẽ nghe xa hơn nữa tiếng những toa xe lửa chở hàng nghiêng bánh trên các đường ray, những xe tải tám bánh rú gầm trên con đường tối đen, hướng về những thành phố nhộn nhịp hơn, về phía biển?

Bây giờ Petite Croix cảm thấy cái lạnh thấm vào người nó, và nó không cưỡng lại. Con bé chỉ đưa lòng bàn tay chạm vào vào đất, rồi nó sờ lên mặt mình. Đầu đây, sau lưng nó, những con chó cất tiếng sủa, không lý do, rồi chúng ngủ trở lại, khoan tròn trong những góc tường, mũi chúi vào đất bụi.

Đó chính là lúc mà cái im lặng lớn đến độ mọi chuyện đều có thể xảy ra. Petite Croix nhớ tới cái câu nó đã hỏi, từ bao nhiêu năm nay, câu hỏi mà nó rất muốn biết, về chuyện bầu trời, về màu sắc của nó. Nhưng con bé không còn cất giọng lớn nữa:

“Xanh là gì vậy?”

Bởi vì không ai biết được câu trả lời đúng. Con bé vẫn ngồi bất động, thật thẳng góc, ở cuối vách đá, trước bầu trời. Nó biết rõ một chuyện gì đó sẽ xảy ra. Mỗi ngày chờ đợi nó, ở cùng chỗ, ngồi trên mặt đất cứng, chỉ dành cho nó thôi. Gương mặt hờn như đen của nó bị nắng và gió thiêu đốt, hơi ngẩng cao để không thể có một bóng im nào trên da. Nó bình thản, nó không sợ. Nó biết chắc một ngày kia câu trả lời sẽ phải đến, mà nó khỏi cần hiểu bằng cách nào. Đến từ trời thì không thể nào có cái gì xấu, điều ấy hẳn là chắc rồi. Cái im lặng của thung lũng trống vắng, im lặng của ngôi làng sau lưng nó, ấy chính là để nó có thể nghe rõ hơn câu trả lời cho câu hỏi của nó. Chỉ có nó mới có thể nghe được. Ngay cả những con chó cũng đang ngủ, không nhận ra được cái gì đang xảy ra.

Trước tiên là ánh sáng. Một tiếng động rất êm vang trên mặt đất, như tiếng xào xạc của một cái chổi quét bằng lá, hay một màn những giọt nước mưa tiến đến gần. Petite Croix ra sức lắng nghe, hơi nín thở, và con bé nghe rõ ràng tiếng động đang đến. Nó kêu chchchch, và cả dttdtdt! khắp nơi, trên mặt đất, trên những tảng đá, trên những mái nhà đẹp. Đó là tiếng lửa cháy, nhưng rất êm và khá chậm, một ngọn lửa lặng lẽ không ngập ngừng, không bắn ra những tia loé sáng. Nhất là nó đến từ trên cao, đối diện với con bé, và hơi bay xuyên qua khí quyển, đôi cánh nhỏ tí kêu lên những tiếng lao xao. Petite Croix nghe tiếng thì thầm đang lớn dần, mở rộng ra quanh nó. Bây giờ nó đến từ mọi nơi, không chỉ từ trên cao, mà còn từ mặt đất, từ những tảng đá, những ngôi nhà trong làng, nó tung toé khắp mọi phía như những giọt nước, nó kết thành những cái nơ, những ngôi sao, những loại cửa kính có dạng hoa hồng. Nó vẽ ra những đường nhỏ dài bật lên phía trên đầu con bé, những vòng cung rộng, những chùm.

Tiếng động đầu tiên, tiếng nói đầu tiên chính là thế. Trước cả khi bầu trời ngập đầy, con bé đã nghe những tia ánh sáng điên cuồng đi qua, và tìm nó bắt đầu đập nhanh hơn và mạnh hơn.

Đầu Petite Croix không cử động, cả nửa thân trên cũng không. Con bé rút bàn tay ra khỏi mặt đất khô, và nó đưa tới trước mặt mình, lòng bàn tay xoay ra ngoài. Phải làm như thế đấy; bây giờ nó cảm thấy hơi ấm chạy qua đầu các ngón tay, như một cái vuốt ve đi qua đi lại. Ánh sáng lấp đớp nổ trên mái tóc dày của nó, trên những sợi lông của tấm chăn, trên lông mi nó. Tấm da ánh sáng mịn và rùng mình, khi đưa cái lưng và cái bụng to lớn của nó lướt trên lòng bàn tay mở rộng của con bé.

Ban đầu, lúc nào cũng như thế, với ánh sáng xoay chung quanh nó, và chạm vào lòng bàn tay nó như những con ngựa của lão già Bahti. Nhưng những con ngựa kia còn to lớn hơn và hiền lành hơn, và chúng lập tức tiến lại nó tựa như nó là cô chủ của chúng.

Chúng đến đây từ cuối bầu trời, chúng nhảy từ núi này qua núi nọ, chúng nhảy bên trên những thành phố lớn, bên trên những con sông, không

gây một tiếng động nào chỉ với một tiếng sột soạt êm như tơ của bộ lông cạo ngắn của chúng.

Petite Croix rất thích khi chúng đến. Chúng chỉ đến vì nó, có lẽ để trả lời cho câu hỏi, bởi vì nó là người duy nhất có thể hiểu được chúng, người duy nhất yêu chúng. Những người khác họ sợ, và làm cho chúng sợ, và cũng chính vì thế mà họ không bao giờ nhìn thấy những con ngựa trên trời xanh. Petite Croix gọi chúng; nó êm ái nói chuyện với chúng, giọng thấp, hơi réo rắt, bởi vì những con ngựa ánh sáng cũng như những con ngựa mặt đất, chúng thích nghe những giọng êm ái và những khúc hát.

*“Ngựa ơi, ơi ngựa*

*những con ngựa nhỏ trên trời xanh*

*hãy đưa ta bay đi*

*hãy đưa ta bay đi*

*hỡi những con ngựa trên trời xanh.”*

Con bé gọi “ngựa nhỏ” để làm vui lòng chúng, bởi vì chắc chắn chúng không thích nghĩ là mình to lớn.

Bắt đầu là như thế. Sau đó, là đến những đám mây. Mây không giống như ánh sáng. Mây không ép sát lòng bàn tay vuốt ve lưng và bụng chúng, bởi vì mây mong manh và nhẹ đến độ có thể để mất bộ lông mịn của mình và biến thành tơ sồi như hoa bông vải.

Petite Croix biết chúng rất rõ. Nó biết là những đám mây không mấy ưa những gì có thể làm cho chúng tan và chảy ra, vậy nên nó nín thở, và nó chỉ thở từng hồi ngắn như những con chó vừa phải chạy thật lâu. Làm như thế nó cảm thấy lạnh ở cuống họng và phổi, và nó cũng vậy, nó cảm thấy yếu và nhẹ tênh, như những đám mây. Bây giờ, mây có thể đến.

Trước tiên chúng ở xa trên mặt đất, chúng dần ra và chồng lên nhau, thay đổi hình dạng, trôi qua trôi lại trước mặt trời và cái bóng của chúng lướt trên mặt đất cứng và trước mặt Petite Croix như hơi gió của một cái quạt.

Trên làn da gần như đen của đôi má nó, trên mi mắt, trên đôi bàn tay, những bóng mây lướt qua, dập tắt ánh sáng, để lại những đốm lạnh, những đốm trống không. Màu trắng, nó là thế, màu của mây. Lão già Bahti và ông giáo Jasper ở trường đã nói như thế này với Petite Croix: màu trắng là màu của tuyết, màu của muối, của mây, và của gió phương bắc. Đó chính là màu của xương và cũng là của răng. Tuyết lạnh và tan trong bàn tay, gió thì lạnh và không ai nắm bắt được nó. Muối đốt nóng môi, xương thì chết, và răng thì giống như những hòn đá nằm trong miệng. Nhưng do trắng là màu của khoảng không, bởi vì chẳng có gì sau màu trắng, nên sẽ chẳng còn lại gì cả.

Những đám mây là như vậy. Chúng ở rất xa, chúng đến từ rất xa, từ trung tâm của trời xanh, lạnh như gió, nhẹ như tuyết, và yếu ớt; chúng không gây tiếng động khi chúng đến, chúng hoàn toàn im lặng như những người chết, im lặng hơn cả những đứa bé bước đi chân không giữa những tảng đá, chung quanh làng.

Nhưng chúng thích đến thăm Petite Croix, chúng không sợ con bé. Bây giờ chúng lan rộng quanh nó, trước bờ đá dốc đứng. Chúng biết Petite Croix là một con người im lặng. Chúng biết con bé sẽ không làm gì hại mình. Những đám mây lan rộng và bay qua gần nó, chúng bao quanh nó, và nó cảm nhận cái tươi mát êm ái của bộ lông của chúng, và hàng triệu những giọt li ti thấm ướt da mặt nó và đôi môi nó như sương đêm, nó nghe tiếng động ngọt ngào phảng phất quanh nó, và nó thì thầm hát lên, cho chúng,

*“Mây ơi, ơi mây  
những đám mây nhỏ trên trời  
hãy đưa ta bay đi  
hãy đưa ta bay đi  
bay đi  
trong bầu đàn của mi.”*

Con bé cũng gọi “mây nhỏ” nhưng nó biết rõ chúng rất lớn, bởi vì bộ lông tươi mát của chúng phủ lên người nó rất lâu, che cái nóng của mặt trời

lâu đến độ nó phải rùng mình.

Nó cử động chậm rãi khi những đám mây phủ lên người nó, để khỏi làm chúng sợ hãi. Dân ở đây không biết cách nói chuyện với mây. Họ ồn ào quá, cử động nhiều quá, bởi thế nên mây vẫn cứ ở trên trời cao. Petite Croix từ từ đưa hai bàn tay lên tận mặt, và nó áp lòng bàn tay vào hai má.

Thế rồi những đám mây dần ra. Chúng bay đi nơi khác, nơi chúng có chuyện phải làm, xa hơn những tường thành của núi mặt bàn, xa hơn cả những thành phố. Chúng bay ra tận biển, nơi mọi thứ luôn khoác một màu xanh, để đem nước của chúng mưa xuống, bởi vì đây chính là cái chúng thích nhất trên thế gian: mưa trên mặt biển xanh mênh mông. Biển, như lão già Bahti từng nói, ấy là nơi đẹp nhất thế giới, nơi mọi thứ đều thực sự xanh.

Có đủ loại màu xanh ngoài biển, lão già Bahti bảo. Làm sao có thể có nhiều loại màu xanh nhỉ, Petite Croix hỏi. Tuy nhiên nó như thế, có nhiều màu xanh, nó như nước người ta uống, uống đầy miệng và chảy vào bụng, có khi lạnh, có khi nóng.

Petite Croix còn đợi nữa, những người khác chắc chắn sẽ đến. Con bé chờ mùi cỏ, mùi lửa, thứ bụi vàng múa quay tròn chỉ trên một chân, con chim kêu tiếng quạ chỉ một lần thôi, vừa kêu vừa lấy cánh chạm lướt trên mặt nó. Lúc nào chúng cũng đến, khi nó có mặt ở đấy. Chúng không sợ nó. Chúng lắng nghe câu nó hỏi, lúc nào cũng vậy, về bầu trời và màu trời, và chúng đi qua gần nó đến độ nó có thể ngửi thấy hơi khí động đập trên mi mắt và trong tóc của nó.

Thế rồi những con ong đến. Chúng ra đi rất sớm từ chỗ trú của chúng, từ những tổ ong nằm tuốt dưới thung lũng. Chúng đã đến viếng thăm tất cả những hoa dại, trên cánh đồng, giữa những đồng đá. Chúng biết rất rõ hoa, và chúng mang phấn hoa nơi đôi chân, lũng lảng dưới sức nặng.

Petite Croix nghe tiếng chúng bay đến, lúc nào cũng vào cùng một giờ, khi nắng lên rất cao trên mặt đất cứng. Con bé nghe tiếng chúng từ mọi phía cùng một lúc, bởi vì chúng hiện ra từ màu trời xanh. Bấy giờ Petite Croix lục tìm trong các túi áo vét, và nó lôi ra mấy hạt đường. Ong rung tiếng trên

không, tiếng ong hót chát chúa xuyên qua bầu trời, dội lại trên những tảng đá, lướt qua hai tai và hai má của Petite Croix.

Mỗi ngày, vào cùng giờ, ong bay đến. Chúng biết là Petite Croix đang đợi chúng, và chúng cũng rất thích như thế. Chúng đến cả hàng chục con, từ mọi phía, cất tiếng nhạc trong ánh sáng vàng. Chúng đậu trên đôi bàn tay mở rộng của Petite Croix, và chúng ăn bột đường tới tấp. Thế rồi trên khuôn mặt con bé, trên đôi má nó, trên miệng nó, ong dạo khắp, chúng bước đi rất êm và đôi chân nhẹ của chúng làm da con bé nhột và làm nó bật cười. Nhưng Petite Croix không cười to, để khỏi làm chúng sợ hãi. Những con ong rung vang trên mái tóc đen của nó, gần hai tai nó, và làm nên một khúc hát đơn điệu nói về hoa và cây, tất cả các loài hoa và tất cả các loài cây mà ong đã đến viếng thăm sáng nay. “Hãy lắng nghe chúng tôi đây,” những con ong cất tiếng, “chúng tôi đã nhìn thấy rất nhiều hoa, trong thung lũng, chúng tôi đã bay đến tận cùng thung lũng, bay không ngừng, bởi vì gió đưa chúng tôi đi, sau đó chúng tôi trở lại, từ hoa này sang đến hoa kia.” “Thế các bạn đã nhìn thấy gì rồi?”, Petite Croix hỏi. “Chúng tôi đã nhìn thấy cánh vàng của hoa hướng dương, cánh đỏ của hoa cúc gai, hoa ocotillo giống như một con rắn đầu đỏ. Chúng tôi đã nhìn thấy cánh hoa xương rồng pitaya màu tím cà, hoa hình dải ren của những cây cà rốt hoang, hoa màu nhạt của cây thẳng. Chúng tôi đã nhìn thấy hoa tằm độc của cây senecio, hoa xoắn lộn của cây chàm, hoa nhẹ cây xôn đỏ.” “Và còn gì khác nữa?” “Chúng tôi đã bay đến tận những loài hoa xa, hoa lấp lánh trên cây trúc đào dại, loại hoa ăn thịt ong, chúng tôi đã nhìn thấy hình sao đỏ của cây hoa gấm Mỹ-tây-cơ, hoa vòng lửa, hoa sữa. Chúng tôi đã bay trên cây agarita, chúng tôi đã uống thật lâu mật hoa dương kỳ thảo, và nước bạc hà có mùi chanh. Chúng tôi còn đậu cả trên cánh hoa đẹp nhất trần gian, loại hoa loé ra thành tia tuốt trên những chùm lá lưỡi gươm của cây ngọc giá, trắng như tuyết. Tất cả những cánh hoa kia đều là của chị, Petite Croix ạ, chúng tôi đem hoa đến cho chị để cảm ơn chị đấy.”

Những con ong nói như thế, và còn nói nhiều chuyện khác nữa. Chúng kể về cát đỏ và xám lấp lánh dưới nắng, về những giọt nước ngưng chảy, vì

bị kẹt đám lông tơ của cây xương khô, hay giữ thăng bằng trên những lá kim của cây thùa. Chúng kể về gió la đà thổi trên mặt đất và cỏ nằm rạp. Chúng kể về mặt trời lên cao trên bầu trời, rồi lại lặn xuống, và những ngôi sao đâm thủng màn đêm.

Chúng không nói tiếng người, nhưng Petite Croix hiểu những gì chúng nói, và những tiếng rung chát chúa của hàng ngàn cánh đập của chúng làm xuất hiện những đốm sáng và những ngôi sao và những cánh hoa trên vông mạc con bé. Ong chúng nó biết bao nhiêu là chuyện! Petite Croix mở rộng hai bàn tay để chúng có thể ăn những hạt đường cuối cùng, và nó cũng hát cho chúng nghe một bài ca, miệng chỉ mở hé, và giọng hát của nó bấy giờ nghe giống như tiếng vo ve của loài bọ:

*“Ong ơi, ơi ong  
những con ong xanh trên trời  
hãy đưa ta hay đi  
hãy đưa ta bay đi  
bay đi  
trong bầu đàn của mi”*

Im lặng vẫn tiếp tục, im lặng rất lâu, khi đàn ong đã bỏ đi.

Gió lạnh thổi lên mặt Petite Croix, và con bé hơi quay đầu ra sau để thở. Hai bàn tay nó đan vào nhau để lên bụng dưới tấm chăn, và nó ngồi bất động, rất thẳng góc với mặt đất cứng. Bây giờ ai sẽ đến đây? Mặt trời đang ở tuốt trên bầu trời xanh, nó để những bóng râm in dấu trên mặt con bé, dưới cằm, dưới những vòm chân mày.

Petite Croix nghĩ đến người lính giờ này chắc chắn đang bước đến đây. Anh ta hẳn phải bước dọc theo lối đi hẹp leo lên mũi đất đến tận ngôi làng cũ đã bị bỏ hoang, Petite Croix lắng tai nghe, nhưng nó không nghe tiếng bước chân của anh ta. Và chẳng chó cũng không sủa. Chúng nó hãy còn ngủ trong mấy góc tường cũ, mũi chúi vào bụi đất.

Gió rít và rên rĩ trên đá, trên mặt đất cứng. Đây là những con thú dài và nhanh, những con thú có cái mũi dài và hai tai nhỏ nhảy trong bụi gây ra một tiếng động nhẹ. Petite Croix biết rất rõ thú vật. Chúng ra khỏi hang, ở cuối thung lũng, và chúng chạy, chúng phi nước đại, chúng chơi đùa nhảy qua các thác nước, các rãnh, các khe suối. Thỉnh thoảng, chúng đứng lại, thở hổn hển, và ánh sáng chiếu lấp lánh trên bộ lông vàng óng của chúng. Rồi sau đó chúng lại bắt đầu nhảy trên nền trời, lại bắt đầu cuộc săn đuổi điên rồ của chúng, chúng lướt qua Petite Croix, chúng xô lẫn vào tóc của nó và áo quần của nó, đuôi chúng vừa quất vào không khí vừa rít lên. Petite Croix đưa cánh tay ra, để cổ chặn chúng lại, để nắm vào đuôi giữ chúng lại.

“Dừng lại! Các bạn hãy dừng lại! Các bạn chạy nhanh quá! Hãy dừng lại!”

Nhưng những con thú không nghe tiếng nó. Chúng vui đùa nhảy nhót ngay cạnh con bé, luồn vào giữa cánh tay nó và phả hơi mình lên mặt nó. Chúng trêu ghẹo nó.

Nếu như nó bắt được một con, chỉ một con thôi, nó sẽ không buông ra nữa. Bây giờ nó biết nó sẽ làm gì. Nó sẽ nhảy lên lưng con thú, như nhảy lên lưng ngựa, nó sẽ siết chặt hai cánh tay quanh cổ con thú, và thoát một tiếng hú! bằng một cú nhảy vọt con vật sẽ đưa nó đến tận trời xanh. Nó sẽ bay lượn, nó sẽ chạy cùng với con vật, nhanh đến nỗi không ai có thể nhìn thấy nó. Nó sẽ bay cao trên các thung lũng và núi non, trên những thành phố, ra tận đến cả biển, nó sẽ đi suốt thời gian trên trời xanh. Hoặc nó sẽ tuốt mình trên mặt đất, trong những cành cây và trên cỏ làm ra tiếng động thật êm dịu nghe như tiếng nước chảy. Thế là hay lắm rồi.

Nhưng Petite Croix không bao giờ nắm được một con thú. Nó cảm thấy được làn da trơn lông tuột giữa những ngón tay, quay cuồng trong áo quần và tóc tai của nó. Đôi khi những con vật rất chậm và lạnh như những con rắn.

Không có ai trên mũi đất cao. Những đứa bé trong làng không còn đến đây nữa, trừ một đôi khi, để đuổi theo mấy con rắn nước. Một ngày nọ,

chúng đến đây mà Petite Croix không nghe tiếng chân chúng. Một đứa trong bọn nói: “Tụi em đem đến cho chị một cái quà đây.” “Cái gì thế?” Petite Croix hỏi. “Chị mở bàn tay ra, chị sẽ biết,” đứa bé nói. Petite Croix mở bàn tay ra, và khi đứa bé đặt con rắn nước vào tay nó, nó rùng mình, nhưng nó không hét. Nó run từ đầu xuống đến chân. Bọn trẻ con cười, nhưng Petite Croix chỉ thả con rắn xuống đất không nói gì, rồi sau đó nó giấu hai bàn tay dưới chân.

Giờ đây, chúng nó đều là bạn của con bé, tất cả những con lặn lẽ bò trườn trên mặt đất cứng, những con có thân mình dài và lạnh như nước, những con rắn, những con rắn thủy tinh, những con thằn lằn. Petite Croix biết cách nói chuyện với chúng. Nó nhỏ nhẹ gọi chúng, bằng cách huýt sáo miệng, và thế là chúng đến gần nó. Nó không nghe tiếng chúng đi đến, nhưng nó biết là chúng đến gần, bò đến từ chỗ đất nứt này qua chỗ đất nứt khác, từ hòn đá này qua hòn đá khác, và chúng ngẩng đầu lên để nghe rõ hơn tiếng huýt sáo nhẹ nhàng, và cổ họng chúng đập liên hồi.

*“Rắn ơi,*

*ơi rắn,”*

con bé Petite Croix cũng cất tiếng hát. Chúng không phải chỉ toàn là rắn, nhưng nó gọi chúng như thế đấy.

*“Rắn ơi*

*ơi rắn*

*hãy đưa ta bay đi*

*hãy đưa ta bay đi.”*

Chúng nó đến, tất nhiên, chúng bò lên đầu gối nó, chúng nghỉ một lúc dưới nắng và con bé rất thích cảm thấy sức nặng của chúng trên đôi chân mình. Thế rồi đột nhiên chúng bỏ đi, vì chúng sợ, khi có gió thổi, hoặc là khi đất vỡ ra.

Petite Croix lắng nghe tiếng bước chân của người lính. Mỗi ngày anh ta đến cùng một giờ, khi mặt trời nóng cháy trước mặt và đất cứng thì sờ thấy

ấm dưới bàn tay. Petite Croix không phải lúc nào cũng nghe tiếng anh ta đi tới, bởi vì anh bước đi không gây tiếng động trên hai đế giày cao su. Anh ngồi lên một hòn đá, bên cạnh con bé, và anh nhìn nó một lúc không nói gì. Nhưng Petite Croix cảm được cái nhìn hướng về nó, và nó hỏi:

“Ai đấy?”

Đây là một người lạ, anh không nói tiếng vùng này, như những người đến từ những thành phố lớn, gần biển. Khi Petite Croix hỏi anh là ai, anh trả lời anh là người lính, và anh đã nói về chiến tranh xảy ra ngày xưa, ở một xứ xa. Nhưng có lẽ bây giờ anh không còn là lính nữa.

Khi anh ta đến, anh mang vài thứ hoa dại anh đã hái khi đi dọc theo lối đi lên đến tận đỉnh vách đá. Đây là những đóa hoa ốm o và dài, với những cánh xòe, và có mùi cừu. Nhưng Petite Croix rất thích chúng, và nó nắm chặt hoa trong tay.

“Em đang làm gì vậy?” người lính hỏi.

“Em nhìn trời,” Petite Croix trả lời. “Bây giờ trời rất xanh, phải thế không?”

“Vâng,” người lính bảo.

Petite Croix lúc nào cũng trả lời như thế, bởi vì nó không thể nào quên câu hỏi của mình. Nó ngửa mặt lên trời một chút, rồi nó đưa hai bàn tay chậm rãi vuốt lên trán, lên má, lên mí mắt mình.

“Em nghĩ là em biết nó ra sao rồi,” nó nói.

“Sao?”

“Cái màu xanh ấy. Nó rất nóng trên mặt em.”

“Đấy là mặt trời,” người lính nói.

Anh đốt một điếu thuốc ăng-lê, và anh hút không vội vàng, nhìn thẳng trước mặt mình. Mùi thuốc lá bao trùm Petite Croix và khiến nó hơi quay đầu lại.

“Anh nói em nghe... Hãy kể cho em nghe đi.”

Lúc nào nó cũng yêu cầu như thế. Người lính nói với nó giọng nhẹ nhàng, thỉnh thoảng ngắt quãng để hít một hơi thuốc.

“Rất đẹp,” anh bảo. “Trước hết có một cánh đồng rộng với những bãi đất vàng, đây có thể là bắp chưa nhổ, tôi tin thế. Có một lối đi đất đỏ ra thẳng tới giữa cánh đồng, và một túp lều gỗ...”

“Có con ngựa nào không?” Petite Croix hỏi.

“Một con ngựa? Để xem nào... Không, tôi chẳng thấy con ngựa nào.”

“Nếu vậy thì không phải là nhà chú của em.”

“Có một cái giếng, bên cạnh túp lều, nhưng giếng khô, tôi nghĩ thế... Những tảng đá đen hình dạng lạ lùng, trông giống như những con chó đang nằm... Xa hơn nữa là một con lộ, và những cột điện báo. Sau đó có một bể giặt, những bể hản là đã khô bởi vì người ta thấy những hòn đá dưới đáy... Màu xám, đầy đất lổn nhổn đá và bụi... Sau đó, là cánh đồng rộng trải xa, rất xa, mãi tận chân trời tới tận dãy núi mặt bàn thứ ba. Có những ngọn đồi về phía tây, nhưng những nơi khác thì đâu cũng vậy, cánh đồng rất bằng phẳng và láng như một sân bay. Ở hướng tây có nhiều dãy núi, núi màu đỏ sẫm và đen, trông cũng giống như những con vật nằm ngủ, như những con voi...”

“Chúng không nhúc nhích sao?”

“Không, những dãy núi không nhúc nhích, mà nằm ngủ như thế trong suốt nhiều ngàn năm, không cử động.”

“Thế ở đây cũng vậy, núi cũng ngủ sao?” Petite Croix hỏi. Nó đặt bàn tay nằm sấp trên đất cứng.

“Vâng, núi ở đây cũng ngủ.”

“Nhưng có khi nó cũng cử động,” Petite Croix nói.

“Nó có nhúc nhích một chút, nó lay động một chút, và rồi nó ngủ trở lại.”

Người lính không nói gì một lúc. Petite Croix ngồi ngay trước cảnh vật để cảm nhận những gì người lính kể lại. Cánh đồng rộng lớn dài và êm dịu nằm ngay má của nó, nhưng những rãnh nước và những lối đi đất đỏ hơi đốt nóng nó, và bụi thì làm nứt môi nó.

Nó ngẩng mặt lên và nó cảm thấy hơi nóng của mặt trời.

“Trên cao có cái gì thế?” Petite Croix hỏi.

“Trên trời ấy à?”

“Vâng.”

“Ấy ấy...” người lính nói. Nhưng anh ta không biết làm sao kể ra được. Anh nheo mắt lại vì ánh nắng.

“Hôm nay trời có nhiều màu xanh không?”

“Vâng, trời rất xanh.”

“Không có chút trắng nào sao?”

“Không, chẳng có chút trắng nào.”

Petite Croix đưa hai bàn tay ra trước.

“Vâng, trời hẳn là phải rất xanh, hôm nay nó nung đốt dữ dội, như lửa.”

Nó cúi đầu xuống vì sức đốt làm nó không chịu được.

“Trong màu xanh có lửa không thế?” Petite Croix hỏi.

Người lính có vẻ không hiểu câu hỏi.

“Không...” rồi cuộc anh trả lời. “Lửa màu đỏ, không phải màu xanh.”

“Nhưng lửa bị che khuất,” Petite Croix nói. “Lửa bị che khuất ở tận cùng màu xanh của bầu trời, như một con chồn, và nó đang nhìn về phía chúng ta, nó đang nhìn và đôi mắt nó nóng bỏng.”

“Em tưởng tượng đấy thôi,” người lính nói. Anh ta hơi cười một chút, nhưng anh, anh cũng đưa tay che trước mắt để dò tìm trên trời.

“Cái mà em cảm thấy, ấy là mặt trời.”

“Không, mặt trời không bị che khuất, nó không nung đốt kiểu như thế,” Petite Croix nói. “Mặt trời êm dịu, nhưng màu xanh, nó như là đá trong lò, nó làm ta rát cả mặt.”

Đột nhiên Petite Croix la lên một tiếng nhẹ, và giật nẩy mình.

“Chuyện gì vậy?” người lính hỏi.

Con bé đưa hai tay lên mặt và hơi rên rỉ. Nó cong đầu xuống đất.

“Nó chích em...” nó nói.

Người lính vén tóc Petite Croix và đưa đầu ngón tay cứng của mình vuốt lên má con bé.

“Cái gì chích em? Tôi có thấy gì đâu...”

“Một tia sáng... Một con ong,” Petite Croix nói.

“Có gì đâu, Petite Croix,” người lính nói. “Em mơ đấy thôi.”

Hai người im lặng một lúc lâu không nói gì. Petite Croix vẫn ngồi thẳng theo thước vuông trên mặt đất cứng, và mặt trời chiếu sáng khuôn mặt màu đồng thanh của nó. Trời yên tĩnh, như đang nín thở.

“Bộ hôm nay người ta không nhìn thấy biển sao?” Petite Croix hỏi.

Người lính cười.

“A không! Biển quá xa nơi đây.”

“Ở đây, chỉ có núi thôi sao?”

“Biển, nó ở cách đây đến mấy ngày đường. Ngay cả đi máy bay, cũng phải mất đến hàng giờ mới thấy được nó.”

Petite Croix tuy nhiên vẫn rất muốn nhìn thấy biển.

Nhưng quả là khó, bởi lẽ nó không biết biển ra sao. Xanh chắc chắn rồi, nhưng ra sao?

“Thế biển có đốt nóng như mặt trời không, hay là nó lạnh như nước?”

“Cái đó còn tùy. Đôi khi, nó đốt cháy mắt ta như tuyết dưới mặt trời. Và cũng có khi nó buồn và ảm đạm, như nước giếng. Không bao giờ nó như

nhau cả.”

“Và khi nào thì anh thích hơn, khi nó lạnh hay khi nó nóng?”

“Khi có những đám mây rất thấp, và nó cũng đẩy lên mình những đốm vàng tiến đến như những đám tảo trôi thành từng cụm đảo, ấy là khi tôi thích nhất.”

Petite Croix tập trung, và nó cảm được trên mặt mình khi nào thì có những đám mây thấp trôi qua trên mặt biển. Nhưng chỉ khi có mặt người lính ở đó thì nó mới tưởng tượng được tất cả những thứ kia. Có lẽ vì ngày xưa, anh ta từng nhìn biển nhiều đến nỗi một ít biển đi ra từ anh và chảy tràn ra chung quanh anh.

“Biển, nó không giống như ở đây,” người lính còn nói thêm. “Nó sống động, nó giống như một con vật sống rất to. Nó chuyển động, nó chồm tới, nó thay đổi hình dạng và tính khí, nó nói liên tục, nó không để hờ một giây mà không làm gì cả, và với nó thì em không sao có thể buồn chán được.”

“Nó dữ à?”

“Đôi khi, vâng, nó bắt người, thuyền bè, thoát một cái nó nuốt hết! Nhưng chỉ vào những ngày nó nổi giận mà thôi, và khi ấy thì tốt hơn ta nên ở nhà.”

“Em sẽ đi xem biển,” Petite Croix nói.

Người lính nhìn nó một lúc lâu không nói gì.

“Tôi sẽ đưa em đi,” sau đó anh ta nói.

“Nó có lớn hơn trời không?” Petite Croix hỏi.

“Không giống nhau. Không có cái gì lớn hơn trời.”

Vì nói mãi thấy chán, anh ta đốt một điếu thuốc ăng-lê khác và anh lại bắt đầu hút. Petite Croix rất thích mùi dịu của thuốc lá. Khi người lính hút gần hết điếu thuốc, anh đưa cho Petite Croix để nó rít mấy hơi trước khi dập tắt. Petite Croix hít thuốc rất mạnh. Khi mặt trời rất nóng và màu xanh trên trời đốt cháy, khói điếu thuốc làm thành một màn rất êm, và làm cho cái

trống không trong đầu nó rít thành tiếng, tựa như nó đang rơi từ trên vách đá xuống.

Khi Petite Croix hút xong điếu thuốc, nó vút ra trước mặt nó, trong khoảng không.

“Anh có biết bay không?” nó hỏi.

Người lính lại cười.

“Bay, bay làm sao?”

“Bay trên trời, như những con chim.”

“Coi kia, đâu có ai làm được như vậy.”

Rồi đột nhiên, anh nghe tiếng máy bay bay qua quyển bình lưu, cao đến độ người ta chỉ nhìn thấy một chấm bạc ở đầu vết rẽ dài màu trắng chia đôi bầu trời. Âm thanh mấy chiếc tuabin phản lực dội chậm trên cánh đồng và trong các hốc thác nước, nghe giống như một tiếng sấm ở xa.

“Đây là một chiếc phi cơ Stratofortress, tốt trên cao,” người lính nói.

“Nó bay đi đâu vậy?”

“Tôi không biết.”

Petite Croix ngẩng mặt lên trời cao, nó theo dõi đường bay chậm của chiếc phi cơ. Mặt nó tối sầm lại, môi mím chặt, như sợ hãi, hay đau đớn.

“Nó giống như con chim bồ câu,” nó bảo. “Khi chim bồ câu bay qua bầu trời, em cảm nhận được cái bóng của nó, rất lạnh, nó quay vòng chậm, quay chậm, bởi vì chim bồ câu đang tìm một con mồi.”

“Vậy thì em giống như những con gà mái. Gà mái chúng nó ôm sát nhau khi chim bồ câu bay trên đầu chúng!” Người lính nói đùa, thế tuy nhiên anh, anh cũng cảm thấy như vậy, và tiếng máy bay phản lực trong quyển bình lưu làm tim anh đập nhanh hơn.

Anh nhìn thấy đường bay của chiếc Stratofortress trên biển, bay về phía Triều Tiên, suốt nhiều giờ đồng hồ dài; những con sóng trên biển giống như những vết nhăn, bầu trời láng và trong suốt, xanh đậm tốt trên đỉnh trời,

màu xanh lam ở chân trời, tựa như hoàng hôn không bao giờ dứt. Trong các hầm chiếc máy bay khổng lồ, những quả bom xếp thành hàng cạnh nhau, cái chết hàng tấn.

Sau đó chiếc máy bay bay xa về hướng sa mạc của nó, chậm rãi, và gió dần dà quét sạch vết rẽ màu trắng cô đặc. Sự im lặng tiếp theo đó thật nặng nề, gần như đau đớn, và người lính phải cố gắng mới đứng lên khỏi tảng đá anh ngồi lên từ nãy. Anh đứng như vậy một lúc, anh nhìn cô bé ngồi theo thước kẻ vuông trên đất cứng.

“Tôi đi đây,” anh nói.

“Mai anh trở lại nhé,” Petite Croix nói.

Người lính tần ngần không muốn nói là ngày mai anh sẽ không đến, sau ngày mai và có lẽ là bất cứ ngày nào, bởi vì chính anh anh cũng phải bay qua Triều Tiên. Nhưng anh không dám nói gì cả, anh chỉ lặp lại một lần nữa, và giọng anh vụng về:

“Tôi đi đây.”

Petite Croix lắng nghe tiếng chân anh đi xa trên con đường đất. Rồi gió trở lại, lần này lạnh, và nó hơi run dưới chiếc chăn len. Mặt trời xuống thấp, gần như ở chân trời, hơi nóng đến từng luồng, như một hơi thở.

Bây giờ, đã đến lúc màu xanh mỏng dần, tan đi. Petite Croix cảm ra điều này trên đôi môi nứt nẻ của nó, trên mi mắt, ở đầu ngón tay. Ngay cả đất cũng bớt cứng, tựa như ánh sáng đã đi xuyên suốt nó, làm cho nó mòn đi.

Lần nữa, Petite Croix gọi những con ong, những bạn bè của nó, cả những con thằn lằn, những con kỳ nhông say nắng, những con sâu lá, những con sâu ngọn, những con kiến đi thành hàng chen chúc. Nó gọi tất cả bọn chúng vừa gọi vừa hát bài hát mà lão Bahti đã dạy cho nó,

*“Loài vật ơi, ơi loài vật*

*hãy đưa ta đi*

*hãy đưa ta bay đi*

*hãy đưa ta bay đi  
trong bầu đàn của mi.”*

Nó đưa hai bàn tay ra trước, để giữ không khí và ánh sáng. Nó không muốn bỏ đi. Nó muốn mọi thứ đều ở yên, mọi thứ đều cứ ở tại chỗ, không trở về chỗ trú của mình.

Đã đến giờ ánh sáng nung nóng và làm ta đau đớn, cái ánh sáng toé ra từ sâu thẳm khoảng không màu xanh. Petite Croix không cử động, và nỗi sợ lớn dần trong nó. Thay vào mặt trời giờ đây có một thiên thể rất xanh đang nhìn, và cái nhìn của nó áp vào trán của Petite Croix. Hẳn mang một chiếc mặt nạ bằng vảy và bằng lông vũ, hẳn vừa đến gần vừa nhảy múa, lấy bàn chân nện lên đất, vừa đến vừa bay như chiếc máy bay và con chim bồ câu, và cái bóng của hẳn phủ lên thung lũng như một chiếc áo choàng.

Hẳn có một mình, người ta vẫn gọi tên hẳn là Saquasohuh, và hẳn bước về phía ngôi làng bỏ hoang, trên con đường màu xanh của hẳn trên trời. Con mắt độc nhất của hẳn nhìn Petite Croix, bằng một cái nhìn khủng khiếp đốt cháy và cùng lúc làm băng giá.

Petite Croix biết rõ hẳn. Chính hẳn là kẻ lúc này đã chích con bé như một con ong, qua khoảng không mênh mông của bầu trời trống rỗng. Mỗi ngày, vào cùng giờ khi mặt trời xé bóng và những con thằn lằn trở về những khe nứt của đá, khi những con ruồi nặng dần và đậu bất cứ nơi nào, là hẳn đến.

Hẳn giống như một chiến binh khổng lồ, đứng thẳng bên kia bầu trời, và hẳn nhìn ngôi làng bằng cái nhìn khủng khiếp đốt cháy và làm băng giá. Hẳn nhìn thẳng vào mắt Petite Croix, như chưa bao giờ có ai nhìn con bé như thế.

Petite Croix cảm được một thứ ánh sáng trong, thuần khiết và xanh vào đến tận cùng thân thể nó như làn nước suối mát và làm nó say sưa. Đó là một luồng sáng nhẹ như gió nam, mang lại những mùi hương của cây cỏ và hoa lá hoang dại.

Bây giờ, ngày nay, thiên thể ấy không còn bất động nữa. Nó chậm rãi đến gần xuyên qua bầu trời, la đà, bay bổng, như dọc theo một con sông dững mãi. Cái nhìn trong suốt của hắc không rời khỏi đôi mắt của Petite Croix, và chiếu một luồng sáng mạnh đến nỗi con bé phải đưa hai bàn tay lên che mắt.

Trái tim Petite Croix đập rất nhanh. Chưa bao giờ nó nhìn thấy được một cái gì đẹp đến như vậy.

“Người là ai?” nó hét lên.

Nhưng người chiến binh không trả lời. Saquasohuh đứng thẳng trên mũi đá trước mặt nó.

Lập tức, Petite Croix hiểu ra đó là ngôi sao xanh sống trên trời, và đã xuống trần gian để nhảy múa trên quảng trường làng.

Nó muốn đứng dậy và vừa đi vừa chạy, nhưng luồng sáng đi ra từ con mắt của Saquasohoh đã ở bên trong người nó và không để nó nhúc nhích. Khi người chiến binh bắt đầu nhảy múa, đàn ông đàn bà và trẻ con sẽ bắt đầu chết trên thế gian này. Những chiếc máy bay chậm rãi quay vòng trên trời, cao đến nỗi người ta gần như không nghe thấy, nhưng chúng đang tìm mồi cho mình. Lửa và cái chết có mặt khắp nơi, quanh mũi đá, ngay cả biển cũng cháy lên như một mặt hồ nhựa. Những thành phố lớn bị đốt cháy bởi ánh sáng mãnh liệt phun ra từ sâu thẳm bầu trời. Petite Croix nghe những tiếng sấm ì ầm, những tiếng nổ bùng, tiếng trẻ con, tiếng những con chó sắp sửa chết. Gió quay cuồng hết sức mình, và bây giờ đây không còn là một vũ khúc nữa, mà giống như nước phi của một con ngựa điên.

Petite Croix đưa hai bàn tay lên che mắt. Tại sao con người lại muốn như thế? Nhưng đã quá trễ, đã quá trễ rồi, có lẽ thế, và ngôi sao xanh khổng lồ sẽ không quay trở về nữa. Nó đến để nhảy múa trên quảng trường làng, như lão Bahti cho biết nó từng làm ở Hotevilla, trước cuộc đại chiến.

Tên khổng lồ Saquasohuh do dự, đứng trước vách đá, tựa như hắc chưa dám bước vào. Hắc nhìn Petite Croix và luồng sáng cái nhìn của hắc xâm nhập và đốt cháy bên trong đầu con bé đến độ nó không còn chịu nổi. Nó hét

lên, đứng bật người dậy, và bất động, hai cánh tay để ngửa ra sau, hơi thở ngừng lại trong cuống họng nó, trái tim se thắt, bởi nó vừa đột ngột trông thấy, tựa như con mắt độc nhất của tên khổng lồ đã mở ra hết cỡ, bầu trời xanh trước mặt nó.

Petite Croix không nói gì cả. Nước mắt tuôn giàn giụa trên mí mắt nó, bởi vì ánh mặt trời và màu xanh quá mạnh. Nó lao đảo trên vách đất cứng, nó nhìn thấy chân trời chậm rãi quay chung quanh nó, đúng y như người lính đã nói, cánh đồng màu vàng, những rãnh nước tối mù, những con đường đỏ, những bóng dáng núi mặt bàn đồ sộ. Sau đó nó xông lên, nó bắt đầu chạy trên những đường làng bỏ hoang, trong bóng tối và ánh sáng, dưới bầu trời, không một tiếng thét.

*Thu Hồng dịch*

# LỮ MỤC ĐỒNG

Con lộ dài thẳng tắp xuyên qua xứ sở của những cồn cát. Nơi đây chẳng có gì ngoài cát, mấy bụi cây gai và cỏ khô gãy răng rắc dưới chân, và trên tất cả là bầu trời đêm đen rộng lớn. Trong gió, ta có thể nghe rõ mọi tiếng động, những tiếng động bí ẩn rờn rợn của đêm. Tiếng răng rắc nho nhỏ phát ra từ những hòn đá bị ép chặt vào nhau, tiếng cát kêu sào sạo dưới đế giày, tiếng gãy của những cành cây nhỏ. Mặt đất như trải ra vô tận, bởi những tiếng động ấy, mà cũng bởi bầu trời đêm kia và những ngôi sao không ngừng tỏa sáng. Thời gian cũng như vô tận, trôi thật chậm, đôi khi vụt nhanh khó hiểu, khi choáng váng, ngỡ như ta đang bơi qua sông. Ta đang bước đi giữa vũ trụ, như lơ lửng trong không gian, giữa những rừng sao.

Tiếng côn trùng vọng lại từ mọi phía, tiếng ken két liên hồi vang giữa bầu trời. Đó có khi là tiếng của những vì sao, những thông điệp inh ỏi đến từ không gian. Trên mặt đất không có ánh sáng, chỉ có bầy đom đóm lảo đảo trên đường. Trong đêm tối đen như đáy biển, các đồng tử giãn ra cố tìm nguồn sáng yếu ớt nhất.

Tất cả đang nghe ngóng. Thú sa mạc chạy giữa những cồn cát: thỏ sa mạc, chuột và rắn. Thỉnh thoảng gió thổi từ biển vào, và ta nghe tiếng sóng vỗ vào bờ rì rào. Gió đầy cồn cát. Trong đêm, cát bập bùng như những cánh buồm. Gió thổi, hất tung bụi cát đốt cháy da mặt và bàn tay.

Chẳng có một bóng người, nhưng ta vẫn cảm thấy sự sống hiện diện và những ánh mắt. Cảm giác đó tựa hồ đứng trong màn đêm trong một thành phố đã ngủ, như lướt qua những ô cửa sổ đang che giấu con người.

Những tiếng động cùng nhau vang lên. Trong đêm, chúng mạnh mẽ hơn, rõ ràng hơn. Hơi lạnh khiến mặt đất rung rinh và ngân vang, những đồng cát rộng lớn cất tiếng hát lâm râm và những lát đá thủ thi với nhau. Côn trùng kêu rả rích, và lũ bò cạp và rắn rết cũng vậy. Thỉnh thoảng ta lại nghe thấy biển, tiếng gầm gừ lặng lẽ của những con sóng kéo đến, tan ra trên

bãi cát. Gió mang tiếng nói của biển đến nơi này, từng luồng, từng luồng một, cùng ít bụi nước.

Lúc này ta đang đứng ở đâu? Chẳng có lấy một điểm mốc nào. Chỉ có những đồi cát, những hàng cát, đồng cát rộng lớn vô hình, nơi những khóm cỏ đang run rẩy và những lá cây non kêu lách cách, tất cả, tất cả đều xa hút tầm mắt. Gần đây hẳn phải có nhà cửa, thành phố bằng phẳng, đèn đường và đèn pha xe tải. Ấy thế mà, ngay lúc này, ta chẳng biết mình đang đứng nơi đâu nữa. Gió lạnh quét đi tất cả, mài mòn tất cả bằng những hạt cát.

Màn đen rộng lớn trên bầu trời đêm hoàn toàn trơn lì và dày đặc, chỉ để lọt những ánh sáng nhỏ bé xa xăm. Trên vùng đất này, cái lạnh là kẻ chỉ huy, kẻ có tiếng nói ở đây.

Biết đâu nơi mà ta đang đi tới, ta không bao giờ có thể quay lại được nữa. Biết đâu chừng gió sẽ che đậy mọi dấu vết, như thế, với những hạt cát của mình, và gió sẽ khép lại tất cả những con đường phía sau. Rồi những đồi cát chậm chậm di chuyển, khó mà nhận ra, như những con sóng dài của biển cả. Màn đêm bao trùm lấy ta, vắt kiệt trí óc ta, khiến ta choáng váng. Tiếng biển gầm gừ từ xa kéo tới như xuyên qua một lớp sương mù. Tiếng côn trùng rì rả trôi đi xa xa rồi lại quay về, rồi lại trôi đi, cùng lúc tỏa ra từ bốn bề. Toàn bộ mặt đất và bầu trời đang gào thét.

Ở xứ này đêm mới dài làm sao! Đêm dài đến nỗi ta đã quên mất ban ngày như thế nào. Trên không trung, những vì sao từ từ đổi ngôi, buông mình xuống đường chân trời. thỉnh thoảng có một sao băng kẻ một đường sáng ngang bầu trời. Nó lướt rất nhanh trên các vì sao khác, rồi tắt ngấm. Bầy đom đóm cũng chao lượn trong gió, đậu trên những cành cây bụi. Chúng ở đó, phơi ra những cái bụng lấp lánh. Từ trên đỉnh đồi cát, ta thấy bốn bề sa mạc thoát ẩn thoát hiện.

Có lẽ vì vậy mà ta cảm thấy sự hiện diện đó, những ánh mắt đó. Rồi xung quanh sống dậy những tiếng động này, những tiếng động nhỏ lạ lùng. Những con thú nhỏ xa lạ trốn trong những trũng cát, chui vào lãnh thổ của mình. Ta đang ở xứ sở của chúng. Chúng phát đi tín hiệu báo động. Cú muỗi

chuyển từ bụi này sang bụi kia. Chuột nhảy rúc rích trong đường hang bé xíu. Giữa các lát đá lạnh, con rắn rảo cuộn mình. Chính là chúng, những cư dân ở đây, chúng thoát chạy thoát dừng, tìm phập phồng, cổ vươn dài, mắt nhìn chăm chú. Thế giới của chúng là đây.

Ngay trước bình minh, khi bầu trời dần dần ngả sang xám, một con chó cất tiếng sủa, và bầy chó hoang đáp lại. Chúng buông những tiếng sủa dài cao vút, đầu ngửa ra sau. Cảnh tượng lạ lùng khiến người ta sởn gai ốc.

Bấy giờ không còn tiếng côn trùng kêu nữa. Những tảng đá cũng thôi răng rắc. Sương mù bốc trên mặt biển, men theo lòng suối cạn. Sương mù lững lờ trôi trên những đồi cát, lan ra như làn khói.

Sao cũng biến mất trên bầu trời. Một đốm sáng ló dạng đằng đông, bên trên sa mạc. Mặt đất bắt đầu hiện ra, không đẹp đẽ chút nào, mà xám xịt và nhợt nhạt, bởi vì đất vẫn đang ngủ. Bầy chó hoang lang thang giữa những đồi cát, tìm kiếm thức ăn. Đó là những con chó nhỏ gầy gò với tấm lưng cong và bốn chân dài. Chúng có đôi tai nhọn như của loài cáo.

Trời sáng dần, và ta bắt đầu nhìn rõ mọi thứ. Có một bãi đất bằng trải đầy những tảng đá đã cháy sém, và vài túp lều làm bằng đất nén, mái lợp bằng cỏ. Mấy túp lều đã cũ nát, có lẽ là bị bỏ hoang nhiều tháng nay, chỉ trừ một túp lều nơi bọn trẻ đang sống. Chung quanh những căn nhà, là một bãi đất lớn trải đá, và những đồi cát. Sau những đồi cát là biển. Có vài con đường mòn xuyên qua bãi đất, mà những bàn chân trần của bọn trẻ và mấy bộ móng của lũ dê đã vẽ nên.

Khi mặt trời hiện ra trên mặt đất, xa xa đằng đông, cả bãi đất chợt bừng sáng. Cát trên đồi sáng như bột đồng. Bầu trời mịn và sáng như mặt nước. Bầy chó hoang tiến lại gần các ngôi nhà và đàn dê.

Đây là thế giới của chúng, trên bãi đá và cát rộng lớn này.

Ai đó đã theo các con đường mòn tới đây, giữa những đồi cát. Đó là một cậu bé ăn bận như một thị dân. Nó khoác trên vai một tấm áo ngắn bằng lông hơi nhàu nát, và đôi giày vải đã phủ đầy bụi. Thỉnh thoảng nó dừng lại và do dự, vì những con đường rẽ đi nhiều hướng. Nó định vị tiếng động phát

ra từ biển, bên tay trái của mình, rồi lại tiếp tục bước đi. Mặt trời đã ở trên cao đường chân trời, nhưng nó chưa cảm nhận được hơi ấm. Ánh sáng phản chiếu trên mặt cát buộc nó nhắm mắt lại. Gương mặt cậu bé không quen với ánh nắng, vài chỗ đã ửng đỏ, trên trán và đặc biệt là trên mũi, nơi da đã bắt đầu tróc ra. Cậu bé cũng không quen đi bộ trên cát, dễ dàng nhận ra trong cách nó vịn cổ chân khi bước trên dốc những đồi cát.

Khi tới trước bức tường màu trắng khô cằn, cậu con trai dừng lại. Đó là một bức tường rất dài để chặn bãi đất phẳng bên trong. Đứng ở mỗi đầu nhìn qua, nó lại mất hút trong đám cát. Phải đánh một vòng lớn để tìm ra lối vào. Cậu bé lại do dự. Nó nhìn ra sau, suy nghĩ về việc có lẽ nó sẽ trở về.

Ngay lúc đó, nó nghe thấy những tiếng động như giọng người nói. Chúng đến từ phía bên kia bờ tường, những tiếng la hét nghèn nghẹt, những tiếng gọi. Đó là những giọng nói trẻ con. Gió mang chúng qua bức tường, có thoáng chút huyền ảo, hòa cùng tiếng gầm gừ của biển. Bầy chó hoang sủa lớn hơn, chúng đã đánh hơi thấy sự hiện diện của kẻ mới đến.

Cậu bé leo lên bức thành và nhìn qua bên kia. Nhưng nó không thấy lũ trẻ đâu. Ở bên này tường, vẫn là bãi đất đá ấy, vẫn những bụi cây nhỏ ấy, và, xa xa, một con đường cát dịu dàng.

Cậu bé rất muốn qua đó để mà xem. Có rất nhiều dấu vết để lại trên mặt đất, có những con đường mòn, và những bụi cây được đánh dấu để chỉ đường. Trên những tảng đá, nắng chiếu sáng từng mảng mi-ca.

Cậu bé đang bị chôn này lồi cuốn. Nó nhảy qua tường, rồi bỗng dừng cảm thấy nhẹ nhàng hơn và tự do hơn. Nó lắng nghe tiếng gió và biển, nó thấy mấy kẻ nứt nơi bầy tắc kè sinh sống, mấy bụi cây nơi chim làm tổ.

Nó bắt đầu bước đi trên bãi đá. Các bụi cây ở nơi này cao hơn. Một số đã ra quả mọng đỏ.

Đột nhiên, nó dừng lại. Nó vừa nghe bên tai mình vang lên một âm thanh kỳ lạ:

“Frrrt! Frrrt!”

nghe như tiếng của những viên sỏi bị ném xuống đất. Nhưng chẳng có ai xuất hiện.

Cậu bé lại tiếp tục đi tới. Nó men theo một con đường mòn nhỏ dẫn tới một khối đá, ngay chính giữa một bãi đá nhỏ khô cằn.

Một lần nữa, nó lại nghe vang lên bên tai:

“Frrrt! Frrrt!”

Lúc này, tiếng động đến từ phía sau. Nhưng nó chỉ thấy bức tường thành, những bụi cây và những đồi cát. Không một bóng người.

Nhưng nó cứ có cảm giác ai đó đang nhìn mình. Thứ ấy đến từ mọi nơi và đến cùng một lúc với nhau, một ánh mắt dai dẳng đang rình rập, theo dõi từng cử động của nó. Người ta đã nhìn nó như thế một lúc lâu, nhưng cậu bé chỉ vừa nhận ra. Nhưng nó chẳng lo lắng gì, vì bây giờ đã là ban ngày, và hơn nữa, ánh mắt ấy cũng không có gì đáng sợ.

Để biết xem chuyện gì sẽ xảy ra, cậu bé ngồi xổm gần một bụi cây và chờ đợi, như thể đang tìm thứ gì trên mặt đất. Một phút sau, nó nghe tiếng bước chạy. Nó đứng dậy, thấy vài bóng đen nấp giữa những bụi cây, và nó nghe một tràng cười ngặt nghẽo.

Cậu bé liền lôi một cái gương nhỏ ra khỏi túi, hướng mặt gương về phía những bụi cây. Đốm trắng nhỏ lượn lờ khắp nơi, như muốn đốt cháy các lá khô.

Bỗng nhiên, ngay giữa những nhánh cây, đốm trắng rơi vào một khuôn mặt và soi sáng một đôi mắt. Cậu bé cứ giữ tia nắng phản chiếu trên khuôn mặt đó, cho đến khi kẻ lạ mặt bị ánh sáng làm cho chói mắt và đứng dậy.

Cả bốn đứa chúng nó cùng đứng dậy. Những đứa trẻ. Cậu bé nhìn chúng, ngạc nhiên. Cả bọn đều nhỏ con, đi chân trần, bận những bộ đồ vải cũ kỹ. Gương mặt của chúng ánh màu đồng, tóc cũng ánh màu đồng thả xuống từng lọn dày. Ngay chính giữa là một bé gái có vẻ hoang dã, bận một áo ngắn màu xanh da trời quá khổ. Đứa lớn nhất trong bọn cầm trong tay phải một dây dài màu xanh lá, có vẻ như được bện bằng rơm.

Cậu bé đứng yên, nên lũ trẻ bắt đầu sáp lại gần. Chúng nói rất khẽ và cười, nhưng cậu bé không hiểu chúng nói gì. Nó hỏi chúng từ đâu đến, và chúng là ai, nhưng lũ trẻ lắc đầu và tiếp tục cười nhẹ.

Cậu bé nói, với giọng hơi tròn trịa:

—Tớ tên là... Gaspar.

Lũ trẻ nhìn nhau rồi bật cười. Chúng lặp lại:

— Gash Pa! Gash Pa!

như vậy, giọng cao vút. Và chúng cười như thể chưa từng nghe gì nhộn hơn thế.

—Cái này là gì?

Gaspar hỏi. Nó đưa tay nắm cọng dây màu xanh mà đứa lớn nhất đang cầm. Cậu bé cúi xuống và nhặt một hòn đá nhỏ dưới đất lên. Nó đặt hòn đá lọt thỏm giữa cọng dây và xoay tít ở trên đầu. Nó thả tay, cọng dây bật ra và hòn sỏi bay tít lên cao giữa bầu trời trong lúc phát ra một tiếng rít. Gaspar căng mắt nhìn theo, như hòn sỏi mất hút trong không khí. Khi nó rơi xuống đất, cách đó hai mươi mét, một đám bụi tung lên ngay chỗ nó đập xuống.

Mấy đứa trẻ khác reo lên và vỗ tay. Đứa lớn nhất đưa cọng dây cho Gaspar và nói:

—Goum!

Tới lượt cậu bé chọn cho mình một viên sỏi dưới đất và đặt vào vành ná. Nhưng nó không biết cách giữ cọng dây. Đứa trẻ có mái tóc màu đồng chỉ nó cách trượt một đầu sợi dây quanh cổ tay và gập mấy ngón tay Gaspar vào đầu còn lại. Rồi nó lùi ra sau một chút và nó lại nói:

—Goum! Goum!

Gaspar bắt đầu xoay cánh tay trên đầu mình. Nhưng sợi dây dài và nặng, và trò này khó hơn nó những tưởng. Nó quay cọng dây nhiều lần, mỗi lúc một nhanh, và đúng lúc chuẩn bị thả tay ra, nó làm sai một động tác. Sợi dây bện rít lên và đập mạnh vào lưng nó, mạnh đến độ xé toạc áo nó.

Gaspar vừa đau, vừa nổi giận, nhưng mấy đứa trẻ cười lớn đến mức cả nó cũng không thể nhịn cười. Lũ trẻ vỗ tay và hét lớn:

— Gash Pa! Gash Paaa!

Rồi chúng ngồi bệt xuống đất. Gaspar đưa chúng xem chiếc gương nhỏ của mình. Thằng bé lớn nhất đùa với tia nắng một lúc, rồi ngấm mình trong gương.

Gaspar ước gì mình biết tên của chúng. Nhưng mấy đứa trẻ này không nói được tiếng của nó. Chúng nói một thứ ngôn ngữ lạ lùng, liến thoắng và hơi khàn khàn, tạo ra một âm điệu vô cùng tương xứng với khung cảnh đất đá và những đồi cát nơi đây. Nghe như tiếng đá nghiền răng rắc về đêm, như tiếng lá kêu sào sạo, như tiếng gió thổi trên mặt cát.

Chỉ có cô gái nhỏ là còn hơi xa cách. Cô ngồi trên hai gót chân của mình, gối và bàn chân đều bị lớp áo xanh thùng thình phủ kín. Mái tóc cô bé có màu đồng đỏ và thả từng lọn dày trên vai. Cô có đôi mắt đen lay láy, cũng như đám con trai, nhưng sáng hơn cả chúng. Có một thứ ánh sáng kỳ lạ trong mắt cô, tựa hồ một nụ cười không muốn ai nhìn thấy. Thằng bé lớn nhất chỉ đưa con gái cho Gaspar và nó lặp lại nhiều lần:

— Khaf... Khaf... Khaf...

Từ đó Gaspar gọi cô bé như thế: Khaf. Đó là một cái tên rất hợp với cô.

Lúc này nắng bắt đầu gay gắt. Nó thả toàn bộ đốm lửa của mình trên những tảng đá sắc nhọn, mấy tia sáng nhỏ nhấp nháy như có những mặt gương đâu đây.

Âm thanh của biển đã dừng hẳn, vì lúc này gió thổi từ trong lòng đất, từ trong sa mạc. Lũ trẻ vẫn ngồi đấy. Chúng nhú mắt nhìn sang những đồi cát. Dường như chúng đang chờ đợi.

Gaspar thắc mắc làm sao chúng sống được ở đây, cách xa thành phố. Nó muốn hỏi đứa lớn nhất trong bọn rất nhiều thứ, nhưng không được. Mà chúng có nói cùng một ngôn ngữ với nhau, Gaspar cũng không dám hỏi. Chỉ vậy thôi. Đây là nơi mà ta không được hỏi.

Khi mặt trời đứng bóng, lũ trẻ rời khỏi đây để quay về với đàn cừu của chúng. Không nói với Gaspar tiếng nào, chúng bỏ đi về hướng những tảng đá lớn cháy sém, ở nơi ấy, về phía đông, đi theo một hàng một dọc con đường mòn chật hẹp.

Gaspar, vẫn ngồi trên đồng đá, nhìn chúng ra đi. Nó tự hỏi mình sẽ làm gì. Có lẽ nó nên quay ngược ra sau, đi về con đường lớn, về những ngôi nhà trong thành phố, về những người đang đợi nó, ở nơi ấy, bên kia tường thành và bên kia những đồi cát.

Khi lũ trẻ đã ở khá xa, chỉ lớn bằng những con côn trùng màu đen trên bãi đá, đứa lớn nhất quay về phía Gaspar. Nó quay cái nà cổ của mình trên đầu. Gaspar không nhìn thấy vật bay đến, nhưng nghe một tiếng rít bên tai, và hòn sỏi đập vào sau lưng nó. Nó đứng thẳng người dậy, lấy gương của mình ra và rọi tia sáng về phía lũ trẻ.

— Ga-hu-waa!

Lũ trẻ la hét với thứ giọng cao vót của mình. Chúng đưa tay ra hiệu cho Gaspar. Chỉ có cô bé Khaf là tiếp tục bước đi trên con đường mòn, không ngoảnh đầu lại.

Gaspar nhảy lên và nó bắt đầu chạy hết sức mình, băng qua bãi đất bằng, nhảy qua đá và bụi cây. Vài giây sau, nó đã đuổi kịp lũ trẻ, và chúng tiếp tục cùng nhau lên đường.

Lúc này trời rất nóng. Gaspar cởi áo ra và quấn ngang hông. Nó vắt áo khoác vải của mình trên đầu để tránh nắng. Khí nóng bị những bầy muỗi tí hon xuyên qua, kêu vo vo quanh đầu lũ trẻ. Nắng làm mấy hòn đá nở ra và mấy cành cây nõ lẹp bẹp. Bầu trời hoàn toàn trong vắt, nhưng nhợt nhạt như khí bị đun quá nóng.

Gaspar bước sau đứa lớn nhất trong đám trẻ, mắt khép hờ vì ánh sáng. Không một ai lên tiếng. Hơi nóng đã làm khô các cổ họng. Gaspar thở bằng miệng, và cổ họng nó khô rát đến độ nó phải bật ho. Nó đứng lại và nói với đứa lớn:

— Mình khát quá...

Nó lặp lại nhiều lần như thế trong khi chỉ vào cổ họng. Thằng bé lắc đầu. Có lẽ nó không hiểu. Gaspar thấy chúng không còn giống như khi nãy. Bây giờ, chúng mang những khuôn mặt khắc khổ. Da mặt chúng sạm đỏ như màu đất. Mắt chúng cũng sạm lại, ánh lên thứ ánh sáng mệt mỏi của khoáng vật.

Cô bé Khaf bước lại gần. Cô lục trong túi áo màu xanh của mình, và lôi ra một nắm hạt trông như thể đậu tằm, xanh lục và nhuyễn như bột. Khi Gaspar vừa đưa vào miệng, chúng nóng như tiêu, và ngay lập tức cổ họng và mũi của nó được tắm ướt.

Đứa lớn nhất trong đám chỉ mớ hạt và nói:

—Lula.

Chúng lại tiếp tục cất bước, và vượt qua dải đồi thứ nhất. Bên kia đồi, có một đồng bằng giống hệt nơi chúng vừa rời khỏi. Đó là một bãi đất bằng phủ đầy đá, và cỏ mọc lên ngay giữa trung tâm.

Đó là nơi đàn gia súc đang nằm nghỉ.

Có khoảng một chục con cừu đen, vài con dê cái, và một con dê đực to màu đen hơi tách khỏi bầy. Gaspar dừng lại để nghỉ mệt, nhưng lũ trẻ không đợi nó. Chúng chạy trong rãnh đất dẫn xuống đồng bằng, và hô những tiếng kỳ quặc:

—Ha-wa! Ga-hu-wa!

như tiếng sữa. Rồi chúng huýt sáo giữa mấy ngón tay.

Bầy chó nhồm dậy và trả lời:

—Gâu gâu! Gâu gâu!

Con dê đực bật dậy và giậm móng xuống đất. Rồi nó sấp vào đàn gia súc và cả bầy thú giãn ra. Một đám bụi bắt đầu xoay quanh đàn gia súc. Chính bầy chó hoang đã vẽ nhanh những vòng tròn. Con dê đực chạy cùng lúc với chúng, đầu cúi xuống, đưa hai sừng dài bén nhọn của mình ra.

Lũ trẻ vừa tiến lại vừa sữa và huýt sáo. Đứa lớn nhất xoay ná cỏ của mình. Mỗi lần nó thả tay ra, một hòn sỏi đập vào một con thú trong đàn. Lũ trẻ vừa chạy vừa giơ tay, không ngừng hò hét:

—Ha! Ha-wa! Ha-wap!

Khi đàn gia súc đã được kéo lại quanh con dê đực, lũ trẻ chơi đá để xua bầy chó ra xa. Đến lượt Gaspar leo xuống rãnh đất. Một con chó hoang nhe nanh gầm gừ, và Gaspar cũng vậy, nó vừa xoay áo khoác của mình vừa hét:

—Ha! Haaa!

Giờ nó không còn khát nữa. Cơn mệt mỏi cũng biến mất. Nó chạy trên bãi đá, vừa chạy vừa xoay áo khoác của mình. Mặt trời đang ở rất cao trên bầu trời, cháy dữ dội. Không khí đã bị bụi bão hòa, mùi của bầy cừu và bầy dê bao trùm tất cả, thấm vào mọi thứ.

Đàn gia súc tiến lên chậm rãi, băng qua bãi cỏ vàng, về phía những ngọn đồi. Bầy thú di chuyển san sát bên nhau và kêu la rên rĩ. Con dê đực đi sau cùng, bước chân nặng nề, chốc chốc lại cúi rạp xuống. Đứa lớn nhất trong bọn trẻ trông chừng con dê. Vừa đi, nó vừa nhặt một hòn sỏi và tiếng ná lại rít lên. Con dê chịu đựng một cách hung hăng, rồi nhảy dựng lên khi hòn sỏi đập vào lưng nó.

Bầy chó có vẻ hoang dại kia tiếp tục chạy quanh đàn gia súc, không ngừng kêu gào. Lũ trẻ trả lời và ném đá vào người chúng. Gaspar cũng làm theo; gương mặt nó bạc trắng vì bụi, tóc bết vì mồ hôi. Bây giờ nó chẳng còn nhớ gì nữa, nó đã quên tất cả những gì đã biết trước khi tới đây. Những con đường trong thành phố, những lớp học âm u, những tòa nhà lớn màu trắng của trường nội trú, những thảm cỏ, tất cả đều đã biến mất như một ảo ảnh trong khí nóng giữa đồng bằng hoang vu.

Mặt trời chính là nguyên nhân, trên tất cả mọi thứ, cho những gì diễn ra tại đây. Mặt trời nằm ngay giữa bầu trời sáng trắng, và bên dưới, bầy thú xoay vòng trong đám bụi của chúng. Bóng đen của bầy chó kéo qua bãi đất bằng, quay về, rồi lại quay đi. Lũ gia súc giậm mấy bộ móng sắt trên nền đất cứng, tạo ra một thứ âm thanh cuộn cuộn và gầm gừ nghe như biển cả. Tiếng

hú của bầy chó, giọng than vãn của bầy cừu, tiếng gọi và huýt sáo của lũ trẻ không ngừng vang lên.

Cứ như thế, đàn gia súc men theo lòng suối, chậm rãi vượt qua dải đồi thứ hai. Cát bay trong gió, và, bị cuốn theo một cơn lốc xoáy, đáp xuống bãi đất bằng dưới bộ dạng của một vòi rồng.

Khe đất hẹp dần, hai bên bờ mọc đầy bụi gai. Bầy cừu đánh rơi mấy túm lông đen trên đường đi. Quần áo của Gaspar rách tả tơi. Hai tay nó rớm máu, nhưng gió nóng làm máu khô ngay. Lũ trẻ leo đồi không biết mệt mỏi, nhưng Gaspar trượt ngã nhiều lần trên đám sỏi.

Khi tới đỉnh đồi, lũ trẻ không dừng lại để nhìn xuống. Gaspar chưa thấy gì đẹp hơn thế. Trước mắt chúng, bãi đất bằng và những đồi cát từ từ trôi xuống, theo từng đợt sóng, đến tận đường chân trời. Đó là một mảnh đất rất lớn và gợn sóng, với những khối đá tối tăm và những gò cát đỏ và vàng. Mọi thứ đều rất chậm, rất tĩnh lặng. Ở phía đông, một vách đá trắng nhỏ cao trên bãi đất bằng, trải rộng bóng đen của mình. Giữa những ngọn đồi và những cồn cát có một thung lũng ngoằn ngoèo, độ cao hạ dần theo từng bậc. Và cuối thung lũng ấy, đằng xa kia, xa đến độ mọi thứ gần như huyền ảo, ta thấy một mảnh đất giữa các ngọn đồi: gần như xám, lục, lam, nhẹ như một đám mây, mảnh đất xa xôi kia, đồng bằng cỏ và nước. Nhẹ nhàng, dịu dàng, tinh tế như biển khi nhìn từ xa.

Bầu trời nơi này lớn hơn, ánh sáng đẹp hơn, trong trẻo hơn. Không còn bụi bặm. Gió thổi từng đợt nhỏ, suốt thung lũng, gió mát khiến người ta dễ chịu.

Gaspar và lũ trẻ đứng yên ngắm vùng đất xa xăm ấy, và chúng cảm thấy gì đó như hạnh phúc dâng trong cơ thể mình. Chúng ước mình có thể bay nhanh như ánh mắt và đáp xuống dưới kia, ngay giữa thung lũng.

Đàn gia súc không chờ lũ trẻ. Con dê đen đầu đàn thả dốc xuống sườn đồi, men theo các khe đất. Bầy chó hoang không còn sủa nữa, chạy lon ton sau đàn gia súc.

Gaspar nhìn lũ trẻ. Chúng đứng thẳng trên một tảng đá nhô ra, lặng lẽ ngắm khung cảnh chung quanh. Gió thổi quần áo chúng bay phất phơ. Gương mặt chúng đã dịu đi. Ánh sáng vàng cháy rực rỡ trên vầng trán và trong mái tóc của chúng. Cả cô bé Khaf cũng không còn giữ vẻ hoang dại của mình. Cô bé phát cho lũ con trai mấy nắm hạt có vị tiêu. Cô đưa tay ra, chỉ cho Gaspar thung lũng lấp lánh gần đường chân trời, và nói:

— Genna.

Lũ trẻ lại lên đường, lần theo vết chân của bầy cừu. Gaspar đi sau cùng. Chúng càng xuống đồi, thung lũng xa xăm kia càng mất hút sau những cồn cát. Nhưng chúng chẳng cần nhìn. Chúng cứ men theo khe đất mà đi, về hướng mặt trời mọc.

Trời đã bớt nóng. Khi chúng còn chưa kịp nhận ra, ngày đã dần tắt. Bầu trời lúc này vàng ươm, và ánh sáng không còn phản chiếu trên những mảng mica nữa.

Đàn gia súc đi trước lũ trẻ cả nửa giờ. Khi tới đỉnh một cồn cát, chúng thấy đàn gia súc đang leo lên phía bên kia, làm sứt lở cả mớ đá dưới chân.

Mặt trời lặn nhanh. Hoàng hôn trôi qua trong nháy mắt, và bóng tối bắt đầu phủ trên khe đất. Vậy là lũ trẻ ngồi trong một trũng đất và chờ màn đêm buông xuống. Gaspar ngồi bên cạnh chúng. Nó rất khát, miệng sưng vù vì mấy hạt vị tiêu. Nó cởi giày ra và thấy chân chảy máu; cát đã luồn trong giày nó và cào rách da.

Lũ trẻ nhóm một ngọn lửa bằng mấy cành cây non. Rồi một đứa trong đám con trai đi về phía đàn gia súc. Chập tối, nó trở về, đem theo một túi bọng sữa. Lũ trẻ lần lượt uống. Cô bé Khaf uống sau cùng, và đem túi sữa cho Gaspar. Gaspar uống ba ngụm dài. Dòng sữa ngọt và mát lạnh lập tức làm dịu cơn nóng trong miệng và cổ họng nó.

Hơi lạnh kéo tới từ lòng đất, như hơi thở của một hang động. Gaspar lại gần ngọn lửa và nằm dài trên cát. Bên cạnh nó, cô bé Khaf đã ngủ, và Gaspar đắp áo khoác của mình cho cô. Rồi, nó nhắm mắt lại và lắng nghe

tiếng gió thổi. Tiếng gió thổi cùng tiếng lửa bập bùng hòa thành một giai điệu êm tai để đưa ta vào giấc ngủ. Xa xa, bầy dê và bầy cừu kêu be be.

Một cảm giác lo lắng nhẹ đánh thức Gaspar. Nó mở mắt ra, và thứ đầu tiên mà nó thấy là bầu trời đêm lấp lánh ánh sao dường như đang ở rất gần. Mặt trăng tròn và trắng ngà tỏa sáng như một bóng đèn. Lửa đã tắt, lũ trẻ vẫn đang ngủ. Khi ngoảnh mặt qua, Gaspar thấy đứa lớn nhất đang đứng bên cạnh nó. Abel (Gaspar nghe tên nó lặp lại nhiều lần khi lũ trẻ nói chuyện với nhau) đứng bất động với cái ná cỏ dài trong tay. Ánh trăng soi sáng gương mặt nó và lung linh trong đôi mắt. Gaspar ngồi dậy, tự hỏi nó đã thiếp đi trong bao lâu. Chính ánh mắt của Abel đã đánh thức nó. Ánh mắt của Abel nói:

— Đi tới đây với tớ.

Gaspar đứng hần dậy và đi theo thằng bé. Đêm, không khí càng lạnh lẽo hơn, khiến Gaspar hoàn toàn tỉnh ngủ. Đi được vài bước, nó mới nhận ra mình đã quên mang giày, nhưng thế này lại tốt hơn cho hai bàn chân đã trầy xước, và nó lại tiếp tục đi.

Chúng cùng nhau leo lên rãnh đất dốc. Dưới ánh trăng, mấy tảng đá trắng xóa và hơi ngả sang màu xanh. Tim đập nhanh, Gaspar đi theo Abel lên đến đỉnh đồi. Nó còn chẳng tự hỏi mình đang đi đâu. Có gì đó bí hiểm lôi cuốn nó, có gì đó trong ánh mắt của Abel, có lẽ là vậy, một loại bản năng dẫn dắt nó, giúp nó băng qua lớp sỏi bén bằng đôi chân trần mà không gây ra tiếng động nào. Trước mặt nó, dáng người mảnh khảnh của Abel nhảy từ tảng đá này sang tảng đá khác, lẹ lẹ và khéo léo như một loài mèo.

Từ trên cao rãnh đất, gió vồ lấy hai đứa trẻ, một cơn gió lạnh đến tắt thở. Abel dừng lại và quan sát xung quanh. Chúng như đang đứng trên một cao nguyên đá. Vài bụi cây đen động đậy trong gió. Mấy lát đá trơn lì lấp lánh dưới ánh trăng, bị xé đôi bởi những vết nứt.

Không một tiếng động, Gaspar đến bên cạnh Abel. Nó đang rình đứa trẻ. Trên gương mặt Abel, chẳng có lấy một cử động nào trừ hai con mắt. Gió cứ gào thét, nhưng Gaspar dường như vẫn nghe thấy trái tim của Abel

đánh trong lồng ngực. Nó thấy hơi nước óng ánh trước mặt Abel, mỗi khi thăng bé thở ra.

Abel, mắt không rời khỏi cao nguyên rực sáng, nhặt một hòn sỏi và đặt trong ná cỏ của mình. Rồi bỗng nhiên, nó xoay ná trên đầu. Cây ná xoay mỗi lúc một nhanh như chong chóng. Gaspar lùi ra xa. Rồi nó cũng chăm chú nhìn cao nguyên, dò từng viên đá, từng vết nứt, từng bụi cây đen. Ná xoay tít trên không tạo thành một tiếng rít dài, lúc đầu đều đặn như tiếng gió hú, rồi vút cao như tiếng kêu của một nàng tiên cá.

Điệu nhạc mà ná cỏ tạo ra dường như lấp đầy không gian. Cả bầu trời đều ngân vang, và mặt đất, và những hòn đá, cỏ, và những bụi cây nhỏ. Đó là một giọng nói, một giọng nói đang mời gọi, vang đến tận đường chân trời. Giọng nói ấy muốn gì? Gaspar không hạ mắt xuống, nó cứ chăm chăm nhìn thẳng vào một điểm trước mặt mình, trên cao nguyên sáng trắng ấy, và đôi mắt nó bừng sáng vì mê mải và vì ham muốn. Cả cơ thể của Abel đang run rẩy, như thể tiếng rít của ná cỏ là từ nó mà ra, từ mắt nó, từ môi nó, để che lấp mặt đất này và bay vút lên giữa bầu trời đen trên cao.

Đột nhiên, có ai đó xuất hiện trên cao nguyên đá sỏi đá. Đó là một con thỏ sa mạc có bộ lông màu cát. Nó đứng trên bốn chân, giương thẳng đôi tai dài của mình. Đôi mắt nó sáng như những tấm gương nhỏ khi nó đang nhìn về phía hai đứa trẻ. Con thỏ bất động, đứng sững bên bờ một lát đá, lắng tai nghe điệu nhạc từ ná cỏ.

Rồi một tiếng cách vang lên, và con thỏ nằm lăn qua một bên, vì viên đá văng trúng ngay giữa hai con mắt của nó.

Abel quay sang người bạn đồng hành của mình, gương mặt rạng ngời vẻ hài lòng. Chúng cùng chạy xuống, lượm con thỏ lên. Abel lấy một con dao nhỏ từ trong túi áo, và cắt cổ con vật ngay, không hề do dự, rồi giữ con vật bằng hai chân sau để trút hết máu. Nó đưa con thỏ cho Gaspar, dùng hai tay để lột da cho tới tận đầu. Sau đó, nó làm sạch ruột thỏ, lôi bộ lông ra và ném vào một kẽ đá.

Chúng men theo rãnh đất, leo xuống. Khi đi qua một bụi cây, Abel chọn một cành dài và tĩa lại bằng con dao của mình.

Khi về tới chỗ nghỉ chân, Abel đánh thức những đứa trẻ khác. Chúng nhặt mấy nhánh cây mới để nhóm lửa. Abel xiên thỏ vào cành cây khi nãy và ngồi xồm gần ngọn lửa để nướng. Khi thỏ đã chín, Abel dùng tay chia thịt. Nó đưa một đùi thỏ cho Gaspar và giữ đùi còn lại cho mình.

Bọn trẻ ăn rất nhanh, rồi ném mấy khúc xương cho bầy chó hoang. Rồi chúng lại nằm quanh khóm than hồng và chìm vào giấc ngủ. Gaspar chưa ngủ ngay, nó mở to mắt ngắm ánh trăng trắng như ngọn hải đăng nằm trên đường chân trời.

Đã nhiều ngày nay, chúng sống tại Genna. Chúng đã tới đây ít phút trước khi mặt trời lặn, chúng vào thung lũng cùng lúc với đàn gia súc. Rồi bỗng nhiên, ngay khúc ngoặt của con đường, chúng thấy một dòng xanh rộng lớn sáng dịu dàng, và chúng dừng lại, trong tích tắc, không thể cử động nổi, bởi cảnh tượng trước mắt mới đẹp làm sao.

Cảnh tượng ấy thực sự là rất đẹp! Trước mắt chúng, một khoảng cỏ xanh cao vút uốn lượn trong gió, và những cây lớn đứng đưa, rất nhiều cây cao lêu nghêu, thân đen, tán lá rộng xanh rờn; những cây hạnh nhân, cây dương, và cây nguyệt quế khổng lồ; có cả những cây cọ thật cao, lá không ngừng lắc lư. Chung quanh vùng đất bằng là những đồi đá đang trải bóng, và nằm ở phía biển là những cồn cát nhuộm vàng và đồng. Đây là nơi mà đàn gia súc đi tới, đây là đất của chúng.

Lũ trẻ ngắm đồng cỏ, không nhúc nhích, như thể chúng không dám bước tới đó. Giữa đồng bằng ấy, nằm giữa những cây cọ cao ấy là mặt hồ sáng như gương, và Gaspar cảm thấy một sự rung động lướt qua cơ thể. Nó quay sang bên cạnh và nhìn lũ trẻ. Gương mặt chúng được ánh sáng dịu dàng đến từ đồng cỏ soi sáng. Đôi mắt của cô bé Khaf không còn u tối nữa; chúng trở nên trong suốt, như màu cỏ xanh và những giọt nước.

Cô bé là đứa đầu tiên chạy. Cô ném những gói đồ ra xa và hét thật to một từ kỳ quái, “mu-i-a-a-a”, và bắt đầu chạy băng qua đồng cỏ.

“Nước! Nước đây rồi!” Gaspar nghĩ. Nhưng nó chỉ reo lên “mu-i-a” cùng những đứa trẻ khác, và nó bắt đầu chạy về phía hồ nước.

“Mu-i-a! Mu-i-a-a-a!”

Gaspar chạy thật nhanh. Những cọng cỏ dài quất vào mặt và hai tay nó, rẽ làm đôi trước cơ thể của nó, kêu xào xạc. Gaspar chạy băng qua vùng đất bằng, hai bàn chân trần đập xuống đến đất ướt, hai tay gạt những ngọn cỏ sắc cạnh. Nó lắng nghe nhịp đập con tim, tiếng cỏ gập lại sau lưng mình. Cách đó vài mét, ở bên trái, Abel cũng chạy nhanh không kém, vừa chạy vừa hét to. Thịnh thoảng cậu bé lại biến mất trong cỏ, rồi lại hiện ra, nhảy qua những hòn đá. Con đường của chúng giao nhau, rồi tách ra, xa dần, và những đứa trẻ khác chạy theo chúng, vừa chạy vừa nhảy, xem chúng ở đâu. Lũ trẻ gọi, và Gaspar trả lời: “Mu-i-a-a-a!”

Chúng cảm nhận được hơi đất ẩm ướt, mùi cỏ nát nồng nàn và hương thơm của những cây to. Mấy ngọn cỏ cắt nát da mặt chúng như những sợi roi, nhưng chúng vẫn tiếp tục chạy và la hét, không mệt mỏi, chẳng cần nhìn nhau, chúng gọi nhau, và dẫn nhau đến nguồn nước.

“Mu-i-a! Mu-i-a!”

Gaspar nhìn làn nước trước mắt nó, lấp lánh giữa đồng cỏ. Nó nghĩ mình sẽ đến trước, nên chạy nhanh hơn nữa. Rồi nó chợt nghe giọng của bé Khaf đằng sau. Cô bé kêu một cách tuyệt vọng, như ai đó đang bị lạc đường.

“Mu-i-a-a!”

Thế là Gaspar vòng ra sau, tìm cô bé trong đám cỏ. Cô bé nhỏ đến độ chẳng thấy cô đâu cả. Nó chạy nhiều vòng, cất tiếng gọi cô:

“Mu-i-a!”

Nó thấy cô bé bị bỏ xa sau những đứa trẻ khác. Cô bé chạy từng bước nhỏ, che mặt bằng hai cánh tay trước. Hẳn cô bé đã bị ngã nhiều lần, vì áo và hai cẳng chân đều bám đầy bùn đất. Gaspar nâng cô bé lên và công trên vai mình, rồi lại chạy về phía trước. Bây giờ, chính cô bé là người dẫn

đường. Bám chặt vào tóc của Gaspar, cô bé đẩy nó theo hướng hồ nước, và không ngừng hét to:

“Mu-i-a! Mu-i-a-a-a!...”

Chỉ cần vài sải chân, Gaspar đã đuổi kịp lũ trẻ. Nó qua mặt hai đứa nhỏ nhất và đến bên bờ nước cùng lúc với Abel. Cả ba chúng nó rơi tõm xuống dòng nước mát, thở không ra hơi, rồi bắt đầu uống nước và cười vang.

Trước khi trời tối, lũ trẻ đã kịp dựng xong một căn nhà. Abel là kiến trúc sư. Cậu bẻ vài cây sậy dài và mấy cành cây. Đám con trai còn lại giúp nó dựng khung nhà với những cây sậy được uốn cong và thắt ngọn bằng mấy cọng cỏ. Rồi chúng bện các kẽ hở bằng những cành nhỏ. Trong lúc đó, Khaf nhỏ bé và một thằng bé tên là Augustin ngồi xõm bên hồ nước để làm bùn.

Khi bột đã sẵn sàng, chúng trải trên tường nhà, vỗ vỗ bằng lòng bàn tay. Công trình tiến triển khá nhanh, và khi mặt trời lặn, căn nhà đã hoàn thành. Trông nó như một lều tuyết được nặn bằng đất, để hở một bên để ra vào. Abel và Gaspar chỉ có thể bò vào, nhưng Khaf bé bỏng có thể đứng thẳng để đi qua. Căn nhà nằm bên bờ hồ, ngay giữa bãi cát. Chung quanh nhà, những ngọn cỏ cao vút tạo thành một bức tường thành màu xanh. Bên kia hồ là nơi ở của đám cọ cao lớn, mà chúng đã dùng lá để làm mái nhà.

Sau khi uống nước, đàn gia súc tản ra xa, băng qua đồng cỏ. Nhưng lũ trẻ chẳng có vẻ gì lo lắng. Thỉnh thoảng, chúng lắng tai nghe tiếng be be đến cùng cơn gió, từ bên kia đồng cỏ.

Khi màn đêm đã buông xuống, đứa nhỏ nhất trong đám con trai đi vắt sữa. Chúng cùng nhau uống làn sữa ngọt lịm và mát lạnh, rồi ôm nhau ngủ bên trong nhà. Có gì như làn sương mù mỏng bốc lên từ hồ nước, gió đã ngừng thổi. Gaspar ngửi thấy mùi đất ẩm trên tường nhà. Nó lắng nghe tiếng ếch nhái và côn trùng kêu trong đêm tối.

Đây là nơi chúng sống từ nhiều ngày nay, đây là nhà của chúng. Những ngày này rất dài, và bầu trời thì bao la và trong vắt, nắng chạy dài từ chân trời này đến chân trời kia.

Sáng sáng, khi tỉnh dậy, Gaspar thấy đồng cỏ ướt đầm những hạt nước li ti long lanh trong ánh nắng. Trên đồng cỏ, những đồi đá ánh màu đồng. Những tảng đá nhọn nổi bật trên bầu trời xanh. Ở Genna không bao giờ có mây, trừ vệt khí trắng mờ, đôi khi, một chiếc phản lực để lại khi chậm chậm bay qua tầng bình lưu. Ta có thể ngồi hàng giờ để ngắm bầu trời ấy, mà không làm gì. Gaspar vượt qua đồng cỏ, và tới ngôi gần Augustin, cạnh đàn gia súc. Chúng cùng ngắm con dê đen bút từng khóm cỏ. Những con dê khác và bày cừu đi sau nó. Bầy dê có đầu dài như đầu linh dương, hai mắt xếch màu hổ phách. Mấy con ruồi nhỏ cứ vi vu không ngừng trong không khí.

Abel chỉ cho Gaspar cách đan ná. Cậu bé chọn nhiều cọng cỏ đặc biệt, màu xanh đậm, mà cậu gọi là *gum*. Cậu giữ chúng bằng mấy ngón chân và tết thành bện. Chẳng dễ dàng gì, vì cỏ cứng và trơn tuột. Bện cỏ cứ bị tuột ra, và Gaspar phải tết lại từ đầu. Hai bên mép cỏ rất bén, và tay nó chẳng mấy chốc đã rướm máu. Bện cỏ được thắt to dần để tạo thành túi nhỏ, nơi sỏi sẽ được đặt vào. Ở mỗi đầu, Abel chỉ Gaspar cách gút bện cỏ bằng một nút thắt chắc chắn, và củng cố lại bằng một cọng cỏ nhỏ hơn.

Khi bện cỏ được thắt xong, Abel xem xét cẩn thận. Cậu kéo từng đầu bện cỏ để thử sự chắc chắn của ná. Cái ná dài và dẻo dai, nhưng ngắn hơn ná của Abel. Abel thử ná ngay lập tức. Cậu chọn một hòn sỏi tròn dưới đất và đưa vào giữa ná. Rồi cậu lại chỉ Gaspar cách đặt tay ở hai đầu: một vòng quanh cổ tay, vòng còn lại giữa mấy ngón tay và lòng bàn tay.

Cậu bé bắt đầu xoay ná trên đầu. Gaspar nghe tiếng rít đều đặn của sợi dây. Nhưng Abel không bắn ra hòn sỏi nào. Bằng một động tác đột ngột và chính xác, cậu bé dừng sợi dây lại và đưa cho Gaspar, rồi chỉ một thân cọng cỏ xa xa.

Tới lượt Gaspar xoay ná. Nhưng nó làm quá nhanh, nửa thân người bị sức nặng của hòn đá kéo theo. Nó phải thử lại nhiều lần, tăng tốc dần dần. Khi bắt đầu nghe trên đầu mình tiếng vù vù như của động cơ máy bay, nó biết mình đã đạt tới tốc độ cần thiết. Nó xoay người tại chỗ một cách chậm rãi và hướng về phía cây cọng cỏ nằm bên kia đồng bằng. Giờ nó đã tự tin, và cái

ná là một phần cơ thể nó. Nó nghĩ mình đã thấy một vòng cung nối giữa mình và thân cây. Đúng lúc Abel kêu:

- Gia!

Gaspar mở tay ra và sợi dây cỏ đánh trong không khí. Hòn sỏi vô hình bắn lên trời và hai giây sau, Gaspar nghe tiếng va chạm trên thân cọ.

Từ lúc đó trở đi, Gaspar nhận ra mình không còn như trước đây nữa. Bây giờ, nó đang đi cùng thằng bé lớn nhất đưa đàn gia súc về giữa đồng bằng. Cả hai đưa nó khởi hành vào độ bình minh, và băng qua đồng cỏ cao. Abel vừa dẫn đường, vừa xoay ná kêu rin rít trên đầu, và Gaspar đáp trả bằng sợi ná của mình.

Xa xa, trên những cồn cát đầu tiên, bầy chó hoang phát hiện ra một con dê lạc đường. Tiếng sủa inh ỏi của chúng xé nát sự yên tĩnh. Abel chạy trên những phiến đá. Con lớn nhất trong bầy đã tấn công con dê cái. Nó xù bộ lông đen của mình lên và xoay vòng vòng, chốc chốc lại gầm gừ và vồ lấy con dê. Con dê cái vừa đi lùi ra sau, vừa giương cặp sừng của mình về phía trước; nhưng cổ nó đã chảy một ít máu.

Khi Abel và Gaspar tới nơi, những con chó khác bỏ chạy. Nhưng con chó có bộ lông đen quay lại đối mặt với chúng. Miệng con chó đầm đìa nước dãi, mắt long lên giận dữ. Abel liền nhanh chóng đưa ná lên, cùng một hòn đá nhọn, và thằng bé bắt đầu xoay. Nhưng con chó hoang nhận ra tiếng ná, và khi viên đá bay đi, nó nhảy sang một bên và tránh được. Viên đá đập lên nền đất. Bây giờ con chó tấn công thằng bé. Abel hét lên gì đó, và Gaspar lập tức hiểu ngay. Tới lượt nó xoay ná của mình, thật mạnh, với một viên đá nhọn. Hòn sỏi nhọn đập vào đầu con chó và làm vỡ sọ nó. Gaspar chạy lại chỗ Abel và giúp thằng bé, bây giờ hai chân run cầm cập, đứng dậy. Abel ôm chặt cánh tay của Gaspar và cùng nhau, chúng đưa con dê cái về đàn. Khi chúng đã ra xa được một quãng, Gaspar quay đầu lại và thấy những con chó hoang khác đang xé thịt con chó đen.

Ngày ngày trôi qua như thế, những ngày dài thật dài đến mức ta tự hỏi phải chăng đã là nhiều tháng. Gaspar không còn nhớ rõ những gì nó đã biết

trước khi đến đây, tại Genna này. Thịnh thoảng nó nghĩ về phố xá ở thành thị, với những cái tên buồn cười, tới những chiếc ô-tô và những chiếc xe tải. Khaf bé nhỏ rất thích nó giả tiếng ô-tô, đặc biệt là những chiếc ô-tô kiểu Mỹ lao thẳng trên đường và bóp còi inh ỏi. Con bé cũng buồn cười vì cái mũi của Gaspar. Nắng như đốt đã làm nó tróc vài mảng da. Khi Gaspar ngồi trước nhà và lấy chiếc gương nhỏ từ túi ra, con bé ngồi bên cạnh nó và, vừa cười to, vừa lặp đi lặp lại một từ kỳ lạ:

— Giê-giay! Giê-giay!

Thế là những đứa khác cũng phá ra cười và lặp lại:

— Giê-giay!

Cuối cùng Gaspar cũng hiểu. Hôm nọ, Khaf bé bỏng ra hiệu bảo nó đi theo. Con bé bước đi, không nói tiếng nào, tới một phiến đá bằng phẳng nằm trong cát, gần mấy cây cọ. Con bé dừng lại và chỉ gì đó cho Gaspar, trên mặt đá. Đó là một con tắc kè xám đã tróc da vì nắng.

— Giê-giay! – Con bé nói. Rồi nó sờ mũi Gaspar, cười thật to.

Giờ thì cô gái nhỏ không còn sợ nữa. Con bé rất thích Gaspar, có lẽ vì nó không biết nói, không thì là do cái mũi đỏ lỏm của mình.

Tối, khi hơi lạnh bốc lên từ mặt đất và mặt hồ, con bé leo qua người những đứa trẻ khác và tới dúi mình vào người Gaspar. Gaspar vờ như không thức giấc, và nó nằm yên rất lâu cho tới khi hơi thở của cô bé bắt đầu đều đặn, vì cô đã chìm vào giấc ngủ. Thế là nó lấy áo khoác lạnh của mình đắp cho cô bé và cũng bắt đầu ngủ.

Bây giờ chúng nó phải để hai người đi săn, bọn trẻ ăn rất nhiều vì đói. Thức ăn của chúng là những con thỏ sa mạc mà chúng bắt gặp gần cuối những cồn cát, hay đang lang thang bên bờ hồ. Hay những con đa đa màu xám mà chúng tìm được giữa bãi cỏ cao vút khi trời chập tối. Chúng bay thành từng đàn trên bãi đất bằng, và những viên đá rít lên cắt ngang đường bay của chúng. Có cả những con chim cú bay sát mặt cỏ, phải đặt hai ba hòn sỏi trong ná mới hạ được chúng. Gaspar rất thích chim, và cảm thấy tiếc vì phải giết chúng. Nó thích nhất là mấy con chim nhỏ lông xám có hai chân

dài, hay bỏ trốn bằng cách chạy trong cát, và buông những tiếng kêu chói tai kỳ khôi:

— Cuốc-li! Cuốc-li! Cuốc-li!

Chúng đem chim về cho Khaf bé bỏng để cô bé lật lông. Rồi cô bé lấy bùn để bọc chúng lại và nướng trong đám than hồng.

Abel và Gaspar luôn đi săn cùng nhau. Thành thạo Abel gọi bạn mình dậy mà chỉ cần nhìn chăm chú, không gây ra tiếng động nào, hết như lần đầu tiên. Gaspar mở mắt, tới phiên nó đứng dậy và ôm cái ná cò trong lòng bàn tay. Kẽ trước người sau, chúng băng qua đồng cỏ lớn, trong ánh xám bạc của bình minh. Chốc chốc Abel lại dừng lại để lắng nghe. Gió thổi trên những ngọn cỏ đem theo các âm thanh của cuộc sống, và mùi vị. Abel lắng nghe, rồi cậu bé khẽ đổi hướng. Những tiếng động trở nên rõ ràng hơn. Bầy sáo đá nhốn nháo trên trời, đám bồ câu rừng cùng nhau tỉ tê, ta phải phân biệt chúng với tiếng côn trùng và tiếng cò kêu sào sạo. Hai tên nhóc bé len giữa bụi cỏ cao như những con răn, không một tiếng động. Mỗi đứa cầm ná của mình trong tay, đã sẵn sàng, và một hòn sỏi bên tay trái. Khi đến nơi bầy chim đang ngồi nghỉ, chúng tách nhau ra và đứng thẳng dậy trong lúc xoay ná. Đột nhiên, bầy sáo đá bay vọt lên trời. Hai đứa nó lần lượt mở tay phải ra, và đá rít lên hạ gục bầy chim.

Khi chúng quay về nhà, lũ trẻ đã nhóm lửa, và Khaf bé bỏng đã chuẩn bị mấy chậu nước. Chúng cùng nhau ăn thịt chim, trong khi mặt trời hiện ra trên những ngọn đồi, bên kia Genna.

Sáng, nước trong hồ có màu kim loại. Lũ muối và nhện nước rượt đuổi nhau trên mặt nước. Gaspar dẫn cô gái nhỏ đi vắt sữa dê. Nó giúp cô bé giữ đầu các con thú, trong khi cô trút cạn mấy bầu vú vào những xô lớn. Cô bé làm việc đó một cách âm thầm, không ngẩng đầu lên, vừa làm vừa ngâm khe khẽ một bài hát trong thứ tiếng kỳ lạ của cô. Rồi chúng quay về nhà để đem sữa cho những đứa khác.

Hai thằng bé nhỏ tuổi nhất (Gaspar nghĩ chúng tên là Augustin và Antoine, nhưng nó cũng không thật chắc lắm) dẫn nó đi tháo các bẫy thú,

nằm bên kia hồ, nơi đầm lầy bắt đầu xuất hiện. Trên đường đi của lũ thỏ, Antoine đã để vài nút thông lọng làm từ những cọng cỏ bện với nhau, cột vào những cành cây nhỏ cong cong. Thịnh thoảng chúng cũng tìm được một con thỏ đã bị xiết cổ, nhưng thường chúng chỉ thấy mấy sợi thông lọng đứt, hoặc mấy con chuột mà chúng phải ném ra xa. Cũng có khi bầy con chó hoang đi qua trước và xơi mất chiến lợi phẩm của chúng.

Với sự giúp đỡ của Antoine, Gaspar đào một hào đất hòng chộp một con cáo. Nó che cái hào lại bằng đất và mấy cành cây nhỏ. Rồi nó dùng da thỏ còn tươi chà lên con đường dẫn tới hào. Cái bầy con nguyên trong nhiều đêm, nhưng rồi một buổi sáng, Antoine trở về, mang theo thứ gì đó trong áo của mình. Khi nó mở cái gói ra, bọn trẻ thấy một con cáo nhỏ xiu đang nhúu mắt lại vì ánh nắng. Gaspar nắm con cáo ngay lớp da nơi cổ như nắm một con mèo, và đưa cho Khaf bé bỏng. Lúc đầu, chúng có hơi sợ lẫn nhau, nhưng cô bé cho con cáo uống sữa dê trong lòng bàn tay mình, và chúng trở thành bạn tốt của nhau. Tên con cáo là Mim.

Ở Genna, thời gian trôi qua không như những nơi khác. Có lẽ ngày ở đây cũng chưa bao giờ thực sự trôi qua. Có những buổi tối và những buổi sáng, và nắng từ từ lên cao, giữa bầu trời xanh, và các bóng râm nhỏ dần, rồi lại trải dài trên mặt đất, nhưng tất cả chẳng còn quan trọng như trước đây nữa. Gaspar không để tâm đến chuyện đó. Đối với nó, dường như ngày nào cũng là một ngày như nhau, một ngày thật dài, dài thật dài, một ngày lặp lại nhiều lần và không bao giờ có hồi kết.

Cả thung lũng Genna cũng thế, nơi đây không có điểm kết thúc. Người ta chưa bao giờ khám phá hết toàn bộ vùng đất này. Người ta không ngừng tìm ra những chỗ mới, nơi chưa ai đặt chân tới trước đây. Bên kia hồ, chẳng hạn, có một bãi cỏ vàng ươm và thân ngắn, và một loại đầm lầy mọc đầy chỉ thảo. Lũ trẻ tới đó để hái sậy về cho Khaf bé bỏng đan giỏ.

Chúng dừng lại bên đầm lầy, và Gaspar nhìn dòng nước chảy khúc khuỷu giữa những hàng sậy. Bầy chuồn chuồn to bay la đà trên mặt nước, vẽ những bóng mờ mờ. Nắng chiếu gay gắt, và không khí thì ngọt ngọt. Đám muối múa may trong ánh sáng nằm quanh đầu lũ trẻ. Trong khi Augustin và

Antoine hái sậy, Gaspar lội vào giữa đầm lầy. Nó vừa đi vừa vạch lá sang hai bên, chậm thật chậm, cẩn thận thăm dò lớp bùn bằng hai bàn chân không, chẳng mấy chốc mà nước đã dâng tới hông. Một làn nước mát lạnh và lặng lẽ, và Gaspar cảm thấy rất dễ chịu. Nó tiếp tục đi trong đầm lầy khá lâu, rồi, bỗng nhiên, xa xa trước mặt, nó đã thấy, con chim trắng to lớn ấy đang bơi trên mặt nước. Bộ lông của nó tạo thành một đốm sáng trên mặt nước xám xịt của đầm lầy. Khi Gaspar lại gần quá, con chim bật dậy, đập cánh và bay ra xa vài thước.

Gaspar chưa thấy con chim nào đẹp như thế. Nó sáng như bọt biển, giữa cả một đồng cỏ và bãi lau sậy. Gaspar ước gì có thể gọi tên con chim, trò chuyện cùng nó, nhưng không muốn làm cho nó sợ. Thình thoảng, con chim trắng dừng lại nhìn Gaspar. Rồi nó bay thêm một chút, về thờ ơ, bởi vì đầm lầy này là của nó và nó chỉ muốn ở một mình.

Gaspar đứng yên lâu thật lâu trong nước, ngắm con chim trắng. Lớp bùn dịu dàng phủ quanh chân nó, và mặt nước vẫn cứ lấp lánh ánh sáng. Rồi, một lúc sau, con chim tiến lại gần Gaspar. Con chim không vẻ gì sợ hãi, bởi đầm lầy thực sự thuộc về nó, chỉ thuộc về nó mà thôi. Nó chỉ muốn ngắm kẻ lạ mặt kia đứng bất động ngâm mình trong nước.

Tiếp sau đó, con chim bắt đầu múa. Nó vỗ cánh, tấm thân trắng buốt nhẹ bay trên mặt nước. Mặt nước lung lay, làm kích động đám lau sậy. Rồi con chim lại hạ cánh xuống, và bơi, vẽ các vòng tròn quanh cậu bé. Gaspar ước gì có thể nói chuyện với con chim, bằng ngôn ngữ của loài chim, để nói rằng mình thực ngưỡng mộ nó, rằng mình sẽ không làm hại nó, rằng mình chỉ muốn kết bạn cùng nó. Nhưng nó không dám phát ra bất cứ tiếng động nào với giọng nói của mình.

Mọi thứ thật yên tĩnh ở nơi đây. Ta không còn nghe thấy tiếng của bọn trẻ bên bờ sông hay tiếng sữa ăng ăng chói tai của bầy chó. Chỉ còn tiếng gió thoảng trên bãi sậy làm rung rinh các cọng chỉ thảo. Không còn đồi đá, cồn cát, chẳng còn một ngọn cỏ nào nữa. Chỉ có dòng nước óng ánh màu kim loại, và bầu trời, và đốm sáng của con chim lướt trên đầm lầy.

Bấy giờ, con chim chẳng để ý đến Gaspar nữa. Nó bơi và tìm mồi trong vũng bùn với những động tác nhanh nhẹn của chiếc cổ dài. Rồi nó nằm nghỉ, giang rộng đôi cánh trắng, rất ra dáng của một ông vua, kiêu kỳ và bàng quan, ngự trên thủy quốc của mình.

Rồi bỗng nhiên, con chim đập cánh, và cậu bé thấy thân hình mang màu bọt nước của nó từ từ bay lên, trong khi kéo lê hai chân sau trên mặt nước như hai chiếc phao của thủy phi cơ. Con chim cất cánh và bay vút lên bầu trời. Nó bay ngang mặt trời rồi mất hút, lẫn vào ánh sáng.

Gaspar vẫn đứng bất động trong nước, hy vọng con chim sẽ trở lại. Rồi sau đó, trong lúc lần theo tiếng nói của lũ trẻ để quay về, nó thấy một đốm kỳ lạ trước mắt mình, một đốm sáng như bọt biển di chuyển cùng với ánh mắt của nó và trốn trong đám sậy màu xám.

Nhưng Gaspar rất hạnh phúc, nó biết rằng mình đã gặp vua xứ Genna.

Hatrous, đó là tên con dê lớn màu đen. Nó sống bên kia đồng cỏ, giáp với những cồn cát, giữa đám dê cái và bầy cừu. Augustin là người trông chừng Hatrous. Thỉnh thoảng, Gaspar tới tìm thằng bé. Nó tới gần đó sau khi băng qua bãi cỏ cao vời vợi, vừa đi vừa huýt sáo và la hét để báo hiệu trước, như thế này:

— Ya-ha-ho!

Và nó nghe tiếng Augustin đáp lại từ xa.

Chúng ngồi xuống đất, và ngắm con dê đực cùng đàn dê cái, không nói tiếng nào. Augustin nhỏ hơn Abel rất nhiều, nhưng nó có vẻ nghiêm nghị hơn. Nó có một gương mặt phẳng lì ít khi mỉm cười, và đôi mắt sâu thẳm dường như lúc nào cũng nhìn thẳng sau lưng ta, đâu đó gần đường chân trời. Gaspar rất thích ánh mắt nhuộm vẻ bí hiểm của thằng bé.

Augustin là đứa duy nhất có thể tới gần con dê đực. Nó bước thật chậm về phía con dê, thậm chí vài câu, những câu dịu dàng và ngân nga, và con dê ngừng ăn, nhìn thẳng bé và căng tai lên. Con dê có ánh mắt giống như Augustin, cũng đôi mắt to hình hạnh nhân óng ánh vàng và sẫm màu, như thể nhìn xuyên qua người bạn.

Gaspar ngồi cách đó một khoảng để không quấy rầy con dê. Nó rất muốn lại gần Hatrous, vuốt ve cặp sừng và bộ lông dày trên trán nó. Hatrous biết rất nhiều thứ không phải những thứ ta đọc thấy trong sách vở, những thứ mà con người hay nhắc đến, mà là những thứ êm đềm và mạnh mẽ, những thứ chứa đầy vẻ đẹp và sự huyền bí.

Augustin đứng một lúc lâu, dựa vào con dê. Nó cho con dê ăn cỏ và rẽ cây, và không ngừng nói thầm vào tai Hatrous. Con dê ngừng nhai cỏ để nghe giọng nói của thằng bé, rồi nó đi vài bước, lúc lắc đầu, và Augustin bước theo nó.

Hatrous đã nhìn thấy toàn bộ mặt đất, bên trên những cồn cát và những đồi đá. Nó biết cả những thảo nguyên, những đồng lúa, những hồ nước, những bụi cây và những con đường mòn. Nó biết những vết chân cáo, và cả lũ rắn, hơn bất kỳ ai. Đó là những thứ mà nó dạy cho Augustin, mọi thứ thuộc về sa mạc và đồng bằng, mà chúng ta phải mất cả đời để học.

Con dê đứng gần thằng bé, gặm cỏ và rẽ cây trong tay nó, lắng tai nghe những lời nói dịu dàng và ngân nga ấy, lông mày dọc sống lưng dựng nhẹ. Sau đó, nó lắc đầu, cặp sừng làm vài chuyển động đột ngột. Rồi nó nhập bầy với đàn gia súc.

Bấy giờ Augustin mới quay lại ngồi cạnh Gaspar, và chúng cùng nhau nhìn con dê đen tiến dần về giữa bầy dê cái đang nhảy múa. Hatrous dẫn chúng tới một bãi khác, xa hơn một chút, nơi cỏ vẫn còn tươi nguyên.

Lại còn con chó của Augustin. Thật ra đó không hẳn là con chó của nó, mà chỉ là một con chó hoang như những con khác, nhưng luôn ở lại gần Hatrous và đàn gia súc, và Augustin trở thành một người bạn của nó. Tên nó là Noun. Đó là một con chó săn thỏ lông dài màu vàng như những hạt cát, với một cái mũi thon thon và cặp tai cùn cùn. Thịnh thoảng, Augustin cũng chơi với nó. Thằng bé huýt sáo giữa mấy ngón tay và gọi tên nó:

“Noun! Noun!”

Thế là những ngọn cỏ cao vút dạt ra và Noun bay tới, buông những tiếng sủa ngắn. Nó dừng lại, đứng trên hai chân dài, bụng phập phồng.

Augustin giả vờ ném một viên đá, rồi lại hét lên:

“Noun! Noun!”

và chạy băng qua bãi cỏ. Con chó săn vừa sủa vừa chạy tung tăng sau thằng bé, nhanh như một mũi tên. Và vì chạy nhanh hơn hẳn thằng bé, nó cứ phải đánh những vòng dài giữa bãi đất bằng, nhảy qua những tảng đá, rồi dừng lại, mồm héch lên, nghe ngóng. Nó nghe thấy tiếng của Augustin gọi lần nữa và lại chạy tới. Chỉ sau vài cú phóng, nó đã tới bên Augustin, ngay giữa bãi cỏ, và làm ra vẻ như đang tấn công thằng bé, trong lúc gầm gừ. Augustin ném cho nó những viên đá, rồi lại chạy trốn, trong khi con chó săn chạy quanh người nó. Cuối cùng, cả hai cũng ra khỏi bãi cỏ, không thể thở ra hơi.

Hatrous không thích những tiếng động này mấy. Nó thở hổn hển và dậm chân vì tức giận, và dẫn đàn gia súc đi xa hơn. Khi Augustin trở lại ngồi cạnh Gaspar, con chó săn nằm trên mặt đất, hai chân sau gập lại, hai chân trước duỗi thẳng phía trước, ngẩng cao đầu. Nó nhắm mắt lại và nằm yên không nhúc nhích, giống hệt một pho tượng. Chỉ có hai vành tai là động đậy, chăm chú lắng nghe từng tiếng động.

Augustin cũng nói chuyện với con chó. Như với Hatrous, nó không nói những từ cụ thể, mà chỉ rít giữa hai hàm răng, vô cùng dịu dàng. Nhưng con chó săn không thích người ta lại gần nó. Ngay khi Augustin vừa đứng lên, nó cũng nhồm dậy, và giữ khoảng cách.

Khi chúng có thịt, Augustin băng qua đồng cỏ và đem xương tới cho Noun. Nó thả xương xuống đất, và đi ra xa vài bước trong lúc huyết sáo. Bây giờ Noun sẽ tới ăn. Không ai được phép tới gần con chó lúc này; những con chó khác lảng vảng chung quanh, và Noun gầm gừ, không ngẩng đầu lên.

Ở Genna này, thật tốt khi có những người bạn. Ta không bao giờ cô độc cả.

Tối tối, khi không khí chùng xuống vì mặt trời làm cho đứng gió, Khaf bé bỏng nhóm lửa để đuổi lũ ruồi đang bay lượn gần mắt và tai chúng. Rồi nó đi vắt sữa dê cùng Gaspar. Khi chúng cùng nhau băng qua hàng cỏ cao

vút, cô gái nhỏ dừng lại. Gaspar liền hiểu cô bé muốn gì, và nó cõng cô trên vai, như lần đầu tiên chúng tới hồ nước này. Cô bé nhẹ đến nỗi Gaspar dường như chẳng cảm thấy gì trên vai. Nó chạy tới vùng đất mà Hatrous sống giữa đàn gia súc. Augustin bao giờ cũng ngồi cùng một chỗ, nhìn con dê đen, và những ngọn đồi xa xôi.

Khaf bé bỏng quay về một mình, mang theo bọc sữa căng đầy. Gaspar ở lại với Augustin cho tới khi màn đêm hoàn toàn buông xuống. Khi bóng tối đến, có một cơn run rẩy kỳ lạ trùm lên mọi vật. Đó là lúc mà Gaspar và Augustin thích nhất. Ánh sáng từ từ đổ sang một bên, cỏ và mặt đất trở nên xám xịt, trong khi đó, đỉnh của những cồn cát vẫn được thắp sáng. Ngay lúc đó, bầu trời trong đến độ ta có cảm giác như đang bay trên trời, cao thật cao, vẽ những vòng tròn khoan thai như lũ kèn kèn. Gió đã tắt hẳn, trên mặt đất không còn bất kỳ chuyển động nào, và những tiếng động vang lên từ rất xa, êm ái và trầm tĩnh. Ta nghe bầy chó gọi nhau từ ngọn đồi này sang ngọn đồi khác, bầy cừu và bầy dê bu chung quanh con dê đực màu đen to lớn, kêu những tiếng be be thoảng chút phiền muộn. Cả bầu trời ngập trong bóng tối, như giữa một làn khói và những vì sao hiện ra, từng ngôi từng ngôi một. Augustin chỉ những đốm lửa ấy, và đặt cho mỗi vì sao một cái tên lạ lùng mà Gaspar cố gắng nhớ. Đó là tên của những vì sao ở Genna, những cái tên mà ta phải thuộc lòng, những cái tên bừng sáng trong vũ trụ xanh thẳm.

— Altaïr... Eltanin... Kochab... Merak...

Nó đọc tên chúng, như thế, chậm rãi, với giọng nói ngân nga, và những vì sao xuất hiện trên bầu trời xanh đen, lúc đầu còn yếu ớt, như một chấm sáng chập chờn, khi đỏ, khi xanh. Rồi hoàn toàn cố định và mạnh mẽ, to dần và chĩa những tia sáng nhọn khắp nơi, chúng sáng như những lò lửa cháy giữa khoảng không. Gaspar chăm chú nghe những cái tên ma thuật của chúng, và đó là những từ đẹp nhất mà nó đã từng nghe.

— Fecda... Alioth... Mizar... Alkaïd...

Đầu ngửa ra sau, Augustin gọi tên những vì sao. Nó đợi một chút giữa mỗi cái tên, như thế những ánh sáng ấy đang vâng theo ánh mắt của nó và

lớn lên, xuyên qua cả khoảng trời để đến với nó, ngay trên Genna này. Giữa những vì sao ấy, lúc này, lại xuất hiện những vì sao mới, nhỏ hơn, thật khó mà nhận ra, như những bụi cát chốc chốc bị phui sạch khỏi bầu trời, rồi lại quay về.

— Alderamin... Deneb... Chedir... Mirach...

Những đốm lửa trông như một hạm đội bên bờ chân trời. Chúng tập hợp lại và vẽ những hình ảnh kỳ lạ phủ kín bầu trời. Trên mặt đất, chẳng còn gì nữa, hầu như chẳng còn gì. Những cồn cát bị bóng tối che đậy, cả đồng cỏ đều bị nhấn chìm. Quanh con dê đen to lớn, đàn cừu và dê cái bước đi trong im lặng tới vùng đất cao của thung lũng.

Mắt mở to, Gaspar và Augustin ngắm bầu trời. Trên đó có rất nhiều người, có rất nhiều thứ dân rực sáng, những loài chim và những loài rắn, những con đường ngoằn ngoèo giữa các thành phố ánh sáng, những dòng sông và những cây cầu; có những con vật xa lạ, những đàn bò mộng, và những con chó đôi mắt lấp lánh, những con ngựa,

— Enif...

những đàn quạ đang giương cánh, bộ lông sáng ngời, những tên khổng lồ viền kim cương, bất động, đang nhìn xuống mặt đất,

— Alnilam, Jouyera...

những con dao, những cây giáo và những thanh kiếm hắc diệu thạch, một con điều bốc cháy lơ lửng trong ngọn gió không trung. Và trên hết, giữa những dấu hiệu ma thuật ấy, có một tia chớp toả sáng trên đỉnh sừng sắc nhọn của nó, con dê đen to lớn Hatrous sừng sừng giữa bóng đêm, ngự trên vương quốc của nó,

— Ras Alhague...

Bấy giờ Augustin nằm dài trên lưng và say sưa ngắm tất cả những vì sao toả sáng cho nó giữa bầu trời. Nó không gọi tên chúng nữa, cũng chẳng cử động nữa. Gaspar rùng mình, và nín thở. Cậu bé hết sức lắng nghe, để xem những vì sao đang nói gì. Như thế nó đang nhìn bằng cả cơ thể, cả

gương mặt và hai bàn tay, để nghe những tiếng thì thầm khe khẽ vang vọng từ đáy bầu trời, tiếng nước chảy, và tiếng lửa cháy của những ánh sáng xa xôi.

Ta có thể ở lại đây cả đêm, giữa cánh đồng tại Genna này. Ta nghe lũ côn trùng bắt đầu cất tiếng hát, lúc đầu còn chưa thật rõ, rồi lớn dần và lấp đầy mọi thứ. Cát trên cồn vẫn còn nóng, và hai đứa trẻ đào hố để ngủ lại. Chỉ có con dê đen to lớn là không ngủ. Nó trông chừng đàn gia súc, hai mắt sáng rực như những ngọn lửa xanh. Hay có lẽ, nó thức như thế để học những điều mới từ các vì sao và trên bầu trời. Thỉnh thoảng, nó lắc mớ lông len nặng nề, thở mạnh qua hai lỗ mũi, vì nghe thấy một con rắn đang trườn gần đó, hay một con chó hoang đang rình mò. Bầy dê cái bỏ chạy, nện những bộ móng cứng trên mặt đất, mà ta không biết chúng đang ở đâu. Rồi sự tỉnh mịch trở lại.

Khi mặt trăng lên cao trên những ngọn đồi, Gaspar thức dậy. Không khí ban đêm làm nó rùng mình. Nó nhìn quanh, và thấy Augustin đã bỏ đi. Cách đó vài mét, thằng bé đang ngồi cạnh Hatrous, trò chuyện với con dê, rất khẽ, vẫn những lời nói du dương ấy.

Hatrous cựa quậy hàm răng của mình, nghiêng người về phía Augustin và thở vào mặt thằng bé. Gaspar hiểu ngay con dê đang dạy cho thằng bé những điều mới. Nó dạy cho thằng bé những gì đã học trong sa mạc, những ngày dài dưới ánh mặt trời nóng bỏng, những điều về ánh sáng và đêm tối. Có lẽ nó đang nói về ánh trăng lưỡi liềm lơ lửng phía trên đường chân trời, hay về dải ngân hà như con rắn lớn uốn lượn giữa bầu trời.

Gaspar đứng đó, nó nhìn chăm chú con dê đen to lớn, cố hiểu những điều đẹp dễ mà con dê đang dạy cho Augustin. Rồi nó băng qua đồng cỏ và trở về căn nhà nơi bọn trẻ đang ngủ say.

Nó đứng một lúc trước cửa nhà. Nó nhìn lưỡi liềm mỏng manh đang treo ngược trên bầu trời đen. Một làn gió nhẹ thoảng qua sau lưng Gaspar. Chẳng cần quay đầu lại, nó biết Khaf bé bỏng đã dậy. Nó cảm thấy bàn tay lạnh ngắt của cô bé đang luồn trong tay nó, và nắm lại thật chặt.

Thế là, cả hai đứa trẻ cùng bay lên trời, nhẹ tựa lông hồng, và chúng trôi về phía mảnh trăng lưỡi liềm. Chúng ngẩng cao đầu và cứ trôi đi như thế, rất lâu, lâu thật lâu, mắt không rời khỏi lưỡi liềm bàng bạc ấy, chẳng nghĩ ngợi gì, và hầu như không còn thở nữa. Chúng trôi trên thung lũng Genna, cao hơn những con chim cắt, cao hơn những chiếc phi cơ phản lực. Bây giờ, chúng có thể thấy toàn bộ mặt trăng, chiếc đĩa lớn tối tăm của vòng cung rực rỡ ngủ giữa bầu trời, trông như một nụ cười. Khaf bé bỏng nắm chặt tay của Gaspar để không ngã ra sau. Nhưng nó lại là đứa nhẹ nhất, và chính nó đã dắt cậu bé tới mảnh trăng lưỡi liềm.

Khi chúng ngắm trăng được khá lâu, và cũng đã tới rất gần mặt trăng, gần đến độ có thể cảm nhận được bức xạ lạnh lẽo của ánh sáng trên da mặt chúng, bấy giờ chúng mới vào trong nhà. Chúng vẫn tiếp tục thức một lúc, ngắm ánh sáng nhạt nhòa qua cánh cửa hẹp đang mở, nghe lũ dế hát rúc rích. Ở Genna, đêm thật dài và đẹp làm sao.

Bọn trẻ đi càng lúc càng xa, trong thung lũng. Gaspar ra đi từ sớm, khi những bụi cỏ cao còn phớt hồng và mặt trời chưa thể sưởi ấm mọi viên đá và tất cả những cồn cát.

Nó đặt chân trên những vết chân hôm trước, hai bàn chân không, men theo những con đường mòn. Phải để mắt tới những cái gai giấu trong cát và những viên đá lửa sắc bén. Thành thạo Gaspar leo lên một tảng đá lớn cuối thung lũng, và nhìn ra chung quanh. Nó thấy một làn khói mỏng bốc thẳng lên trời. Nó tưởng tượng Khaf bé bỏng ngồi xõm trước ngọn lửa, đang nướng thịt và rễ cây.

Rồi xa hơn nữa, nó thấy đám bụi tung tóe do đàn gia súc đi qua. Được con dê đực to lớn dẫn dắt, bầy dê cái hướng về hồ nước. Sau một hồi dò xét từng góc ngách của thung lũng, Gaspar cũng nhìn thấy bọn trẻ. Nó chào chúng từ xa bằng cách chiếu mảnh gương nhỏ của mình. Lũ trẻ hét to để trả lời:

— Ha-hou-ha!

Càng đi ra xa trung tâm thung lũng, mặt đất càng trở nên khô cằn. Mặt đất hoàn toàn rạn nứt và chai cứng vì ánh mặt trời, kêu lộp cộp dưới chân như mặt trống. Đây là nơi sinh sống của những loài côn trùng lạ lùng mang hình dáng của những cành cây khô, những con bọ hung, rết và bò cạp. Cẩn thận, Gaspar lật những viên đá già nua lên để xem những con bò cạp lẫn trốn, đuôi dựng thẳng lên trời. Gaspar không sợ chúng. Có lẽ một phần vì nó như thể đồng loại của chúng, gầy gò và khô cằn trên mặt đất bụi bặm. Nó rất thích những hình vẽ mà chúng để lại trong lớp bụi, những con đường hẹp quanh co như những sợi lông tơ của loài chim. Ở đây còn có cả những con kiến đỏ, bò rất nhanh trên những phiến đá, tránh những tia nắng chết người. Gaspar nhìn theo chúng, nó nghĩ có lẽ chúng cũng có nhiều điều để dạy. Đó phải là những điều rất nhỏ và khó tin, khi những hòn sỏi bỗng hóa thành những ngọn núi và những khóm cỏ là những cây to. Khi quan sát đám côn trùng, ta đánh mất kích thước của mình, và bắt đầu hiểu điều gì đang không ngừng rung rinh trong gió và trên mặt đất. Ta quên tất cả mọi thứ. Có lẽ vì vậy mà ngày dài đến thế ở Genna. Mặt trời không ngừng quay trên bầu trời trắng sáng, gió thổi suốt những bao nhiêu là tháng, những bao nhiêu là năm.

Xa xa, khi đã vượt qua ngọn đồi đầu tiên, là xứ sở của loài mối. Gaspar và Abel đã tới đây, một ngày nọ, và chúng đã ngừng bước, thoáng chút sợ hãi. Đó là một cao nguyên đất đỏ khá lớn, bị xói mòn bởi những dòng nước khô, nơi mà, không một gốc cây, không một ngọn cỏ nào có thể đâm lên. Chỉ có những thành mối ở đây.

Hàng trăm pháo đài thẳng hàng làm từ đất đỏ, với những vòm mái tả tơi và những vạt tường đổ nát. Có vài pháo đài rất cao, còn mới và cứng cáp như những toà nhà chọc trời; một số có vẻ như đang còn dở dang, hay đã bị phá vỡ, với những thành vách lõm đốm đen như thể đã bị cháy.

Không có lấy một tiếng động trong thành phố này. Abel nhìn, nghiêng ra sau, đã sẵn sàng để bỏ chạy: nhưng Gaspar đã đi lên trước dọc theo những con đường, giữa mấy toà tháp cao nhông, trong lúc đung đưa cái ná của mình bên đùi. Abel chạy tới, bắt kịp nó. Chúng cùng nhau đi một vòng quanh thành phố. Quanh các lâu đài, đất cứng và chắc như thể được nén lại

với nhau. Các toà tháp không có cửa sổ. Chúng là những toà nhà câm lặng, hiên ngang trong ánh nắng chói chang, bị mài mòn vì mưa gió. Các pháo đài cứng như đá. Gaspar đấm mấy bức tường, và thử chọc thủng bằng một hòn sỏi. Nhưng nó chỉ có thể làm tróc một ít bụi đỏ.

Hai đứa trẻ bước giữa những toà tháp, ngắm các thành lũy dày đặc. Chúng nghe máu đập phập phồng hai bên thái dương và hơi thở rít ra từ miệng, cảm thấy thực sự kỳ lạ và hoảng sợ. Chúng còn chẳng dám dừng lại. Ở giữa thành phố, có một tổ mối còn cao hơn những cái khác, chân rộng như thân cây cọ, và đỉnh cao tới mức hai đứa trẻ có chồng lên nhau cũng không thể với tới. Gaspar dừng lại và ngắm nghía tổ mối. Nó nghĩ về những điều xảy ra bên trong toà tháp kia, về những người sống tí trên cao, lơ lửng giữa bầu trời, nhưng chẳng bao giờ nhìn thấy ánh sáng. Cái nóng bọc chung quanh họ, mà họ chẳng biết mặt trời ở đâu. Nó nghĩ về điều ấy, rồi lại nghĩ về lũ kiến, những con bò cạp và những con bọ hung để lại những vết tích của chúng trong cát bụi. Chúng có rất nhiều điều để dạy cho ta, những điều kỳ lạ và bé nhỏ, khi ngày dài như một đời người. Thế là nó tựa vào bức tường màu đỏ, và lắng tai nghe. Nó huyết sáo, để gọi những người sống trong thành; nhưng chẳng ai trả lời. Chỉ có tiếng gió réo rắt khi kéo qua giữa các toà tháp trong thành, và tiếng vọng của chính con tim nó. Khi Gaspar động tay vào bức tường thành cao, Abel đã hoảng sợ và bỏ chạy. Nhưng tổ mối vẫn im lặng. Có lẽ các cư dân nơi đây còn đang ngủ yên trong pháo đài, có gió và ánh sáng vây quanh. Gaspar lấy một viên đá lớn và dùng hết sức mình ném vào toà tháp. Đá làm bể một mảnh tường, phát ra tiếng thủy tinh vỡ. Trong mảnh vỡ, nó thấy một đám côn trùng kỳ lạ tranh đấu dữ dội. Giữa đám bụi đỏ, trông chúng như những giọt mật ong. Nhưng sự im lặng của thành phố vẫn không bị phá vỡ, một sự im lặng nặng nề và đe dọa từ trên đỉnh tất cả toà tháp. Gaspar bắt đầu thấy sợ, như Abel. Nó bắt đầu chạy giữa các con đường trong thành phố, nhanh nhất có thể được. Khi nó đuổi kịp Abel, chúng cùng nhau đi xuống, chạy thẳng về phía đồng cỏ, không hề ngoảnh đầu lại.

Tối, khi mặt trời đã ngả bóng, lũ trẻ ngồi gần nhà xem Khaf bé bỏng nhảy múa. Antoine và Augustin chế vài cây sáo nhỏ với những cây sậy trong ao. Chúng đeo nhiều ống sậy không đều nhau, rồi nối lại bằng những cọng cỏ. Khi chúng bắt đầu thổi, Khaf bé bỏng cũng bắt đầu nhảy. Gaspar chưa nghe qua giai điệu nào như vậy. Chỉ có những nốt nhạc lướt qua, leo lên và trèo xuống, với những âm thanh cao vút tựa hồ tiếng kêu của một loài chim. Hai thằng bé lần lượt thổi, đáp lời nhau, trò chuyện với nhau, lúc nào cũng những nốt nhạc mượt mà ấy. Trước mắt chúng, Khaf bé bỏng, đầu hơi nghiêng một bên, lắc hông theo điệu nhạc, lưng thẳng và hai bàn tay đưa ra hai bên. Rồi nó giậm hai bàn chân trần của mình lên mặt đất, với một động tác nhanh của gan và gót chân, tạo thành một tiếng rung vang trong lòng đất, như thể những cú đánh trống. Đám con trai tới phiên chúng đứng dậy, tiếp tục thổi sáo và giậm chân xuống đất với những bàn chân trần. Chúng chơi nhạc và Khaf bé bỏng nhảy múa như thế, tới khi mặt trời lặn trên thung lũng. Rồi chúng lại quây quần bên ngọn lửa. Còn Augustin thì bỏ đi, về bên kia bụi cỏ cao vút, nơi con dê đen to lớn và đàn gia súc đang sống. Nó tiếp tục chơi ở đó, một mình, và thỉnh thoảng gió lại mang những giai điệu nhẹ nhàng, những nốt nhạc mượt mà và mỏng manh như tiếng kêu của loài chim.

Giữa bầu trời gần như đen kịt, bọn trẻ ngắm một chiếc phi cơ phản lực bay qua, sáng như một con ruồi thiếc, và ở phía sau, làn khói trắng loang dần ra, chệch đôi bầu trời.

Có lẽ chiếc phi cơ ấy cũng có những điều mà ta có thể học, những điều mà cả loài chim cũng không biết đến.

Có rất nhiều điều mà ta có thể học nơi đây, tại Genna này. Không phải qua lời nói, không phải qua trường lớp như trong thành phố; ta không bị buộc phải học những điều ấy, trong sách vở, hay khi đang đi giữa những con phố ngập trong tiếng ồn và những con chữ rục rờ. Tại Genna, ta được học mà không nhận ra, có khi rất nhanh, như một hòn đá rít giữa không khí, có khi thật chậm, ngày này qua ngày nọ. Đó là những điều rất đẹp, những điều vĩnh cửu, những điều không bao giờ giống nhau, những điều luôn luôn thay

đổi và luôn luôn chuyển động. Ta học chúng, rồi lại quên, rồi học lại một lần nữa. Ta không thật rõ chúng đã đến như thế nào, trên mặt đất này, trong những hòn đá lửa và những phiến mica, trong cát đỏ của những cồn cát. Chỉ cần ta nhìn thấy chúng, chỉ cần ta nghe thấy chúng. Nhưng Gaspar biết, người nơi khác không thể học được những điều ấy. Để làm được như thế, ta phải sống ở Genna, với những người chần cừ, với Hatrous, con dê đen to lớn, với Noun, con chó hoang, và Mim, chú cáo nhỏ, với tất cả những vì sao bên trên chúng ta, và với, đâu đó trong đầm lầy xám xịt, con chim lớn có bộ lông màu bọt biển.

Nhưng chính mặt trời là người dạy cho ta nhiều điều nhất, tại Genna này. Từ trên cao tí tắp, mặt trời bùng cháy và đem hơi nóng của mình cho các hòn đá, vẽ từng ngọn đồi và ban cho từng vật thể một bóng râm. Khaf bé bỏng thường chế ra những đĩa thức ăn làm từ bùn cho mặt trời, mà cô bé sẽ phơi khô trên các phiến lá. Cô bé còn nặn đủ loại búp bê có mái tóc làm từ những cọng cỏ và mặc những mảnh giẻ nhàu nát. Rồi cô bé ngồi đó và ngắm mặt trời đun bát đĩa và búp bê của mình, và da cô cũng chuyển sang màu đất, và mái tóc của cô trông như một bụi cỏ.

Gió cũng thường nói. Những gì mà gió dạy cho ta chẳng bao giờ hết. Nó đến từ bên này thung lũng, xuyên qua người ta và về phía bên kia, kéo qua như thể hơi thở đậm qua cổ họng và lồng ngực ta. Vô hình và nhẹ nhàng, nó lấp đầy cơ thể ta, thổi phồng cơ thể ta, mà không bao giờ làm ta thỏa mãn. Có đôi lần, Abel và Gaspar chơi trò nín thở bằng cách bịt mũi lại, như thể chúng đang lặn thật sâu dưới biển, tìm các rặng san hô. Chúng chịu được vài giây, như thế, mũi và miệng đều bịt kín. Rồi chúng nhún một cái, trồi lên mặt nước, và gió lại tràn vào các lỗ mũi, cơn gió thô bạo say sưa. Bé Khaf cũng thử một tẹo, nhưng trò đó làm cho cô bé nắc cụt.

Gaspar nghĩ, nếu nó có thể hiểu tất cả những bài học ấy, nó sẽ giống như Hatrous con dê to lớn, thật lớn và thật mạnh mẽ trên mảnh đất bụi bặm này, đôi mắt phát ra những tia chớp xanh. Nó cũng sẽ giống như lũ côn trùng, có thể xây những căn nhà to từ bùn đất, cao như những ngọn hải đăng,

với một cửa sổ duy nhất trên đỉnh mà từ đó ta sẽ nhìn thấy toàn bộ thung lũng Genna.

Bây giờ chúng đã quen thuộc mảnh đất này. Chúng có thể nói chính xác mình đang ở đâu chỉ với gan bàn chân. Chúng thuộc mọi âm thanh, những âm thanh đến cùng ánh sáng ban ngày, những âm thanh sinh ra trong đêm tối. Chúng biết nơi nào tìm thấy rễ cây và cỏ tươi để ăn, những bụi cây có quả mọng nước, những giống hoa có vị ngọt, hạt các loại, những quả chà là và những quả hạnh nhân dại. Chúng thuộc đường đi của đám cỏ rừng, nơi bày chim ẩn nấp và trứng trong tổ của chúng. Khi Abel trở lại lúc trời vừa chập tối, bày chó hoang sủa rần trời đòi bộ lòng của mình. Bé Khaf ném những mẩu củi cháy dở dang để đuổi chúng ra xa. Cô bé ôm chặt con cáo Mim trong áo của mình. Chỉ có con Noun được phép tới gần, vì nó là bạn của Augustin.

Khi mưa châu chấu kéo đến, đó là vào một buổi sáng, lúc mặt trời đã lên cao. Mim là người đầu tiên nghe thấy, trước khi chúng bắt đầu xuất hiện bên trên thung lũng. Nó dừng lại trước cửa nhà, tai vểnh lên, toàn thân run rẩy. Rồi tiếng động kéo đến, và tới phiên lũ trẻ bất động.

Đó là một đám mây thấp, màu vàng khói, trôi bên trên những bụi cỏ. Rồi đột nhiên, tất cả chúng nó bắt đầu la hét, chạy băng qua thung lũng, trong lúc đám mây đang đong đưa, do dự, xoay tại chỗ trên đồng cỏ, và tiếng ken két của hàng ngàn con côn trùng lấp đầy không gian. Abel và Gaspar chạy tới trước đám mây, những chiếc ná cỏ không ngừng vung lên, kêu rín rít. Mấy đứa trẻ khác ném những cành cây khô vào lửa và chẳng mấy chốc, những ngọn lửa lớn đã bùng lên. Bầu trời tối sầm chỉ trong vài giây. Đám mây côn trùng từ từ kéo qua mặt trời, phủ bóng tối lên mặt đất. Bầy côn trùng đập vào mặt lũ trẻ, cào xước da mặt chúng với những cẳng chân răng cưa của mình. Bên kia đồng cỏ, đàn gia súc bỏ chạy về phía những cồn cát, và con dê đen to lớn vừa lùi ra sau, vừa giậm chân điên cuồng. Gaspar vẫn đang chạy, ná xoay tít trên đầu như chong chóng. Tiếng đập cánh vù vù không dứt của bầy côn trùng vang trong tai nó, và nó vẫn tiếp tục chạy mà chẳng biết mình đang đi đâu, bắn liên tục trong không khí. Đám mây cứ

xoay liên miên quanh đồng cỏ, như thể đang tìm nơi tàn phá. Những tấm thảm nâu trải ra, dao động, cuộn lại. Có nơi, vài con côn trùng rơi xuống đất, rồi lại bay lên, nặng nề, ngất ngây vì chính tiếng ồn của chúng. Hai má và tay của Abel đã hằn những vết máu, và nó vẫn chạy không ngừng nghỉ, theo đà chuyển động của ná cỏ. Mỗi lần đập trúng đám mây sống, nó kêu lên một tiếng, và Gaspar trả lời thẳng bẻ.

Nhưng trận mưa châu chấu vẫn không kết thúc. Nó từ từ di chuyển khỏi vùng đầm lầy, vẫn đong đưa và do dự, và kéo qua những đồi đá. Những con cuối cùng đã bay đi và bầu trời bắt đầu thông thoáng. Tiếng inh ỏi cũng giảm dần, bỏ đi nơi khác. Khi ánh nắng lại hiện ra, bọn trẻ quay về nhà, kiệt sức. Chúng nằm dài trên mặt đất, mặt mày sưng vù, cổ họng khô rát.

Rồi những đứa nhỏ nhất đi qua những bụi cỏ cao vút, vừa đi vừa hét to, nhặt những con châu chấu đã chết. Chúng trở về, mang theo cả mớ côn trùng. Ngồi quanh những khúc củi nóng, chúng ăn châu chấu cho tới khi trời tối. Bầy chó hoang cũng thế, ngày hôm đó là cả một bữa tiệc thịnh soạn giữa đồng cỏ lớn.

Đã bao nhiêu ngày trôi qua? Vầng trăng đã tròn hơn, rồi lại quay về hình lưỡi liềm mảnh khảnh, nằm ngủ trên những ngọn đồi. Trăng biến mất một lúc khỏi bầu trời đêm, và khi nó quay về, bọn trẻ chào đón nó bằng cách của chúng, hò hét và cung kính cúi chào. Bây giờ, trăng lại tròn và mịn màng trên bầu trời u tối, và Genna tắm mình trong ánh sáng dịu dàng có chút xanh xao của nó. Có cái gì đó kỳ ảo trong ánh trăng ấy. Cái gì đó như hơi lạnh và sự tĩnh mịch. Lũ trẻ đã ngủ sớm, trong nhà, nhưng Gaspar vẫn ngồi thật lâu ngay ngưỡng cửa, nhìn trăng trôi giữa bầu trời. Abel cũng vậy, nó cũng đang lo lắng. Ban ngày, nó đi rất xa, một mình, và chẳng ai biết nó đi đâu. Nó vừa đi vừa dùng đũa cái ná cỏ bên đui, và chỉ quay về khi trời chập tối. Nó không mang thịt về, chỉ thỉnh thoảng có vài con chim nhỏ trở xương, lông tả tơi, không đủ xoa dịu cơn đói. Đêm, nó nằm với những đứa trẻ khác trong nhà, nhưng Gaspar biết nó không ngủ; nó đang nghe tiếng côn trùng kêu và tiếng hát của lũ cóc quanh nhà.

Những đêm ấy, trời thật lạnh. Trăng sáng dữ dội, ánh trăng như màn sương băng giá. Gió lạnh như đốt da mặt Gaspar, trong lúc nó ngấm thung lũng đang được thắp sáng kia. Mỗi hơi thở của nó đều tựa như một làn khói hắt ra từ hai lỗ mũi. Mọi thứ đều khô cứng và lạnh lẽo, rắn chắc và không có lấy một bóng tối. Gaspar thấy rõ toàn bộ những hình vẽ trên bề mặt của mặt trăng, các vết đen, các vết nứt và những miệng hố.

Bầy chó hoang không ngủ. Chúng bao giờ cũng lảng vảng trên bãi đất sáng, phì phò và kêu ăng ẳng. Cơn đói đang ăn mòn bao tử của chúng, và chúng tìm kiếm thức ăn thừa một cách vô vọng. Khi chúng đến quá gần căn nhà, Gaspar ném đá vào người chúng. Chúng vừa gầm gừ vừa nhảy ra sau, rồi quay lại.

Đêm hôm đó, Abel quyết định sẽ đi săn rắn Nach. Khoảng nửa đêm, nó đứng dậy và đi tới chỗ Gaspar. Thằng bé đứng bên cạnh Gaspar, và ngấm thung lũng sáng trăng. Trời lạnh khủng khiếp, những viên đá vụn trông thật rực rỡ và đầy bụi cỏ sáng như lưỡi dao. Không một ngọn gió nào thổi qua. Mặt trăng dường như đang ở rất gần, như thể chẳng có gì chắn giữa mặt đất

và bầu trời, như thể ta có thể chạm tay vào không gian. Chung quanh mặt trăng, các vì sao không còn lấp lánh.

Abel đi vài bước, rồi quay lại nhìn Gaspar, ngẫm ra hiệu cho nó đi theo. Ánh sáng của mặt trăng tô trắng gương mặt thẳng bé, và đôi mắt nó rực lửa trong bóng tối của quỹ đạo. Gaspar cầm ná cỏ của mình lên và đi theo Abel. Nhưng chúng không băng qua đồng cỏ. Chúng đi dọc đầm lầy, về hướng những ngọn đồi lợp đá.

Khi đi tới trước mấy bụi gai, Abel vặt ná của mình quanh cổ. Nó dùng con dao nhỏ của mình cắt hai cành cây dài và tỉa tót tỉ mỉ. Nó đưa một cây cho Gaspar và giữ cây còn lại trong tay phải của mình.

Abel đi nhanh trên mặt đất phủ đầy sỏi đá. Nó nghiêng người về trước, không gây ra một tiếng động nào, gương mặt lộ vẻ dò xét. Gaspar đi theo, bắt chước từng động tác một. Lúc đầu, nó không biết chúng đã bắt đầu buổi đi săn. Có lẽ Abel đã nhận ra vết chân của một con thỏ rừng, và chuẩn bị xoay ná. Nhưng đêm hôm đó, mọi thứ khác hẳn. Ánh sáng hiền hòa và lạnh lẽo, và đứa trẻ bước đi âm thầm, cây gậy dài nằm trong tay phải. Chỉ có rắn Nach là sống trong khu vực này ở Genna, nó thường bò đi chậm chạp trong bụi đất bằng cách phóng từng khúc tới trước, trông như những rễ cây.

Gaspar chưa bao giờ thấy Nach. Chỉ thỉnh thoảng nó mới nghe tiếng con rắn, vào ban đêm, khi Nach tới gần đàn gia súc. Đó chính là âm thanh mà nó đã nghe lần đầu tiên, khi vượt qua bức tường đá trên đường đến Genna. Bé Khaf đã chỉ cho nó xem con rắn múa như thế nào, bằng cách dùng đầu, và cách con rắn bò từ từ trên mặt đất. Vừa làm, cô bé vừa nói: “Nach! Nach! Nach! Nach! Nach!” và dùng miệng giả tiếng the the phát ra từ đuôi con rắn khi chạm vào đá hay trên những cành cây khô.

Đêm hôm đó quả thực là đêm của Nach. Mọi thứ đều giống hệt nó, lạnh lẽo và khô cằn, bóng loáng như một lớp vảy. Đâu đó dưới chân đồi, trên các phiến đá lạnh, Nach đang trườn tấm thân dài ngoằn của mình và liếm những hạt bụi bằng đầu lưỡi chẻ đôi. Nó đang tìm mồi. Nó trườn xuống một cách

chậm rãi, về phía đàn gia súc, chốc chốc dừng lại, bất động như một rễ cây, rồi lại tiếp tục trườn đi.

Gaspar tách khỏi Abel. Lúc này, chúng đang đối mặt nhau, cách nhau chừng vài thước. Chúng chồm người về phía trước, gập gối lại, nửa thân trên và hai cánh tay làm những động tác thật chậm như thể đang bơi. Hai mắt chúng đã làm quen với ánh trắng, cũng lạnh lẽo và nhợt nhạt, và có thể nhìn thấu từng chi tiết trên mặt đất, trên từng viên đá và từng vết nứt.

Như thể chúng đang bước đi trên bề mặt của mặt trăng. Chúng tiến lên từ từ trên nền đất trơn trượt, giữa những tảng đá vỡ và những khe nứt u tối. Xa xa, mấy ngọn đồi nham nhở như những bờ núi lửa lóe sáng trên bầu trời đen. Chúng thấy những dát mica, thạch cao và muối đá rục rờ khắp nơi xung quanh chúng. Hai đứa trẻ bước tới với những động tác chậm rãi, giữa xứ sở của đá và bụi mù. Gương mặt và hai bàn tay của chúng đã trắng xóa, và quần áo trên người cũng lấp lánh huỳnh quang và phốt xanh.

Nơi đây chính là xứ sở của Nach.

Hai đứa trẻ tìm con rắn, dò dẫm địa hình từng li một, và nghe ngóng mọi tiếng động. Abel tách xa Gaspar hơn nữa, đánh một vòng lớn quanh cao nguyên đá vôi này. Ngay cả khi thằng bé đã ở rất xa, Gaspar vẫn nhìn thấy hơi nước sáng rục rục trước mặt nó, và nghe cả hơi thở của nó; mọi thứ đều rõ ràng và chính xác tại đây, vì cái lạnh này.

Bấy giờ, Gaspar băng qua các bụi rậm, dọc một rãnh đất. Đột nhiên, trong lúc tới gần một thân cây trụi lá, một cây keo đã bị đốt cháy bởi sự khô hạn và lạnh lẽo, cậu bé rùng mình. Nó dừng lại, tim đập nhanh, vì nó vừa nghe âm thanh đó, tiếng phì phì đã vang lên vào cái ngày nó vượt qua bức tường đá khô cằn. Nó nhìn thấy con rắn Nach đang cuộn người quanh một cành cây, ngay trên đầu mình. Nach từ từ bò xuống, từng miếng vảy trên da nó toả sáng như kim loại.

Gaspar không thể cử động nổi. Nó nhìn chăm chăm con rắn vẫn tiếp tục trườn dọc cành cây, rồi cuộn quanh thân cây và hướng xuống mặt đất. Trên da con rắn, từng họa tiết nổi lên rõ mồn một. Cả thân hình đó đang trườn

xuống, hầu như không đụng vào thân cây, và ở một đầu là cái đầu hình tam giác với đôi mắt hệt như kim loại. Nach bò xuống thật chậm và lặng lẽ. Gaspar chỉ nghe thấy tiếng đập thành thạch dử dôi của chính trái tim mình vang lên. Ánh trăng thấp sáng những vảy rần và trên hai con người khắc nghiệt của Nach.

Gaspar hẳn đã làm một chuyển động nào đó, vì Nach bỗng dừng lại và ngẩng đầu lên. Nó nhìn cậu bé, và Gaspar cảm thấy cả cơ thể mình đang đông cứng. Nó đã muốn hét lên, gọi Abel, nhưng cổ họng nó không để lọt ra bất kỳ âm thanh nào. Nó nín thở. Một lúc lâu sau, Nach mới tiếp tục di chuyển. Khi chạm đất, cơ thể con rắn trông như một dòng nước chảy giữa lớp bụi đất, như một dòng suối dài nhợt nhạt chảy ra từ thân cây. Gaspar nghe tiếng con vật cọ da nó vào mặt đất, một tiếng quẹt nhẹ như điện giựt, như thể gió thổi trên những chiếc lá khô.

Gaspar đứng bất động cho tới khi Nach biến mất. Bây giờ nó mới bắt đầu run, run tới mức nó phải ngồi bệt xuống để không phải ngã. Nó vẫn cảm nhận được ánh mắt của Nach trên gương mặt mình, nó vẫn nhìn thấy chuyển động của cơ thể con rắn như dòng nước lạnh trôi dọc thân cây. Gaspar ngồi im như thế một lúc lâu, như một tảng đá, nghe tim mình đập trong lồng ngực. Ở trên cao, trăng tròn vành vạnh soi sáng rãnh đất hoang vu.

Gaspar nghe tiếng Abel gọi nó. Thằng bé huýt thật khê giữa hai hàm răng, nhưng không khí giòn tan khiến âm thanh dường như rất gần. Rồi Gaspar nghe tiếng bước chân của thằng bé. Nó chạy nhanh đến mức chân gần như không chạm đất. Gaspar đứng dậy và chạy theo Abel.

Abel lại bắt đầu huýt sáo, và Gaspar hiểu rằng đó là cách thằng bé gọi Nach; thằng bé gọi con rắn một cách nhẹ nhàng, bằng cách phát ra một thứ âm thanh liên tục và đơn điệu. Từ trong chỗ nấp của mình giữa những rễ cây keo, Nach nhận ra tiếng huýt sáo, con rắn ngóc cổ lên, dùng đưa cái đầu hình tam giác của mình. Con rắn cứ trườn tại chỗ và cuộn tròn quanh mình. Nach lo lắng tìm nơi phát ra tiếng huýt sáo, nhưng những dao động cao vút vây quanh nó như thể cùng lúc đến từ mọi phía. Đó là một cơn sóng âm kỳ lạ ngăn nó bỏ trốn, buộc nó quẩn lầy cơ thể mình.

Khi hai đứa trẻ xuất hiện, bóng dáng cao lớn trắng bệch dưới ánh sáng của mặt trăng, Nach giậm dừ quất đuôi vào những hòn sỏi, tạo ra những tia sáng lấp đập. Da của Nach trông như được phủ một lớp lân tinh. Con rắn chuyển động rất chậm trên mặt đất bụi bặm. Nó bắt đầu tháo nút tại chỗ, trườn mình trên mặt sỏi, cả thân hình từ từ duỗi ra, và Gaspar một lần nữa lại nhìn vào cái đầu hình tam giác và cặp mắt không mí của con rắn. Cơn ớn lạnh ban nãy lại quay về, làm tê liệt cơ thể và tinh thần của nó. Abel ngả mình về phía trước và bắt đầu huýt mạnh hơn, Gaspar cũng bắt chước làm theo. Cả hai chúng nó bắt đầu nhảy điệu nhảy của Nach, với những động tác chậm rãi của người đang bơi. Chúng vừa nện gót xuống mặt đất, vừa sượt chân ra trước và ra sau, hai tay dang rộng, vẽ những vòng tròn vô hình. Nach tiếp tục tiến lại gần hai đứa trẻ bằng cách uốn lượn các đốt vòng của mình, và bên trên chiếc cổ đang vươn cao, đầu con rắn đung đưa theo điệu múa.

Khi Nach chỉ còn cách hai đứa trẻ vài thước, chúng đẩy nhanh chuyển động của điệu múa. Bấy giờ Abel bắt đầu nói. Có nghĩa là, nó nói trong lúc huýt sáo giữa hai hàm răng, Điều này tạo nên những âm thanh kỳ lạ và nhịp nhàng, đem theo những cơn bùng nổ dữ dội và những tiếng cọt két, chẳng khác nào một bản phong ca vang lên khắp vùng cao nguyên đất đá này, cho tới những ngọn đồi xa xôi và những cồn cát. Đó là những tiếng nói, cũng như tiếng đá vỡ răng rắc giữa cái lạnh, như bản nhạc của lũ côn trùng, và như ánh trăng, uy lực và chắc chắn, như muốn bao trùm cả mặt đất.

Nach đi theo những tiếng nói ấy và tiếng chân nện trên mặt đất, không ngừng lắc lư cơ thể. Cái đầu hình tam giác trên cổ con rắn run rẩy. Nach từ từ thu mình về phía sau, hơi nghiêng sang một bên. Hai đứa trẻ nhảy cách đó không quá hai thước. Con rắn giữ nguyên tư thế một lúc lâu, căng thẳng và rung rinh. Rồi, bất thành linh, nó vươn mình ra và bắn về phía trước. Abel đã nhận ra chuyển động, nó nhảy sang một bên. Ngay lúc đó, cây gậy rít lên và trúng ngay con rắn, ngay gần ót của nó. Nach lại thu mình về, thở phì phò, trong lúc lũ trẻ nhảy chung quanh nó. Bây giờ thì Gaspar không còn sợ nữa. Khi Nach ném mình về hướng của nó, nó chỉ việc nhảy sang bên cạnh một

bước, và tới phiên nó cũng thử đập vào đầu con rắn. Nhưng Nach thu mình lại ngay, và gậy của Gaspar chỉ làm tung lên ít bụi.

Chúng nó không được ngừng huýt sáo và nói chuyện, ngay cả khi đang thở, để cả đêm cùng vang vọng. Một giai điệu tựa hồ ánh mắt, một giai điệu hoàn hảo, giúp chúng giữ Nach ở lại trên mặt đất và ngăn nó bỏ đi. Giai điệu thấm qua lớp da con thú, ra lệnh cho nó, giai điệu lạnh lùng và chết chóc khiến trái tim con thú đập chậm lại, và làm chệch hướng các chuyển động của nó. Trong họng con rắn, nọc độc đã sẵn sàng, nó đã phồng cả hai mang của mình; nhưng bản nhạc của lũ trẻ, điệu nhảy uốn éo của chúng còn uy lực hơn thế, khiến mang rắn thành ra vô hại.

Nach cuộn tròn quanh một hòn đá để dễ quất đầu trong không khí. Trước mặt nó là bóng trắng của lũ trẻ không ngừng chuyển động, và nó bắt đầu cảm thấy mệt mỏi. Nhiều lúc, Nach tung đầu mình về phía trước để cản chúng, nhưng thân hình nó lại quá ngắn do bị tảng đá giữ lại, thành thử chỉ có thể đập đầu vào lớp bụi mịn. Mỗi lần như thế, mấy cây gậy của lũ trẻ lại rít lên, đập gãy những đốt sống lưng nó.

Cuối cùng, Nach bò ra khỏi điểm tựa. Cơ thể dài ngoẵng của nó trải trên mặt đất, duỗi thẳng, khoe ra toàn bộ vẻ đẹp của mình, rực rỡ như một bộ giáp và lóng lánh như chì. Những họa tiết đều đặn trên lưng con rắn trông như những con mắt. Mấy khúc xương con ở đuôi rung rinh phát ra một âm điệu chói tai và khô khốc, hòa cùng tiếng huýt sáo và nhịp chân của hai đứa trẻ. Nó từ từ ngóc đầu lên, trên cái cổ thẳng đứng của mình. Abel thôi huýt sáo và bước lại gần con rắn, giơ cao cây gậy mảnh khảnh, nhưng Nach không động đậy nữa. Con rắn giữ nguyên đầu mình vuông góc với cổ, nhìn về hướng bóng trắng đang tiến lại gần. Abel đập gãy ót con rắn bằng một cú gọn gàng.

Trên cao nguyên đá vôi chẳng nghe thấy tiếng động nào sau đó nữa. Có chẳng, và cũng chỉ thỉnh thoảng, là tiếng gió lạnh lướt qua những bụi cây và những cành cây keo. Trăng nằm thật cao giữa bầu trời đen, những vì sao đã tắt. Abel và Gaspar đứng im một lúc ngắm cơ thể con rắn trải dài trên mặt đất, rồi chúng quăng mấy khúc gỗ đi và quay về Genna.

Sau hôm đó, mọi thứ ở Genna thay đổi rất nhanh. Năng chiếu gay gắt hơn trên bầu trời vắng bóng mây. Về chiều, trời nóng đến mức không thể chịu nổi. Mọi thứ đều bức bối. Mấy viên đá lúc nào cũng sáng rực. Cát nổ lộp độp, những cọng cỏ và gai trên cành cũng thi nhau nổ lộp độp. Nước trong hồ cũng thay đổi, mờ đục và nặng nề, mặt nước ngả sang màu kim loại, trả lại toàn bộ ánh sáng cho bầu trời. Chẳng còn con thú nào trong thung lũng, chỉ lũ kiến và bò cạp sống dưới những tảng đá. Bụi mù kéo đến; mỗi khi có ai đi ngang, bụi bị hất tung lên trong gió, thô ráp, gắt gỏng và dễ làm tổn thương.

Lũ trẻ ngủ vào ban ngày, ánh sáng và hạn hán khiến chúng mệt mỏi. Đôi khi chúng bị đánh thức bởi một nỗi lo mới. Chúng cảm nhận được sự bất rút trong cơ thể và tóc tai của mình. Chúng chạy như những con chó hoang, không có đích đến, có lẽ để săn lùng một con mồi nào đó. Nhưng ở đây không còn một con thỏ hay một con chim nào. Chúng không nhận ra là các con thú đã rời khỏi Genna. Để hãm cơn đói, chúng tìm hái mấy cọng cỏ có phiến rộng và đắng, và nhổ rễ cây. Khaf bé bỏng lại bắt đầu trữ các hạt tiêu cho chuyến đi. Thức ăn duy nhất bây giờ là sữa dê, mà chúng chia sẻ phần nào với cáo Mim. Nhưng bày thú cũng trở nên căng thẳng. Chúng bỏ đi về phía những ngọn đồi, nên lũ trẻ phải đi mỗi lúc một xa để vắt sữa. Augustin không lại gần con dê lớn màu đen được nữa. Hatrous giận dữ cào chân trên nền đất, bắn tung tóe những đám mây bụi. Mỗi ngày, nó dẫn bày thú đi xa hơn, về phía những vùng đất cao trong thung lũng, nơi mà những ngọn đồi bắt đầu xuất hiện, như thể nó đang đưa ra tín hiệu khởi hành.

Đêm thì lạnh đến vắt kiệt sức của lũ trẻ. Chúng phải nằm sát lấy nhau, không nhúc nhích, cũng chẳng thể chớp mắt. Ta chẳng thấy lũ côn trùng kêu nữa, chỉ còn tiếng gió thổi và âm thanh của những viên đá ép vào nhau.

Gaspar nghĩ rằng có chuyện gì đó sắp xảy ra, nhưng nó không biết đó là thứ gì. Nó nằm ngửa suốt đêm, bên cạnh bé Khaf đang cuộn mình trong tấm áo khoác bằng vải. Cả cô bé cũng không ngủ; cô gái nhỏ chờ đợi, trong lúc ôm chặt chú cáo vào lòng.

Tất cả chúng nó đều chờ đợi. Ngay cả Abel cũng không còn đi săn nữa. Nó ngủ trước cửa nhà, ná cỏ treo trên cổ, mắt hướng về những ngọn đồi được ánh trăng soi sáng. Chỉ còn lũ trẻ ở lại Genna, chỉ còn chúng và đàn gia súc và đám con chó hoang đang rên rỉ trong những hốc cát.

Sáng, nắng như thiêu đốt cả mặt đất. Nước trong hồ có vị cát và tro bụi. Khi những con dê cái đã uống nước, chúng cảm thấy bốn cẳng mệt mỏi và mắt nặng trĩu vì buồn ngủ. Cơn khát của chúng chẳng hề dịu đi chút nào.

Một ngày nọ, độ giữa trưa, Abel rời khỏi nhà với cái ná cỏ quấn quanh cánh tay. Gương mặt thẳng bé căng thẳng, và đôi mắt sáng rực vì sốt. Dù thẳng bé không hỏi, nhưng Gaspar vẫn đi theo, tay cầm cái ná của mình. Chúng tiến về hướng đầm lầy nơi mọc đầy những cây cối giấy. Gaspar nhận ra nước trong đầm đã hạ, và giờ đây chỉ còn thấy mỗi màu bùn. Bầy muỗi nhảy nhót quanh mặt hai đứa trẻ, và đó chính là âm thanh duy nhất của sự sống nơi đây. Abel bước xuống nước và đi thật nhanh. Gaspar chẳng thấy nó đâu nữa. Thế là nó tiếp tục đi một mình, ngập lún giữa lớp bùn lầy. Giữa những hàng sậy, nó nhìn thấy mặt nước đục và sóng sánh. Ánh sáng hắt từng tia chói chang, và hơi nóng khắc nghiệt đến mức nó khó mà hít thở. Mồ hôi chảy dài trên mặt và lưng Gaspar, và tim nó đang đập mạnh trong lồng ngực. Gaspar vội vàng đi nhanh hơn, vì nó bỗng dưng hiểu ra thứ mà Abel đang tìm kiếm.

Đột nhiên, giữa những hàng sậy, nó nhận ra con chim trắng, vua xứ Genna. Con chim đứng im trên mặt nước, đôi cánh dang rộng, nó trắng đến mức người ta có thể tưởng rằng đó chỉ là một vết bọt biển. Gaspar dừng lại và ngắm con chim, cả cơ thể căng tràn niềm vui. Con chim trắng trông hết như lần đầu cậu bé nhìn thấy nó, được bao bọc trong ánh sáng và không thể với tới, tựa như một ảo ảnh. Từ giữa đầm lầy của mình, con chim âm thầm cai trị thung lũng, những bãi cỏ, những ngọn đồi và những cồn cát, cho đến tận chân trời, Gaspar nghĩ như thế không chừng nó sẽ biết cách dập tắt sự mệt mỏi và cơn hạn hán đang tung hoành khắp nơi, không chừng nó sẽ hạ lệnh và mọi thứ sẽ quay lại như trước.

Khi Abel xuất hiện cách đó chỉ vài thước, con chim quay đầu lại và ngạc nhiên nhìn thẳng bé. Nhưng nó vẫn lặng lẽ đứng đó, đôi cánh trắng dang rộng trên mặt nước lấp lánh. Con chim không hề sợ hãi. Gaspar không nhìn con chim nữa. Nó nhìn cậu con trai đang giơ tay qua khỏi đầu, và ở đầu cánh tay là dải cỏ xanh đang bắt đầu xoay, phát ra khúc hát chết chóc của mình.

“Nó sẽ giết con chim!” Gaspar nghĩ. Và bất thành linh, nó lao về phía thẳng bé. Nó dùng hết sức mình chạy giữa đầm lầy về phía Abel, dạt những cây cối gãy sang hai bên. Nó đến bên Abel vừa đúng lúc hòn đá chuẩn bị rời khỏi nã, và hai đứa trẻ rơi tõm xuống lớp bùn trong lúc con chim trắng vỗ cánh bay đi.

Gaspar siết chặt cổ Abel để giữ thẳng bé lại trong bùn. Người mục đồng gầy hơn Gaspar, nhưng linh hoạt hơn và khỏe hơn. Trong phút chốc, nó đã thoát khỏi cuộc đấu, rồi lúi ra sau vài bước trong đầm lầy. Nó dừng lại và nhìn Gaspar, không nói một lời. Gương mặt thẳng bé tối sầm lại và đôi mắt ngập trong cơn thịnh nộ. Nó quay ná trên đầu và buông dải cỏ ra. Gaspar cúi xuống, nhưng hòn sỏi trúng ngay vai trái và đẩy nó xuống nước như một cú đâm. Một hòn sỏi khác rít lên sát bên đầu nó. Gaspar đã đánh mất ná của mình lúc vật nhau trong đầm, thế là nó phải trốn khỏi đây. Nó bắt đầu chạy giữa những hàng sậy. Giận dữ, sợ hãi và đau đớn, tất cả hòa thành một âm thanh inh ỏi vang trong đầu cậu bé. Nó chạy nhanh nhất có thể để thoát khỏi Abel.

Khi đã đặt chân lên nền đất cứng và gần như tắt thở, nó nhận ra Abel không đuổi theo mình. Gaspar bèn ngồi xuống đất, giấu mình sau những khóm sậy, và nó ngồi như thế thật lâu, cho đến khi tim và hơi thở bắt đầu dịu lại. Bây giờ nó cảm thấy buồn bã và mệt mỏi, bởi nó biết rằng mình không thể quay về bên lũ trẻ nữa. Thế là, khi mặt trời vừa ló dạng trên đường chân trời, cậu bé đi về phía những ngọn đồi, rời xa Genna.

Nó chỉ quay đầu nhìn lại một lần, khi đã đến đỉnh đồi đầu tiên. Nó nhìn xa xăm về hướng thung lũng, đồng cỏ, và mặt hồ phẳng lặng. Gần hồ nước, nó thấy một ngôi nhà nhỏ bằng bùn và một cột khói màu xanh bay thẳng lên

bầu trời. Nó thử tìm bóng dáng của bé Khaf ngồi bên ngọn lửa, nhưng nó ở cách đó quá xa, thành thử chẳng thấy một ai. Từ đây, trên đỉnh đồi, đầm lầy trông quá đồi nhỏ bé, như một tấm gương mờ phản chiếu những thân cây sậy và cối giấy màu đen. Gaspar nghe tiếng bày chó hoang đang sủa ăng ăng, và một làn bụi xám đang bay lên đầu đó cuối thung lũng, nơi Hatrous con dê to lớn bước đi trước đàn gia súc.

Đêm hôm đó, Gaspar chỉ ngủ ba tiếng, cuộn mình trong một hốc đá. Cơn lạnh dữ dội làm tê cóng cơn đau của vết thương, và sự mệt mỏi khiến cơ thể cậu bé trở nên nặng nề và vô cảm như một tảng đá.

Gió đánh thức Gaspar dậy, ngay trước lúc bình minh. Đó không phải là một ngọn gió thông thường. Một ngọn gió nóng, bức bối, đến từ tít bên kia đồi đá. Ngọn gió men theo thung lũng và những khe nứt để đến tận đây, gào thét trong những hang động, trên những phiến đá phong thành, một ngọn gió hung hăng và đầy vẻ đe dọa. Gaspar vội vàng ngồi dậy, nhưng gió ngăn nó lại, không cho bước đi. Gaspar, trong lúc chiến đấu lại ngọn gió, nghiêng người về phía trước, men theo một khe đất hẹp được chặn bởi các bức tường đá khô cằn nứt nẻ. Gió tiếp tục đẩy nó suốt khe đất cho tới một con đường. Gaspar liền chạy trên con đường đó, chẳng biết mình đang đi đâu. Bấy giờ trời đã rạng hửng, nhưng đó là một thứ ánh sáng kỳ lạ, vừa đỏ, vừa xám, sinh ra cùng lúc từ khắp mọi nơi, như thể có một vụ cháy lớn đang diễn ra. Mặt đất bây giờ chỉ còn là một tấm thảm kết từ bụi, trượt theo ngọn gió đang thổi ngang. Mặt đất vô thực, tan biến như thể khí đốt. Lớp bụi khô ráp với những hạt bụi sắc cạnh đập vào những phiến đá, những cành cây, những bụi cỏ. Bụi gặm nhấm mọi thứ với hàng triệu hàm răng của mình. Bụi mài mòn và cứa vào da Gaspar. Cậu bé nín thở chạy thật nhanh, thỉnh thoảng lại vung tay la hét, như cách lũ trẻ đã làm để đuổi bày châu chấu. Nó chạy chân trần trên mặt đường, mắt nhắm hờ, nhưng đám bụi đỏ chạy nhanh hơn nó. Cát trườn từng cuộn giữa hai chân cậu bé như một lũ rắn, quấn lấy nó, xoáy điên cuồng và bọc kín mặt đường thành những dòng thác dài. Gaspar không thấy những ngọn đồi đâu nữa, cả bầu trời cũng vậy. Nó chỉ thấy tia sáng ấy lơ lửng giữa không gian, cái thứ ánh sáng kỳ lạ màu đỏ đang vây kín mặt đất. Gió rít

và gào thét suốt con đường, xô đẩy Gaspar, khiến nó lao đảo bằng những cú quất mạnh vào lưng và vai cậu bé. Bụi chui vào mũi và miệng của nó. Nhiều lần Gaspar ngã xuống mặt đường, sườn từng mảng da ở tay và hai đầu gối. Nhưng nó không còn cảm giác đau đớn. Nó ra sức chạy trốn, hai tay gập lại phía trước, mắt không ngừng tìm kiếm một nơi để ẩn náu.

Nó chạy như thế nhiều giờ liền, lạc lối giữa cơn bão cát. Và rồi, ở phía bên dưới con đường, nó thấy lơ mờ bóng dáng một túp lều. Gaspar đẩy cửa bước vào. Một túp lều trống. Gaspar đóng cửa lại, ngồi sụp xuống, lưng tựa vào tường và chui đầu vào áo.

Gió kéo dài rất lâu. Ánh sáng đỏ thắp sáng cả túp lều. Hơi nóng toả ra từ mặt đất, từ trần nhà và khắp các thành nhà, hệt như bên trong một lò lửa. Gaspar ngồi yên không nhúc nhích, thở một cách khó khăn, tim đập chậm như người gần chết.

Khi gió ngừng thổi, có một sự im lặng đáng sợ, và bụi, bắt đầu rơi xuống mặt đất, thật chậm. Ánh sáng đỏ cũng tắt dần.

Gaspar bước ra khỏi lều. Cậu bé nhìn quanh, ngỡ ngàng. Bên ngoài, tất cả đã thay đổi. Những cồn cát dựng đứng trên con đường như những con sóng bất động. Đất đá và cây cối phủ đầy bụi đỏ. Xa xa, gần đường chân trời có một vệt mờ kỳ lạ ngay giữa bầu trời, như một làn khói đang bỏ chạy. Gaspar lại nhìn quanh, và nó thấy thung lũng Genna đã biến mất. Thung lũng lúc này đã mất hút đâu đó bên kia những ngọn đồi, không lối vào, như thể nó chưa bao giờ tồn tại.

Nắng đã xuất hiện. Nắng sáng lấp lánh, và hơi ẩm dịu dàng của nắng thấm vào cơ thể Gaspar. Nó bước vài bước trên đường, rũ cát ra khỏi tóc và quần áo. Cuối đường, một ngôi làng gạch đỏ được ánh sáng ban ngày thắp sáng.

Rồi một chiếc xe tải đang bật đèn pha chạy đến. Tiếng động cơ rền mỗi lúc một lớn, và Gaspar tránh sang một bên. Xe tải lướt qua cậu bé giữa một làn bụi đỏ, không dừng lại, và tiếp tục chạy về phía ngôi làng. Gaspar bước trên mặt cát nóng dọc con đường. Nó nghĩ về những đứa trẻ đang đi theo

chú dê Hatrous băng qua những ngọn đồi và cao nguyên sỏi đá. Con dê lớn màu đen chắc hẳn đã nổi giận bởi trận gió và cơn bão cát, vì bọn trẻ khởi hành quá trễ. Abel đi trước đàn gia súc, dải cỏ dài màu xanh đung đưa trên tay. Thịnh thoảng nó la lên: “Ya! Yah!” và những đứa trẻ khác sẽ đáp lại. Bầy chó hoang phủ đầy cát vàng chạy quanh thành những vòng tròn lớn, và chúng cũng kêu gào.

Chúng đi qua những cồn cát đỏ, chúng đi về phía bắc, hoặc về phía tây, tìm nguồn nước mới. Có lẽ đâu đó xa hơn khi đã vượt qua thành đá khô cằn, ta sẽ tìm thấy một thung lũng khác, giống như Genna, mặt nước lấp lánh giữa một đồng cỏ. Những cây cọ cao đung đưa trong gió, và ở đó, ta có thể dựng một ngôi nhà bằng cành cây và bùn đất. Sẽ có những cao nguyên và những khe đá nơi bầy thỏ sa mạc sinh sống, những đồng cỏ thừa thớt có lũ chim đậu trước hoàng hôn. Bên trên đầm lầy, có lẽ sẽ có một con chim trắng lớn sà xuống mặt đất như một chiếc phi cơ.

Gaspar không nhìn thành phố nơi cậu bé đang đi vào lúc này. Nó không nhìn thấy những bức tường gạch, cả những cửa sổ được che kín bằng các bức rèm kim loại. Nó vẫn đang ở Genna, với Khaf bé bỏng và chú cáo Mim, với Abel, Antoine, Augustin, với Hatrous chú dê to lớn và Noun chú chó hoang. Nó vẫn đang ở cùng chúng mà không cần phải trao đổi bằng lời, ngay cả khi nó bước vào văn phòng của sở cảnh sát và khi nó trả lời những câu hỏi của người đàn ông ngồi sau một máy đánh chữ cũ kỹ:

“Cháu tên là Gaspar... Cháu bị lạc...”

*Quỳnh Anh dịch*

# Table of Contents

[MONDO](#)

[LULLABY](#)

[NÚI CỦA THÁNH SỐNG](#)

[BÁNH XE NƯỚC](#)

[CẬU BÉ CHƯA BAO GIỜ THẤY BIỂN](#)

[XỨ HAZARAN](#)

[NGƯỜI CỦA TRỜI](#)

[LỮ MỤC ĐỒNG](#)